

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Thụy Long (II)

Tiểu sử

Mất ngày 3.9. 2009 tại Gia Định

Tác phẩm

Thưở mơ làm văn sĩ
Hồi ký viết trên gác bút



Mục Lục

Vào Nam - 2

Nhớ Nguyễn Thụy Long [1938-2009] – Nguyễn Xuân Hoàng – 9

Ngày xưa – 11

Vinh biệt nhà văn Nguyễn Thụy Long – Vương Trùng Dương – 21

Hồi ức về mẹ - 26

Quán Cà Phê Thăng Long - Nguyễn Vi Túy - 30

Bà cháu bố con - 34

Kỷ niệm cùng Nguyễn Thụy Long – Cung Tích Biền – 39

Giữa đêm trường - 46

Mỡ chó vó ngựa – 44

Nhà văn Nguyễn Thụy Long – Viên Linh – 56

Phụ đính:

Viết trên “Gác Bút”

(truyện dài – trang 59 & 62)

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vào Nam (tựa đề khác **Đổng gạch**)

Chiếc xe nhà binh lùi sát vào rào dây thép gai. Thùng xe sau nâng cao, dốc ngược. Những phiến gạch cũ từ thùng xe đổ xuống rào rào, bụi hồng bốc lên mù mịt. Người tài xế điều khiển cho thùng xe hạ xuống bình thường, đoạn lái xe ra đường, phóng thẳng về phía cổng đồn.

Buổi sáng cuối đông, sương mù còn phủ mờ trên bầu trời trắng đục. Tiếng kèn chào cờ từ phía đồn vọng lại. Lá cờ tam tài từ từ kéo lên, phát phới trên nóc lô cát. Bụi gạch hồng lúc này đã dịu xuống và sương mù cũng tan dần. Tôi vén tay áo lên xem đồng hồ, tám giờ kém mười, đi dạy học là vừa. Tôi gọi hàng bún riêu trả tiền bữa ăn sáng rồi cấp cập ra ngoài. Tôi quán thêm một vòng khăn len quanh cổ, kéo cái khệch mơ tuy áo bờ lu đông cho giỏ lạnh khỏi lùa vào người.

Tôi mới về đây ngồi dạy học được hơn tháng nay. Một thị trấn nhỏ thuộc quyền kiểm soát của quân đội viễn chinh Pháp, vùng Tề, nhưng cũng là vùng xôi đậu. Nổi tiếng có nhiều Việt Minh trà trộn. Không đêm nào tôi không nghe tiếng súng đại liên nổ giòn ở phía đồn lính. Thành thoảng vài căn nhà trong làng bị đạn lạc bốc cháy. Buổi sáng hôm sau tôi nghe tiếng khóc của đàn bà, trẻ con có thân nhân bị chết. Cảnh đó diễn ra rất thường, nên chỉ trong vòng mười ngày tôi quen, coi như chuyện đương nhiên trong thời buổi chiến tranh.

Giá như những lúc khác tôi đã nhớ Hà Nội và khao khát về đó. Nhưng tôi đang muốn đi cho khuất mắt, bất cứ nơi nào, miễn là không phải nhìn lại Hà Nội. Tôi nhờ một người bạn xin giấy tờ cho tôi vào Nam. Sài Gòn có lẽ đối với tôi dễ chịu hơn. Tôi chưa thấy Sài Gòn bao giờ, nhưng tôi nghe nói đẹp lắm, người dân lại hiền hòa chân thật. Tôi chán ngấy Hà Nội, Hà Nội gắn liền với hình ảnh người yêu tôi nay đã thuộc về người khác, nên tôi nhất quyết xa lánh và quên đi. Trong khi chờ đợi tôi xuống đây dạy học qua ngày.

Những ngọn gió lạnh buốt xương từ thượng Lào thổi sang làm mùa đông năm nay lạnh hơn bao giờ hết. Suốt ngày trời u ám, ngoài giờ dạy học tôi la cà trong những hàng bán rượu lẻ nhấm rượu quên sầu. Những cô gái bán quán ở đây xấu kinh khủng, phần đông lấy Tây đen gạch mặt làm chỗ dựa. Họ cũng phần sấp lùa là, cũng hách dịch ra vẻ bà, nhưng tôi thấy có một vẻ gì kịch côm, con đười vẫn hoàn con đười. Có thể tôi quá khó tính, quá khích trong tùh trạng hiện tại của xứ sở. Chiến tranh dai dẳng, chán ngấy, tôi không theo phe nào, đứng ngoài nhìn vào như một kẻ bàng quan. Tôi dừng dưng và cố tránh sao cho khỏi bị lôi kéo vào cuộc chiến phi lý giữa hai khối Thực Dân và Cộng Sản.

Ở vùng Pháp chiếm đóng, tôi trốn lính, thầy kệ sự đe dọa thường xuyên của họ. Tôi chai lì trước mọi lời tuyên truyền yêu nước, tự do no ấm của phe Cộng mang danh nghĩa kháng chiến. Bao nhiêu là hồn tử sĩ gió ù ù thổi, mặt chinh phu trắng giời giõi soi. Chết lúc này thật vô lý, tôi phải bảo vệ từ ngón chân đến ngón tay.

Kẽm gai không thể làm xước da tôi, nói chi đến chuyện ôm bom ba càng. Nghĩa là tôi ích kỷ, tôi sống cho mình hoàn toàn, chẳng có tí ti lý tưởng nào. Thất tình đau khổ, tôi bỏ Hà Nội đi biệt tăm, chờ một chuyến đi xa. Xuống đây tôi bị chiến tranh vây quanh.

Có thể một ngày nào đó chính tôi là nạn nhân không chừng? Mạng người như con ngoé, nếu phải chết như vậy thì vô lý quá Tôi chẳng là cái quái gì hết, nhưng cần sống, sống qua cuộc chiến này.

Cái nhìn của tôi chạm vào đổng gạch bên đường, đổng gạch đó cao ngất. Nhưng chỉ qua một đêm, sáng hôm sau tôi thấy hết hẳn.

Chiếc xe nhà binh GMC quen thuộc lại đến chỗ đổng gạch khác. Tôi vẫn thắc mắc về đổng gạch đó, không lẽ lính viễn chinh và lính liên hiệp Pháp ăn gạch thay bánh mì, cơm. ý tưởng dĩ dỏm đó làm tôi mỉm cười một mình.

Tôi đến lớp học hơi muộn, nhìn xuống đám học trò có vài ngoe mà chán. Chúng lấm lét nhìn tôi, cái nhìn vừa ngu độn vừa sợ sệt. Tôi lật sổ điểm gọi một đứa lên đọc bài. Nó lễ phép trình cuốn vở bản lem nhem, đứng khoanh tay, mắt lấm lét nhìn xuống những ngón chân bết bùn khô cứng. Tôi không buồn giở vở ra xem nữa, nói cộc lốc:

- Đọc bài!

Tên học trò tăng háng, như lên dây đàn cò, ê a chán mới răn ra được một câu: "Nước Việt Nam a... a... Nước Việt Nam a... a..." Nó nhắc đi nhắc lại mãi điệp khúc đó như một cái hát mồn kim, tôi gắt:

- Nước Việt Nam làm sao?

Tên học trò bần lên, rồi không biết tại sao nó bật Nước Việt Nam hình cong như chữ "ét si", chia làm ba miền: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt. Phía bắc giáp Trung Hoa, phía đông giáp biển Nam Hải, phía nam giáp mũi Cà Mau, phía tây a... a... giáp nước Tây...

Tôi đập cái tình xuống bàn:

- Láo, thuộc bài không?

Tên học trò mặt tái mét, trời lạnh mà mồ hôi nó toát ra trán, nó cuống lên:

- Nước Việt Nam sống bằng nghề làm ruộng và có bốn ngàn năm văn hiến.

Lần này tôi nổi nóng thật sự, tôi vụt cho cu cậu ba cái thước kẻ:

- Cút, dê rô!

Lũ học trò ngồi dưới cười ồ, tên đọc bài sợ bị phạt năn nỉ:

- Thầy cho con đọc lại.

- Không hôm nào tao thấy mày thuộc bài hết, tại sao?

Tên học trò vẫn sợ sệt tìm cách chống chế.

- Dạ, đêm qua Việt Minh vào làng thu thóc nên con không học được, tảng sáng vừa giờ sách ra thì Tây đồn càn, con sợ quá trốn xuống hầm.

Lý do chính đáng quá, tôi nhún vai gấp cuốn sổ điểm:

- Thế thì học hành quái gì nữa.

Tôi nhìn xuống đám học trò ngồi co ro:

- Tụi bay nên về cày ruộng còn có ích hơn, hoặc đi lính cho Tây hoặc theo Việt Minh ôm bom ba càng. Rồi tôi thấy mình không được bổ nhiệm vụ của nhà mô phạm nên hỏi một lần nữa cho yên tâm:

- Đứa nào thuộc bài?

Không bàn tay nào giơ lên. Tôi lật cuốn Việt Sử cho học trò chép và cầm cuốn sách đi xuống hàng ghế học trò:

- Hôm nay thầy dạy các em bài Trịnh Nguyễn phân tranh. Đó là thời kỳ đen tối nhất của nước ta, nội chiến kéo dài cả trăm năm. Các vua chúa phong kiến tham quyền cố vị, vì quyền lợi riêng ru nên dân tình khổ sở.

Ngoài Bắc có chúa Trịnh, trong Nam có chúa Nguyễn. Cả hai xưng hùng xưng bá mỗi người một phương. Gian thần lộng hành, tham quan ô lại những nhiễu dân tình ngoài phủ huyện.

Ngoài Bắc có loạn Tam Phủ, Kiêu Bình. Trong Nam, thừa tướng Trương Phúc Loan chuyên quyền làm nhiều điều tàn bạo khiến dân tình đồ thán...

Tôi đang nói thao thao bõng nghe một tiếng nói nhỏ ở bàn học trò:

- Minh sắp học đến hoàng đế Quang Trung rồi.

Tôi ngừng lời quay lại:

- Dân tình khổ sở thì phải có minh quân ra đời. Nhưng danh tướng có mấy ai sống đến bạc đầu. Số mạng nước mình phải chịu điều nghiệt ngã, một tiểu nhược quốc hăm hiu thay...

Chúng ta có bốn ngàn năm lập quốc viết sử toàn bằng máu, nhưng chúng ta đã hưởng được gì? Mọi bất hạnh đều trút lên đầu lên cổ dân tộc nhỏ bé này. Nhưng tôi nói thế, tôi không muốn các em nhiễm tư tưởng yếm thế, phó mặc. Chúng ta đi tìm, chờ đợi thời cơ. Theo lẽ tuần hoàn của trời đất thì hết suy phải đến thịnh. Dù là cái thịnh ngắn ngủi, nhưng chính nó là nguồn sống cho dân tộc này vươn lên và trở nên bất diệt..

Tôi đi đi lại lại quanh lớp học, ngẩng nhìn lên mái ngói xiêu vẹo, nhìn đám học trò lem luốc, tôi ngậm ngùi.

Giọng tôi thấp xuống, trở thành lời tâm sự, dù chúng không hiểu gì:

- Tôi chán cái cuộc chiến này, tôi thú thật với các em như thế. Không phải tôi không yêu nước, mà vì tôi chỉ muốn không đổ máu vô lý cho bất kỳ chủ nghĩa nào. Với thứ chiến tranh phi chính nghĩa đó tôi có quyền đứng ngoài mà không xấu hổ chút nào. Tôi có quyền nói với các em điều đó, vì tôi từng vác súng lên rừng kháng chiến sốt rét đến vàng da. Tôi không chịu được sự phỉnh phờ lừa bịp, bọn thực dân Pháp với chiêu bài tự do, quốc gia cũng không hơn gì... Tôi quay ra ngoài trời u ám. Lớp học im phăng phắc, đến nỗi tôi nghe thấy cả tiếng lá bàng rụng ngoài sân.

Phía trước cửa lớp học có một cây bàng trụi lá giơ những cành khô cong queo in lên nền trời trắng đục. Một nóc tháp chuông nhà thờ vươn cao, chóp đỉnh có cây thánh giá mảnh mai, phía sau là lô cốt, ngọn cờ tam tài bay phấp phới. Tôi nghe xa xa tiếng đại bác nổ ầm ầm vọng về. Tiếng chuông nhà thờ thường rung lên bất thường trong đêm sau hồi súng bên thanh nổ phía cầu. Tôi hoang mang về những hồi chuông đó không kém gì hoang mang về chuyện đồng gạch với lại đây mỗi ngày.

Tôi quay nhìn vào lớp học, giở sách, nói:

- Thôi các em chép bài đi?

Tôi giở tấm điện tín của Uyên ra xem lại:

- "Về Hải Phòng ngay stop giấy tờ đã xong stop đã lấy vé tàu thủy".

Việc trước tiên là tôi thu dọn hành lý, chẳng có gì ngoài va ly quần áo và ít sách vở. Xong, tôi tới thanh toán tiền nợ với nhà trọ. Tôi phải tới trường học nói chuyện với ông hiệu trưởng tìm người khác thay thế tôi và nhân thể lấy nốt số tiền còn lại. Tuy chúng đáng bao nhiêu, nhưng cũng giúp tôi thanh toán nốt tiền xe, tiền ăn đường từ đây về Hải Phòng.

Ông hiệu trưởng tiếp tôi ở phòng khách. Hương trà tươi thơm, chất làm người tôi tỉnh táo. Buổi sáng cuối đông trời lạnh lạ lùng. Ông hiệu trưởng ngồi thu tay trong bọc. Trông dáng dấp nhỏ bé của ông, tôi bỗng thấy tội nghiệp. Ông nhìn tôi háp háy sau cặp kính trắng, giọng được nói lại bằng sợi dây thép:

- Vậy thầy nhất định đi sáng nay đây phỏng?

Tôi đặt ly trà xuống bàn:

- Dạ phải!

Ông kéo chiếc điều bát đến gần, châm lửa hít một hơi thuốc lào, nhà khói mù mịt:

- Đường từ đây về đến Hải Phòng cũng nguy hiểm lắm đấy, tụi Vẹm giật mìn luôn xoành xoạch, hôm rồi có một đoàn công voa Táy bị phục kích chết ráo. Chỉ khổ cái thằng dân cứ đưa lưng ra mà chịu. Cha bố cái chiến tranh, khổ ời là khổ, thời buổi làm ăn gì cũng khó. May bà nhà tôi còn buôn bán, chứ không cứ gọi là chết đói. Cái trường của tôi chỉ kiếm đủ tiền hút thuốc lào, học trò có đâu mà dạy. Cũng phải đến dẹp thôi, lớp học tôi làm chuồng bò, chuồng lợn, sân trường rào lại nuôi gà.

Tôi ngồi nói chuyện với ông hiệu trưởng khá lâu để chờ bà vợ ông đi chợ về mới có tiền. Khi tiễn tôi ra cửa, ông nắm chặt tay tôi nói lời chỉ tinh:

- Thầy đi chắc chẳng bao giờ còn trở lại chốn quê mùa này. Vào Nam nếu thầy làm ăn khem khá thì viết thư cho tôi, tôi cũng vào. Xưa kia các cụ mình cứ bỏ xứ đi là điều nhục nhã, nhưng ngày nay khác phải không thầy?

Tôi nhìn ra lớp học, lũ trẻ nhỏ thập thò ở cửa lớp nhìn tôi. Nhìn chúng, tôi thấy lòng mình se lại, chẳng gì tôi cũng để lại đây ít nhiều kỷ niệm. Tôi giơ tay lên vẫy chúng:

- Thầy đi các em nhé!

Chúng nhao nhao chào tôi và chúc tôi lên đường bình an. Tâm hồn chúng mộc mạc ngu dần, dậy chúng nhiều khi tôi tức uất vì sự ngu dốt của chúng, nhưng nghĩ lại tôi thấy thương chúng nhiều hơn là ghét bỏ. Tôi nói với ông hiệu trưởng:

- Chưa biết bao giờ tôi mới trở lại đây, có lẽ phải hết chiến tranh.

Ông hiệu trưởng dường như còn quyến luyến nên tiễn tôi ra tận cổng:

- Chúc thầy lên đường bình an, hai giờ chiều có chuyến xe lên Phòng đấy, thầy liệu thu xếp thì giờ kéo trễ.

Tiếc là hôm nay thầy đi gấp quá không kịp mời thầy bữa cơm xoàng.

Tôi buông tay ông hiệu trưởng:

- Cám ơn cụ, thôi cụ vào đi, cho tôi gửi lời chào cụ bà, hai cụ đối với tôi như vậy là quý hóa lắm rồi. Tôi men theo cánh đồng, qua cầu rồi tới thị trấn.

Con sông ở đây rộng, nước chảy xiết, uốn khúc vòng vèo tới một miền xa thẳm nào đó. Suốt ngày trên cầu có lính gác, hai bên bờ sông rào kẽm gai, dân chúng vùng này không được phép lai vãng gần bờ, không một con thuyền nào qua lại ngoài mấy chiếc tàu tuần tiễu của quân đội viễn chinh. Cầu trước kia xây bằng xi măng, nhưng hồi mới kháng chiến Việt Minh phá sập. Bây giờ công binh Pháp làm lại bằng sắt và những tấm ván ghép. Điều đặc biệt nhất là cầu chỉ có một bên tay vịn. Nhiều hôm đi qua cầu, tôi nhìn xuống dòng nước cuộn cuộn mà thấy rợn cả người, chóng mặt lao đao.

Tôi tới thị trấn khoảng trưa, trời bớt lạnh, cảm thấy đói nên rẽ vào hàng cơm. Tôi ngồi ăn, vô anh lại nhìn ra đồng gạch cao ngê.

Tôi thắc mắc về đồng gạch cả tháng rồi. Hay là quân viễn chinh xây thêm một đồn nào đó. Tôi tò mò hỏi vài người ở đây lâu năm, họ trả lời không biết. Có người khuyên tôi đừng tò mò, không nghe và không thấy là tốt hơn hết.

Hai giờ trưa, hành lý tôi sẵn sàng. Chiếc xe hàng ngừng lại.

Tôi lên xe, thị trấn lùi lại phía sau, đồng gạch khuất bên một khúc rẽ. Giá từ. Tôi nói thầm. Bây giờ thì hết thắc mắc, tôi nghĩ đến Hải Phòng, con tàu biển đưa tôi ra vịnh Hạ Long, men theo hải phận rẽ sóng tiến về phương Nam.

Tôi tưởng tượng đến Sài Gòn hoa lệ, hòn ngọc Viễn Đông, những cánh đồng lúa vàng cò bay thẳng cánh, những chàng công tử Bạc Liêu hào hoa phong nhã nức tiếng phong lưu mà tôi nghe đồn đại, những nàng con gái Cần Thơ, da trắng như ngà, mắt bò câu, hơi thở thơm mùi nước dừa. Tôi tưởng tượng về miền Nam đủ thứ trong giấc ngủ lơ mơ.

Cửa kính xe đóng kín, nhưng tôi vẫn run lên vì lạnh. Hành khách ngồi trong xe phần nhiều là đàn bà nhà quê, họ có vẻ yên phận chịu đựng. Có những xe nhà binh chở đầy lính chạy ngược lại, người tài xế phải lái xe dạt vào bên đường. Anh ta luôn miệng cầu nhàu vì đường xấu, ổ gà, ổ trâu.

Trời về chiều, xe hàng xọc xạch cố mở hết ga để kịp đến nơi an toàn. Xe đang chạy bỗng một chiếc xe nhà binh chạy ngược chiều ra hiệu cho ngừng lại. Hành khách trong xe nhao nhao bàn tán:

- Chắc khám giấy?

Không, hình như có chuyện gì xảy ra phía trước.

Xe nhà binh ngừng lại, người lính Việt nhảy xuống, nói chỗ vào trong xe hàng:

- Không đi được đâu, xe trước mới bị mìn chết vô khối.

Nói xong anh ta nhảy bấu lên xe, xe nhà binh đi ngược trở lại. Anh tài xế thở phào:

Thôi ngủ lại ở đây đêm nay vậy, chỉ còn hai chục cây số nữa là đến Phòng. Thật tội vạ... Mấy người đàn bà hình như quen thuộc với cảnh này nên chỉ than thở qua loa, lấy lệ rồi tìm chỗ nằm ngả lưng.

Trời xụp tối, tôi mang cơm nắm ra ăn đỡ dạ. Ngồi mãi trên xe cũng chán, tôi leo xuống tìm chỗ đi tiêu. Người loxe dặn:

- Nhớ đừng đi xa, quanh quần ở đây thôi.

Tôi gật đầu, đi xuống bờ ruộng cách xe hàng không quá trăm thước. Sau khi đi tiêu xong, tôi toan trở lại xe, bỗng có bóng người trong bóng tối nhô ra:

- Ai, đứng lại!

Một cảm giác kinh hoàng chạy dọc sống lưng.

Tôi run run giơ tay lên, qui lát đạn xoành xoạch. Không phải Việt Minh, một tiểu đội hỗn hợp vừa lính Tây, lính ta. Người lính cầm súng ngắn đến bên tôi lục soát khắp người:

- Mày ở đâu ra?

Tôi ở xe hàng kia, tôi đi tiêu!

Thình lình một báng súng nện hự vào ngực tôi:

- Nói láo, mày là Việt Minh phải không?

- Dạ không, tôi lên Hải Phòng, tôi cõ đủ giấy tờ.

Thằng lính ta quay lại nói nhố nhăng gì đó với thằng chỉ huy Tây, rõ ràng tôi nghe gã chỉ huy nói tha tôi tôi khắp khởi mừng.

Nhưng gã lính Việt quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi. Trong bóng tối nhá nhem tôi nhìn thấy đôi mắt gã long lanh:

- Quan bảo đưa mày về đồn điều tra!

Tôi há miệng cãi:

- Quan nói tha tôi rồi!

Gã động thêm một báng súng nữa vào ngực tôi:

- á à mày biết tiếng Tây phải không? Mày lại dám giỡn hơn cả ông nữa kia à! Mày khinh ông thì mày chết con ạ! Tôi bị đập ngã khụy. Gã lính Việt ra lệnh cho hai tên lính khác tới xốc nách tôi. Chúng trói nghiêng tôi lại nhét giẻ vào họng, bịt mắt:

- Mang nó ra xe! Cái đồ lên giọng học thức đó thì cho chết!

Tôi hoàn toàn không trông thấy gì, bước đi chệnh choạng trên đất ruộng khô nứt, đi một quãng khá xa. Hai thằng lính luôn mồm cầu nhau:

- Có đi hẳn hoi không, ông lại động thêm cho mấy báng súng nữa bây giờ.

Lần này thì chết thật rồi, họ không để cho tôi giải thích một câu. Những hình ảnh loáng thoáng chạy qua đầu tôi rất nhanh. Mộng dĩ Nam tiêu tan, nhưng tôi vẫn còn hy vọng, may ra về đồn, tôi được phép giải thích. Tôi có cảm giác mình bị nhấc bổng, ném vào một thùng xe lúc nhúc những con người, hình như họ cũng bị bịt mắt. Bịt miệng và trói giật cánh khuỷu như tôi. Tôi ngửi thấy mùi hôi hám của những chiếc áo nâu lâu ngày không giặt, mùi bùn đất, tai nghe tiếng thở phì phò, một nhọc.

Xe chuyển bánh, giật ngã chúng tôi, những người đồng cảnh ngộ không quen, không kêu ca. Xe chạy băng băng, bất kể ổ gà đường xóc, chúng tôi bị nhồi, bị tung lên, đập xuống, thân thể tôi đau nhức. Tôi không biết xe đưa chúng tôi đi đâu, tai nghe tiếng gió ù ù và mặt se lại vì lạnh. Số phận tôi sẽ ra sao, điều đó không thể biết được. Thời buổi này mạng người như cỏ rác, phe nào cũng có thể giết người. Tôi buồn vì mình thành nạn nhân một cách phi lý. Những ý nghĩ lan man trong đầu tôi, những hình ảnh gần nhất lần lượt hiện ra. Xe đi chậm lại, hình như rẽ vào một nơi nào đó đông người.

Chúng tôi được móc giẻ trong miệng ra, xuống xe, tháo băng mắt. Bên trong một đồn lính, chúng tôi bị dồn vào một góc.

Tôi nhìn quanh, đồng bào tôi tất cả. Họ run sợ nhìn những người lính cầm súng rồi nhìn nhau:

- Đây là đâu?

Tất cả đều lắc đầu, lúc này tôi thấy mình cần phải thưa thốt. Tôi gọi người lính:

- Ông ơi, cho tôi thưa chuyện.

Người lính đi lại:

- Mày muốn gì?

- Tôi muốn gặp ông xếp để thưa chuyện tôi bị bắt oan.

Tên lính thuận tay giáng liền một báng súng vào miệng tôi:

- Hồn, quan nào thèm nói chuyện với mày, cầm miệng ngay, ông thì đánh hộc máu mày ra. Tôi ngồi im thúc thủ, lúc này tôi mới nhận ra mình không có quyền làm người. Tôi nhìn lên lô cốt, ánh đèn pha quét thủng màn đêm âm u. Chiếc đồng hồ vẫn đeo ở tay tôi, kim dạ quang chỉ đúng ba giờ sáng. Đám đông quanh tôi thì thảo luận nhau:

- Nó làm gì mình nhỉ?

- Ai biết, hồi chiều chúng bị phục kích chết mấy đứa, chúng bắt mình làm con tin. Cùng lắm là giết bọn mình chứ gì. Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết, tội cái thằng dân, sống với Việt Minh cũng khổ, về Tề cũng khôn nạn. Chết là rảnh, tôi chả sợ gì, chỉ lo cho vợ con.

Anh chàng cao gầy, có vẻ cán bộ Việt Minh thừa dịp tuyên truyền:

- Nhân dân ta thà chết vinh hơn sống nhục, đảng và nhà nước ghi công anh hùng liệt sĩ. Không có sự dã man tàn bạo của thực dân Pháp thì...

Tôi nổi giận, ném một câu cộc cằn vào mặt gã:

- Câm mẹ nó cái mõm thối của mày lại, chúng mày chỉ được cái họng...

Đám đông gần kề cái chết nhao nhao hưởng ứng lời nói của tôi. Tên cán bộ im bật ngồi một xó. Tôi bực mình vì mình bị chết quá sớm, bị chết mà chưa được hưởng hết tuổi trẻ.

Cái rét cuối đông làm chúng tôi ngồi co rúm lại với nhau, đến năm sáu chục người chớ không ít. Tiếng xe tăng mở máy rầm rầm. làm chúng tôi choàng tỉnh, mở mắt thật to nhìn. Xe tăng ra ngoài cổng đồn, tiếng máy xa dần.

Một lát sau những người lính gác thúc chúng tôi đứng lên:

- A lê? Dậy! Đến giờ rồi!

Một chiếc xe nhà binh khác mở máy. Chúng tôi bị dồn lên thùng xe.

- Chúng mang mình đi đâu nữa đây?

Một người nào đó nói nhỏ vào tai tôi:

- Chúng bắt mình đi đắp đường, may ra chuyến này mình được thả về.

Nghe xong câu nói, lòng tôi nhóm lên một tia hy vọng. Anh chàng đó nói cũng có lý. Xe chạy ra ngoài cổng đồn, trong bóng tối mờ mờ tôi nhận ra lần lần nơi ở quen thuộc mà tôi mới bỏ đi lúc hai giờ chiều. Vậy ra mình lại bị tụi chúng đưa về nơi cũ, nóc chuồng nhà thờ thị trấn, các hàng ăn và đường phố lầy lội. ánh đèn pha trên lô cốt quét từng vệt dài vào bóng tối. Sao lại đồng gạch?

Người lính ra lệnh cho chúng tôi xuống xe, gã hét:

- Mỗi đứa lượm sáu cục gạch!

Sao lại chỉ có sáu cục gạch? Tôi tự hỏi. Chắc chắn những người khác cũng cùng một ý tưởng như tôi. Tất cả đều thi hành theo mệnh lệnh. Xong xuôi chúng tôi bị gióng đi. Đồng gạch hết nhẵn, có người thiếu phải xin thêm bạn đồng cảnh một hai cục. Có lẽ đắp đường thật.

Tôi khư khư ôm sáu cục gạch. Nhưng tôi vẫn thắc mắc, sao chỉ có sáu cục gạch? Chúng tôi bị gióng đến chân cầu thì dừng lại, bị lừa vào một đám:

- Tất cả đủ gạch chứ?

- Dạ đủ!

Một người lính khác phát cho mỗi người năm cái túi bao cát, bắt chia gạch bỏ vào trong đó, bốn túi bốn cục và một túi hai cục. Mọi người nhìn nhau ngơ ngác, không ai hiểu gì, nhưng vẫn phải thi hành lệnh. Người lính giục:

- Mau lên

Chúng tôi rầm rập làm theo lệnh, đeo túi gạch hai cục vào cổ, tứ chi bốn cục. Tôi nghe dưới chân cầu nước xoáy âm âm.

Tôi chợt hiểu, hoảng hốt la lên:

-Tôi oan các quan ơi!

Cả bọn hình như cũng vỡ lẽ ra, họ kêu rầm rĩ:

- Lạy các quan tha cho con, con còn mẹ già vợ đại con nhỏ. Trăm lạy ngàn lạy các quan.

Những chiếc bóng súng đập như tưới lên mình mấy chúng tôi. Tôi nhìn thấy chiếc xe tăng đậu sừng sững giữa cầu, khẩu đại liên trên tháp xe đen ngòm chĩa xuống. Túi bao cát đựng gạch

treo lủng lẳng trên cổ tứ chi tôi. Chúng tôi bị dẫn từng tốp mười người ra đứng ở cầu, lưng quay ra sông, phía không có tay vịn. Lúc này chúng tôi không còn kêu ca nữa. Vô ích, chúng nó sắp sửa làm thịt chúng tôi. Tôi lấy làm lạ khi gần kề cái chết mình lại trở nên bình tĩnh lạ lùng. Có lẽ những nạn nhân kia cũng đồng tư tưởng như tôi. Hình ảnh dĩ vãng hiện ra trong đầu rất rõ và rất nhanh.

Người lính bắn súng liên thanh từ pháo tháp xe tang nhảy nhanh xuống, bước cồm cộp qua mặt chúng tôi, tiếng giầy đinh sắc đanh buốt óc. Hắn tới lục soát, móc trong túi các nạn nhân bất cứ thứ gì có thể lấy được thò đũa vào hai túi quần "trây di".

Mồ hôi tôi toát ra lấm tẩm trên trán, tôi không run lên vì lạnh mà vì sợ, tôi sắp lìa cõi thế, tôi không theo đạo nào để có bài kinh đọc lúc lâm chung. Dưới chân cầu nước xoáy ầm ầm. Ai có thể ngờ được tôi chết một cách nhục nhã như thế này. Ông hiệu trưởng chắc đã ngủ say và yên chí tôi đến Hải Phòng từ hồi chiều. Còn Khanh, nằng đang nghĩ gì, đang mơ thấy gì chắc chắn không còn nhớ đến tôi. Trời lạnh này, đệm chăn ấm áp. Hà Nội! Hải Phòng! Sài Gòn! Tôi nghĩ đến tên các thành phố mà lòng bỗng xót xa. Bên tai tôi văng vẳng tiếng học trò đọc bài: "Nước Việt Nam hình cong như chữ S. chia ra làm ba miền: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt..."

Nước mắt tôi chảy ràn rụa trên má, tôi cúi đầu nhìn xuống chân mình.

Gã bắn súng liên thanh đi tới, tiếng giầy gỗ cồm cộp trên ván cầu khô khan, nặng nề.

Tiếng động đó xoáy cuộn trong đầu tôi như tiếng sóng. Chỉ còn một cơ hội chót, tôi nói liệu dầu có phải ăn thêm hai ba cái bánh súng trước khi chết:

- Tôi còn chiếc đồng hồ vàng, ông tháo giùm, tôi là thầy giáo ở thị trấn này, chiều nay đi lên Hải Phòng, chẳng may bị các ông bắt lầm...

Gã bắn súng liên thanh đứng dừng lại, bàn tay hộ pháp của hắn nâng mặt tôi lên, nhìn:

- Thật không? à, à! Tôi nhận ra rồi, anh dạy trường làng.

Tôi cũng nhận ra hắn, hắn vẫn thường đến quán uống rượu với lũ Tây gạch mặt. Có một lần hắn cụng ly với tôi và nhờ tôi dạy đứa nhỏ con của mẹ nhân tình hắn. Hắn cười, kéo thốc tôi ra:

- Anh mà không nói, tôi đâu có biết, đứng đó để tôi xét lại trường hợp anh. Nhanh nhẩu cái mồm như thế là may đấy. Thấy tôi được tha, đám nạn nhân lại nhao nhao:

- Lậy quan tha cho con, con oan.

Gã cai đội bắn súng liên thanh không đếm xỉa đến những lời xin xỏ đó. Gã leo lên ổ súng máy ngồi dạng háng. Hắn còn ngoái cổ xuống nói với tôi:

Anh nhờ lính cởi gạch ra cho, muốn chết chìm à?

Tiếng đạn nổ giòn đĩnh tai nhức óc. Tôi nghe thấy những tiếng thét ghê rợn, tiếng xác người rơi xuống sông lồm bồm, tiếng sóng vỗ vào mạn gằm cầu và mùi khói súng khét lẹt.

Tôi nhắm nghiền mắt cho đến khi tiếng súng ngưng. Tiếng gã bắn súng liên thanh hét to:

- Xong rồi, về!

Gã nhảy xuống xe, xoa tay khoan khoái:

- Chết mát mẻ nhé! A men!

Tên lính đi theo chiếu đèn pin xuống chân cầu, chạy lại báo cáo:

- Thừa xếp chìm hết!

- ừ phải chìm chứ, nổi thế chó nào được? Thôi rút!

Lúc đó tiếng chuông nhà thờ bỗng nhiên đổ hồi.

Gã bắn súng liên thanh gằm lên:

- Điếc tai quá, mai tao phải mang súng ra bắn xập cái gác chuông mới được. Bảo bao nhiêu lần rồi mà cái ông cố đạo đó không nghe. Tim tôi còn đập thình thịch, gã bắn súng liên thanh kéo thốc tôi lên xe:

- Sợ không?

Tôi gạt đầu, khi đi qua đồng gạch tôi nói:

- Bây giờ tôi hiểu tại sao đồng gạch lại vui đây.

Gã nhìn tôi đe dọa:

- Muốn sống thì câm họng!

Tôi đã câm họng suốt mười lăm năm nay. Bây giờ tôi mới nói ra điều đó. Nói cho tất cả mọi người biết đồng gạch tại sao rơi lại đây. Bao nhiêu sông ngòi Việt Nam còn giấu bao nhiêu bí ẩn. Tất cả những dòng sông chảy ra biển cả.

Nhớ Nguyễn Thụy Long [1938-2009] Nguyễn Xuân Hoàng



(ảnh Trần Cao Lĩnh)

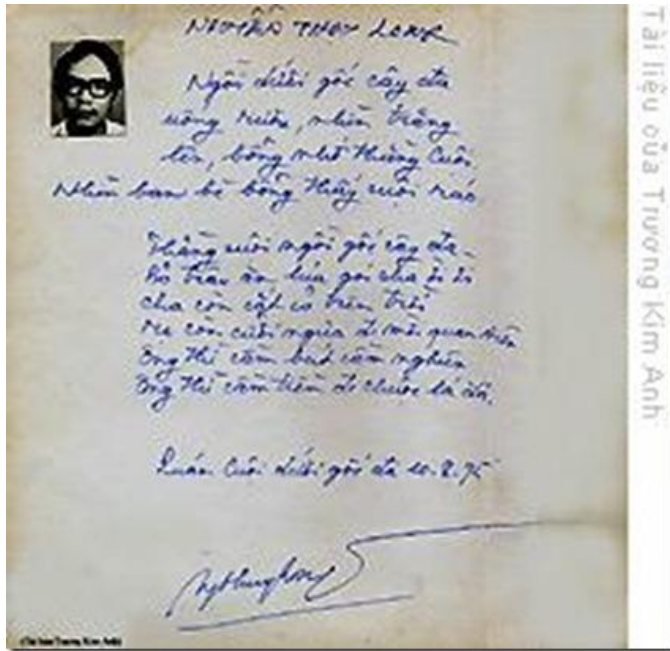
Trong một bài viết cách đây không lâu trên tạp chí Văn [hải ngoại] về Trần Phong Giao, tôi có nhắc đến những cuốn sách bị 'bức tử' sau tháng Tư, 1975, khiến cho nhiều tủ sách gia đình trong thành phố trống trơn, trơ trọi. Gần hai mươi năm sau từ California, tôi bỗng nhận được cuốn *Kẻ Tà Đạo* [nxb Nguyễn Đình Vượng]. Cuốn sách của mình viết ra trước năm 1975, sau một thời gian gió bụi thất lạc bỗng một hôm trở lại tay mình ở một nơi rất xa quê hương. Cuốn sách bị nhàu nát, bìa rách, giấy đen... Thời gian tưởng đã mất, rốt cuộc hình như cũng tìm lại được. Người chuyển sách cho tôi là nhà văn Nguyễn Đạt vẫn còn ở Sài Gòn. Anh cho biết người gửi sách cho tôi là Nguyễn Thụy Long. «Anh Long đã tìm ra được cuốn sách này của anh ở chợ trời và Long gửi tặng anh.»



Tác giả *Loan Mát Nhung* vẫn không quên tôi, mặc dù thời ở Sài Gòn trước năm 1975 chúng tôi thi thoảng lắm mới gặp nhau. Đôi khi ở toà soạn Văn số 38 đường Phạm Ngũ Lão, đôi khi ở quán Cái Chùa trên đường Tự Do... Thời gian đó, dù sống cùng thành phố, bọn tôi mỗi đứa vẫn chơi với một dúm bạn riêng cùng chia sẻ nhau một số suy nghĩ trong đời sống cũng như chuyện viết lách của nhóm. Tuy vậy, mỗi lần gặp Long, tôi vẫn thường hỏi anh về những cuốn sách mà anh đang viết và ngược lại Long cũng có những nhận định và suy nghĩ trong cách viết của bọn tôi. Hơn 20 năm sau, mặc dù chúng tôi không còn sống chung trong một thành phố, lạ thay, chúng tôi lại thường liên lạc nhau hơn.

Những bài viết của Nguyễn Thụy Long dành cho tuần báo Việt Mercury cũng như cho tạp chí Văn đưa chúng tôi lại gần nhau. Tôi biết anh có cuộc sống vất vả, gia đình lạnh lẽo, đời sống xã

hội chua cay, nhưng lúc sau này anh vẫn viết và sống bằng chính ngòi bút của mình. Tôi đã gặp lại tác giả *Loan Mất Nhung*, gặp lại những ngày tháng của Sài Gòn xưa, gặp lại những kỷ niệm hiếm hoi về một buổi sáng ngồi với nhau ở quán cà phê Cái Chùa hay buổi chiều ở nhà hàng Thanh Thế.



Bài thơ và thủ bút của Nguyễn Thụy Long viết từ tháng 8, 1975

Hồi đó chúng tôi còn quá trẻ, anh ít nói và tôi không phải là người nói nhiều. Có lần Long hỏi tôi, «sao ông cứ chạy trốn cuộc đời này hoài vậy?» Long muốn nói đến tập tùy bút *Ý Nghĩa Trên Cỏ* tôi vừa mới phát hành.

Nguyễn Thụy Long thờ với hơi thở đời sống, đi trên kênh rạch, lội xuống bùn đen, đứng giữa tiếng động của sắt thép, của dao và búa, nhập vào bóng đen của mặt trái thành phố... Còn tôi, kẻ luôn bị ám ảnh bởi câu nói của Albert Camus trong cuốn *Le Mythe de Sisyphe*: «Il n'y a qu'un problème philosophique vraiment sérieux: c'est le suicide.»* Tôi đã nghĩ đến cái chết từ những ngày học [Triết] ở Đà Lạt, nghĩ đến cái chết khi ở Sài Gòn [lúc chiến tranh ăn ruộng mục tuổi trẻ đất nước], nghĩ đến nó khi nằm ở nhà tù Rạch Giá, Kinh Lăng Thứ Bảy, U Minh ... Nghĩ đến nó khi bị bắt trong đêm ở một khu đầy mồ mã trên bờ biển Phan Thiết chờ giờ xuống ghe [vượt thoát quê hương]... Tôi hiểu tại sao chúng tôi không gần nhau, tôi hiểu tại sao Long nói tôi là người chạy trốn cuộc đời.

Giờ đây, Nguyễn Thụy Long đã ra đi. Anh đã sống hết cuộc đời anh, với khổ đau nhiều hơn hạnh phúc, với bóng tối nhiều hơn ánh sáng, với một hiện tại [cơ cực] hơn là một tương lai [ung dung tự tại]... Anh đã thoát ra khỏi bóng tối, khỏi khổ đau, khỏi hiện tại. Còn tôi? Người ở lại nói với người ra đi:

Chia tay bạn ta, vĩnh biệt Nguyễn Thụy Long. Hẹn gặp!

Hẹn gặp! Tôi đã nói hai chữ này với ai? Bao nhiêu lần? Chắc chắn không phải chỉ một lần. Với Mai Thảo, với Nguyễn Sa, với Hoàng Anh Tuấn, với Trần Phong Giao,...

Và bây giờ với Nguyễn Thụy Long...

Hẹn gặp! Bởi vì, nghĩ cho cùng trên đời này tưởng là chia tay mà vẫn là gặp gỡ và tưởng là gặp gỡ đôi khi đã là chia tay. Con người giống như những hạt bụi bay tán loạn giữa bầu trời và tình

cờ gặp nhau, rồi những cơn giông bất ngờ ập đến bắn tung ra, những hạt bụi lại rời nhau bay về những phương hướng khác. Những hạt bụi có còn gặp lại nhau không hay mãi mãi không bao giờ tái hợp? Nào ai biết!

Nhưng *hẹn gặp* là một điều chắc chắn. Tôi vẫn nghĩ vậy!

Ngày xưa

Mưa bụi từ trời cao rắc xuống.

Tôi khoác chiếc áo mưa trắng, đầu để trần, bụi nước mưa làm mát mặt.

Ngõ hẻm sâu hun hút, tối đen, không lẽ điện lại tắt suốt đêm nay. Không lẽ một cột điện Danhim nào lại bị phá hoại? Tổ cha quân phá hoại, tôi chửi thảm. Tôi đang về nhà, mò mắt trong đêm hôm khuya khoắt. Thuốc lá không còn một điếu, tôi vò nát bao không ném ở đầu hẻm. Tôi thêm một hơi khói. Nếu có thể thì một điếu thuốc lòn cũng đủ say đê mê. Chỉ còn một quãng ngắn nữa tôi về đến nhà, sẽ được hưởng thú vị đó

Đường đất gập ghềnh trơn trượt, tối thui, thỉnh thoảng tôi lại bước lầm xuống một vũng nước.

Tôi chửi thề. Gã phu xích lô đạp nhất định không chịu đưa tôi vào ngõ hẻm:

- Thầy hiểu cho, tôi không thể vô tròng.

- Tại sao?

Đường tối khó đi, vả lại nguy hiểm cho tôi.

- Ai làm gì anh mà nguy hiểm?

- Bộ thầy không thấy báo đăng du đảng lợi dụng đường tối cướp của giết người đó sao?

Tôi nhìn chiếc nón rúm ró trên đầu hắn, chiếc áo xanh rách xả vai, chiếc quần đùi để hở cả "của quý" ra yên xe.

- Anh còn có c. c. gì nữa mà lột?

Hắn cười nhe hàm răng chiếc còn chiếc mất:

- Dạ còn chứ, thẻ căn cước bọc lát tích và năm chục bạc lẻ. Du đảng hồi này trốn lính nên ưa làm ầu, mùi đồng nó cũng lột đó thầy. Thẻ căn cước thì nó lột hình liệng đi dán hình nó vô, ba chóp ba nháng xài tạm được rồi.

Tôi phải lằn mò đi vào một mình.

Có thể lắm chứ, anh xích lô nói có lý, một vài tên du đảng đói nào đó đang rình mò quanh đầu đây. Nó sẽ bước ra chặn lối, trong tay có một lưới lê nhọn hoắt, dí vào bụng tôi:

- Người anh em, qua là du đảng đây, lột cho qua mượn tạm chiếc đồng hồ, hà, có tiền hôn?

Tết, tốt, cám ơn, thôi yên trí về nhà nghe.

Nghĩ đến điều đó, tôi vừa tức vừa sợ. Tôi thọc tay vào túi quần tìm bật lửa Zippo cầm tay. Tôi hoạch định ngay một đòn giáng hồ chống cự trả miếng. Tưởng tượng ra tôi là một tay cự phách, đánh chúng bò lê bò càng. Nhưng đó chỉ là tưởng tượng

Đường vẫn vắng tanh vắng ngắt. Tôi không mong gặp du đảng để thử lửa, có thể gặp trực trặc trong khi thi hành kế hoạch chớ. Nếu bọn du đảng có súng đứng xa tôi khạc bậy một viên vào bụng. Chính tôi là kẻ nằm xuống.

Tôi bước hụt xuống một vũng nước suýt ngã. Màn mưa và bóng tối làm nổi bật những cây thập tự giá ở nghĩa địa ngay sát đường, những cây thập tự giá quét vôi trắng. Cỏ ở đó mọc cao che gần kín những ngôi mộ xây, chỉ còn những cây thập tự vươn cao, như những oan hồn mặc áo liệm trắng đứng dang tay. Tiếng gió buồn trong cỏ sắc cùng với tiếng mưa rơi tạo thành thứ âm thanh rì rào, tiếng côn trùng hòa nhịp buồn bã.

Tôi bước thấp bước cao, nước bắn tung toé làm ướt cả vớ trong giày. Tôi chửi thảm luôn miệng. Tôi tránh nhìn ra nghĩa địa, nhưng tầm mắt tôi không thể quá thu hẹp. Tôi bỗng thấy rờn

ợn sau gáy.

- Gì đó?

Tôi quay phắt lại.

Chẳng có gì hết, cổ áo mưa lạnh chạm vào gáy tôi đó thôi. Thần hồn nát thần tính.

Tuy chẳng có gì nhưng tôi vẫn thấy rờn rợn. Phải, tôi đã nghe chuyện đó rồi.

Trong đêm mưa gió sục sùi, bỗng nhiên có một người con gái mặc áo đen từ đâu đi lại. Nàng đẹp nảo nê, nàng khóc lóc và nói, rồi nàng nhấc chiếc đầu ra khỏi cổ xách lủng lẳng đi vào nghĩa địa, cái đầu vẫn than khóc. Ghê thấy mẹ, tôi rợn cả người. Tôi muốn chạy, nhưng tôi lại không chạy, hồn ma có thể đuổi theo như quỷ nhập tràng. Tôi tự nhủ không nghĩ đến chuyện đó nữa.

Tôi thờ phào vì đã ra khỏi con đường trong vòng đai nghĩa địa. Tôi ngoặt vào một con đường nhỏ hơn, tối hơn, gồ ghề hơn.

Hai bên đường tre mọc kín, gió làm những thân tre cọ vào nhau nghe cọt két, cọt két. Gió thốc tháo trong lòng hẻm sâu.

Tôi nghe tiếng giầy mình đập bình bịch trên nền đất. Bên cạnh con đường nhỏ có một cái hào dài, chạy suốt nước từ trên cao đổ dồn xuống chảy ồ ồ. Tôi quen thuộc với con hào này nên không sợ sa xuống hào.

Tôi cẩn thận đi men theo bờ tre. Tôi nghe rõ hơn tiếng cọt két. Nếu lúc này bỗng dưng có một thân tre ngã rạp xuống. Tôi không biết mình sẽ đứng lại hay bước qua. Nếu tôi bước qua, cây tre sẽ bật lên hát văng tôi lên cao như một cây pháo thăng thiên. Có chuyện đó được không? Tôi tự hỏi.

Một người lớn tuổi một lần ngồi ở quán chú Lì đã nói chuyện.

Cách đây gần hai chục năm, những đêm mưa dầm, người ta thường thấy lủng lẳng trên ngọn tre những chiếc đầu lâu còn nhỏ máu... Chúng há hốc miệng cười như nắc nẻ.

Tôi nghiêng chặt răng, đừng nghĩ quẩn. Tôi mạnh dạn hơn, mắt nhìn thẳng. Chỉ có tiếng gió đấy thôi. Không, không phải tiếng gió. Tiếng người. Một câu hát, kéo dài như rên xiết:

- như chim li..ề..ề..n... cánh...như... cây... l..i..ê..ề n... c..à..à..nh..

Tôi đứng dừng lại, nấp bên cạnh một mô đất, nín thở, hồi hộp. Tiếng bước chân chệnh choạng của người nào đó bước gần lại phía tôi.

Miệng hấn vẫn líu lo hát, líu lo nôi lồi như giọng phường tuồng:

- Có nghe chẳng trăm vạn hồng binh rồi cũng trôi theo thời gian... Mộng bá vương... ha ha...

Mộng bá vương còn trơ nơi cổ mộ... nực cười thay chuyện thế thái hơn tình...

Người đàn ông đi tới, hấn chệnh choạng bước. Tôi thờ phào, ra khỏi chỗ nấp. Màng áo mưa tôi khoác trắng lôm lốp.

Hấn đột nhiên đứng xững lại. Hấn lúi, hai tay giơ lên trời, chơi vơi:

- ối đừng, con lạy ngài.. ối! ối?

Hấn ngã tòm xuống hào nước. Bàn tay hấn cố gắng bấu lấy chỗ vịn trên bờ đất trơn, nước xoáy giằng co với thân thể hấn.

Tôi nhảy đến, túm cổ áo hấn lôi lên, hấn không ngớt kêu oan:

- Lạy ngài... con có nói gì đâu.

- Không tôi đây mà, tôi là người.

Hấn co rút như con tôm, mặt giấu vào hai cánh tay:

- Con có nói bậy đâu, lạy ngài?

Tôi bật sáng hộp quẹt, ánh lửa bập bùng, hấn từ từ buông tay, một khuôn mặt già, nhăn nheo, đôi mắt lờ đờ có những tia máu đỏ. Hấn mở to mắt nhìn ngọn lửa, uể oải đứng dậy. Hấn nhìn tôi không nói.

Tôi đập nắp hộp quẹt, lửa tắt.

Từ hơi thở lão già bốc ra mùi rượu nồng nặc.

Lão lại ề à:

- Như chim l.i.i..ê...ền...cánh... nhúc..ô..y.. l.i.i..ề..ri cành...

Lão tập tễnh đi, cách tôi chừng ba bước, dừng lại có vẻ nghe ngóng. Đột nhiên quay lại phía tôi, lão đưa tay che miệng thì thào:

- Này, mày có nghe thấy gì không?

Tôi lắng nghe, lắc đầu:

- Có gì đâu?

- Có, tiếng loa!

Tôi lắng tai nghe lại, lắc đầu nữa:

- Chẳng có gì hết, tôi không thấy gì.

Đồ điếc rõ ràng có tiếng loa. Tiếng loa nói như vầy tên Việt gian Nguyễn Văn Khôn là kẻ đại gian đại ác. Đề xây dựng cách mạng, nhân dân tuyên án chặt đầu kẻ phản bội dân tộc... Nghe thấy không, ở ngay dưới ruộng kia..

Tôi lắc đầu, nắm bả vai lão, đẩy đi:

- Thôi bác về đi, khuya rồi.

Lão đứng trầm ngâm, nói với vát:

- Đêm nào cũng vậy, tao nghe thấy hoài, từ hai mươi năm nay chúng nói hoài câu đó.

Nói xong lão bỏ đi. Lão bị ám ảnh vì một chuyện gì đó. Lão lại nghêu ngao hát. Tôi đứng ngẩn ngơ một lát. Tôi thở phào cũng quay lưng đi, thầm nghĩ bằng tiếng thở ra: Ôi dào, bọm nhậu hơi sức đâu...

Mưa nặng hạt dần. Ngõ hẻm tối đen, gió thổi ào ạt làm cây cối la đà. Đâu đó có tiếng chó tru...

Tiếng cầu kinh, tiếng mưa rơi rỉ rả. Ngàn ấy âm thanh hòa hợp nhau nhịp nhàng buồn nản.

Hình như có nhiều ông sư cùng xướng lên một lượt. âm thanh đó từ phía sau nhà tôi vọng lên. Tôi nằm yên, đêm tối đen. Tôi đoán ngôi chùa phía sau nhà chắc có mở một đàn chay nào đó. Tôi liền hình dung ra những vị sư mặc áo vàng, nối đuôi nhau vừa đi vừa niệm Phật. Người đi đầu cầm cái thanh la nhịp nhàng gõ, người thứ hai điểm nhịp bằng tiếng mõ. Họ cứ nối nhau đi quanh như thế suốt đêm, dưới ánh hồng lạp âm u từ chánh điện rọi xuống. Bóng họ khi chập vào nhau, khi dang xa, phóng lớn rồi loãng như sương. Họ cứ đi vòng tròn, đi mãi đi mãi, nhấn nạy, thống khổ, miệng xướng lên thứ âm thanh trầm, buồn nản. Đôi mắt luôn luôn nhìn xuống những ngón chân trần. Cho tới khi trời tang tảng, những ngọn hồng lạp trên chánh điện tàn lụi dần. Tiếng cầu kinh suốt đêm đó lâu lâu tôi lại nghe thấy một lần. Những lần trước tôi dễ ngủ, âm thanh như lời ru bất tận, kéo mí mắt tôi nặng trĩu sụp xuống. Khi tôi bừng mở mắt ra, trời sáng, tiếng cầu kinh tắt. Nhưng đêm nay, tiếng cầu kinh không ru tôi vào giấc ngủ, trái lại còn làm tôi nhúc nhối.

Tôi giở mình, xoay tròn trên chiếc giường rộng thênh thang. Ly cà phê đen đặc ở quán đầu Phú Nhuận hồi tối làm tôi tỉnh táo kỳ lạ. Tôi mở mắt thao láo nhìn lên đỉnh mừng, tôi quấn kín mền chỉ để hở đầu

Đêm mưa không khí se se lạnh. Tôi thấy lòng mình rộn rã, nghĩ bậy, ước ao bậy. Trong đầu óc tôi lúc này lổn nhổn những hình ảnh khêu gợi, phía dưới thân thể tôi nóng rần rần, những thớ thịt tự động rung lên. Tôi ép khít hai đùi vào nhau lẫn tới góc giường, ôm lấy cái gối kẹp vào đùi.

Tôi tự nhủ, tự trấn tĩnh mình không nghĩ đến nữa. Thật khó khăn, những hình ảnh khác chỉ mỏng manh như khói. Trời lạnh thế này nếu có một con nhỏ nằm bên cạnh? Phải, đúng con nhỏ đó, đôi chân thon dài, mũi cao và đôi mắt màu hạt dẻ. Con nhỏ ở cuối xóm, nó như đằm lại. Thỉnh thoảng tôi gặp nó đi rong trong xóm. Ngực và hông nó ngồn ngộn dễ sợ.

Tôi nhắm nghiền mắt, tự xỉ vả mình. Đồ đốn, nghĩ tầm bậy hoài.

Tiếng tụng kinh im bật, tôi mở bừng mắt nghe ngóng. Chỉ còn tiếng gió reo, tiếng mưa rơi rỉ rả. ý tưởng bậy bạ bỗng nhiên bị phân tán nhanh chóng. Phải chăng những nhà sư đã dừng lại, họ

không còn đi vòng tròn? Những ngọn hồng lạp đã tàn lụi rồi chăng? Buổi chiều tôi đã leo lên nóc nhà ngắm nhìn tứ phía, xem xét địa thế.

Tôi mua căn nhà gần được một năm, nhưng chưa lần nào tôi đi sâu vào trong xóm. Tôi đứng trên cao nhìn xuống, buổi chiều thật đẹp, nắng quái chiếu qua lá cây những luồng sáng vàng chói lói. Tháp thoáng sau rặng tre những mái lá tỏa khói lam êm đềm. Ngay đằng sau nhà tôi là một ngôi chùa cổ. Tôi nhìn thấy chiếc sân gạch rộng vắng bóng người. Gần đó có một ngôi nhà lợp ngói âm dương, tường đất. Ngôi nhà ẩn sau hàng chuối rậm rạp. Tôi nghĩ đến việc mở một chiếc cửa hậu, tôi sẽ được khu đất hoang. Thuê người dọn cỏ, quây hàng rào, tôi sẽ có một khu vườn. Hàng xóm vẫn nói đất đai ở đây vô tội vạ ai chiếm lấy miếng nào được miếng đó Tôi dự định làm theo họ.

Những đêm trăng sáng, tôi bắc ghế ra ngồi ở vườn sau hút thuốc lá, uống cà phê, ngắm phong cảnh. Mình phải thực hiện điều đó bằng được, chắc cũng chẳng tốn kém bao nhiêu.

Bên cạnh nhà tôi có một ngôi mã cỏ xây bằng đá ong đỏ sộ, ngôi mã kiên cố như một cái thành nhỏ bỏ hoang, rong rêu mọc đầy. Những ngày mưa, những con ốc sên to không biết từ đâu bò ra, bám đầy trên rêu xanh.

Lọt vào trong sân nhà tôi, một chiếc mã khác, cũng bằng đá ong nhưng nhỏ hơn. Những phiến đá ong lỗ chỗ bị thời gian làm lún sâu xuống đất, chỉ còn chừa lại bốn cái cọc hình búp sen nhô cao.

Tôi từng thắc mắc về lai lịch hai ngôi mã đó.

Một tên bạn giang hồ, một lần đến nhà tôi, nhìn thấy ngôi mã bỗng reo lên:

- Nhà này có một kho vàng, kho báu vật.

Tôi ngạc nhiên, hấn chỉ vào ngôi mã:

- ở dưới này, chỉ cần bỏ một ngày công đào sâu xuống năm thước đất. Một gia tài khổng lồ chôn theo người chết chứ không ít.

Đêm đó, hấn ngồi uống rượu với tôi ngay trên ngôi mộ cỏ, hoạch định một chương trình đại qui mô. Rồi những đêm sau nữa. Viễn tượng đào vàng mỗi lúc một lớn dần trong đầu tôi. Chúng tôi tưởng tượng ra một cuộc sống nhàn hạ phong lưu trong những ngày sắp tới. Đêm đêm ngồi uống rượu dưới trăng phỏ mặc chuyện đời.

Nhưng chuyện đó không bao giờ thực hiện được, người anh em tôi bị chết mất xác trong một trận đánh lớn ở miền đông. Kho vàng vẫn còn đó, và tôi vẫn tin như vậy.

Câu chuyện đào vàng đành gác lại. Khi đi làm, mỗi lúc bực mình với chủ, tôi vẫn thầm đe: "Đồ khốn, mấy ngàn bạc của mày chưa to đâu, con ơi! Chưa biết ngày nào ông đâm b... vào, ông về nhà đào vàng xài mệt nghỉ".

Tôi miên man với ý nghĩ ấy cho tới khi tiếng cầu kinh buồn bã lại nổi lên. Mưa vẫn không ngớt, bóng tối mông lung, tôi thấy chóng mặt vì hình ảnh các ông sư đi vòng tròn trong đầu.

Tôi thấy ý nghĩ mình kỳ quái. Tại sao tôi cứ phải nghĩ là những ông sư đi vòng tròn mới cầu kinh được. Tại sao tôi không nghĩ họ ngồi kiết già. Nhưng ý nghĩ tiên khởi cứ bám chắc lấy đầu óc tôi như những con ốc sên bám trên rêu xanh ngôi mộ cỏ. Tôi mệt mỏi thiếp đi, hình ảnh những ông sư áo vàng cầm thanh la, mõ, gõ nhịp đi vòng tròn lán quẩn trong đầu tôi suốt giấc ngủ mệt mỏi.

Khi tôi ra đi, người thợ hồ nói với tôi:

- Được thầy cứ yên tâm, chiều nay thầy về tới nhà là có cửa sau rồi.

Tôi còn dặn với, nửa đùa nửa thật:

- Anh phải làm cho xong, nội trong chiều nay, tôi về mà không có cửa là không yên với tôi đâu.

Anh thợ hồ cười nhe cả hàm lợi xám:

- Mà làm chi gấp vậy thầy?

Tôi nói không cần suy nghĩ:

- Hôm nay ngày rằm, tôi muốn mở cửa này để ngắm trăng.
- Chỉ có vậy thôi sao?
- Vậy thôi

Buổi chiều năm giờ tôi đã vội ra về. Chiếc cửa ra vào và cửa sổ đã hoàn tất. Tôi xoa hai tay khoan khoái Tôi mở rộng cánh cửa sổ, gió lùa vào mát lồng lộng Tôi mở tiếp cánh cửa ra vào. Khu đất hoang hiện ra trước mắt. Buổi chiều thật đẹp, thật êm đềm trên những mái tranh tỏa khói lam.

ánh nắng chiếu lung linh trên lá cây như bụi kim nhũ, gió làm lay động lá cây la đà. Mặt trời xuống thấp làm mặt nước sông xa ánh vàng. Ngôi chùa vẫn vắng vẻ quanh hiu, chiếc sân gạch Tàu rộng vắng bóng người.

Tôi bước ra hẳn ngoài cửa, gai cỏ chần lối đi. Tôi cúi xuống vạch cỏ tìm chỗ đặt chân. Cỏ sắc xước vào da thịt tôi rát, xót. Không chừng còn cả rắn rết đang rình núp đâu đây.

Lối đi gập ghềnh, chắc chắn từ bao nhiêu năm nay không có ai đặt chân đến chỗ này. Một cái vấp đau điếng, tôi mất đà ngã trên cỏ. Những con kiến to bằng đầu đũa từ trên lá cây rụng xuống người tôi. Một vài con luồn nhanh vào cổ áo chạy lung tung trong ngực. Tôi dí tay đè nát chúng sau lần vấp.

Khi ngồi dậy, tôi nhìn thấy một phiến đá xô nghiêng. Chính nó làm tôi vấp ngã, ngón chân cái đau điếng. Tôi vạch cỏ, phiến đá được đẽo gọt vuông vức, trôi một nửa lên mặt đất. Những hàng chữ khắc trên đá đã mòn nhưng còn đọc được. Một tấm bia. Tôi ghé sát đọc: Trần thị Nhan Sắc, sinh năm 1930, chết 1948.

Tôi đứng dậy, nghĩ bụng trong khu đất hoang này hẳn còn nhiều mồ mả khác. Tôi vén cỏ tìm tòi, khoảng nửa giờ sau tôi tìm thấy gần một chục ngôi mả. Ngót chục ngôi mả trong một khoảnh đất không tới năm mươi thước vuông. Toàn những người chết trẻ. Họ chết trong những năm 45, 48. Tôi đang đứng trên hài cốt họ, có những ngôi mộ không còn nắm.

Buổi chiều đang tàn, mặt trời chìm dưới lòng sông, tôi nghĩ thế, nó lặn xuống nằm ngủ yên lòng đáy nước mát mẻ sau một ngày vã mồ hôi. Tôi vẫn thường có những phút mơ mộng như trẻ thơ. Tôi đứng thẳng người, vươn vai. Tiếng những lóng xương sống kêu lắc cắc. Bầu trời sẫm màu dần, gió khua nhẹ lá cây rì rào, ánh nắng còn thoi thóp.

Tôi nhìn ra căn nhà sau rặng chuối, căn nhà vắng vẻ, hình như những người ở đó đều sống âm thầm. Tôi vạch lá tìm một lối đi nhỏ. Tôi nhìn thấy một khung cửa sổ trần song gỗ. Tôi vượt qua một rãnh nước đen ngòm, tới sát tường nhìn qua cửa. Căn nhà hoang, tường đất xiêu vẹo, có chỗ tường lở nhìn xuyên được ra sông. Trên nền nhà bằng đất bừa bãi rác rưởi, những mảnh vải trắng, đèn cây, vài cánh hoa héo. Hình như tất cả những rác rưởi đó còn mới, ai mới liệng ra vung vãi bồi đêm rồi. Căn nhà bao phủ không khí lạnh lẽo âm u. Tôi phân vân, không có ai ở đây sao? Tôi nhíu mày, lắng nghe.

Có tiếng chân ai đó đang lạo xạo bước trên lá cây âm thanh đó không phải từ phía sau lưng tôi mà từ phía bên kia căn nhà, nơi mặt tiền nhìn ra sông. Rồi, một bóng người hiện ra, một lão già, chính lão già say rượu tôi gặp đêm rồi ngoài ngõ. Lão đứng nghiêng ngó vào nhà. Khuôn mặt lão tối, tôi chỉ nhìn thấy đôi mắt, mái tóc và những sợi râu bạc. Tôi đứng sát tường xem lão làm gì.

Lão nhìn đồng rác, đi thẳng vào nhà, đá tung rác rưởi. Đột nhiên lão bật ra một câu chửi thề:
- Đ M. hết trơn hà!

Có vẻ thất vọng, lão ra cửa, ngồi xuống thềm, quay lưng lại phía tôi, mặt hướng ra sông. Lão lẩm bẩm nói, giọng than vãn:

- Mới lai rai ba sợi hồi trưa mà ngủ dữ, nếu biết sớm đâu đến đây.

Lão nói xong, im lặng thật lâu. Lão ngồi như tượng đá. Lão gầy ốm, chiếc áo đen bện trên người bạc phéch. Tôi nổi tính tò mò, muốn biết lão già tìm kiếm cái gì trong ngôi nhà hoang này

giữa đồng rác rưởi bừa bộn kia.

Tôi rời chỗ nấp, bước thật nhẹ để khỏi gây tiếng động. Tôi luồn qua một khoảng tường vỡ nhẹ nhàng vào nhà, lão già vẫn không hay biết. Tôi gây một tiếng động nhỏ, lão già nghe ngóng nhưng vẫn không quay lại. Tôi tăng hắng, lão già chồm lên, quay phắt lại đôi mắt trợn trừng khiếp sợ. Lão há hốc mồm nhưng như á khẩu. Tôi tiến tới, mỉm cười:

- Xin lỗi, tôi làm bác giật mình.

Vẻ khiếp sợ vẫn hằn trên khuôn mặt già cõi:

- Ông... Ông... là ai? Vào đây lúc nào?

Khuôn mặt lão dịu dần, lão thở phào vuốt ngực, bàn tay có những móng dài bản thiu, khô khan như rễ cây:

- Ông làm tôi hết hồn, gặp ông hoài toàn trong những mừng này, có bữa tôi đứt mạch máu chết tốt.

Tôi cười dễ dãi:

- Tôi cũng gặp bác hoài à, tôi tưởng bác không nhận ra tôi chớ?

Lão già đứng dậy:

- Người lối xóm mà, mới cũ gì tôi đều biết hết trơn.

Tôi nói "vậy hả" rồi ngồi xuống cạnh lão thán mặt gọt chuyện:

- Chắc bác ở đây lâu lắm rồi?

Lão già nhìn ra sông, mặt nước sông buổi chiều óng ánh như tráng kim nhũ:

- Lâu lắm rồi, tôi không còn nhớ... à mà tôi sinh trưởng ở đây, lớn lên ở đây và rồi có lẽ cũng sẽ chết ở đây, như ông cha tôi vậy.

Giọng lão già trầm xuống, người lão tỉnh táo hơn bao giờ. Lão nói giọng lơ đãng:

- Nhà cửa trong xóm này mỗi ngày mọc lên một nhiều.

Lão giơ tay chỉ bao quát một vùng trước mặt:

- Ông biết không, ngày xưa nơi đây rậm rạp như rừng. ừ, đúng là rừng, những con rạch chạy ngang dọc khắp xóm. Dưới cù lao kia là bãi tắm voi, bên kia sông là bãi tắm ngựa, voi chiến, ngựa chiến. Vậy mà bây giờ...

Lão già bỏ lửng câu nói, đôi mắt lão nhìn xa xôi. Những ngón tay như rễ cây của lão tằn ngần lồng vào nhau. Lão bẻ lóng tay kêu lắc cắc:

- Máy giờ rồi ông?

Tôi không nhìn đồng hồ đeo tay, trả lời phỏng chừng:

- Độ sáu giờ, còn sớm mà.

Bỗng nhiên lão già hỏi:

- Ông ra đây làm gì?

Tôi chỉ ngược lại phía sau lưng:

- Nhà tôi mới mở cái cửa hậu, phía trước ồn ào quá nên tôi muốn ra phía sau yên tĩnh hơn.

- Hèn gì.

- Tôi muốn chiếm khu đất trống kia làm vườn để lâu lâu đêm sáng trăng ra ngồi nhậu đế.

Lão già bỗng cười rung những sợi râu bạc ở cằm:

- Ông cũng biết nhậu?

- Tôi nhậu hoài.

Lão già nói "vậy hả" rồi tiếp tục về khu vườn:

- Ông gặp toàn mồ mã, phải không?

Tôi trả lời "đúng vậy" và nói không còn ý định làm vườn nữa. Giọng lão già tranh cãi:

- Không ăn thua gì, mình sống toàn trên xương cốt thiên hạ không. Ông tưởng cái nhà ông ở không có mã sao? Thiếu giống. Ngày xưa ở đây là một bãi chiến trường. ở đâu có hơi người là ma quỉ tợ khắc đi hết.

Lão nhìn vào bức tường đổ nát của căn nhà hoang:

- Hồi trước căn nhà này có một gia đình hai vợ chồng và một đứa con trai nhỏ. Hai vợ chồng

không phải người xóm này, họ ở đâu đến mua đất làm nhà ở đây Người vợ trẻ và đẹp. Khi Tây càn quét vào đây cả gia đình bị bắt. Đứa bé bị chúng đập đầu vào mả đá kia tan sọ rồi xé tan xác. Người chồng bị trói ném nằm một xó, chị vợ bị đến mười lăm tháng Tây vừa đen vừa trắng hăm hiếp trước mặt chồng...

Đôi mắt lão già ánh lên nét kinh hoàng:

- Tôi còn nhớ như in mà, tôi nằm dưới đường mương kia, bên trên có lá bao phủ. Tôi nghe rõ tiếng rên la của người vợ, tiếng chửi bới của người chồng, tiếng cười man rợ của tội mọi đen trắng. Cuối cùng cả hai vợ chồng bị chúng giết nốt. Tôi nghe rõ cả tiếng rú thất thanh của họ. Khi chúng đi khỏi, tôi mò lên, thật khiếp đảm ông ạ.

Lão già chỉ ngay chỗ tôi đang ngồi:

- Người vợ nằm chết ở đây, một nhát lưỡi lê rạch suốt từ âm hộ lên tới ức, ruột gan lòi ra cả đống, hai vú bị cắt ném ra góc nhà, máu lênh láng. Còn người chồng nằm chết gục ở kia, hai mắt bị khoét, cổ họng bị đâm nát bầy, khắp người bị băm ra, con cu cũng chẳng còn nguyên vẹn.

Tôi chặc chặc lưỡi, nói khiếp thế, dã man quá. Lão già nhìn ra một bụi rậm phía trước mặt:

- Tôi thương tình đào hố chôn họ ở bụi rậm đó, cả xác của đứa nhỏ nữa. Từ đó căn nhà này bỏ hoang, không ai dám đến ở vì có ma, nhiều người nói ban đêm họ thấy nhà này vẫn sáng đèn. Người chồng mặc bộ bà ba trắng đọc báo, người vợ ngồi cạnh may vá còn đứa con nhỏ lê la dưới đất. Cảnh tượng hết như khi họ còn sống.

Tôi thấy rợn khắp người, lão kể thản nhiên, bình tĩnh và chân thật:

- Căn nhà này bỏ hoang suốt từ đó đến nay, để thường gần hai chục năm, lâu lâu nhà chùa dùng một lần.

- Nhà chùa dùng làm gì vậy?

Bỗng nhiên lão già nhìn tôi hỏi:

- Đêm qua ông có nghe tiếng tụng kinh gõ mõ không?

- Có họ tụng kinh suốt đêm.

- Họ tụng kinh ở đây! Không phải ở trong chùa sao?

- Không, họ tụng kinh siêu độ cho một xác chết mang tới đây trước khi nhập quan, tụng kinh luôn cho những linh hồn uổng tử quanh đây.

Tôi thấy rợn tóc gáy:

- Ghê quá nhỉ, hồi đêm tôi nghe thấy họ tụng kinh hoài, tôi cứ ngỡ trong chùa cúng.

Lão già vẫn ngồi thản nhiên, tư lự nhìn ra khúc sông và bầu trời sẫm màu dần. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao lão già vào bới đống rác, có lẽ lão muốn tìm đồ cúng kiếng bỏ lại. Tôi chỉ đoán vậy thôi chớ không hỏi, tôi tránh làm lão phật ý.

Lão già đứng dậy, ngáp, vươn vai, nói:

- Gần tối rồi đó.

Tôi đề nghị mời lão ra đầu xóm nhận. Lão cười, nhe hàm răng khắp khềnh chiếc còn chiếc mắt: "Số dách!" Bóng tối phủ nhờ nhờ khuôn mặt lão làm những vết nhăn trên trán thêm sâu. Khi đi qua khu đất hoang, lão nói:

- Hồi cách mạng ở đây Việt Minh giết biết bao nhiêu người. Đêm đến họ đưa tội nhân ra ruộng bắc loa tuyên án rồi chém đầu. Chính tôi cũng bị giết hụt nữa.

Tới cửa tôi giữ lão lại, hỏi:

- Tại sao bác không bị chúng giết?

Lão cười hì hì:

- Mấy tướng tự vệ bắt nhầm tôi. Chúng đi bắt thằng Việt gian Nguyễn Văn Khôn nào đó, nè tôi tên Nguyễn Văn Khuông, khi nghe đọc bản án thấy không phải tên mình tôi mừng hũm, tôi la chói lói kêu oan, chúng tính giết đại cho xong, may nhờ có thằng biết mặt tôi xin cho chớ không bây giờ tôi thành đất rồi. Mẹ, mạng người hồi đó rẻ như bèo, chúng muốn giết ai là giết hà. Tôi còn nhớ như in đêm hôm đó, tôi sợ đến đá ỉa ra quần. Nghĩ đến con dao mã tấu cùn tôi còn

ợn ở ót. Có người chúng chém đến cả chục nhát không dứt đầu. Đêm đến người trong xóm nghe tiếng loa đều nằm im không dám cựa, sau đó nghe tiếng thét hãi hùng của từng nạn nhân, tiếng chửi rủa. Ông biết họ chửi ra sao không?

Tôi lắc đầu. Lão già nhăn mặt, đôi mắt kinh hoàng:

- Đ M quân cướp cạn, mày chém tao một nhát cho chết đi. Trời ơi là trời Tiếng chửi rủa của cả chục người chửi không ít, dai dẳng cả tiếng đồng hồ. Ngày hôm sau dân ra xem, nhiều người chưa dứt hẳn đầu. Khiếp quá ông ơi? Rồi đến chính phủ Nam Kỳ Quốc, bọn tay chân chúng nó trả thù mới rùng rợn, cỡ Bắc kỳ như ông, chúng trùm bao bố đập đầu chết như đập đầu cá lóc.

Trời tối dần. Tôi mời lão vào nhà. Lão đứng lại trước hai cái mả đá, nói:

- Tôi biết hai cái mả này mà.

Tôi mời lão điếu thuốc lá. Tôi nói:

- Chắc mả ông tướng nào hồi xưa.

Lão già hỏi một câu bất chợt ngoài câu chuyện:

- Mình có đi nhậu không?

- Đi chớ, chờ tôi khóa cửa.

Tôi và lão già ra ngoài. Trời tối hẳn, gió mát hây hây.

Những đứa trẻ đang chơi, ngưng đùa nghịch. Chúng nhìn tôi, nhìn lão già. Chúng lên tiếng trêu chọc lão. Lão dừng lại nạt nộ, lũ trẻ càng cười dữ. Tôi ghét cay đắng lũ trẻ trong xóm. Nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn phải cười với chúng, xoa đầu chúng, đôi khi phải cho tiền để chúng khỏi phá phách. Tôi dừng lại rút mười đồng đưa cho thằng lớn nhất bọn:

- Nè, cho tụi bay, chia nhau.

Quả nhiên chúng buông tha chúng tôi. Chúng bu lấy đứa cầm tiền. Lão già vừa đi vừa nói:

- Con nít ở đây mắt dậu quá trời!

Khi đi đến lòng hẻm sâu, hai bên tre mọc cao, một đứa con gái đi ngược chiều lại. Đứa con gái lại, có đôi chân dài, đôi mắt màu hạt dẻ và chiếc mũi cao. Nàng đứng lại, lão già cũng đứng lại.

Đứa con gái lên tiếng:

- Tía đi đâu đó?

Lão chỉ tôi:

- Ông này mời tao đi nhậu, sao hôm nay mày về sớm vậy?

- Hết việc tía à.

Lão chỉ nàng giới thiệu:

- Con gái tui đó, hai cha con tui sống với nhau.

Đứa con gái nhìn tôi cười, hàm răng đều trắng bóng. Bóng tối loáng thoáng trên mặt nàng. Tôi nhìn nàng rồi nhìn lão già xấu xí. Nhan sắc nàng lồ lộ không có một nét nào giống lão. Nàng khoảng mười bảy mười tám tuổi. Và tôi chợt hiểu.

Tôi nói cho đỡ trống trải:

- Tôi gặp con gái bác đi trong xóm này luôn. Lão nói "vậy hả? Thiệt duyên kỳ ngộ". Lão kéo tay tôi đi, ngoái cổ lại dặn con gái:

- Lát để cửa tao "dĩa" nghe Đàm.

Nàng khẽ cúi chào tôi.

Khi nàng đi khỏi, lão già nói:

- Con nhỏ ngộ há ông, nó chưa chịu lấy chồng, nó thương tui lắm, nó không muốn lấy chồng xa. Lão quay lại nhìn tôi, cười một cách vô cớ:

- Tôi cũng ưng gã chồng làm ăn đàng hoàng cho nó.

Lão đi cạnh tôi, im lặng một lát. Lão nói:

- Sao ông chưa chịu lấy vợ?

Tôi nói:

- Tôi chưa ưng ai.

Lão nói:

- Ông kén quá!

Tôi im lặng cho tới khi bước chân vào quán nhậu chú Lì. Trời đã tối hẳn.

Lão già khà một tiếng sau khi nốc cạn ly đế. Lão dần mạnh cái ly xuống bàn gây một tiếng động nhỏ:

- Ngày xưa, khi loạn quân Lê Văn Khôi nổi dậy, chống lại quân triều đình ở vùng Gia định này, chính ông cố nội tôi là lính của ngài. Thành Gia Định bấy giờ rộng lớn lắm, phải tính luôn cả Sài Gòn, Chợ Lớn bây giờ.

Lão già nhìn ra ngoài trời tối, chỉ tay một vòng:

- Tất cả vùng này là thành trì của ông, quân triều đình phải dẹp mấy năm mới yên, nói ví thử ngài Lê Văn Khôi không chết sớm thì còn lâu quân triều đình mới thắng nổi. Ông cố nội tôi nói thế mà. Khi thắng trận, quân triều đình giết hại biết bao nhiêu là người dân vô tội, có đến năm trăm nghĩa sĩ tự sát chết theo thành. Mả ngụy chôn dài dài khắp Gia Định. Còn hai cái mả đá trong nhà ông, tôi biết, ông cố nội tôi có kể lại tới ngày nay tôi còn nhớ rành rọt, vì tôi có kể lại nhiều lần cho bà con lối xóm nghe chơi. Tôi tiếp đồ nhậu vào chén của lão, rót thêm rượu:

- Bác biết rõ thiệt sao?

Men rượu làm lão sừng sừng, tiếng nói của lão trở nên lè nhè:

- Vậy ra "chú nghĩ tôi không biết gì ráo trọi? Thăng này ở đây lâu quá rồi mà, mấy thứ vật đó mà không biết thì biết cái gì.

Tôi vỗ về lão:

- Tôi đâu có định nói thế, tôi chỉ là thứ sinh sau đẻ muộn...

- Khà khà chú em ăn nói đàng hoàng hết sức vậy đó tôi càng ưng gả con gái cho chú. E, bà con, chú này là thằng rể tương lai của tôi đó. Bảnh hôn, bà con?

Lão già cười rung cả chòm râu bạc. Những người trong xóm cũng cười theo, họ nhìn tôi.

- Con gái anh mà lấy được chồng chịu ăn nhậu như vậy là phước. Nhậu tỉnh chớ không nhậu say như anh.

Chú Lì vừa chậm đế vào xị vừa nói đùa. Lão già vỗ tay đen đét vào đùi cười rầm rĩ:

- Không ngờ về già tôi sướng ta, số được nhờ con gái.

Bỗng nhiên lão nắm tay tôi:

- Con ơi con, con ở đâu tới đây để nên duyên chồng vợ trong cái xóm hẻo lánh này. Con xứng đáng lắm, con là dân Bắc kỳ phải không? Ngày xưa ngài Lê Văn Khôi cũng là dân Bắc Kỳ, ngài có cọng rau muống lòng thông ở lỗ đít, con có không?

Mọi người cười cái rầm, tôi ngượng chín người. Cũng sừng sừng men rượu, tôi nói mạnh luôn:

- Con gái bác ở đâu lạc vào xóm này?

Nó là đồ nhập cảng ở bên Tây, một thằng lính Lê Dương nhập cảng vào vợ tao, vợ tao đẻ ra nó, nó lại là con tao. Đồ Tây "o-li-din" quý lắm chớ bộ. Vậy mà tao nuôi nó bằng giá sống đó. Hà, hà, duyên kỳ ngộ. Tao không đòi gì hết, vợ chồng mày chỉ cần cho tao mỗi ngày một bữa nhậu xoàng. Tao sẽ làm vườn cho mày, sửa nhà và trông con cho mày. Vậy thôi. Tôi nói dứt dạt vậy đó, có bà con đây làm chứng.

- Nhưng con gái bác không ưng tôi thì sao?

- Ưng, ưng liền, nó chịu mày hết sức vậy đó, nó có nói với tao.

Tôi hoang mang:

- Nói với bác hồi nào vậy?

- Nó nói mày là người đàng hoàng, dân thầy chú. Nó mới nói với tao mấy hôm rày.

- Vậy đâu đã chắc cô ấy ưng?

- Ưng là cái chắc, tao rành đời mà mày, nghe nó nói cái, tao hiểu liền, tao biết nó để ý đến mày, tại sao nó không nói gì đến những thằng khác trong xóm. Nhưng con gái nó đâu có nói ra

miệng, tâm lý mà mày. Mày khù khờ vậy thì biết bao giờ mới có vợ. Tao cho mày ba ngày o nó. Nó xinh đẹp vậy mà chưa xứng với mày sao, hay mày khi bố con tao nghèo?

Tôi xuống giọng an ủi lão:

- Đâu có chuyện đó, tôi cũng biết điều mà bác, chỉ bởi tại tôi khù khờ.

Lão cười khà khà khoái chí tử. Lão uống rượu tràn cung mây.

Những người nhậu lai rai ra về, tôi và lão già vẫn ngồi uống. Lão nói huyền thuyên từ chuyện nọ sang chuyện kia. Lão trở lại chuyện ngôi mộ đá trong nhà tôi:

- Một đêm kia, hổ tướng Phan Nhà của ngài Lê Văn Khôi đang ngồi uống rượu ngắm trăng với phu nhân thì quân vô báo có bọn quân binh triều đình tới khiêu chiến dưới thành. Tướng quân Phan Nhà nổi giận, bóp nát ly rượu trộn mắt quát: "Cha chả là tức, đêm hôm khuya khoắt bọn gà chết còn muốn đánh nhau, vậy để ta ra xách vài cái đầu về cắt tai nhậu chơi". Nói xong, tướng quân xách đao nhảy lên ngựa không thèm mặc giáp trụ. Ngài không quên dặn phu nhân hâm rượu nóng chờ ngài về cùng vui. Đơn thương độc mã ngài phóng như bay ra trận tiền. Quân trên thành giục trống trợ oai hùm. Qua giờ tí, ngài phóng ngựa trở vào thành, trên cò ngựa treo lủng lẳng đầu lâu, trong đó có cả đầu tướng địch. Ngài vừa cười ha hả vừa phóng ngựa như bay. Khi phu nhân nhận thấy chồng về thì tất tả ra đón. Ngài ngồi trên ngựa ngựa mặt nhìn trăng cười ha hả, ném đầu quân địch xuống cho ba quân xem. Dứt hồi cười, ngài té nhào xuống ngựa. Lúc đó mọi người mới nhận ra ở lưng ngài ghim một mũi tên, máu chảy ướt đầm chiến bào. Ngài nhìn quân tướng xung quanh mím môi trộn mắt nói: "Ta buồn vì không bị địch giết mà bị chính quân nhà, trong bọn người có kẻ bội phản, tiếc cho chí lớn của ngài Lê Văn Khôi, ôi mộng bá vương..." Đòi mắt ngài dịu lại khi nhìn thấy phu nhân, phu nhân khóc nức nở. Tướng quân Phan Nhà buồn bã: "Phu nhân ơi, ở lại ta đi, mộng lớn của ta đến đây là dứt". Nói rồi ngài nhắm mắt, hơi rượu vẫn chưa hả.

Lão già khà tuôn miệng, lão chóp chép. Tôi hỏi:

- Sao bác biết chuyện đó?

- Ông cố nội tao phục vụ dưới trướng ngài, chính ông chứng kiến. Tao nghe chuyện này đến thuộc lòng. Thiệt là một dũng tướng có một không hai.

Lão hớp thêm ly rượu nữa:

- Sau khi chôn cất xong, phu nhân thương nhớ chồng cũng tự tử chết theo, ven tình ven nghĩa. Khi đó ngài Lê Văn Khôi còn sống, chôn cất hai người cạnh nhau để sống làm chim liền cánh, chết làm cây liền cành. Đó chính là hai ngôi mộ đá trong nhà mày hiện nay.

Tôi thắc mắc:

- Nếu tôi không làm thì sau khi thành Gia Định bị phá, quân binh đến nhân dân trong thành đều bị tàn sát, đến độ mà ông Lê Văn Duyệt, bố nuôi của Lê Văn Khôi cũng bị khai quật trị tội thì ông cố nội của bác làm sao sống được để kể lại chuyện này.

Lão già đặt ly rượu xuống bàn:

- Một ổ kiến ai có thể giết được hết không bỏ sót con kiến nào, ông cố nội tao sống sót như con kiến, trốn chui trốn nhủi ở vùng này, riết thành quê hương luôn.

Tôi gật đầu nói "có lý, có lý". Đêm khuya dần. Trăng sáng vàng vạc ngoài nghĩa địa. Những cây thập tự giá trắng toát dưới ánh trăng bạc. Tôi và lão đi nhau về. Trên con đường gập ghềnh lão lè nhè hát: Như chim liền cánh, như cây liền cành... Tới một khúc quanh bỗng nhiên lão hỏi:

- Mày nghĩ sao lại mua nhà tuất tận trong xóm này?

Tôi nhìn con đường gập ghềnh thấp thoáng bóng trăng:

- Tôi nghe nói ít lâu nữa chính phủ sẽ phóng một con đường qua xóm này, đâm ngang từ đường Chi Lăng sang Tân Định, căn nhà của tôi sẽ có giá trị vì ở ngay cạnh lộ.

- Thiệt vậy sao?

- Thiệt mà.

- Con đường chúng ta đang đi đây xưa là đường của voi chiến đi tắm, vòi đi riết thành đường cho người

Lão già đưa mắt nhìn khắp vùng:

- Đâu có ai ngờ xưa kia nơi đây từng là bãi chiến trường, sông máu núi xương, nơi đây vợ con tao đã chết, bao nhiêu người đã chết. Ngày xưa loạn quân Lê Văn Khôi... Hai chục năm trước là bưng biền của Việt Minh, ma quỷ đã hoành hành ở đây... Tao biết nhiều quá bao nhiêu là biến cố, bao nhiêu là thay đổi... Đọ, đọ tao lại nghe thấy tiếng loa rồi... Tao không muốn chúng trở lại đây, mày thấy đó, hết đất chôn rồi.. Tao cũng cần một nắm mồ...

Lão già lắc đầu liên liền, giọng lão trở nên hỗn hển và nét mặt kinh hoàng:

- Tao cứ uống rượu vào là nghe thấy tiếng loa, kỳ quái thiệt.

Lão già từ già tôi, lão đi xuống con dốc, ở đó thừa thớt cây cối. Tôi nhìn theo, bóng lão mờ dần dưới ánh trăng bạc. Tiếng nói của lão văng vẳng từ miệt ruộng cạnh bờ sông vọng lên: "Tên Việt gian Nguyễn Văn Khôn là kẻ đại gian đại ác, để xây dựng cách mạng, nhân dân tuyên án chặt đầu kẻ phản bội". Từ 20 năm nay, tiếng loa cứ sống mãi trong đầu lão già hằng đêm.

Tôi chợt liên tưởng đến những nhát mã tấu chém xuống, những tiếng thét hãi hùng. Sáng ngày hôm sau người ta nhìn thấy những cái đầu chưa lia khỏi cổ. Bất chợt tôi đưa tay sờ cổ và rùng mình. Tóc gáy tôi dựng đứng. Con đường sáng bạc ánh trăng mù mù sương đêm. Bóng lão già kỳ quái đã mất tăm. Đêm chuyển mình trong tiếng đại bác từ phương xa vọng về. Rượu ngấm. Tôi hoa mắt ôm đầu chệnh choạng trở về Tôi nghe như có tiếng sắt thép khua động đầu đây, tiếng mã tấu xé gió vụt xuống. Tiếng thét hãi hùng. Tôi lao đao gục ngã dưới chân dốc. Tôi mơ hồ cảm thấy móng tay mình cào xuống đất lạnh.

Vĩnh biệt nhà văn Nguyễn Thụy Long Vương Trùng Dương



Nhà văn Nguyễn Thụy Long bị bệnh tiểu đường khá nặng, sau thời gian bị “stroke” tai biến mạch máu não, phải đưa vào bệnh viện, đã qua đời lúc 2 ngày giờ chiều, ngày 3 tháng 9 năm 2009 vì nhiễm trùng đường tiểu, tại Sài Gòn, hưởng thọ 71 tuổi.

Nhà văn Nguyễn Thụy Long hoàn thành truyện dài Thìn Ma vào tháng Giêng 2007, khi ông bước vào tuổi thất thập. Trong tuổi già, sức khỏe yếu kém, đời sống khó khăn, Nguyễn Thụy Long biết rằng ngôi bút không nuôi được bản thân như trước kia nhưng cái nghiệp vẫn còn và viết lách để vơi đi bao ưu phiền trong cuộc sông.

“Từ “Tác phẩm đầu tay của tôi là Loan Mất Nhung ra đời và làm nên văn nghiệp của tôi được xuất hiện trên tờ báo Sống, do sự khuyến khích của ông Chu Tử... Tôi chính thức là ký giả của báo Sống, nhưng cũng đánh lẻ cho nhiều báo như một số anh em ký giả khác. Thành nghề hầu hết do kinh nghiệm, sự học hỏi lẫn nhau” (Hồi Ký Viết Trên “Gác Bút”, nxb Văn Nghệ, California, 1999 – trang 166) đến Thìn Ma cách nhau hơn 4 thập niên”.

Trước năm 1975, tác phẩm Loạn Mắt Nhung được mọi người đón nhận. Loạn Mắt Nhung phác họa hình ảnh cậu học sinh lương thiện trong thập niên 60 ở Sài Gòn, bị hoàn cảnh xã hội đưa đẩy trở thành du đấng nổi tiếng. Từ cuộc sống cù bơ cù bất, khốn khổ, Loạn phải đương đầu với bao nghịch cảnh để sinh tồn và trở thành đàn anh trong làng dao búa trong xã hội đen. Là tay anh chị, dưới trướng có đàn em nhưng Loạn lại cảm thấy cuộc đời cô đơn và muốn hoàn lương, nhưng hoàn cảnh thôi thúc, lôi kéo vào chốn bùn nhơ, gió tanh mưa máu, tội ác... Và, Loạn tự giải quyết cho lối thoát bằng hành động giết người rồi nộp mình cho cảnh sát, hối hận vì đã đánh mất một thời trai trẻ.

Loạn Mắt Nhung được đạo diễn Lê Dân và hãng Cosunam Film dựng thành phim, được thành công, khán giả ái mộ, vì vậy tên tuổi Nguyễn Thụy Long gắn liền với Loạn Mắt Nhung.

Sau bốn thập niên, Thìn Ma ra đời, cậu bé tên Thìn, sinh trước năm 1975 nhưng rơi vào hoàn cảnh "lớn lên trong thời gạo châu củi quế, thời bao cấp và triệt để thực hiện chủ nghĩa Cộng Sản, gọi là Xã Hội Chủ Nghĩa, toàn miền Nam đói, tuy nhiên chưa có ai chết đói vì còn có khoai, có bắp, mì sợi, bán cho những hộ gia đình có sổ lương thực mua ở Hợp Tác Xã" (Thìn Ma)ĩ. Biệt danh Thìn Ma do lối xóm đặt cho anh vì không biết mỗi khi lên cơn, bị ma nhập hay không, Thìn la hét và trông rất bất thường. Từ chàng trai hiền lành, khù khờ sống trong khu lao động nghèo nàn ở chợ Bà Chiểu, bán khô mực nướng, đập xích lô để nuôi mẹ già, con dại kiếm miếng cơm độ nhật nhưng cũng bị trấn lột và bị "lừa" vào đường dây phân phối ma túy rồi trở thành tay anh chị giết người trong xã hội đen... Cầm đầu tổ chức trong đường dây này được bảo vệ và che đậy bởi "gia đình văn hóa"!... Và Thìn cũng được núp dưới bóng gia đình đó để lao vào chuyện làm ăn phi pháp. Tên sát thủ Thìn Ma cũng không thoát khỏi quy luật của xã hội như Loạn Mắt Nhung!

Nhà văn Nguyễn Thụy Long sở trường về cái nhìn cuộc sống của lớp người rơi trong hoàn cảnh đen tối và đầy dẫy chàm bầy, bởi mưu sinh thời thế xô đẩy. Cuộc đời ông cũng trải qua bao thăng trầm, hãm oan nhưng ông phó mặc cho đời. Ông bày tỏ: "Trong đời cầm bút của tôi chưa bao giờ viết lên được một nhân vật đẹp đẽ, tôi chỉ chuyên tìm con đường gai góc mà đi, những nhân vật ma chê quỷ hờn đã được thể hiện trên giấy" (Hồi Ký số d – trang 273).

Sau hồi ký Thuở Mơ Làm Văn Sĩ, Hồi Ký Viết Trên "Gác Bút" được ấn hành ở hải ngoại. Ông đã hoàn thành Hồi Ức 40 Năm Làm Báo vào tháng 12 năm 2002.

Tác phẩm đầu tay là tập truyện ngắn Vác Ngà Voi (bút hiệu Lan Giao), xuất bản năm 1965, tạo tiếng vang cho ông. Ông có năng khiếu chuyên viết feuilleton cho nhiều tờ báo. Ông viết nhiều thể loại nhưng đã được ấn hành một số tác phẩm: Chim Trên Ngọn Khô, 1967 – Trong Vòng Tay Đàn Ông, 1967 – Vết Thù, 1968 – Bà Chúa Tám Cửa Ngục, 1968 – Đêm Đen, 1968 – Gái Thời Loạn, 1968 – Nữ Chúa, 1969 – Nợ Máu, 1969 – Ven Đò, 1970 – Sầu Đời, 1970...

Nguyễn Thụy Long sinh ngày 9 tháng 8 năm 1938, ở ngõ Hòa Mã Hà Nội. Thân phụ, họa sĩ Nguyễn Thụy Nhân, thân mẫu cụ bà Phạm Thị Miên.

Vào Nam năm 1952, sinh sống tại Sài Gòn. Ông theo học Trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu nhưng muốn theo nghiệp hội họa của thân phụ nên nhảy sang trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Thân phụ qua đời, ông phải sống tự lập nên vào đời rất sớm. Bị đi quân dịch, bị tù vô cơ rồi trải qua tháng ngày đầy nghiệt ngã và đó cũng là chất liệu để ông thể hiện qua ngòi bút.

Nguyễn Thụy Long là Hạ Sĩ Quan Tiếp Vận trong binh chủng Không Quân. Tưởng đã yên phận nhưng tai họa lại đến: "Tháng 11 năm 1960, Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông đảo chính Ngô Đình Diệm thất bại chạy vô phi trường Tân Sơn Nhất được Phan Phụng Tiên đưa lên một chiếc C47 chuẩn bị đưa qua Nam Vang ty bạn; Nguyễn Thụy Long đang trong phiên trực nhận được lệnh phải đổ đầy xăng cho chiếc C47 chạy trốn"(HN). Trong cuộc truy lùng này, Nguyễn Thụy Long bị vạ lây vì An Ninh Quân Đội bắt rồi đưa vào nằm khám Chí Hòa...

Giai đoạn đó được Nguyễn Thụy Long ghi lại trong Hồi ức 40 Năm Làm Báo:

“Sau một phùa đi tù lãng nhách một năm tại khám Chí Hòa, thuở ấy gọi là Trung Tâm Cải Huấn Chí Hòa, tù vừa thối vừa giả dối, mà đời tôi từng được thấy na ná nhau đến hai lần qua hai chế độ mà tôi đã sống qua. Tôi mang tội đào ngũ sau chính biến 11-11-1961, thêm tội du thủ du thực vì không nhà, không cửa. Để kiếm sống qua ngày tôi sống những ngày tận cùng xã hội miệt Cầu Ông Lãnh trên Con Kinh Nước Đen. Một đời sống dễ sợ của những con người bị coi là cận bã của xã hội. Những con người dám ăn thịt nhau, cấu xé nhau để sống, sẵn sàng không chế, ăn thua đủ với nhau bằng bạo lực. Tôi làm cu li ở kho 5 Khánh Hội trên đường Trịnh Minh Thế sau này là đường Nguyễn Tất Thành, rồi làm phụ thợ hồ ở quận 8, chuyên đồ ống cống xi măng và làm cọc rào áp Chiến Lược. Kể cả nghề giặt quần áo thuê trong xóm chơi bời. Nói ra kinh tởm vô cùng, nên tôi không nói hành nghề giặt thuê ở những nơi đó như thế nào, tôi để dành chi tiết ấy cho một tác phẩm khi làm nhà văn”.

“Một ngày kia tôi khăn gói quả mướp về báo Ngàn Khơi. Với điều kiện không lương chỉ được nuôi cơm, không chức vụ nên không nề hà bất cứ công việc gì của tòa báo. Tôi yêu nghề báo, tôi chấp nhận, không phải nhắm mắt chấp nhận mà mở mắt chấp nhận. Một công việc vác ngà voi, cái ngà voi đẹp đẽ, nghề văn, nghề báo mà tôi từng ao ước mê say, như tất cả bạn bè anh em tôi vậy. Một tờ báo không có khoản chi lương, tiền nhuận bút bài vở cho những người cộng tác. Nhưng tất cả cật lực làm việc, mà làm việc với lương tâm và lòng nhiệt tình để xây dựng tờ báo trong lúc khó khăn”.

Từ những hình ảnh ghi nhận được trong khám Chí Hòa, Nguyễn Thụy Long viết lại Bà Chúa Tám Cửa Ngục, đăng tải trên tờ Ngàn Khơi và ông cộng tác với anh chị em trong nhóm Ngàn Khơi chỉ được “tiêu chuẩn” kể vác ngà voi.

Sau Cách Mạng tháng 11 năm 1963 “Người thầy đầu tiên khi tôi bước chân vào nghề báo (nhật báo), nói chính xác ra, là nhà văn Chu Tử. Tại nhật báo Sống, tôi cộng tác từ ngày đầu đến ngày cuối cùng, tôi đã trở thành phóng viên, ký giả rồi nhà văn”. Và đến thời điểm đó “Tôi run lên vì lần đầu tiên tôi được lãnh lương do nghề làm báo. Ngay ngày hôm sau chúng tôi tới tòa soạn làm việc để lo cho số ra mắt đầu tiên”. (Hồi ức sđd).

Nhà văn Chu Tử có nhiều con nuôi, ông gả con nuôi cho Nguyễn Thụy Long, sau ngày 30 tháng Tư, 1975, Nguyễn Thụy Long chứng kiến thực tế rất phũ phàng: vợ bỏ, mất con, mất nhà! và từ đó, ông trở thành con người lang thang khắp nơi, mọi xó xỉnh... Ngay nơi chốn xóm Mả Đen, ấp Đông Ba, ông về sinh sống từ thuở đôi mươi nhưng cũng không được thừa nhận! 24 năm sau ông mới có hộ khẩu, chứng minh nhân dân. Căn nhà số 156/3 (25/12) đường Nhiêu Tứ, phường 7, quận Phú Nhuận hiện nay là nơi chốn đã sống được 50 năm. Ông trải qua vài đời vợ và cuối đời cũng còn niềm an ủi.

Sau tháng ngày ra tù vào khám, ông cầm bút để mưu sinh nhưng rồi trắc trở và thất bại. Ông sống trong hoàn cảnh cơ cực, mong tìm lối thoát nhưng cũng bị hoài nghi và tai tiếng.

“Tôi trở thành thằng xạo xự. Giải thích, cải chính thế nào cho họ tin được. Mà cải chính làm chi cho phí lời. Điều họ nhận xét cũng đúng thôi, nhưng với những ai kia, chớ không phải tôi. Mẹ ruột tôi đã viết thư về nói: “Đồng đô la bên này quý hiếm lắm, không ai giúp được ai đâu, đừng mong chờ...” một cô em dâu của tôi ở bên Mỹ cũng nhắn tin về cho biết: tôi không nên trông chờ gì ở hai đứa con lớn đã thất lạc lâu năm vì mẹ đẻ ra chúng cấm chúng liên lạc với tôi, sợ tôi lại giở giọng xin tiền chúng nó. Hai đứa con nhỏ thì còn đi học nhờ vào tiền cấp dưỡng. Họ hàng anh em bà con tôi thì khỏi nói đến làm chi, tất cả đều khác, đều là người xa lạ”. (Hồi Ký sđd trang 260-261).

Tiếp nối Hồi Ký Viết Trên “Gác Bút”, bốn năm sau, Hồi ức 40 Năm Làm Báo được hoàn thành, trong Lời mở đầu, ông cho biết:

“Tôi gia nhập làng báo, làng văn từ năm 1962, có thể trước đó một vài năm, nhưng chẳng kể làm gì, thời trước đó là thời của Văn Nghệ Học Sinh. Thuở tôi mơ làm văn sĩ... Thuở đó mới chỉ mơ thôi chứ chưa có thật, một cái gì còn xa vời lắm với một cậu học sinh tài thô, trí thiển, nhưng tôi yêu nghề viết văn làm báo từ ngày đó. Người ta mơ gì thì mơ, tôi mơ một cách quái gở, mơ làm văn sĩ, một tương lai sự nghiệp không lấy gì làm sáng sủa cho lắm thời bấy giờ... .. Trong đời cầm bút của tôi, đến nay đã vào tuổi 65 (tính theo thời điểm 2002). Nhưng lúc cầm cây bút lên viết điều gì đó có thể hại cho an ninh bản thân. Bạn bè khuyên tôi nên từ bỏ đi, hay đốt bỏ cho mất tang tích.

Tôi không gặp được một may mắn nào... Điều mơ ước duy nhất của tôi, làm nốt những gì mình còn bỏ dở dang, tôi sẽ nói lên hết, nếu sức khỏe tôi còn cho phép. Tôi tự cho tôi quyền tự do trên căn gác bút cô đơn.

... Tôi theo đuổi nghề suốt 40 năm trời, hình như không lúc nào ngừng nghỉ, làm việc cả trong lúc bị gác bút, chân tay bị cùm, nhưng còn cái đầu, tôi vẫn làm việc, vẫn suy nghĩ và thắm viết trong đầu. Để lúc nào thuận tiện thì thành văn chương, tác phẩm. Kể chuyện nô nã chơi. Trong đời sống hỗn mang hai mươi mấy năm trời qua, tôi sống thử qua rất nhiều nghề. Trong đó có cả nghề cầm bút. Nó ra làm sao, đó là do sự tò mò của một nhà báo mà cái gì cũng muốn biết. Tôi chấp nhận những cái không may sẽ đến với tôi...

... Tôi không mất vì chẳng còn gì mà mất, cứ coi là việc rong chơi qua ngày trong bức tranh vãn cầu vẽ người tang thương”.

Trong Hồi Ước 40 Năm Cầm Bút của ông có vài chương đã được đề cập trong Hồi Ký Viết Trên “Gác Bút”, khi viết, ông không che dấu thói hư tật xấu của mình, viết thật, sống thật, nghĩ sao viết vậy, có bao ngọn roi quất vào mặt ông và cũng có bàn tay đỡ đàn, ông không ngại ngần đề cập khi viết nên có người vin vào để đả kích ông.

Mơ ước nào khi trở thành hiện thực thường mang lại ánh hào quang và niềm hạnh phúc nhưng ở Nguyễn Thụy Long, mơ ước hóa thân thành chữ nghĩa trong văn nghiệp thì ngược lại, vinh nhục đập lên nhau và khốn đốn trong bão táp của cuộc đời với bao hệ lụy vây quanh. Ông phò mặc cho đời vì theo ông “Từ xưa đến nay tính chất của tôi vẫn là tưng tửng trong đời sống”.

Năm 2005, nhà văn Viên Linh tổ chức trao giải Văn Chương Toàn Sự Nghiệp của báo Khởi Hành cho Nguyễn Thụy Long. Điều đáng tiếc xảy ra khi có bài viết ở hải ngoại đả kích Nguyễn Thụy Long và ông ta phản pháo lại. Hai cây bút đã một thời thân tình với nhau nhưng có lẽ vì phản ứng tự vệ, cú đá “hồi mã thương” của ông trong cơn tức giận như cái tát đau đینگ... ! Bút mực vẫn còn đó “lúc cầm cây bút lên viết điều gì đó có thể hại cho an ninh bản thân. Bạn bè khuyên tôi nên từ bỏ đi, hay đốt bỏ cho mất tang tích”.

(Xem phụ đính: Mồm chó vó ngựa trang 52)

Khi tôi viết về ông và sự việc đáng tiếc xảy ra, có email cho ông và nhận được hồi âm: “Đọc lại bài anh viết về tôi, tôi rất cảm động... Tôi và ông bạn... tuy có giận nhau nhưng thật lòng tôi vẫn quý mến vợ con ông ta, vì sự quen biết và thân tình đã mấy chục năm”!. Trong cuộc sống, ông đã gặp biết bao nghịch cảnh, oan trái... với đao, tên bằm nát thân xác, thêm một mũi tên trong lúc xé tà nơi xó xỉnh trong cơn bỉ cực, ông chỉ oán cho số phận mình còn lắm chông gai!

Khi liên lạc với ông, tôi biết ông sống trong hoàn cảnh khó khăn nhưng vẫn giữ sự tự trọng nên khi nhận được tác phẩm Thịn Ma, tôi liên lạc với nhật báo Viễn Đông đăng tải vào hạ tuần tháng Tư năm 2007 và trả tiền nhuận bút tác phẩm 500 mỹ kim. Về cuốn Hồi Ước 40 Năm Cầm Bút tôi nói với ông, sẽ tự nguyện giúp layout tác phẩm nếu có ai chịu trả tác quyền để in và phát hành, còn họ in, bán sách rồi gửi tiền về... sẽ trông đợi dài cổ! Sau đó tôi đưa cho nhật báo Viễn Đông và đã trả tiền nhuận bút 500 mỹ kim nhưng cho đến nay chưa đăng tải.

Nhật báo Viễn Đông trả tiền nhuận bút để đăng feuilleton, không liên quan đến vấn đề ấn hành.

Nay nhà văn Nguyễn Thụy Long đã ra người thiên cổ, vợ và 3 đứa con nhỏ sống trong cơ cực. Nếu có vị mạnh thường quân nào nhã ý giúp cho phần bia mộ và đời sống người còn lại để ấn hành hai tác phẩm trên. Tôi sẽ giúp cho vấn đề layout miễn phí – từ trước đến nay, tôi chưa dính dấp bất cứ bất cứ đồng tiền nào giữa tác giả và tác phẩm mà chỉ làm công việc trung gian để hỗ trợ cho nhau với tấm lòng trong sáng, thẳng thắn.

Trước đây, tôi gởi cho nhà văn Nguyễn Thụy Long bài viết về Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác (1881-1945) và được anh cho biết bài Hồ Trường anh thường ngâm mỗi khi cô đơn cùng cực, bà nội anh là chị em ruột với hiền thê của Nguyễn Bá Trác. Nguyễn Bá Trác là con rể Nguyễn Bá Học (1857-1921).

Thân mẫu Nguyễn Thụy Long được con gái bảo lãnh định cư tại Nam California. Ngày 26 tháng 9 năm 2004, cụ bà qua đời. Nơi căn nhà cũ, Nguyễn Thụy Long viết Hồi Ước Về Mẹ:

"... Căn nhà xưa của gia đình, mẹ tôi gìn giữ nó, không để cho bị tịch thu, vì anh em tôi đều bị đưa đi học tập cải tạo hết rồi. Mẹ ở một mình trong căn nhà ấy, đồ đạc trong nhà có gì bán dần, bán mòn đi để ăn và thăm nuôi hai anh em chúng tôi trong trại học tập. Cụ lặn lội vượt hàng trăm cây số đường rừng để đến với con, những đứa con tù tội khổ khổ của bà. Tới trại tù, trước khi được thăm nuôi người ta dạy mẹ tôi và những thân nhân thăm tù, gặp mặt phải khuyên bảo và giáo dục những người tù như chúng tôi câu: "Con ráng học tập tốt rồi nhà nước nhân đạo, khoan hồng tha cho về sum họp với gia đình".

Bây giờ đã mấy chục năm qua, khi ai nhắc hoặc nghe lại câu này tôi vẫn có cảm giác buồn nôn. Tôi biết sau khi phải học vẹt như thế thì họ mới cho thăm nuôi con mình, không biết cụ đã nghĩ gì. Nhưng có lẽ mẹ tôi rất là đau khổ, tôi chỉ biết thương mẹ và cảm ơn mẹ, khi mẹ gầy hốc hác ngồi trước mặt tôi. Không chừng mẹ đã phải nhịn đói, nhịn khát để mang miếng cơm vào cho con. Một chút gạo, quý giá như những hạt châu ngọc. Vậy mà tôi từng bị tịch thu những hạt gạo ấy, bỏ vào kho, hoặc cho ai ăn không biết, có thể là mấy thằng khốn nạn, có thể lợn gà. Với mẹ, tôi vẫn là đứa con nhỏ bé, dù tôi đã lớn, đã trưởng thành, nhưng những hạt cơm của mẹ cho, tôi coi quý giá như những hạt châu ngọc. Vào thời tù tội đó, mỗi khi ra cổng trại để đi lao động và thoáng gặp những bà mẹ tay xách, nách mang đi thăm con. Tôi lại giấu những giọt nước mắt của mình, lúc đó tôi rất nhớ mẹ tôi...

... Hai giờ rưỡi sáng, tôi đạp xe đạp vào phi trường tiễn mẹ. Phi trường đêm ấy lồng lộng gió. Tiễn mẹ đi đêm ấy, tôi linh cảm thấy không bao giờ còn được gặp mẹ nữa. Dáng cụ xiêu xiêu đi vào phòng cách ly, cụ lại cúi cho tôi những đồng tiền Việt Nam còn sót lại trong túi, như hồi mấy chục năm về trước...

... Tất cả chúng con đều nhớ mẹ, bàng hoàng khi nhận được tin mẹ qua đời. Cụ thọ vào bậc nhất rồi nhưng sao tôi vẫn buồn. Cụ mất ngày 13 tháng 8 âm lịch bên Mỹ, còn hai ngày nữa là tết Trung Thu ở Việt Nam. Hôm nay ở đây tôi làm lễ phát tang cho mẹ, đúng vào ngày rằm Trung Thu, tôi e rằng trời lại mưa, như nhiều năm tôi ở miền Nam không bao giờ tôi được ngắm trăng rằm.

... Tuổi thơ ấu không bao giờ trở lại với tôi nữa. Tôi muốn khóc vì nhớ mẹ, nhưng còn nước mắt nữa đâu. Một đời mẹ gắn một thế kỷ nổi trôi theo vận nước. Những đau thương này thay cho những giọt nước mắt của đứa con nay đã già.

(Rằm tháng Tám năm Giáp Thân – Nguyễn Thụy Long)

Sau nhiều năm sống lang bạt nơi này chốn nọ cho đến khi được trở về với căn nhà cũ số 156/3 (25/12) đường Nhiêu Tứ, phường 7, quận Phú Nhuận... Với thời giá hiện nay, căn nhà cũ này có giá nhưng không biết chủ nhân có "sổ đỏ" hay không về chủ quyền?. Nhưng, cuối đời, sống vẫn bất an, gặp phải cảnh tượng đau lòng, có kẻ bên cạnh lấn đất nhà ông, bất chấp pháp luật, ngang nhiên bảo thợ đập phá nhà ông và còn đe dọa thanh toán, tháng 6 và tháng 7 năm 2007,

ông làm đơn gởi đến các cơ quan hữu trách nhưng chẳng nơi nào giải quyết. Trong hai năm qua, Nguyễn Thụy Long đành cam chịu tình cảnh oái oăm đó cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay!

*

Vĩnh biệt nhà văn Nguyễn Thụy Long! Ông vĩnh biệt cõi trần, để lại vợ (Nguyễn Thị Thúy) và 3 con còn nhỏ ở Sài Gòn, 4 đứa con lớn của đời vợ trước sống ở hải ngoại.

Tháng 4-2007 – viết lại 04 tháng 9-2009

Hồi ức về mẹ

LTS. Tuần trước, Việt Báo có đăng một cáo phó: Cụ bà quả phụ Nguyễn Thụy Nhân, nữ danh Phạm Thị Miên, pháp danh Diệu Thiện đã mệnh chung lúc 16 giờ 1 phút chiều 26 tháng 9 năm 2004, nhằm ngày Giáp Thân, tại Bệnh Viện Fountain Valley, California. Lễ di quan và hoả táng đã được tổ chức vào lúc 11 giờ ngày 1 tháng 10 năm 2004. Người trưởng nam của cụ, nhà văn Nguyễn Thụy Long hiện sống ở Saigon, không được cùng hai em ở bên Mẹ lúc cụ lâm chung. Từ bên kia đại dương, nơi căn nhà cũ, nhà văn viết “Hồi Ưc Về Mẹ.”

Đã mười mấy năm nay, mỗi buổi sáng tôi không còn nghe tiếng dế quen thuộc của mẹ nữa ở phòng bên cạnh. Cụ dậy thật sớm, quét tước nhà cửa rồi pha lấy một ấm trà, một ly cà phê, cụ ngồi nhâm nhi chờ trời sáng hẳn.

Nằm ở phòng bên này nhà, mái tôn chung, chỉ ngăn cách bằng một bức tường lửng và tấm cửa gỗ mỏng, tôi tưởng tượng ra được đủ thứ, từng công việc của mẹ. Nào là lúc cụ pha trà vào cái bình trà nhỏ xíu có hình tiên ông, *ly cà phê cụ pha vào cái phin bằng đồng của tôi được người ta tặng hồi làm báo, mà bà giữ rất lâu, mấy chục năm trời. Cái phin này cụ giữ mới còn, nếu vào tay tôi hồi đó thì đã ra chợ trời lâu rồi.*

Thời gạo châu củi quế, cái gì cũng bán được ngoài chợ trời. Thuở ấy sao mà khổ thế, sau ngày 30 tháng Tư năm 75, miền nam bại trận, tôi thất nghiệp, hết thời. Sau khi sách báo xuất bản ở miền Nam trước năm 1975 đều bị người thắng trận đốt sạch, và ký giá, nhà văn thì bị bắt bỏ tù coi như tội đồ, đổ cho nhiều thứ tội. Nhà báo, nhà văn chúng tôi bị kỳ thị ra mặt, bị coi như cùi hủi. Những nhà báo nhà văn chế độ cũ, còn một chút gì trong đầu phải tự gác bút mà thôi, tôi ở trong số người ấy. Niềm đau ấy còn mãi đến bây giờ. Mặc dầu tôi từng được công an khuyên nên quên đi để xây dựng đất nước, nhưng làm sao tôi quên được, khi niềm đau của tôi vẫn còn mãi trong ký ức. Bao nhiêu là đám giỗ của người thân quen vào ngày 30 tháng Tư, mà phải đổi lại ngày âm lịch là ngày 19 tháng Ba năm ấy, để khỏi bị làm phiền, trong khi người ta ăn mừng chiến thắng tưng bừng, cờ xí rợp trời và những phát biểu của vị nguyên thủ quốc gia cùng những người có công trong chiến thắng ấy. Khi đất nước hoàn toàn giải phóng và thống nhất, mang lại hoà bình cơm no, áo ấm cho toàn dân. Sao những người như tôi vẫn thấy đau, vẫn khốn khổ. Vì nhiều thứ, từ những cuộc chia ly người gia đình, mà tưởng chừng như không bao giờ còn gặp lại nữa và tiễn những người thân vượt biên ra đi, để có người còn trở lại, có người vĩnh viễn nằm dưới lòng biển đông.

Những buổi sáng như thế, ở ấp Đông Ba xưa, nay là phường Bấy quận Phú Nhuận. Căn nhà xưa của gia đình, mẹ tôi gìn giữ nó, không để cho bị tịch thu, vì anh em tôi đều bị đưa đi học tập cải tạo hết rồi. Mẹ ở một mình trong căn nhà ấy, đồ đạc trong nhà có gì bán dần, bán mòn đi để ăn và thăm nuôi hai anh em chúng tôi trong trại học tập. Cụ lặn lội vượt hàng trăm cây số đường rừng để đến với con, những đứa con tù tội khốn khổ của bà. Tới trại tù, trước khi được thăm nuôi người ta dạy mẹ tôi và những thân nhân thăm tù, gặp mặt phải khuyên bảo và giáo

dục những người tù như chúng tôi câu: "Con ráng học tập tốt rồi nhà nước nhân đạo, khoan hồng tha cho về sum họp với gia đình".

Bây giờ đã mấy chục năm qua, khi ai nhắc hoặc nghe lại câu này tôi vẫn có cảm giác buồn nôn. Tôi biết sau khi phải học vẹt như thế thì họ mới cho thăm nuôi con mình, không biết cụ đã nghĩ gì. Nhưng có lẽ mẹ tôi rất là đau khổ, tôi chỉ biết thương mẹ và cảm ơn mẹ, khi mẹ gầy hốc hác ngồi trước mặt tôi. Không chừng mẹ đã phải nhịn đói, nhịn khát để mang miếng cơm vào cho con. Một chút gạo, quý giá như những hạt châu ngọc. Vậy mà tôi từng bị tịch thu những hạt gạo ấy, bỏ vào kho, hoặc cho ai ăn không biết, có thể là mấy thằng khốn nạn, có thể lợn gà. Với mẹ, tôi vẫn là đứa con nhỏ bé, dù tôi đã lớn, đã trưởng thành, nhưng những hạt cơm của mẹ cho, tôi coi quý giá như những hạt châu ngọc. Vào thời tù tội đó, mỗi khi ra cổng trại để đi lao động và thoáng gặp những bà mẹ tay xách, nách mang đi thăm con. Tôi lại giấu những giọt nước mắt của mình, lúc đó tôi rất nhớ mẹ tôi.

Tôi và những bạn bè có những nỗi đau giống nhau, có thể họ có những mất mát lớn hơn tôi nhiều, vậy mà chúng tôi vẫn cố gắng sống, chỉ người nào chịu đựng không nổi nữa thì chỉ còn một lối thoát là chết hoặc câm lặng để sống mòn. Tôi không đủ can đảm nên chọn cách sống mòn và mấy chục năm qua, tôi đã là một lão già ốm đau dặt dẹo, gần đất xa trời, chưa biết bao giờ thì xa lìa trần thế.

Nhận được tin sét đánh mẹ ra đi do bạn tôi (Tùng, Nhã) báo tin qua điện báo, tôi rất buồn. Hồi ức về mẹ sống dậy trong tôi.

Tôi tuổi ngũ thập tri thiên mệnh, giắt dúi vợ con về sống bên mẹ, trước những ngày mẹ sẽ đi nước ngoài do em gái tôi bảo lãnh cho cụ. Tôi là người không có hộ khẩu, không có gì hết ngoài tờ giấy ra trại, và cũng đã từng bị đuổi khỏi nơi cư trú vì không có quyền công dân.

Nhưng tôi cứ liều trở về ngôi nhà cũ để sống bên mẹ, dù có bị kết tội là "cư trú bất hợp pháp trên căn nhà mình làm chủ". Và sẵn sàng khăn gói quả mướp đi tù thêm một lần nữa, nếu họ muốn bắt tôi về tội ngoan cố hoặc chống đối gì đó, tôi cũng thấy kệ cha nó!

Buổi sáng khi tôi nghe những tiếng động và tiếng dèp của mẹ ở phòng bên cạnh, ngăn cách bằng một bức tường lửng, cánh cửa thông sang. Tôi cũng thức giấc, sửa soạn cho một chuyến đạp xe thồ xuống tận Long An buôn vài giạ gạo để kiếm tiền chênh lệch về nuôi vợ con. Thằng con trai út của tôi, thằng Cua, lấm chấm xách bị quần áo của cụ, mà vợ tôi giặt chiều qua mang ra trước cửa sổ để đưa cho bà nội. Con chó Ki của bà nội, lấm quần bên chân bà mừng rối rít. Nó phờn phơ, hạnh phúc. Nó cũng thương bà cụ, tôi biết tối nào nó cũng nằm ngủ dưới gầm giường của cụ để canh chừng. Phòng của bà cụ có cửa sổ nhìn qua hàng rào sang chùa Huệ Nghiêm. Ở căn nhà này gia đình tôi đã nghe tiếng tụng niệm tiếng cầu kinh đều đều cả mấy chục năm trời, với tiếng chuông chùa buồn vang vọng lan xa tới những nếp nhà tranh cuộn mình trong khói lam chiều, và cũng từ nơi này tôi trở thành nhà văn, nhà báo.

Hồi ức về mẹ thì nhiều lắm, với một bà cụ sống gần trọn thế kỷ. Từ những ngày thơ ấu ở Láng ngoài Bắc, trận chết đói năm Ất Dậu, 1945, rồi ngày Hà Nội nổ súng kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp, ngày mà nhiều người yêu nước trẻ ôm bom ba càng lao vào xe tăng địch để trở thành chiến sĩ vô danh, những ngày chạy tản cư lên mạn ngược, bố tôi từng theo kháng chiến, mẹ tôi phải gói những chiếc bánh gai đi bán, nuôi anh em tôi thời thơ ấu, tiếp tế cho bố, đang đeo đuổi cuộc kháng chiến chống thực dân. Gia đình tôi hồi cư về Hà Nội, mục đích chính là để cho tôi được học hành, không phải là học để trở thành một thứ nhi đồng, sẵn sàng đấu tố cha mẹ hoặc tố cáo cha mẹ là Việt gian hoặc được dạy dỗ phải căm thù tầng lớp trí thức tiểu tư sản, mà cha mẹ tôi là những người thuộc tầng lớp ấy, làm vừa lòng những ai đó đang cầm quyền sinh sát ngoài vùng kháng chiến. Bố tôi cũng trở về Hà Nội mang theo bệnh sốt rét kinh niên. Trước ngày chia đôi đất nước, gia đình tôi đã vào miền Nam sinh sống, chính xác là Sài Gòn, rồi bố tôi mất, khi đó tuổi ông còn rất trẻ.

Sau đó cuộc di cư vĩ đại của người miền Bắc năm 1954, mang theo bao nhiêu bạn bè đồng hương của tôi, căn nhà gỗ lợp tôn của gia đình tôi ở hẻm Phát Diệm, mà ngày xưa có tên là sở rác Nguyễn Tấn Nghiệp, vùng Cầu Kho, đã đón bao nhiêu những người bạn nhỏ của tôi, khi đó các anh còn ở trại học sinh Phú Thọ. Những bữa cơm Bắc kỳ, cà pháo chấm mắm tôm, canh cua rau đay của mẹ mời, làm các anh cũng ấm lòng, đỡ nhớ quê hương.

Chúng tôi mon men theo nghiệp thơ văn. Căn gác của tôi lưu lại biết bao nhiêu là thơ văn của Trần Dạ Từ, thơ của Đỗ Quý Toàn, nét bút tài hoa của Lê Đình Diểu, anh thường sang nhà tôi chơi, thơ lục bát của Viên Linh và nhiều những bài thơ, bản thảo của các bạn khác nữa, những bài thơ viết lên vách ván hoặc giắt trên mái tôn. Từ cửa của căn gác gỗ luôn luôn mở rộng tôi nhìn lên thấy tháp chuông nhà thờ Huyện Sĩ và nhìn xuống thì thấy con hẻm lầy lội, cái máy nước suốt ngày đông đảo người gánh, đôi khi xảy ra xô xát, cãi vã, cả chữ thề, chính anh em chúng tôi cũng phải đứng canh để xách nước cho gia đình, trong xóm lúc nào cũng ồn ào, có tiếng ca cải lương của một cô gái nào đó mơ ước một ngày nào mình trở thành đào cải lương, sáng chói trên sân khấu, thời đó là thời của Út Trà Ôn, của Thành Được, của Hữu Phước, của Út Bạch Lan v.v.. những chuyện nhậu nhẹt ăn nói lung tung của những anh bất mãn đời vì nghèo.

Căn nhà đó không còn nữa khi mẹ tôi thất bại trong chuyện làm ăn, bà phải bế đứa em gái nhỏ của tôi đi Lào cùng với bà Di tìm đời sống khác, tiếp tục nuôi anh em chúng tôi, dưới mắt bà chúng tôi vẫn là những đứa trẻ nhỏ dại, cần đến sự săn sóc của bàn tay người mẹ.

Ngày mẹ tôi đi Lào thật nghèo nàn, tôi tiễn mẹ ra sân bay Tân Sơn Nhất, mẹ mặc áo cánh trắng quần đen, trên tay bế đứa em gái tôi, xách theo một bị quần áo, không có lấy chiếc va ly, mẹ còn kịp cho tôi mấy chục đồng bạc, tiền bà còn sót lại không thể tiêu được ở xứ người. Mẹ tôi đi vào phòng cách ly cùng với đám hành khách đông đảo, tất cả mọi người đều ăn mặc sang trọng, riêng mẹ tôi và em gái tôi thì nghèo nàn đến thảm hại. Khi đó nước mắt tôi mới chảy ra, mẹ và em tôi khuất bóng sau cửa kính tôi mới quay đi, tôi ra bãi cỏ trước phi trường nằm ngửa mặt nhìn lên trời nắng gắt xem chiếc máy bay nào đưa mẹ và em tôi đi. Thằng em trai tôi thì ở lại sống nhờ vả họ hàng, hy vọng còn được học hành đàng hoàng. Đó là lần thứ hai trong tuổi đời còn non trẻ của tôi phải chịu đựng nỗi buồn xa mẹ. Lần thứ nhất khi còn ở Hà Nội, tôi chia tay với mẹ, để mẹ cõng thằng em trai tôi lên chiến khu tìm bố. Buổi sáng hôm ấy Hà Nội có sương mù, tôi đứng trên bao lơn ở số nhà 38 ngõ Hoà Mã, nhà của bác tôi nhìn mẹ khuất trong sương mù ở đầu chợ Hôm. Những chục năm đã qua, mẹ vẫn tần tảo nuôi con, bây giờ mẹ lại phải ra đi vì cơn áo.

Tôi dời công viên, đạp xe lang thang trên đường phố Sài Gòn, tôi chẳng thiết ăn uống gì, mặc dầu trong túi có mấy chục bạc của mẹ cho, tôi phải mang về chia cho thằng em, nó cũng cần đồng quà tấm bánh của mẹ. Thôi xa rồi những bữa cơm canh cua rau đay cà pháo chấm mắm tôm. Tôi đạp xe qua trường học, các bạn tôi đã vào lớp, hôm nay vắng mặt tôi và có lẽ sẽ vắng mặt vĩnh viễn.

Buổi chiều tôi đạp xe về khu trường đua Phú Thọ, qua con đường Nguyễn Văn Thoại, còn là rừng cao su rợp bóng cây, bên phải con đường rải rác những nếp tranh toả khói lam chiều, sau lùm cây kia là xứ Nam Hoà, xứ đạo của người Bắc di cư, tôi nghe tiếng chuông nhà thờ và nghe tiếng cầu kinh bài kinh Lạy Cha: "Lạy cha chúng con ở trên trời... chúng con nguyện danh Cha cả sáng... nước Cha trị đến... ý cha thể hiện dưới đất cũng như trên Trời... Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày và tha nợ chúng con... như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con... Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ... hằng chữa chúng con cho khỏi sự dữ... A men..", nắng chiều thoi thóp và tiếng cầu kinh sao mà buồn thế.

Tôi có hẹn với Hoài Nam, tức Trần Dạ Từ, ở nhà Nguyễn Nhật Duật ở Bình Thới thuộc khu Phú Thọ. Khi đó tôi đói meo, nhưng vẫn không ăn gì. Trần Dạ Từ, có lẽ từ trong trại học sinh Phú Thọ ra, hỏi tôi câu đầu tiên:

-Mẹ đi rồi hả?

-Ừ mẹ đi rồi.

Tôi trả lời thế, vì Trần Dạ Từ coi mẹ tôi cũng như mẹ anh. Tình thân ấy kéo dài suốt mấy chục năm trời cho đến bây giờ vẫn còn nguyên vẹn. Những đứa con của mẹ không bao giờ quên mẹ.

Tôi đói quá, hỏi Nguyễn Nhật Duật:

-Nhà còn gì ăn không?

-Cơm thì hết rồi, nhưng miếng cháy làm rượu thì còn, cậu ăn tạm nhé.

Gia đình Nguyễn Nhật Duật thuở ấy nghèo lắm cũng như bao nhiêu người di cư khác, ông bà phải cất rượu đi bán để nuôi bầy con. Tôi ăn miếng cháy cơm rượu sao mà ngon thế, lần đầu tiên tôi phải ăn nhờ và tôi nhớ mãi không quên.

Đêm hôm đó trăng sáng vàng vạc, khu Bình Thới, giáp ranh với đường Lạc Long Quân là một vườn hoa nhài, người miền Nam gọi là Hoa Lài thơm ngát. Sau một chén cà phê ở quán Con Nhạn, trong khu vườn lài, chúng tôi ra ruộng hoa lài ngồi chơi, ngắm trăng, lòng dạ tôi rối bời vì nhớ mẹ, mẹ bây giờ đã ở bên Lào rồi, có lẽ mẹ cũng đang nhớ đến những đứa con của cụ.

Không biết đêm nay cụ và em tôi ngủ nhờ nhà ai? Bà dì tôi đã thuê được một căn nhà nào chưa? Tôi lại muốn khóc. Khi đưa cụ đi tôi chưa khóc được, hoặc mới khóc được một ít.

Tiếng thổi tiêu tài hoa của Trần Dạ Từ cất lên vi vút, tôi nhớ tiếng sáo này khi mới quen anh ở quán cà phê Gió Bắc ở đường Phan Đình Phùng, hoà với tiếng ở cái đĩa hát đĩa mơn hát bài Hướng Về Hà Nội của Hoàng Dương. Tôi thiếp đi trong giấc ngủ. Ngày hôm sau và nhiều hôm sau nữa tôi và Trần Dạ Từ bắt đầu cuộc sống bụi đời, chúng tôi thuê căn gác ở Bình Thới, nhìn xuống con đường Lạc Long Quân, đêm đêm nghe tiếng bánh xe bò di chuyển không biết nó về đến đâu, tiếng xe bò nghiêng trên mặt đường đá âm thanh khô khốc... cái đèn bão treo ở gầm xe đứng đưa. Chúng tôi không có nghề nghiệp gì, nghiệp thơ văn thì quá eo hẹp, những bài thơ của Trần Dạ Từ đăng báo thì không có tiền, những truyện ngắn của tôi viết còn dở quá nên bị toà báo vứt vào xọt rác là chuyện thường. Những buổi chiều bụng hai thằng đói meo, chúng tôi đèo nhau trên chiếc xe đạp cọc cạch thường xuyên xẹp lốp đi kiếm ăn, đúng ra là nhờ bạn bè cũng chưa có nghề nghiệp như hai đứa chúng tôi khúc bánh mì, hoặc quý giá là bao tô hủ tít ăn không đủ no bụng... của đứa trẻ tuổi đang lớn.

Rồi tôi nhập ngũ thời gian sau, từ trại huấn luyện tôi viết thư về cho Từ, Từ hồi âm, tôi còn nhớ câu Từ viết : "...cũng may mà cậu có cơm ăn, không còn đói như tớ bây giờ nữa, cố gắng lên...hãy ghi nhận lại tất cả.". Giọng đời không xuôi chảy, sau đó tôi ở tù khám Chí Hoà mất một năm. Khu quân phạm. Mẹ tôi nghe tin từ bên Lào trở về, thăm nuôi tôi cụ mang vào cho tôi một bát canh cùng những đồ ăn thăm nuôi. Tôi nhớ mãi bát canh ngày hôm đó. Sau này tôi viết thành một truyện ngắn nhan đề là Bát Canh Của Mẹ, tôi trúng giải nhất của một tờ tuần báo. Rồi từ đó tôi vào hẳn nghề làm báo viết văn, cùng với bạn bè ngày xưa nay cũng đeo đuổi nghề làm báo viết văn. Từ đã có vợ là Nhã Ca, cũng là người làm thơ viết văn. Chúng tôi trôi nổi với nghề nghiệp qua nhiều chục năm trời. Mẹ tôi từ Lào lại về, gia đình đoàn tụ, thế là đủ...

Cho đến ngày tôi trở thành kẻ ngã ngựa, rồi tù tội, mẹ vẫn không bỏ con, bỏ những đứa con không còn nhỏ dại gì, nhưng chúng quá khổ. Tôi lại gặp cụ ở phòng thăm nuôi, già yếu hốc hác. Con đường rừng hiểm trở, người thăm nuôi phải vịn nhau mà đi. Dù khổ sở nhưng tôi muốn được ở mãi bên mẹ.

Buổi sáng sớm tinh mơ tôi không còn nghe tiếng dế lẹp lẹp của mẹ ở nhà bên cạnh nữa, những âm thanh quen thuộc mà thân yêu ấy cho đến ngày hôm nay và đã vĩnh viễn mất hẳn, như nhiều cái tôi đã mất trong đời. Mẹ tôi đã có lần hứa về thăm quê hương, nhưng sức khoẻ cụ không cho phép.

Hai giờ rưỡi sáng, tôi đạp xe đạp vào phi trường tiễn mẹ. Phi trường đêm ấy lồng lộng gió. Tiễn mẹ đi đêm ấy, tôi linh cảm thấy không bao giờ còn được gặp mẹ nữa...Dáng cụ xiêu xiêu đi vào phòng cách ly, cụ lại cúi cho tôi những đồng tiền Việt Nam còn sót lại trong túi, như hồi mấy

chục năm về trước. Phi trường bây giờ mở rộng khang trang hơn trước nhiều. Vì nghĩ chẳng bao giờ được gặp mẹ nữa, nên nước mắt tôi chảy ra, tôi khóc, như hồi nào ở số 38 ngõ Hoà Mã Hà Nội ngày mẹ tôi lên đường đi tìm cha tôi ở chiến khu Việt Bắc. Ngày đó tôi cũng sợ mất mẹ như bây giờ. Ngày đó chiến tranh dữ dội, mạng sống con người không có gì bảo đảm. Quê hương tôi vậy đó.

Đoán chừng mẹ đã đi rồi, tôi đạp xe ra khỏi phi trường, ánh đèn huỳnh quang vàng dọc theo lối đi dài sao mà buồn thế. Phi trường vẫn lộng gió. Tôi đạp xe vòng sân bay qua Ngã Tư Bảy Hiền, xuống chợ Bà Quẹo, ngồi uống cà phê ở một quán cóc bên đường nhìn lên trời lúc gần về sáng. Tôi hy vọng rằng mẹ tôi từ trên máy bay nhìn xuống thấy quê hương, thấy Sài Gòn, thấy Biên Hoà nơi để mộ phần của bố tôi. Tôi nhỏ bằng hạt bụi trong mắt cụ không thể nhìn thấy được, nhưng cụ tưởng tượng ra đứa con của cụ đứng lóng ngóng ở đâu đó trong đám chúng sinh nhỏ bé này.

Nhiều buổi sáng thằng con út của tôi xách cái giỏ không ra cửa sổ đứng đón chờ bà nội để đưa quần áo giặt. Nó làm vì thói quen, vì nhớ bà nội. Con chó Ki thì bỏ ăn, nó nằm trên cái áo rách của mẹ tôi, về sau nó già quá rồi chết. Mười năm sau mưa gió đất xói mòn, bây giờ tôi không còn biết nấm mồ nó ở đâu, chỉ biết xương nó còn trong vườn.

Tất cả chúng con đều nhớ mẹ, bàng hoàng khi nhận được tin mẹ qua đời. Cụ thọ vào bậc nhất rồi nhưng sao tôi vẫn buồn. Cụ mất ngày 13 tháng 8 âm lịch bên Mỹ, còn hai ngày nữa là tết Trung Thu ở Việt Nam. Hôm nay ở đây tôi làm lễ phát tang cho mẹ, đúng vào ngày rằm Trung Thu, tôi e rằng trời lại mưa, như nhiều năm tôi ở miền Nam không bao giờ tôi được ngắm trăng rằm. Ở miền nam này nói đến chuyện rước đèn đêm rằm Trung Thu là chuyện hy hữu. Vì mùa này là mùa mưa bão ở miền Nam, tôi chưa thấy trăng rằm tháng Tám bao giờ trong 50 năm sống ở miền Nam. Mấy hôm nay tin khí tượng lại cho biết một cơn áp thấp nhiệt đới thổi qua đất nước tôi.

Thế mà đêm nay trời quang mây tạnh, tôi ra vườn sau ngồi pha trà ngắm trăng rằm. Tuy không sáng không đẹp như trăng rằm Trung Thu miền Bắc mà tôi đã sống thời thơ ấu. Tôi nhớ những đêm rằm trung thu ở Láng, mẹ tôi bày cỗ cho tôi được chơi trò phá cỗ, rước đèn vòng quanh sân gạch. Rồi tôi ngủ thiếp đi trong lòng mẹ, trăng rằm trung Thu sáng vàng vạc.

Tuổi thơ ấu không bao giờ trở lại với tôi nữa. Tôi muốn khóc vì nhớ mẹ, nhưng còn nước mắt nữa đâu. Một đời mẹ gầy một thế kỷ nổi trôi theo vận nước. Những đau thương này thay cho những giọt nước mắt của đứa con nay đã già.

Rằm tháng Tám năm Giáp Thân

Quán Cà Phê Thăng Long Nguyễn Vi Túy

Trong bài “Hồi ức 40 năm làm báo” của nhà văn Nguyễn Thụy Long (đăng trên nhật báo Chiêu Dương số ra ngày 17.10.2002, trang 41) đã nhắc đến tên một quán cà phê nổi tiếng tại vùng Ngã Ba Ông Tạ, nằm ngay đầu đường Thánh Mẫu, nơi mà những lúc kẹt đường dân chúng có thể lái xe từ đường Phạm Hồng Thái (Lê Văn Duyệt nối dài Saigon) rẽ vào để đi thoát lên Ngã Tư Bảy Hiền hoặc nhà thờ Chí Hòa Nam một cách dễ dàng.

Đó là quán Cà phê Thăng Long, nhờ nằm ẩn vào trong đầu đường nhỏ nên tránh được cái ồn ào và hỗn độn của xe cộ qua lại. Quán lại thấp hơn so với mặt đường, đi vào quán khách phải bước xuống mấy bậc thềm, đằng trước lại trồng giàn hoa giấy tươi tốt quanh năm, nên khách

vào ngồi “đồng” ở đây bất cứ lúc nào cũng có cái cảm giác mát lạnh so với không khí nóng bức bên ngoài. Đằng trước quán có một khoảng trống để cho khách dựng xe rất an toàn, vì khách có thể ngồi bất cứ nơi nào trong quán cũng có thể nhìn thấy xe của mình, với lại ông chủ quán luôn miệng bảo đảm với khách rằng hãy yên tâm mà nhâm nhi vì xe đậu ở đây không cần khóa mà cũng chẳng bị mất cắp bao giờ.

Đó là thời điểm của quán cà phê Thăng Long trước năm 1975, thời mà nhà báo Nguyễn Thụy Long còn có cơ hội để giao du với chủ quán, để được ông chủ ưu ái tặng cho cái phin cà phê đồng mạ thau sản xuất từ Pháp. Chứ ngày nay, quán ấy đã đóng cửa và cả hai ông bà chủ quán ấy đã ra người thiên cổ cách đây cả gần hai chục năm rồi.

Ông Vũ Văn Cẩn và vợ là bà Đặng Thị Phương đã mang nghề pha cà phê bí truyền này từ Bắc di cư vào Nam năm 1954. Hai vợ chồng mở quán đầu tiên ở Cống Bà Xếp và vào đầu thập niên 60 đã chuyển về ngõ hẻm Thánh Mẫu nhằm có chỗ rộng rãi và khang trang hơn nơi cũ. Và sau biến cố lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào năm 1963, bị nhóm quá khích đốt phá tòa báo ở đường Bùi Thị Xuân, Linh mục Nguyễn Quang Lãm cũng dọn nhật báo Xây Dựng về đây, và tòa soạn nằm cách quán cà phê Thăng Long chỉ mấy căn nhà, nơi đây là một cứ điểm an toàn cho tòa soạn lẫn cả quán cà phê Thăng Long vì chung quanh toàn là dân Bắc Kỳ di cư, đầu ngõ lại có đồn gác của Nhân Dân Tự Vệ với cửa sắt khóa kỹ mỗi khi đến giờ giới nghiêm. Hồi ấy những người đi đêm còn sợ Nhân Dân Tự Vệ hơn cả Cảnh Sát, vì “mấy em” này ưa nổ súng, lạng quạng là mất mạng như chơi.

Hai vợ chồng ông bà chủ quán đều là người lịch thiệp, nhã nhặn và lúc nào cũng tỏ vẻ thân thiện với mọi người. Vào thập niên 70, ông Cẩn đã ngoài 60 nhưng lúc nào cũng mặc áo thun quần soọc trắng, lái chiếc vespa đằng trước luôn có cái túi xách đựng mấy cây vợt. Nhờ chơi tennis thường xuyên nên ông có cái dáng dấp của một nhà thể thao, và trẻ hơn nhiều so với số tuổi đang có. Bà vợ thì trái lại, rất ít khi ra đường, cả ngày chỉ quanh quẩn trông nom hàng quán, và tìm cách tăng cường thêm các món đặc biệt để giữ khách.

Mặc dù nổi tiếng về món cà phê phin, nhưng ở quán Thăng Long còn bán thêm nhiều món phụ khác như buổi sáng thì có điểm tâm bánh mì trứng gà ốp-la, buổi trưa có cơm tấm, buổi chiều và tối có cà phê sữa đá, đen đá, chanh rum, chè các loại. Thạch chè là món bán phụ nhưng sau này lại bỗng dưng nổi tiếng nhờ chủ quán biết ướp thêm hoa nhài và hoa sen khiến miếng thạch khi đưa vào miệng thơm lừng và mát rượi. Các cặp tình nhân rất ưa rủ nhau vào quán này khi màn đêm buông xuống, họ tìm một góc khuất, xa cả ánh đèn màu để rồi len lén đút cho nhau những thìa chè mật ngọt. Đối diện với quán là mấy hãng làm kẹo bánh, mà nổi tiếng nhất là hãng bánh Thiên Hương Rồng Vàng chuyên sản xuất các loại bánh dẻo và bánh đậu xanh, vì thế bất cứ khi nào đi ngang qua con đường này người ta cũng ngửi thấy mùi thơm rất dễ ưa của bánh đậu xanh và kẹo lạc, và đám trẻ con thường hay lảng vảng để xin những mảnh kẹo thừa do thợ loại ra khi đưa vào máy cắt.

Dàn máy Akai phát nhạc của quán cà phê Thăng Long cũng là điều đáng nói. Ông chủ quán là người hiểu biết và khá chững chạc nên đã chọn toàn loại nhạc tiền chiến lẫn phản chiến, chứ không bao giờ chịu cho phát các bản nhạc thời trang, khiến khách vào quán của ông thường là những người từ tuổi trung niên trở lên. Dân Bắc di cư và những người mặc quân phục cũng là khách thường xuyên đến đây, nhiều khi chỉ gọi một ly cà phê mà ngồi hết cả ngày để thưởng thức nhạc, ngoài ra còn có số người cầm bút chọn nơi này để tán gẫu và giải khát. Ở đây tôi đã từng gặp các cây bút cộng tác với báo Xây Dựng như nhà văn Mai Thảo, Duyên Anh, Nguyễn Đình Toàn, Vũ Bình Nghi, nữ ký giả chiến trường Lam Thiên Hương (cô này là con rơi của cựu Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm và là vợ đầu tiên của ký giả Nguyễn Hoàng Đoan, chồng hiện nay của nữ ca sĩ Khánh Ly), nhiếp ảnh gia Lữ Vinh... đến uống cà phê và trao đổi về chuyện nghề nghiệp, có lần tôi cũng gặp các ông dân biểu Đặng Văn Tiếp, Lý Quý Chung vào đây “lánh nạn” khi đoàn biểu tình Chống Tham Nhũng của cha Trần Hữu Thanh bị cảnh sát rượt đuổi tán loạn từ ngoài khu Nhà Dây Thép Gió.

Phần lớn khách vào quán đều gọi món cà phê phin, vì hương vị ở đây thật tuyệt vời và khác lạ so với các quán khác, và người uống nó phải có thì giờ rảnh rỗi và sành điệu bởi nguyên việc chờ đợi các giọt “sương đen” này chảy hết xuống chiếc ly sành thì cũng đã mất mười mười lăm phút, lại còn phải biết xoay và nén cái trục của phin, khi thấy phin không nhỏ giọt cà phê ra ly người uống quen còn phải biết cách dùng cái thìa nhôm chà xát một vòng bên ngoài đáy phin để cho những giọt cà phê đen lánh thoát ra, hoặc châm thêm nước sôi từ một cái bình thủy nhỏ để sẵn bên cạnh. Theo ông chủ quán, uống một ly cà phê phin bốc khói, bao giờ cũng tuyệt vời và nguyên chất hơn là uống loại cà phê “bí tất” nhạt như nước ốc ao bèo của mấy tiệm hủ tiếu người Tàu.

Không biết ông chủ quán làm cách nào để có phương cách pha chế độc đáo nhằm tạo ra hương vị riêng biệt, để người đã uống cà phê ở tiệm ông chẳng mấy chốc rồi cũng đâm ghiền, và dù phải đi đâu xa khi có dịp cũng vẫn trở lại với quán cũ, một cái quán quen thuộc với loại ghé đầu ngồi chòm hóm với những hình ảnh trang trí rất đối bình dân, nhưng lại ấm cúng và thích hợp với dân chúng thời bấy giờ. Thấy tiệm ông đông khách, nhiều người đã đồn thổi là ông có tẩm xai thuốc phiện vào mỗi phin cà phê trước khi bung ra cho khách, tôi nhiều lần vào quán cũng kín đáo quan sát thì thấy mấy cô phụ việc trong quán quả có chắm một thứ gì đó, nhưng sau này mới biết đó chỉ là nước cốt hoa nhài, giống như dầu chuối, dùng để thoa lên trên các món thạch chè để khách ăn cho thơm miệng. Điều này là sự thật, vì đằng sau Nhà Dây Thép Gió có một vườn nhài và ngâu khá lớn, do một cặp vợ chồng người Hoa tên là Tỷ trồng hái, và thường xuyên đem đến bán cho quán cà phê Thăng Long. Từ trước đến nay tôi thường thấy các cụ ướp hoa nhài và hoa ngâu vào trà chứ chưa bao giờ thấy họ dùng các loại hoa nhài và sen để tẩm vào thạch chè như ở quán này cả.

Ông bà Cẩn không có nhiều con, mà người con gái độc nhất mà tôi biết là chị Chi khi lập gia đình thì mua nhà riêng ở chợ Vườn Chuối, sau năm 1975 chị thiệt mạng oan uổng trong một tai nạn xe cộ. Trong quán thời ấy có hai cô nhỏ xinh xắn và dễ thương thường có mặt để giúp ông bà chủ quán, một cô tên Hương một cô tên Hiền, cả hai là chị em, cháu ruột của ông bà Cẩn. Sau này tôi mới khám phá ra cô Hương là học sinh trường Văn Đức, học dưới tôi một hai lớp, vì thế khi có dịp vào quán mà gặp cô này thì bọn tôi được đãi đằng chu đáo lắm. Thời ấy tôi chưa biết uống cà phê nên khi vào quán thường gọi ly sữa nước sôi, Tiến và Trân (hai đứa bạn thân, nay một ở Mỹ, một ở Úc) thường phá ra cười, và cô bạn học chạy bàn lại còn phụ họa chế diễu khi gọi vọng vào trong: “Một cà phê phin sữa, một sữa nước sôi... nhớ cho thêm cái bình... nhe...” Bị chọc quê, từ đó tôi phải tập uống cà phê cho đúng điệu giang hồ, và bị ghiền nó từ đó đến tận bây giờ.

Sau năm 1975, quán có mở cửa thêm thời gian ngắn nhưng chính quyền thời ấy rất có ác cảm với mấy quán bán cà phê, mặc dù chủ quán đã biết điều gỡ bỏ tất cả các bóng đèn màu và cất luôn cái dàn máy Akai chạy những cuộn băng nhựa to bằng cái đĩa lớn vào trong phòng ngủ, và đem vứt bỏ sạch sẽ không còn cuộn băng nhạc vàng nào trong nhà thế mà cũng không yên. Lý do mà ông Cẩn đành đoạn giã từ nghề cũ vì theo ông nó “đã hết thời”, vì dân chúng lúc ấy chạy gạo từng bữa ăn chưa đủ no lấy tiền đâu ra mà bày vẽ chuyện nhâm nhi với lại thưởng thức. Quả thật lúc ấy, tìm mua thứ gì cũng khó, nhất là cái khoản sữa, đường, không lẽ mở cửa chỉ để bán cà phê đen? Nhớ lại khi xưa, trên quầy quán cà phê Thăng Long lúc nào cũng có mấy chục hộp sữa đặc hiệu Ông Thọ và hàng chục chiếc ly sành của Nhật đã được rót sữa sẵn chỉ chờ khách gọi là bung ra ngay, còn bây giờ công nhân làm sạch gạch cả tháng may ra được mua thêm một hộp sữa là phải quẳng ngay ra chợ trời để kiếm tiền đong gạo, các bà sinh con phải qua bảy tám cửa ải phải thực sự không có sữa nuôi con thì mới được cấp sổ mua mỗi tháng dăm hộp sữa đặc. Gọi là sữa đặc nhưng phẩm chất lúc ấy rất là tệ, pha ra lỏng lẻo và lạt nhách, con nít uống vào chắc cũng chẳng tăng được chất dinh dưỡng là bao nhiêu.

Về già không buôn bán gì, lại không nhiều con cái nên ông bà chủ quán sống những ngày còn lại rất ung dung, nhưng không hiểu vì lý do gì sau đó họ đã bán quán và mua một căn nhà nhỏ ở vùng Tân Phú, Bà Quẹo để cư trú rồi lần lượt qua đời. Riêng cô cháu tên Hương còn ở lại trong một căn nhà cùng đường nhưng nằm tuốt mãi về phía gần nhà thờ Chí Hòa, vì nhờ nhà mặt đường nên mỗi sáng cô cùng chồng con mở cửa bày bàn ghế ra sát lề đường để bán bánh cuốn trắng tại chỗ, và cũng có đủ món cà phê nhưng chắc chắn không tuyệt vời hương vị bằng quán cà phê Thăng Long khi xưa. Sau 1975, những tay ghiền cà phê phin như bọn tôi đều phải uống một loại cà phê pha chế bằng đủ thứ mùi vị, lúc thì hăng hăng như mùi bọ xít, lúc thì khét đắng như bị pha thêm trái điệp rang, vừa uống lại phải vừa dùng muỗng vớt ra những cặn bã đen như lá cây bị đốt cháy, và uống “chay” với đường vàng chứ không được tới mức đường trắng vì sữa là một xa xỉ phẩm gần như biến mất trên thị trường và giá rất mắc mỏ. Ý là lớp đàn anh, có lần tôi đã hỏi cô Hương về bí quyết pha chế cà phê của ông bà chủ quán, nhưng cô nói lúc ấy còn nhỏ nên chẳng để ý gì đến chuyện này, mà chỉ biết rằng ông Cử chọn lựa hàng mua về rất kỹ, chính tay ông rang và xay chứ không để ai xen vào. Cô cũng than phiền rằng vì hoàn cảnh nên thời nay còn rất ít người biết thưởng thức cà phê phin, và đa số đã chuyển sang uống loại cà phê pha chế sẵn. Loại này còn được gọi là cà phê “bí tất”, vì người bán bỏ cà phê vào một cái túi dài, giống như chiếc vớ, rồi chế nước sôi vào để cho ngấm, sau đó đổ vào từng chai, ai gọi thì rót ra từng ly để bán. Khách nào quen hoặc chịu chi đắt tiền hơn một chút thì được uống loại nước nhất, còn hạng “cá kèo” thì phải uống loại nước nhì, thường được gọi là “nước nhão”.

Tôi có người bạn thân tên Tiến, sau 1975 hành nghề bán xăng lẻ ở đầu đường Thánh Mẫu này để làm kế sinh nhai, để tránh bị công an bắt bớ và tịch thu Tiến chỉ để ở kế cây cột điện một hai lít xăng pha, số còn lại đem nhờ giấu trong quán cà phê Thăng Long, thế mà nhiều khi bị theo dõi xăng cũng bị hốt sạch đến độ không còn cả vốn để lấy số xăng khác về bán tiếp. Thấy thế, nhiều lần ông bà chủ quán đã kín đáo giúp đỡ vợ chồng Tiến bằng cách cho mượn tiền hoặc mua giúp một lúc đến mấy lít xăng. Tiến bạn tôi bây giờ cả gia đình đang ở Mỹ nhưng không lúc nào anh quên được những nghĩa cử đầy tình người ấy. Tiến kể: “Bác Phương có lần đi ngang qua chỗ bán xăng thấy mặt tao buồn thiu vì bán xăng ế ẩm, bác ấy nói với tao “bảo cháu Dũng đưa vào cho tôi 4 lít” khiến tao mừng hóm, khi con tao đưa xăng vào bác ấy lại bảo nó mở nắp máy cái xe của nhà hàng xóm để đổ vào, vì xe của bác trai đã đầy xăng rồi. Khi nghe tin con tao bị bắt đi bộ đội bác ấy cũng cho tiền đi thăm nuôi, rồi đến khi nghe tin con tao chết ở Cầm Bốt bác ấy cũng nhắn tin, nhưng tao thấy hai bác ấy tốt quá nên cũng không dám đến làm phiền. Khi nào mày viết bài về quán cà phê Thăng Long, thì tao nhờ mày viết về lòng tốt của hai bác ấy, vì tao chịu ơn nhiều quá mà hai bác ấy nay lại ra đi hết rồi”. Tiến cũng kể đến một phong cách làm ăn rất tế nhị và kín đáo của ông bà chủ quán, là nhiều khi khách không có tiền vào uống chịu, chủ quán và người chạy bàn vẫn vui vẻ như không có chuyện gì xảy ra, lần tới vào quán cũng không bị nhắc nợ dù là nhắc khéo nếu đang ngồi chung bàn với người khác, chỉ có khi nào khách đi một mình thì món nợ may ra mới được nhẹ nhàng nhắc lại, nếu khách bảo túng quá thì xóa bỏ, còn nếu khách bảo quên không nhớ thì từ đó mới phải ghi vào sổ nợ.

Ông bà chủ quán ấy tốt bụng như vậy, nên khi nhà báo Nguyễn Thụy Long viết phóng sự về cà phê phin tại Saigon, liền được ông Cử đem tặng tận tòa soạn một cái phin cà phê mới toanh còn đựng trong hộp. Ông nói với Nguyễn Thụy Long rằng: “Uống cà phê bằng phin mới ngon, cà phê pha bằng túi thì chẳng ra làm sao, hay những cái phin bằng nhôm làm bây giờ mất độ chính xác đi. Tôi phải com mắng những cái phin cà phê này ở tận bên Tây để pha cho người sành điệu, mà những khách hàng uống cà phê ở quán nhà tôi đều là những người sành điệu hết. Khi nào ông uống cà phê bằng cái phin này hãy nhớ đến tôi”. Cho đến nay Nguyễn Thụy Long vẫn còn giữ cái phin ấy dù người trao tặng đã không còn nữa, ngậm ngùi khi nhớ lại chuyện xưa nhà báo viết: “Tôi nuôi biết bao nhiêu chó mèo, và đã qua bao nhiêu kiếp chó mèo,

nhưng cái phin cà phê này vẫn tồn tại, đương nhiên tôi phải tôn trọng và giữ gìn nó như một vật thể có linh hồn, đó là kỷ niệm. Tuổi thọ của chiếc phin cà phê này cao lắm, qua đời tôi có thể nó vẫn còn, trở thành đồ cổ nếu con cháu tôi biết giữ gìn. Cái phin cà phê bây giờ có chỗ đã tróc men mạ, ốc đã lờn, nhưng vẫn còn tốt chán. Nó đã vượt qua bao nhiêu ngàn cây số để đến với tôi, vì nó là một phin cà phê của Pháp sản xuất”.

Hồi ấy ông Cẩn chủ quán hay cho mở máy bài như Nỗi Lòng Người Đi, Hương Về Hà Nội, Buồn Tàn Thu hay Bây Giờ Tháng Mấy, hoặc những bài phản chiến như Gia Tài Của Mẹ, Đại Bác Ru Đêm của Trịnh Công Sơn qua tiếng hát Khánh Ly, và khách trong quán đều hạn chế tối đa các tiếng động để thưởng thức từng lời nhạc bổng trầm. Cái không khí ấy khiến nhiều người ưa chuộng lắm, vì họ tìm được những giây phút yên ắng để phì phèo điếu thuốc lá, để thả hồn về chốn xa xưa, về những kỷ niệm đã mất, và về thực tại hỗn mang. Bọn tôi nhà nghèo nên không có dàn máy tốt để nghe nhạc, nên chiếc máy Akai và dàn loa ở đây quyên rũ chúng tôi lắm, vì nó có hệ thống stereo hai chiều, làm giọng hát và tiếng các nhạc cụ như được tách rời ra khỏi nhau và quyện tròn khi cất lên trong quán. Ông Cẩn mượn người thiết kế hệ thống loa rất hay, người trong quán nghe được trọn vẹn mọi âm thanh mà không thấy ồn ào khó chịu, còn người qua đường thì chỉ nghe được tiếng vọng ra rất nhỏ. Tôi nghĩ, nhạc cũng là phần quyết định khá lớn cho một quán cà phê, nhất là loại quán cà phê kiểu thính phòng như quán Thăng Long này, vì thế lúc nào quán cũng có một số khách tuy không ồn ào tấp nập, nhưng cũng đủ để nuôi sống quán dù rơi vào bất cứ thời điểm nào.

Sáng ngày 30.4.1975, trong lúc làn sóng người chạy loạn từ phía Ngã Tư Bảy Hiền dồn lên mỗi lúc một đông, thế mà quán cà phê Thăng Long vẫn mở rộng cửa. Ông bà chủ quán cho mở cửa không phải để bán kiếm tiền, mà là để có chỗ cho người tránh đạn dừng chân, vì lúc ấy đã có mấy người bị thương vì đạn pháo kích. Viên đạn pháo nổ ở đâu không rõ, nhưng mảnh đạn của nó đã tiện đứt một nửa bàn chân của một cô gái, và làm một bà cụ khác bị thương nơi ống quyển. Ông Cẩn ra đường kéo những người này vào bên trong và băng bó, rồi lại dúm cho họ ít tiền bảo ra đường cố gắng đón xe mà về. Trong cái lúc hỗn loạn như thế, mà hai ông bà vẫn ung dung tự tại, không chạy đi đâu hết, và còn mở cửa để giúp người hoạn nạn thì thật là những người có lòng tốt hiếm có.

Đọc tới đây chắc sẽ có nhiều bạn tự hỏi, làm sao tôi biết nhiều về quán cà phê Thăng Long quá vậy? Và lý do gì để tôi viết? Tôi xin thưa ngay rằng, sở dĩ có bài này là vì hai chuyện, thứ nhất tôi và ông bà chủ quán Thăng Long là người hàng xóm, vì nhà tôi ở trong ngõ ngay bên hông quán, và tôi cũng có một dạo là một khách hàng thường ngồi ở quán này. Thứ hai là vì bạn tôi tên Tiến hiện ở Mỹ muốn tôi viết như là một nén hương lòng để tưởng niệm hai người chủ quán đã có lòng tốt giúp đỡ, vào lúc mà cả gia đình anh - và cũng là hoàn cảnh của nhiều người khác nữa - chỉ cần có một lít gạo hầm là đã có thể sống được qua ngày.

Bà cháu, bố con

Hai mươi năm trước, nghĩa là sau ngày chế độ cộng hòa ở miền Nam bại trận, toàn cõi miền Nam sống dưới chế độ Cộng Sản. Đất nước thống nhất. Trở thành nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, độc lập - tự do - hạnh phúc!

Tôi là nhà văn nhà báo thuộc chế độ cũ nên sớm thất nghiệp, sống lêu bêu giữa lòng Sài Gòn, gia đình tan nát trong cái nháy mắt.

Tôi là dân ngụ, vợ tôi không ngờ là con nhà liệt sĩ, hai đứa con thơ của tôi bị gia đình cách mạng nhà vợ bỏ vào viện mồ côi để mấy bà sơ đói rách nuôi dưỡng. Thật tội nghiệp những bà sơ nghèo tiền bạc mà giàu lòng bác ái.

Tôi lờng lên đi tìm con, rồi cũng thấy chúng, khi bà sơ Nhất sửa soạn cho hai đứa con tôi, mỗi đứa một mẹt hành tỏi ới để ra chợ Tân Định bán buôn kiếm thêm tiền nuôi thân và chị em đồng cảnh ngộ còn quá bé nhỏ.

Đứa con gái lớn của tôi khi đó mới tám tuổi, mách tôi tội của em nó:

- Bố ơi, em Bambi bới thùng rác nhặt khúc bánh mì ăn dở của ai đó, em nó dám ăn.

Con bé bảy tuổi đang ở trong vòng tay tôi, cãi:

- Bởi tại em đói quá, thèm quá!

Tôi không kèm nổi xúc động, không kèm nổi nước mắt. Tôi oà khóc, ôm hai con vào lòng trước mặt bà sơ Nhất.

Bà sơ hiền từ nhìn ba bố con tôi:

- Anh không cần phải có giấy tờ chứng minh hai cháu là con anh. Tôi nghe mẹ nó nói anh là ngụ đã bị bắn chết ngày 30-4 rồi, nên chúng tôi nhận hai cháu, mẹ nó không còn đủ sức nuôi cháu nữa. Thôi được, nếu muốn anh cứ mang các cháu về, anh chứng minh tấm lòng chân thật của anh với Chúa là đủ.

- Thừa còn trách nhiệm của bà với mẹ nó, người gửi con cho bà?

Bà sơ nói khi quay đi:

- Có Chúa biết tôi phải làm gì khi tôi gặp hoàn cảnh này. Tôi làm theo Chúa sai bảo...

Tôi không quên hình ảnh chiều hôm ấy. Không thể nào quên hình ảnh bà sơ Nhất đứng trên thềm nhà thờ Tân Định nhìn theo bố con tôi, hình ảnh một bà sơ khác đang đứng mình trên bánh xe như con nhái bèn quay ép nước mía ở ngoài cổng viện mồ côi, lấy tiền nuôi bày trẻ đói, hình ảnh những trẻ thơ bưng mẹt hành tỏi ới ở chợ về.

Khi đó vào đầu mùa hè, hoa phượng vĩ nở đỏ sân trường. Cây thánh giá mỏng manh chót vót trên đỉnh tháp chuông nhà thờ Tân Định. Hình ảnh đó còn lại mãi trong tôi cho tới ngày nay và không biết đến tận bao giờ.

Tôi nói nhỏ với hai con:

- Bố còn sống đây, nhưng bố không thể đưa các con về nhà cũ ở đường Nguyễn Phi Khanh được nữa, bố đã bị đuổi ra khỏi nhà ấy rồi.

Có chút tiền bạc nhỏ nhoi trong túi, tôi mua cho con hai miếng bánh mì, cho chúng uống ly nước mía. Ngon đến độ chúng phải nhắm tịt cả hai mắt để thưởng thức cho hết hương vị lương thực hiếm hoi.

Vượt qua hai cây cầu gỗ ọp ẹp, qua cù lao Rạch Miễu có nhiều ao rau muống lầy lội, trở về đến ấp Đông Ba, nơi ấy có căn nhà hoang mẹ tôi đang cư ngụ. Bố con tôi sống với bà nội của các cháu. Ngày ngày tôi đi kiếm công việc làm, nhưng chẳng được gì. Tôi lại nhớ đến nghề cầm bút của mình, nhưng tôi nghĩ ngay đó là điều xuẩn động. Ông cậu ruột của tôi, một vị khoa bảng, đại trí thức ở miền bắc vào thăm mẹ tôi, có thành tích học tập cải tạo hết mười lăm năm trời, mười năm làm việc lao động hốt phân bằng tay vì sợ mòn xẻng. Ông ngao ngán lắc đầu nói với tôi:

- Cháu ơi, vác cây bút ở Xã Hội Chủ Nghĩa nặng lắm, cháu nên tìm nghề khác mà làm nuôi con. Mao chủ tịch đã nói trí thức không giá trị bằng một cục phân bón ruộng. Nhớ lấy, không nên quên...

Cậu ruột tôi nay đã khuất bóng, tôi vẫn không quên lời cậu dạy.

Suốt mùa hè năm ấy, ba bố con tôi kiếm sống bằng cách lang thang chợ trời. Nơi nào cũng đi, nơi nào cũng ghé. Ba bố con trên chiếc xe đạp cộc cạch trong thành phố, dưới rùng cờ sao và khẩu hiệu. Hai cái bánh xe đạp của tôi không thể bị bể nổ được vì tôi nhồi vào đó đủ thứ cao

su, rác rưởi làm thành bánh đặc như thuở chiếc xe đạp thời sơ khai. Cái thắng xe bằng miếng ván gỗ ráp sát bánh sau, chỉ cần đạp chân một cái xe cũng đứng lại, dù rằng tốc lực không cao lắm, chiếc dép tôi mang ở chân đỡ mòn. Tôi thăm cháp cả ngàn vạn dặm đường trong thành phố.

Ba bố con tôi bữa đói bữa no nhưng cũng hưởng thụ được chút lương thực. Tôi cứ tưởng rằng bố con tôi được sống mãi bên nhau... Đó là điều tôi tưởng, không phải đời sắp xếp cho.

Một buổi trưa, ba bố con tôi dừng chân trước một biệt thự xinh xinh, bên kia cầu Công Lý, nghe tiếng hát tiếng đàn từ trong ngôi biệt thự phát ra ... như thấy bác Hồ trong ngày vui đại thắng... " Ngôi biệt thự có khu vườn nhỏ xinh xinh ở sân trước. Tôi nhìn vào đó thấy những luống khoai lang mới thay vì những cây hoa, chuyện đó cũng thường thôi ở những vỉa hè thành phố bấy giờ. Một cô bé nhỏ xíu chừng tuổi con tôi lúi húi trong vườn. Cánh cửa sắt mở rộng, hình như nơi đó ai ra vào cũng được. Chờ gì nữa mà tôi không vào, biết đâu không mua bán được gì ở trong ngôi nhà này. Tôi chưa phải đi ăn mày, nhưng có thể "trúng mánh " kiếm được tí cháo.

Tôi dừng xe trong sân, hai đứa con tôi nhảy xuống, nhìn cô bé đang lúi húi chơi ở khu vườn. Nó vun đất thành một nắm nho nhỏ, thoáng nhìn bố con tôi một tí, rồi lại tiếp tục trò chơi một mình.

Trên nhà vẫn vang tiếng đàn ca, mãi một lát sau mới có một bà già, một bà cụ thật già lưng còng từ một ngách cửa ga ra, có lẽ là ga ra xe hơi, đi ra. Tôi thưa với bà cụ:

- Cháu thưa với cụ xem trong nhà có gì bán được không?

Bà cụ ngược nhìn tôi, đôi mắt mờ đục như cùi nhĩ:

- Anh đến làm địa chỉ rồi, bây giờ nhà này không phải nhà tôi nữa, không có gì bán đâu. Các ông cán bộ ở trên kia mới là chủ.

Bà cụ chỉ lên nhà trên, nơi phát ra tiếng đàn ca bằng ngón tay già nua cong queo, run rẩy. Cụ quay ra vườn gọi:

- Thủy ơi, cháu lại nghịch đất nghịch cát đấy hả, vào đây với bà nào.

Hai đứa con gái tôi làm quen với cô bé gái xinh xinh ấy thật nhanh. Chúng cũng đang vầy vầy đất với cô bé.

Bà cụ lại hỏi:

- Ai đó cháu?

- Bạn mới của con, gượng nhé bà, cho cháu chơi đắp mồ cho Tu Ti một tí!

- Rõ thật là con nít!

Bà cụ lằm bằm nói thế rồi lững thững quay vào, để mặc tôi đứng ngoài sân. Tôi chẳng là cái thá gì để ai phải quan tâm. Tôi biết rõ thân phận tôi. Bà cụ coi bộ cũng có một đĩvăng hách dịch thời chế độ cũ.

Nhà trên đã im tiếng hát, tiếng một ai đó gặt gồng:

- Các anh các chị hát thế không được, phải hùng dũng lên. Coi này, tôi hát cho nghe để làm mẫu.

Một giọng nam opera cất lên nghe thật hùng dũng, phấn khởi đến khiếp đảm cũng bằng bài hát ấy, bài hát tôi được nghe khi bước chân vào sân nhà này. Một lát sau tôi nghe lệnh nghỉ giải lao. Những người ở trong nhà ấy ùa ra sân, như bầy trẻ được nghỉ ra chơi từ một lớp học trường Mầm Non.

Tôi bắt gặp một vài mặt quen ở đó. Nữ ca sĩ Ngọc Minh, tài tử điện ảnh Trần Quang, nhà báo thuộc chiến tranh tâm lý thời chế độ cũ Vũ Duy, các anh các chị ấy đều là người cư ngụ thuộc quận Phú Nhuận...

Họ cũng nhận ra tôi và hỏi:

- Đến tham gia vào ban văn nghệ quận hả?

Tôi lắc đầu:

- Không, tôi đi chợ trời vô tình ghé qua thôi.

- Nếu muốn tham gia, tôi giới thiệu cho.

- ăn cái giải gì không?

- Chẳng có giải gì hết, chỉ là phong trào.

À ra vậy? Tôi chỉ nói thế, tuyệt nhiên không có ý kiến gì khác. Cũng là lúc tôi phải đưa hai con về. Một người quen trong đám người tôi mới gặp giữ tôi lại nói cho biết:

- Ngôi biệt thự này nhà nước mới tiếp thu của gia đình ngụy quyền bỏ đi, còn sót lại một bà cụ già và đứa trẻ, cách mạng đã thu xếp cho họ ở dưới bếp. Nhà trên tạm thời dùng làm trụ sở cho ban văn nghệ quận.

Tôi ừ hử, vì chuyện đó có thiếu gì ở Sài Gòn sau ngày giải phóng. Chính tôi cũng đã được giải phóng. Buổi chiều tôi chờ xe đạp hai con về nhà. Qua cù lao Rạch Miễu, ao rau muống hoa tím nở đầy, con gái tôi đòi xuống xe lội ra ao hái hoa.

Tôi hỏi:

- Con hái làm chi vậy?

- Con hái để lên mồ chó Tu Ti.

- Mồ chó Tu Ti?

- Con chó của bé Thủy, con mới quen, con chó dễ thương đã chết rồi, bé Thủy làm mả cho nó, trong vườn không còn bông hoa nào, người ta làm luống khoai hết rồi, bố thấy không?

Tôi nhớ ngay ra câu chuyện mới gặp trưa nay.

Buổi tối, tôi nằm nghe hai con gái tôi líu tíu kể chuyện. Dù không chú ý nghe mấy, nhưng tôi cũng nắm bắt được sự kiện về con chó lông xù, người bạn độc nhất của cô bé Thủy bị người lạ vào ngụ trong ngôi biệt thự ấy đập chết làm thịt nướng ăn uống rồi vứt lại xương, lông. Cô bé vừa khóc vừa thu gom những tàn dư của con chó yêu quý chôn ở góc vườn hoang, không còn một bông hoa. Mà trước đây là một vườn hồng khoe sắc thắm.

Tuy lối kể chuyện của con tôi còn trẻ thơ, không gãy gọn. Nhưng tôi cũng nhìn thấy nét bi thương ở câu chuyện.

Tôi nói với con:

- Lúc về bố thấy bé Thủy bế một con chó búp bê mà, cũng màu trắng, lông xù.

- Của một ông lấy trong ba lô ra đền lại cho bé Thủy đó. Bé Thủy nhận ra con chó ấy của mình, trong tủ đồ chơi trước kia. Con chó gắn pin biết sủa gâu gâu và vẫy đuôi mừng. Như bố đã mua cho con và em Bi hồi trước, sinh nhật con ấy mà, bố nhớ không?

- Bây giờ con chó ấy có sủa nữa không?

- Không thưa bố, nó coi như chết rồi. Vì nó hết pin thôi nên bị câm bị què cái đuôi.

- Thôi ngủ đi hai con, mai bố đưa con đi sớm ra hái hoa rau muống rồi con đến bé Thủy chơi, bố đi chợ trời biết đâu không mua được cục pin còn xài được, con chó lại sủa, lại ngoắc đuôi.

Tôi chiều con nên làm theo ý chúng nhưng có một điều tôi không làm được vì không kiếm đâu ra một cục pin còn điện. Con chó đành câm luôn và không biểu lộ nổi tình cảm bằng cái ngoắc đuôi mừng nữa. Đó là sự thật của một con chó giả hết pin.

Cục pin cũ không thể tái sinh như cây bút bi hay cái vỏ xe. Cả một thành phố như thế, chợ trời thuốc Tây bán nhiều loại thuốc hết "đát". Đồ giả hiệu hơn đồ thật cả con người cũng còn sống giả nữa là đồ vật vô tri. Hình như không ai còn tin ai, không muốn nói thật với nhau điều gì. Có một cái gì đó, như bóng đen đe dọa chụp xuống đời sống. Đời sống trở nên nặng nề, khó thở. Điều tôi nói ra vẫn là sự thật ở thời điểm đó.

Nhưng, riêng tôi được hưởng một đặc ân, ráng trong những điều không tin nhau trong đời sống, bà cháu bé Thủy lại tin bố con tôi.

Bà cụ không ngần ngại cho tôi biết rằng cụ vẫn sống no đủ với cháu. Cụ có cả mấy thùng khay gạo ở trong nhà, lương khô mắm muối còn vô số, kể cả một số vàng phòng thân. Cụ dành dụm từ hồi còn trẻ như các bà già xưa. Cái nhà kho và nhà bếp người ta dành cho cụ ở lúc nào cũng khóa cửa, chìa khóa luôn luôn trong hầu bao bà cụ.

Một thời gian, tôi không nhớ dài ngắn bao lâu, thường xuyên con gái tôi có những đóa hoa rau muống màu tím trên mồ chó Tu Ti nên đi đến chỗ thân tình với bà cháu bé Thủy.

Các con tôi trở thành bạn thân của cô bé cô đơn. Tôi trở thành người đáng tin cậy của bà cụ, bà cụ có thể trút nỗi niềm tâm sự được.

Đồ chơi của đứa bé là con chó giả và hai đứa bạn cùng trang lứa trong khu vườn hoang.

Những trò chơi có mẹ có cha, có một gia đình hạnh phúc. Tôi xúc động vì những trò chơi của chúng, gọi nhau bằng má, xưng con rồi nũng nịu, rồi hồn dỗi, dỗi dành y như thật, tôi phải cảm phục trí tưởng tượng phong phú của chúng.

Con chó giả cũng được cưng chiều, sống động như con chó Tu Ti nào đó đã chết. Chúng làm sống dậy mọi thứ mà tuổi thơ của chúng đã bị mất đi, bị tước đoạt.

Tôi nghe con gái tôi hỏi bé Thủy:

- Tại sao chú người lớn chiếm nhà Thủy cho lại Thủy con chó giả này?

- Chú ấy lấy của Thủy đấy chứ. Chú định mang về cho con chú chơi, nhưng tội nghiệp Thủy bị ăn thịt mất con chó thật nên cho lại con chó này để Thủy khỏi khóc. Chú ấy nói nếu Thủy còn khóc nữa thì chú ăn thịt Thủy luôn. Thủy sợ quá khóc lên bên mồ con Tu Ti một mình thôi.

Con bé Bambi của tôi le lưỡi nói "eo ơi!". Bé Thủy còn tâm sự nữa với bạn, là hai con tôi:

- ở nhà trên còn có cây đàn dương cầm của má Thủy nữa. Thủy nhớ má Thủy đàn, nhiều khi muốn lên nhà ấn một cái vào phím đàn cho đỡ nhớ má, bị các chú ấy đuổi, Thủy sợ quá chạy ra vườn trốn, bên cạnh mồ Tu Ti này. Tu Ti hỏi trước hay bênh vực Thủy, nó đã bị ăn thịt rồi còn đâu.

Tôi nhìn thấy nỗi tuyệt vọng và chưng hửng tiếc nuối ở nét mặt còn mặng sữa của cô bé. Tôi tiếp tục nghe lời tâm sự của bà cụ:

- Số là thế này, con trai và con dâu tôi sợ gia đình thiếu lương thực khi Việt Cộng đánh vào thành phố nên mua trứ sẵn, cả một bể nước vĩ đại xây ở sau bếp. Lương thực cả nhà có thể sống được năm tháng trời. Nay chỉ còn hai bà cháu dùng bao giờ mới hết được. Tôi và cháu Thủy ăn như mèo. Có hôm hai bà cháu không ăn hết một gói mì Đại Hàn.

- Những người ở nhà trên không tiếp thu những thứ này sao?

- Có đấy, nhưng tôi không cho, bà cháu tôi đứng chắn cửa.

Một chuyện vô lý ngoài sức tưởng tượng của tôi, sức vóc hai bà cháu nhà này? Nhưng bà cụ giải thích ngay:

- Tôi liệu chết, liệu cái thân già này, tôi nói với họ có giỏi thì bắn chết hai bà cháu tôi đi mà cướp lấy miếng ăn của bà cháu tôi... Họ cũng phải giữ mề, nên kệ tôi. Họ nói gì nhỉ, à động viên tôi, nói tôi hiền nét phần lương thực này cho nhân dân, họ cũng không để bà cháu tôi chết đói. Nhưng tôi nói tôi đã từng là mệnh phụ phu nhân cháu tôi là tiểu thư khuê các không biết ăn sắn ăn khoai... Không cho bà cháu tôi ăn những thứ này thà chết còn sướng hơn. Cả cái áo quan kia nữa. Bà cụ kéo tấm bạt nhà binh phủ trên một cái hòm dài trong ga-ra, lộ ra một cái áo quan đồ sộ chạm trổ tinh vi đánh véc ni bóng loáng. Bà cụ bình tĩnh nói:

- Cái này cũng của tôi. Hồi tôi ốm nặng tưởng chết, tôi ao ước có cái áo quan sang đẹp nên con trai tôi báo hiếu tôi bằng cách đặt cho tôi một cái áo quan này ở Tobia cho tôi nhìn thấy trước khi nhắm mắt. Thế mà tôi lại không chết, bây giờ tôi khoẻ cùi cùi, chẳng cần thuốc thang gì hết.

Không biết tôi được hưởng phước hay bất hạnh sống đẽnhìn cảnh này, thật tan nát cả cõi lòng... Cháu nội tôi còn thơ dại quá, như con anh. Tôi không còn thương tôi mà thương chúng, những trẻ thơ... Chẳng biết nó sẽ ra sao khi mất tất cả. Bỗng dưng chúng thành trẻ mồ côi. Một hôm tôi đang ngồi lau cái áo quan này thì có lẽ một ông lớn đi vào. Ông ta hỏi, tôi nói cái áo quan này của tôi. Ông ta nói không nên để đây choán chỗ, vì chỗ này có thể dành cho một hộ nhân dân ở thì tốt hơn... Nghĩa là tôi nên quăng cái áo quan này đi chỗ khác hoặc chẻ làm củi đun bếp. Tôi nổi tam bành, không hiểu sao tôi lại trở nên dữ thế. Tôi hỏi ông ta có sủng không, nếu có đủ lòng bất nhân thì bắn chết bà cháu tôi đi rồi lấy hết, sẽ chẳng còn ai nói gì nữa... ông ta liền quay ra nói, cách mạng không tư hào đến cây kim sợi chỉ của nhân dân.

Tôi chẳng hiểu gì cả. Tôi thầm nhủ, thôi bà cụ ơi đừng kể lể nữa, con khóc mất. Nhưng bà cụ vẫn kể, lời ai oán ấy vẫn lọt vào tai tôi:

- Mẹ con tôi là Bắc kỳ di cư đấy. Tôi là địa chủ, suýt nữa thì bị đầu tó chết, may mà trốn thoát được. Con trai tôi đã học hành nên người đọc có cái cơ ngơi này. Hôm 29 tháng 4 hai bà cháu tôi mắc đi chơi về không kịp, con trai và con dâu tôi chạy thoát ở cái máy bay bên kia đường. Chắc vợ chồng nó cũng khóc hết nước mắt.

Tôi mong có một ngày cháu tôi không côi cút, cái thân tôi thì có sá gì. Cái áo quan có cũng được mà không cũng chẳng sao.

Tôi vốn là nghệ sĩ dễ xúc động, tâm hồn yếu đuối Tôi nhòa nước mắt lúc nào không biết. Tôi nghĩ đi ri hoàn cảnh của chính mình, tôi thương hai đứa con của tôi.

Buổi tối, ba bố con tôi trở lại căn nhà xưa ở ấp Đông Ba Gia Định. Tôi kể chuyện thần tiên cho con tôi nghe.

Tôi hoài vọng ở những đứa con của tôi:

- Này Minou, bố gọi con là Minou không phải tên một con chó đâu. Tên ấy là tên - một nữ thi sĩ thần đồng của Pháp, Minou Drouet. Còn Bambi, tên một chú nai con trong phim hoạt họa của đại họa sĩ Walt Disney

của Mỹ. Toàn là những con người dù trong tưởng tượng cũng trong sáng hiền hòa. Bố hoài vọng ở các con...

các con mãi mãi là niềm yêu thương và tin tưởng của bố. Dù bất cứ trong hoàn cảnh nào các con cũng làm con người.

Tôi cũng không ngờ đó là lời nói cuối cùng của tôi với hai con, sau những năm dài, tôi bị bắt, bị tù đầy, đưa đi học tập cải tạo.

Ra tù, tôi vẫn không trở thành một con người khác, tôi vẫn thế. Tôi được biết tin con tôi ra sống ở nước ngoài.

Căn nhà cũ ở đường Nguyễn Phi Khanh đã có chủ khác. Tôi đến thăm ngôi biệt thự của bà cháu bé Thủy cũng thấy khác rồi. Ngoài cổng có lính gác. Ngôi biệt thự đã được tân trang.

Kỷ niệm khốn khó thời thơ ấu của các con tôi. Tôi nay đã là một lão già, có lẽ đã lẩn thẩn, sống trong căn nhà xưa ở ấp Đông Ba xưa, nay người ta không còn gọi tên địa danh ấy nữa. Ruộng, ao rau muống đã lấp rồi, không còn những đóa hoa tím con gái tôi hái ngày nào.

Bấm đốt ngón tay tính toán, nay con gái tôi đã vào tuổi 29, 30. Ngày sinh nhật của gà, của heo con, bố còn nhớ.

Tôi viết truyện ngắn này gửi cho con, những bạn bè cùng lứa tuổi con. Truyện này tôi đã viết từ lâu rồi, nhưng một người bạn thân đọc được, anh đã xé, xé, hủy hoại nó vì anh thương tôi, sợ tôi gặp nạn. Nay tôi viết lại. Bây giờ cũng đang độ vào hè.

Buổi hoàng hôn tôi ra khỏi ấp Đông Ba, xuống cù lao Rạch Miễu, nơi có những ao rau muống đã bị lấp bằng.

Tôi lẩn thẩn nói:

- Lá rụng về cội cũng được mà trôi theo dòng cũng xong.

Không bàn tay ai che kín được mặt trời.

Kỷ niệm cùng Nguyễn Thụy Long Cung Tích Biền

Khởi đầu truyện Kiều, Nguyễn Du có hai từ Trăm năm // *trăm năm trong cõi người ta*. Đây là thời gian vòng rào. Đòi người ít ai ra khỏi. Mẹ sinh đờ hỏn. Nằm xuống, đất ăn hết trọn máu thịt. Chừa lại xương. Nhờ vậy, con cháu sau này muốn cải táng mồ mả ông cố nội, may mà còn cái ĐỂ-MÀ-HỐT. Hốt cốt.

Vì sao Đất chừa lại xương. Đất chề cứng? Như ta ăn xí quách chỉ gặm phần thịt? Không phải. Đây là Đạo của Trời [thiên đạo] muốn lưu lại cái dấu vết, mà đánh dấu phế hưng, thành hoại – do chính là cái mùi vị, cái màu sắc trần gian trong tháng ngày lưu ngụ ấy – kể cả dấu vết con khùng long hay một bạo chúa.

Kinh Thi cũng có hai từ Bách tuế. *Bách tuế quy vu kỳ thất //Trăm năm rồi cũng về nhà.* Đi đi về về. Có khác, là mình ra đi kiếp này, kiếp sau cũng là mình, nhưng Một Dạng khác trở về. */Kiếp sau xin chớ làm người/ Làm cây thông đứng giữa trời mà reo/ Kiếp sau? tôi cây thông đứng – tôi người lá reo.*

Nguyễn Thụy Long qua đời đúng tuổi 71. Vậy là 71 năm *trong cõi người ta*, lưu lạc trong cái đời vừa cà chớn mà lấm bầm dập, bây giờ Long may mắn Trở Về. Hăy bình yên đi con, Mẹ đây.

Chết? chuyện cũng bình thường. Ai cũng lặn sẵn trong đời mình một cái chết như cái ví đựng tiền. Như sau một cơn say, trong lơ mơ ta nằm ngủ, rồi ngủ luôn. Nhưng sao mỗi lần nghe tin một người thân quen vội bỏ đi ta ngậm ngùi.

Căn nhà Nguyễn Thụy Long, nơi đang quản cái “va li gỗ có người ngủ ở trong”, mấy mươi năm ủ dột. Mưa có rơi thì rơi...thắng xuống nền nhà. Mấy tháng nay vợ con có chút tiền sửa sang lại kang trang, tường màu xanh nhạt, trần nhà thoáng rộng, cửa ngõ đẹp ra. Thì Long bỏ đi. Anh này chừng như kỳ cái nhà cao cửa rộng, không ưa cái sự thành thời giàu có, ghét cái bàn viết có trải cái khăn bàn tươm tất. Thằng chả cực khổ long đong suốt một đời. Sống qua hai chế độ, đều đi tù. Quốc gia bắt khơi khơi, giam gần một năm rồi thả. Xã hội chủ nghĩa bắt giam kỹ lưỡng. Khi bước vào cổng tù với 60 ký lô tay chơn mặt mũi. Ra tù còn 39 ký xương.

II

Tôi quen Nguyễn Thụy Long từ văn phòng báo Sống của Nhà văn Chu Tử, một nhật báo rất nhiều độc giả, quy tụ nhiều nhà văn nhà báo tầm cỡ, khuynh hướng chống Cộng, thời Đệ Nhất Cộng Hòa [Đệ Nhất là thời Tổng thống Ngô Đình Diệm 1955-1963]. Thời gian sau, báo Sống bị... chết, do thủ tướng Trần văn Hương đóng cửa. Chu Tử tiếp tục chủ trương tuần báo Đời, rồi nhật báo Sóng Thần, do nhà văn Trùng Dương đứng tên Chủ nhiệm.

Tuần báo Đời do Họa sĩ Đăng Giao trình bày bìa lẫn ruột. Phụ trách tòa soạn là Nhà thơ Đỗ Quý Toàn. Ông này đặc biệt thông minh, dí dỏm; quen nhau từ bao đời tôi chỉ thấy Đỗ Quý Toàn cười thân thiện, chưa một sự cau có giận dữ ai.

Suốt trong thời gian tuần báo Đời hiện hữu, từ số đầu tới số tắt thờ, đều có truyện của tôi và Nguyễn Thụy Long đi song song. Tôi có những truyện dài Luống Cải Vàng, Bến Dòng Nước Biếc, Bến Mưa Ngâu, thì Long có Ruồi Xanh v.v.. Văn phong hai chúng tôi hoàn toàn khác nhau. Có lẽ, do chính chỗ này mà ông Chu Tử muốn duy trì hai đặc trưng trên báo của mình.

Người Bắc, tôi nói bà con di cư 54 [xin lỗi, ví von hơi cò bạc một chút là Bắc chín nút] hầu hết là những con người của văn hóa, của lịch sử, tế nhị, biết giữ niềm riêng tự trong đáy lòng.

Nguyễn Thụy Long thì ruột ngựa, có chi nói huých toẹt ra, như chị hàng xóm nam bộ.

Sáng, đến cả phê trước tòa báo. có tiền trong túi là Long khoe ngay, rồi bao ăn uống. Viết xong bài trả nợ cho báo, thì lái xe cùng nhau đi gặp công chúa Tây Vực [hai mẹ con nhà này đẹp hết sảy, mẹ gần bốn mươi, con gái mười chín, đều là Nàng Kiều. Con ôm một chàng, mẹ nựng một lão]. Khi Long rỗng túi thì biết ngay: “Mẹ, con mẹ vợ lột ráo rồi, Biền đãi tôi nghe, cho mượn thêm mấy chục.”

Có lẽ, từ cái tính tình này mà đời Nguyễn Thụy Long trải qua gai góc gì thì anh viết ngay, kể ra như nhật ký đời mình. Cách kể chuyện của Long thật tình, bộc trực, không văn hoa rào đón. Anh như sống qua, viết vội. Không nuôi chất liệu cho nó chín, biến dạng, đến huyền, hư, để có một loại ngôn ngữ ngoài-xác-chữ, đa nghĩa, cấu trúc truyện nhiều tầng.

Nhưng chính từ cái dễ tính trong cách viết, tận dụng nguyên liệu thô này, truyện của Nguyễn Thụy Long có một độ hấp dẫn khác, trực tiếp, ngay cái Bây giờ.

Văn của Long nóng, thực, keo đặc chất oan trái đời thường. Mà đời thường, giữa cái xứ Ròng cũng biết mằn tinh. Mụ Tiên quý quái mang tính trần rần chỉ để ra toàn là trứng. Cái hoang mơ hoang đàng hoang mị hoang mang đã bằng bạc rắc gieo từ đầu nguồn Sử Việt. Cái xứ này, xã hội này, trải qua bất cứ một thứ chủ nghĩa huyền hoang cứt đá nào, dân đen của đời thường cũng chỉ là phận con lừa, kiếp tì nô.

III

Một chút đời tư. Vợ đầu của Nguyễn Thụy Long là người con gái nuôi của nhà văn Chu Tử. Ông có hai cô gái nuôi, đều dễ nhìn. Người thứ hai là vợ nhà thơ Phan Nhự Thức, chủ tịch Hội đồng tỉnh Quảng Ngãi.

Sau 1975 hai người này đều mất vợ. Cả hai đều khổ cực và chết thảm. Phan Nhự Thức 8 năm học tập về được bảo lãnh đi Mỹ, nhưng cái giấy ra trại cán bộ ác nơn để ngày 30-2, trong khi tháng Hai dù năm nhuận cũng chỉ có 29 ngày. Bọn Mỹ nó cũng ngu, cứng nhắc chỗ không đáng, thiếu cảm thông. Bọn Mỹ khùng, có thể đào một con đường để cứu một con chó, mà bỏ lại một con người trên bãi cháy, không lối thoát.

Thức bị bỏ lại. Thức chết vì ung thư căn cổ. Chết mau như quả chín, có mấy ngày đã đầy sâu trong ruột mềm. Sống giữa thành phố *đẹp-nhất-tên-người*, mà anh chết trong một căn nhà lá, nhà không điện, con trai duy nhất mới bảy tuổi ngu ngơ, bè bạn hùn nhau mua quan tài.

Theo Nguyễn Thụy Long thì người vợ đầu bỏ anh, anh bị lấy nhà, và “Nàng đuổi tở đi.” Long có người vợ thứ hai, thêm hai cô con gái. Hai đời vợ, chỉ bốn cô con gái. Các cháu này rất ngoan. Long nói: “Thế nào ông cũng kiếm một thằng cu. Lấy vài chục mụ vợ để lại một Cái Cu ông cũng tìm.” Tôi bảo Long: “Bốn cô con gái là hạnh phúc rồi. Thời buổi này con gái giúp đỡ nuôi nấng cha mẹ, hiểu đạo hơn con trai rất nhiều. Bọn con trai đa phần là tông ...âm hộ, mà bỏ quên cha mẹ.”

Người vợ thứ ba của Nguyễn Thụy Long chính là người kham khổ nuôi nấng anh trong những ngày bệnh hoạn cuối đời, là người góa phụ khăn tang đứng rũ bên quan tài Long, lúc chúng tôi mang vòng hoa phúng điếu đến. Cháu gái út, và cậu con trai duy nhất, khăn tang đứng hai bên quan tài cha. Hình như các cháu chưa hiểu rõ thế nào về cha của mình.

IV

Long với tôi có cái số viết cùng một tờ báo, rất lâu dài. Các tờ, Nghệ Thuật, Khởi Hành, Sống, Sống Chủ Nhật, Đời, Sóng Thần, Độc Lập, Đông Phương...

Sài Gòn xưa [trước 1975 nay là ...xưa rồi], có một cái vui là có những con đường nhiều nhà in, các tòa soạn báo nằm gần nhau. Có tòa soạn báo là có quán rượu, quán cà phê. Anh em tạt qua tạt về cũng tiện, rất gần gũi. Thời này tôi thấy rất hiếm anh em làm văn nghệ mà viết báo chữi bới nhau, trừ những trường hợp trái cựa về chính kiến Quốc-Cộng.

Chỉ một quãng đường Phạm Ngũ Lão [nay là khu Tây Ba lô] trước sau có tòa soạn Văn [Nguyễn Đình Vượng – Trần Phong Giao], tuần báo Nghệ Thuật, Khởi Hành [hai tờ này do nhà văn Mai Thảo và nhà thơ Viên Linh đứng đầu], nhật báo Hòa Bình [Linh mục Trần Du]. Nhà báo Đinh Từ Thức cực kỳ nổi tiếng ở báo này qua bút hiệu Sức Mấy, với mục “phim” hằng ngày, ngay trang nhất.

Trên đường Võ Tánh [nay là Nguyễn Trãi] có nhiều nhà in [có Quế Sơn Võ Tánh chuyên in tác phẩm Bùi Giáng], nhiều tòa soạn báo kề cận nhau. Trước kia có nhật báo Tự Do [Phạm Việt Tuyền, Nguyễn Hoạt, Hà Thượng Nhân...báo này ngưng hoạt động sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ 1963], tòa soạn Độc Lập [chủ nhiệm Đinh Văn Phát, Hoàng Châu thư ký tòa soạn, báo này được thủ tướng Trần Thiện Khiêm ngầm tài trợ] nhật báo Điện Tín [chủ nhiệm Hồng

Sơn Đông cùng nhóm C.S nằm vùng, núp bóng Lực lượng thứ ba Lý Chánh Trung, Huỳnh Bá Thành...] Nhật Báo Đông Phương [Chủ nhiệm Bà Vân Sơn Phan Mỹ Trúc, Duy Thái thư ký tòa soạn – báo này có sự giúp đỡ hữu hảo về tài chánh của tỷ phú Nguyễn Tấn Đồi] nhật báo Sóng Thần [Chu Tử, Trùng Dương- nhưng đóng phần quyết định mang tính chủ đạo là Nhà báo Uyên Thao] nhật báo này chống Cộng triệt để.

Làm báo thuờ này hàng chóp bu ở trên [chủ nhiệm, thư ký tòa soạn] thì cực nhọc lắm vì nhiều mặt trực diện phải đối phó [chiến sự, lập trường chính trị, chính quyền, cộng sản, áp lực của thị trường báo chí...] Hàng ký giả cũng phải chạy đờ chạy dờ nhật quơ tin tức, nhiều hiểm nguy khi phải lấy tin chiến trận [Tết Mậu thân chẳng hạn, chết ngay trong lòng phố]. Nhưng làm anh sáng tác văn, phóng sự, bút ký thì nhàn nhã hơn. Có khi tưởng tượng ra chiến trường. Vẽ ra ma quái để thêm hấp lực với độc giả.

Sáng ngồi cà phê viết bài. Chừng 11 giờ sáng là hết hạn giao bài [nhật báo Sài Gòn thuờ ấy phát hành vào lúc 4 tới 5 giờ chiều, tùy báo; giờ tan sở cuối ngày là có thể đọc biết tin chính sự, chiến sự 24 giờ qua] Bài vở xong là lai rai thư thả. Cánh văn nghệ không lo xa. Rảnh rỗi, nhưng không hề ngồi viết tiếp bài dự phòng cho ngày mai. Mai hấn hay. Báo Đông Phương có ngay bóng bàn tại lầu 1. Hòa Bình, Độc Lập thì anh em tụ trên lầu với canh xì phé. Nguyễn Thụy Long không ham bài bạc. Thỉnh thoảng vớ nửa tháng lương, ngồi sòng một lúc, là “đ.m cho mượn ít tiền, ông cháy túi rồi.” Long không sành âm nhạc. Không biết nhảy đầm.

Anh lù đù cực mịch. Ăn mặc đại khái. Nói dùi đục. Lại hay nổi cộc. Một lần có người bạn cũ viết bài chửi anh. Anh chửi lại tàn khốc. Chửi không chừa lại một con hẻm để hối hận. Tôi bảo Long nhịn đi: “Thời buổi nhiễu nhương, lắm bóng tối, sự hiểu lầm là rất thường xảy ra. Con người phải đường đàng với bao khó khăn tủi hờn, nên nhay chuyện chửi bới, một cách xả xú bấp, cũng là lẽ thường Long ạ.” Long nói: “Tôi khác, không có Lão Trang như ông. Nó đục mình mình đục lại.” Tôi nói thật với Long, là trong vụ này Long cũng có cái sai, cái lỗi.

(Xem phụ đính: *Mồm chó vó ngựa trang 52*)

V

Long có nhiều cái cũng làm tôi bất bình. Thậm chí có lúc Long đã thiếu cẩn trọng trong hành xử [*] Nhưng tự đầu chí cuối tôi vẫn xem những điểm “tạm chơi được”, cái tận tụy với nghề nghiệp ở Long, mà duy trì tinh thần lâu dài.

Sống trong một Cõi người mà mỗi bao tử bị xé rách theo từng miếng ăn, mỗi não thù thường trực bị bắn phá nghìn tên độc tư tưởng; một lịch sử trong dậm dài chinh chiến, phân ly, thảm sát; một xã hội mà hoàn cảnh luôn đóng kín bóng tối của nghi kỵ, hiểu lầm, hờn oan; những chân chính, sự lương thiện bị bôi bùn; những danh vị hào nhoáng, rỗng và thối hoắc, trên cái bóng đổ của áp đặt, thời cơ, lạm quyền; nơi cửa ngõ dễ dãi, lại vừa méo mó, của một lịch sử bị bách hại muôn chiều, liệu con người có còn là “*duy nhân ư tối linh.*”

Hay chỉ là một hình nhân với nhiều mặt nạ để thay nhau như y phục?

Tương truyền có một đại thi sĩ, một thời, ông có rất nhiều cái lưới ướp trong tủ lạnh. Mỗi cái lưới dùng cho mỗi hoàn cảnh. Ở quán nước với bè bạn, trong hội nghị ban chấp hành, lúc thân mật cũng vợ con, ông dùng mỗi nơi mỗi loại lưới khác nhau. Trước 1975 và sau 1975, trong chiến tranh và khi hòa bình, lúc trẻ rồi về già, lúc hăng say trung thành với lý tưởng và lúc nhìn lại sai lầm, trong hồi tiếc cuối đời những mảnh di cảo, là tùy vào mỗi cái lưới đã được nhuộm màu khác nhau. Ông này là một thiên tài dùng lưới. Ông dùng cái lưới nào cũng đặng bồng lộc, quuyến rũ được người.

Sống trong một thời đại mà một con người tài năng phải triệt để hạn chế, và tùy cơ ứng biến cách phát ngôn của mình. Chỉ vận dụng nó từ đầu môi chót chót lưới đi ra. Không từ não thù

xuống. Chẳng thể từ trái tim, cõi lòng vọng tới. Một cõi người bị bách hại bởi cái áp lực từ bên ngoài và cái hèn yếu từ bên trong, ta có nên hờn oán họ? Ta khinh miệt là ta phạm một sai lầm không hiểu lòng người?

Và ta cũng nên xem lại. Ta hèn tới mức nào. Đã xài bao nhiêu cái lưới, đã trở bộ bao nhiêu thế đứng trong đời. Đã cong lưng bao lần để lượm từng hạt-cát-cái-sống, khi thần chết, khi hoạn nạn to lớn bao trùm.

Chỉ còn một xử thế khá tiêu cực. Sống, không cần thương yêu ai nhưng chẳng nên thù oán ai. Không giúp đỡ được ai, thì chẳng nỡ hãm hại ai. Vậy tạm đủ.

VI

Nhàn rồi, kể thêm câu chuyện này để hiểu thêm tính cách Nguyễn Thụy Long:

Khoảng 1970, trước khi tòa soạn Độc Lập chuyển về đường Võ Tánh, nó nằm ở 54 Thủ Khoa Huân. Đối diện tòa soạn có quán cà phê Hoàng Hoa. Nói là cà phê nhưng có đủ loại rượu xịn, món ăn tây tàu, ca ri ấn độ. Quán chuyên bán ghi nơ. Cuối tháng lĩnh lương thì trả.

Một hôm tôi và Long ngồi trong quán Hoàng Hoa, trời mưa to. Long nhìn ra trước tòa soạn thấy một xế bốn bánh màu đen, nằm dưới mưa trông bóng loáng. Long cảm khái nói:

“Mẹ, trời mưa thế này đi honda chán quá. Tớ mà có được cái xế đen bóng như thế, trèo vô, đóng cửa cái phụ, lái đi. Quý tộc cùng mình.

Tôi nhìn cái xế, rồi nhìn Long tôi nói:

“Xe của tao. Mua bán cho.”

Long ngạc nhiên:

“Hôm trước thấy nó móc thếch như con chuột chết kia mà.”

Tôi cười bảo:

“Đúng. Nhưng hôm nay nhờ trời dội nước mưa, nó bóng bẩy, đẹp ra. Như con gái ở trường tắm, có khác chi.”

Long vọt vĩa:

“Bán bao nhiêu?”

“Tao mua của trung tá Vũ Đình Dậu 250 nghìn. Chán rồi. Bây giờ bán hai trăm. Thêm tiền mua xế khác.”

Tưởng đùa. Hóa ra Long vọt ngay lên tòa soạn năn nỉ thư ký tòa soạn Hoàng Châu vay một mớ tiền để ứng trước cho tôi, rồi lấy xe cho bằng được. Không có bằng lái xe cũng lái cho bằng được. Tôi chỉ dẫn cách lái chỉ đúng vài tiếng đồng hồ. Chiều hôm Long bắt vợ con ngồi vào xe. Vợ con run lên. Long vì vút ra xa lộ suýt bị xe nhà binh Mỹ ủi chết cả nhà.

VII

Tính cách của Long cũng dễ gần gũi. Không kiêu kỳ. Những năm đói khổ, mỗi lần Long ghé nhà, vợ tôi thường nấu mấy củ khoai. Long ăn một củ, nhai cả vỏ khoai. Tôi bảo nhai tiếp vài củ lột vỏ để mà còn uống rượu. Long nói để cho tụi nhỏ nó ăn với.

Tôi không hiểu vì sao vào cái thời khốn nạn, uống toàn cái thứ rượu dỏm, quốc lủi, rượu cây lý, ông già chống gậy, rượu pha thuốc trừ sâu, bia lên cơn, cái thứ bia bây giờ nghĩ lại thấy rùng mình [cha Hồ Thành Đức, họa sĩ có biệt tài kể chuyện tiếu lâm đệ nhất nước, một dạo mê cái thứ bia lên cơn này lắm] vậy mà bọn tôi không ung thư gan, không toi cái mạng khi bao tử lúc nào cũng rỗng.

Bây giờ nhiều rượu bổ, đủ loại bia ngon, lại có thể lột vỏ dầm bông xúc xích, vậy mà nhiều anh em lăn đùng quy tiên, phần lớn là đột quy, ung thư căn cổ, gan củ trướng, tiểu đường chuyển qua phá phách tim mạch. Cha chả là buồn... Phan Như Thức, Đinh Hoàng Sa, Vương Thanh, Trần Hữu Nghiễm, Nghiêu Đề, Chóe, Tôn Thất Văn, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Phan Thịnh, A Khuê, Nguyễn Thụy Long... đọc dài những con người tài hoa, thân ái.

Mà còn nữa. Danh sách bọn lũng nát gan phổi căn cổ vì thời thế. Thời thế nó xúi dại cái thằng người hầy nốc bia – hay cả đời không một giọt rượu bia cũng ung thư như ai – còn dài dài.

Hôm qua Nhà báo Đặng Ngọc Khoa từ Đà Nẵng nhắn tin cho tôi : “ Báo cho anh Biền biết em

có một tin không vui. Em bị K. gan.” Khoa ơi, làm sao biết lát nữa, hay khuya này, chính anh Biền đây có thể đột quy ngã ra cái rằm. Thăng luôn không kịp cái ngáp sau cùng. Dem chuyện chết sống ra giỡn chơi là thất lễ với đấng sinh thành, vô đạo giữa trời đất. Nhưng nghiêm chỉnh cũng rứa thôi. Cũng chết. Quen rồi há?

Mỗi ngày, ngồi trước cái máy gõ gõ ba cái chuyện tầm phào gió chìm mây tan trong trời đất, cứ nghĩ viết chưa xong, có khi mình chết. Bỏ lại một bầy chữ tội nghiệp, nửa cái truyện dở dang. Lại có khi nhớ cái lúc mê man, đau đớn sau cuộc giải phẫu khối u, bác sĩ cắt bỏ đi non thước ruột. Thân Nhiên đến thăm. Nhiên lấy máy hình nói em chụp anh tấm hình, hình này lạ. Cái người tôi bấy giờ như một phi hành “da.” Cườm tay tôi mấy sợi dây, nào nối vào máy theo dõi nhịp tim, cái đo bão hòa oxy, sợi lủng lẳng truyền nước biển; hai cái ống nhựa thọc vào mũi, ống thọc vào miệng xuống bao tử, ống xoi ngay vô bụng ngay chỗ mổ để lấy máu thừa sau ca mổ, một cái ống thọc con cu để lấy nước tiểu, cái nối với trên, cái chảy quàng ra những cái bịch nhựa trong suốt bên dưới. Màu nhợt của máu thừa sau khi mổ. Màu trắng đục của mủ ung hôi, Màu vàng nước tiểu. Trên người tôi dây nhợ như nối từ đó qua đây, từ kiếp nào sang kiếp này. Nghĩ lại, rùng mình. Mà vui cái vui hoang dại. Mà rơi lưa lác trong ngõ ngách. Chừng như mình đang ngồi viết đây là Cái Hoang Liều bước về từ Cõi chết. Long cũng có tâm cảm như tôi một thời. Cũng đồng bệnh tiểu đường, cùng khối u, cùng cầm bút đứng ngay mép bờ tử sinh.

VIII

Nguyễn Thụy Long không phải loại nhà văn đọc nhiều. Kiến văn của anh có giới hạn. Mấy mươi năm bạn lữ, ngồi trò chuyện với Long, không cần thiết phải đọc thơ chữ Hán của Nguyễn Du, không màng tới Tô Đông Pha, Lý Hạ, Mạnh Hạo Nhiên, chẳng luận bàn về triết học, âm nhạc, không phải nhắc tới Marc Chagall, Salvador Dali, Gauguin, hay Van Gogh, Picasso. Nhưng ngồi bên cốc rượu, ly cà phê với Long cũng thú vị, vì Long nhiều kinh nghiệm sống. Anh từng lăn lóc với du côn du kê. Từng uống kính nước đen thay nước đun sôi để nguội. Từng bị nhọc nhằn tù tội. Cả gia đình [sau 1975] đã từng sống trong chòi tranh vách lá, giữa một bãi ve chai hôi thối rác rưởi... Ngay bản thân tôi đã cùng Nguyễn Thụy Long những ngày đói khó mang cái bị lê lê lè lè đường với đủ thứ nghề tạm bợ mong bầy con có chén cháo qua ngày. Chúng tôi cũng đã từng xuống tận Cà mau làm công nhân xây trại nuôi heo. “Công nhân” dành cho các nhà văn ngụy quân ngụy quyền đích thị là anh thân-ái-cu-li. Ngần ấy thực tế trong đời người nhà văn, đã cựu mang, đã thường trực chịu đựng, tôi nghĩ đã hơn nghìn trang chữ chúng ta đọc trong sách vở. Nghìn lần thiết thực hơn những khổ-đau-trừu-tượng chúng ta từng dán mặt qua trang chữ lý luận triết học, tuy thâm sâu hoàng viễn, hay những khung tiểu thuyết rục mà.

IX

Ba năm trước Nhà văn Nguyên Vũ về thăm. Chúng tôi ngồi ở quán Phú Chiêm, đường Trần Bình Trọng Bình Thạnh, một quán rất đông khách vì các món đặc sản Quảng Nam. Hôm ấy có Nhà thơ Vương Tân [Hồ Nam]. Chúng tôi uống cũng quá nhiều. Nhưng lúc chia tay, Long bảo mình muốn về nhà Biền. Tôi bảo về nhà, sẵn rượu, nốc thêm nữa có mà toi. Nào ngờ lần ấy là lần cuối cùng Long đến thăm nhà tôi.

Uống dữ. Chiều tối, thay vì chờ Long về nhà Long, tôi tưng tưng, phỉ phèo nó dữ dội, không cho phép ngưng đưa rượu chảy vào cần cổ. Thế là tôi tức tốc chở Long ngược lại quán Phú Chiêm. Mần tiếp đợt ba.

Hai cái thân bệnh hoạn chứa máu liều. Hai thằng uống miên man, tới hơn mười giờ khuya Long bỗng nhiên ngã một cái rằm xuống đất, nằm bất tỉnh. Cái mặt vừa gầy ốm, vừa đen queo như da con ếch chiên dòn. Anh Trần Hữu Phú chủ quán nói: “Các thầy ông nào cũng già cũng bệnh

hoạn mà uống kiêu này thì chôn không kịp. Đất nghĩa địa buổi này giá trên mây.” Phú rất tốt bụng, anh chờ Nguyễn Thụy Long về tận nhà. Tôi ngã xiêu ngã tất hộ tống. Nào ngờ đây là lần cuối hai đứa tôi cụng ly, từ 10 giờ sáng tới hơn 10 giờ đêm. Uống quá, không còn rượu là kể như toi đời. Sau bữa đó, Long bỏ rượu. Vậy cái điều “Không có rượu thì toi đời” quả ứng nghiệm chăm phần chăm.

X

Hôm trước Tết này, tôi ghé thăm. Long đã gầy quá đỗi. Nhà nuôi năm con chó. Chúng đồng ca đón khách vang trời đất. Nhà lại chật chội, mấy con chó dễ thương cứ quanh quẩn dưới chân, quất quít Long. Chừng như chúng linh cảm, đánh được mùi của cuộc từ biệt. Đời thu lại những tiếng sủa. Âm vang đời là những chào đón đầy than phiền của những con vật nuôi tình nghĩa. Con người nơi đâu? Con người đã vắng bóng người sau mỗi khung cửa hẹp phận người. Long yếu hẳn, nói trong cổ họng. Cứ chờ chó bót sủa một chút thì nói. Mà Long lại ham nói. Chừng như mong tâm sự với Biền cho xong. Rồi: “Tớ đi đây.” Một chập, Long đứng dậy khập khiễng bước đi. Đi tiểu. Nhưng bước không nổi, đành đứng ngay chỗ bậc cửa. Hai cái chân ổng sậy, hai cánh tay như que khô run run vịn vào thành cửa. Phệt nước vàng. Trông như một nhánh trúc gầy biết đá.

XI

Rồi bè bạn cũng đã tới lựa thưa. Những vòng hoa có hàng chữ Chia Buồn, Kính Viếng. Quan tài Long mở nắp. Một cây gậy chống nghiêng nắp với thành áo quan. Chắc là Long nằm chờ những cháu gái thân yêu từ nước ngoài trở về nhìn mặt cha lần cuối. Quan tài màu đỏ. Những hoa văn rực màu vàng. Hai màu đỏ-vàng đã đẩy những phận người lên đên trên những bờ vực của hiểm nghèo, khổ đau, tủi nhục, chết chóc trong bao năm. Thôi, thế là ta thấp nhang. Nói lấp đôi điều tiễn đưa. Có khóc cũng không cùng.

Lời ngoại chú

[*] Sau khi Nguyễn Thụy Long qua đời, các ngành truyền thông, báo chí trong nước giới hạn việc loan tin. Tuy nhiên trên báo Công an TPHCM số 1838 đề ngày Thứ Ba 8-9-2009 nơi trang 13 có một bài viết nhan đề “Vĩnh biệt Loan mất nhưng.” Bài này ký tên Lê Anh. Có thể một phần lớn độc giả Damau chưa đọc bài báo này, tôi xin trích một vài đoạn có liên hệ đến “du luận phải trái” về Nguyễn Thụy Long để quý vị tiện bề tham khảo, nếu thấy cần: “...Ngoài viết văn ra, Nguyễn Thụy Long còn là một nhà báo, dưới thời cố Tổng Biên tập Huỳnh Bá Thành, anh là một trong những cộng tác viên đặc biệt của Báo Công an Thành phố”... “...Cách đây khoảng 18 năm, có lần có lần nghe Huỳnh Bá Thành mô tả Nguyễn Thụy Long ở ao cá viết lách khó khăn, mắt anh rất yếu, lại quen viết trên máy đánh chữ, sẵn có chiếc máy đánh chữ xách tay vừa mới mua được vài tuần lễ, Trần Tử Văn không nghĩ ngợi liền tặng cho bạn văn. Nhận được chiếc máy đánh chữ, Nguyễn Thụy Long mừng lắm...”

Tôi chép những dòng chữ giấy trắng mực đen trên đây như một tư liệu. Tôi hoàn toàn không có thẩm quyền và ý kiến gì để xác minh đúng sai.

Tuy nhiên nghĩ rằng nay Nguyễn Thụy Long vừa qua đời, những phải trái đời người khó bề dấu điểm công luận. Cách đây 27 phút [giờ VN là 17 giờ, ngày 18 tháng 9-09] tôi có điện thoại hỏi Nhà văn Từ Kế Tường, anh có một thời gian lâu bền là Thư ký tòa soạn báo CA. Nội dung điện đàm như sau:

- Chào Từ Kế Tường
- Chào anh Biền. Lâu quá . Ông khỏe không.
- Tường ơi cho mình hỏi đôi điều này.
- Chuyện gì vậy anh Biền?

- Minh nghĩ trước đây Tường là Thư ký tòa soạn Báo CA nên phải hỏi đây. Phải trả lời thật nhé. Đây có yếu tố một xác minh. Tường có đọc bài viết về Nguyễn Thụy Long ký tên Lê Anh trên báo CA không?

- Có.

- Lê Anh là một bút hiệu khác của Đoàn Thạch Hãn phải không?

- Đúng?

- Tường này, phải trả lời thật nhé. Nguyễn Thụy Long có là cộng tác viên đặc biệt của báo CA không?

- Không.

- Chắc không.

- Chắc mà. Vì có như thế thì tôi biết ngay. Là cộng tác viên thì chúng tôi có lên danh sách rõ ràng, có những quy chế đối xử, có mức lương tài trợ mà.

- Vậy sao dựng ra cái tin như thế?

Một phút lưỡng lự Tường trả lời:

- Có lẽ thế này. Lê Anh viết không sai sự thật lắm. Vì có thể Nguyễn Thụy Long là cộng tác viên riêng của Huỳnh Bá Thành. Cái này thì không nằm trong diện chung.

- Tường à, mình thấy nội dung bài viết của Lê Anh là có cảm tình và rất trân trọng Nguyễn Thụy Long. Chỉ có chi tiết này là cần làm rõ mà thôi...à còn chuyện này, cái máy chữ?

- Ông ơi chuyện này thì tôi không rõ...Lâu quá rồi...

- Tường hà, anh Trần Tử Văn là sĩ quan công an? Từng là Phó Tổng biên tập?

- Đúng. Hiện nay cấp bậc Thượng tá.

Trong chỗ anh em, Từ Kế Tường một người có một đời sống rất kín đáo, cẩn trọng. hiền hòa. Tôi tin những điều Tường trả lời. Nhưng cuối cuộc đối thoại tôi nói, qua máy:

- Tường ạ, Tường chịu trách nhiệm nội dung cuộc đối thoại này chứ.

- Đương nhiên. Chúc ông sức khỏe.

- Cảm ơn.

[cúp máy]

Nguyễn Thụy Long ơi, chỉ có vậy Long hà.

Giữa đêm trường



Nhiều khi tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao mình còn sống bình yên được đến ngày hôm nay, điều này chúng tôi từng nói với nhau, những người bạn đồng cảnh ngộ lúc trà dư tửu hậu.

Muốn tìm hiểu phải ôn lại, nhớ lại tất cả những gì xảy ra cho mình từ sau ngày 30-4-1975, còn có thể trước nữa, nghĩa là trước ngày miền Nam bại trận với quân đội miền Bắc. Tôi không chối cãi một điều rằng tôi là người Bắc di cư 1954. Mặc dầu tôi không phải người di cư thực sự mà vào Nam trước di cư hai ba năm gì đó Tôi không đổi được giọng Bắc nên nhiều anh em bạn bè người Sài Gòn gọi tôi là Bắc kỳ di cư. Bắc kỳ di cư thì đã sao? Tôi chấp nhận. Cũng là người Việt Nam cả, tôi là người Bắc chuyển vùng. Đời sống nên dễ dãi như thế để chịu cho mình, cho người.

Trước năm 1975 ở Sài Gòn tôi đã hoàn thành phần nào mộng ước của mình là được làm nhà báo nhà văn. Tôi gặt hái được ít nhiều kết quả trong nghiệp báo cũng như nghiệp văn. Tôi chỉ nói thế thôi chứ không tự đánh giá mình bao giờ. Nhưng tôi hãnh diện vì nghề mình đã đeo đuổi đôi khi cuồng tín với nghiệp dĩ. Chúng tôi là người làm báo được hưởng quyền thứ tự. Nhưng phải đòi mãi có thể có chứ không bỗng dưng mà có được.

Tôi nhớ thuở làm báo trước năm 75. Những tờ báo đứng vững được, và đám người làm báo chúng tôi sát cánh cùng nhau để có tự do trong hành nghề không phải là dễ. Cũng rất gian nan. Những tờ báo bị tịch thu, bị đục trắng khi vừa ra khỏi nhà in. Những tờ báo bị đóng cửa rút giấy phép, ký giả bị bắt bớ, bị ám sát cũng đã có, không biết từ phía nào. Nhà báo lêu bêu từ tòa soạn này sang tòa soạn khác nhiều lắm. Có năm tôi nhảy đến ba bốn tờ báo, cũng có thể năm sáu gì đó. Nhưng vẫn vui, vẫn sống, vẫn hành nghề được

Chế độ Ngô đình Diệm bị lật đổ, quân nhân lên cầm quyền. Chế độ quân nhân muốn báo chí vào khuôn vào phép, không được nói lên điều dở điều chương tiêu cực của nhà nước, đặt ra một số điều lệ bắt nhà báo phải tuân theo.

Tôi nhớ một buổi họp báo của một ông tướng cầm quyền ở phủ thủ tướng. Ông tướng họp báo nói lên điều lợi điều hại gì đó. Ra luật lệ kinh khủng lắm. Buổi họp báo chiều hôm ấy chỉ một mình ông tướng nói, chẳng một nhà báo nào đứng lên đặt câu hỏi. Rồi một nhà báo lớn tuổi, tôi nhớ là ký giả Tô Văn đứng dậy vỗ tay, lây lan sang hàng mấy chục ký giả khác cũng đứng dậy vỗ tay theo. Chấm dứt cuộc họp báo. Các nhà báo ra về trên lối đi có hai hàng lính cận vệ ghim súng. Chúng tôi coi cuộc họp báo ấy như pha, như không có, qua sự chứng kiến của những nhà báo nước ngoài. Cuộc họp báo chỉ có thế thôi, nhưng đã nói lên thật nhiều, thực tế chẳng ký giả nào nói gì.

Tôi đã sống qua những kỷ niệm ấy, tôi trang trọng nghề nghiệp mình. Sau năm 75, anh em đồng nghiệp của tôi xây đàn tan nghệ. Tôi còn lại trên đất nước quê hương, dù còn yêu nghề lắm nhưng không hòa nhập được. Có muốn cũng đành chịu. Lý do tại sao tôi cũng đã nói rồi nên không nói lại, tôi dành gác cây bút lên một thời gian dài, để tìm đường tự cứu sống mình và gia đình.

Đến tuổi già hết sức lao động, chòm xóm có đưa giấy mời vào hội phụ lão, từ mấy năm nay, nhưng tôi vẫn chưa tham gia, vì tôi nghĩ tôi không có thì giờ ngồi đánh cờ với các cụ, hay đi dự những cái gọi là quan hôn tang tế gì đó trong chòm xóm. Hoặc phải viết một bài diếu văn theo đơn đặt hàng, vì tôi cũng có chút chữ nghĩa viết được ra câu ra cú, xài tạm tạm vậy. Mà đụng đến giấy bút tôi ngứa nghề kinh khủng, có lẽ cũng là cái bệnh, hoặc hình như chứng nan y. Tôi leo lên căn gác bút ọp ẹp, xuống cấp trầm trọng của tôi múa bút vung vít, chẳng có mưu đồ gì hết. Tôi múa may một mình thật cô đơn, nhưng thật là tự do. Vũ điệu cũng có thể là múa rối mà tưởng rằng mình vũ ballet. Hiểu sao cũng được. Cũng vui được tuổi già, dù cô đơn trên căn gác bút. Đêm chán viết thì đập muỗi, ngắm sao trên trời, nghĩ ngợi vẫn vợ: thương ông bạn này vừa nằm xuống, nhớ thằng bạn kia còn phải bon chen với đời. Rồi thương mình, thấy mình trẻ lại như hồi nào, hà tất phải ngồi đánh cờ với các vị bô lão, lẩn thẩn nói chuyện dở người. Xin lỗi

hội phụ lão đã có lời mời gọi. Lạy các cụ ạ! Nhà cháu còn trẻ lắm, dù rằng có người đã hỏi ba đứa con nhỏ của tôi là chúng phải gọi tôi là ông nội hay ông ngoại? Tôi bị sốc" là chuyện của tôi. Tôi sinh ra chúng trong cảnh nghèo khó và muộn màng, có thể thôi.

Đúng thời gian đất nước mở cửa, kinh tế thị trường thì tôi bị dời khỏi ao cá, nói đúng ra tôi bị đuổi khỏi nơi ấy. Dĩ nhiên người ta có vin vào một lý do, một cái cớ nào đó và cũng nhân tiện không trả tôi mười hai tháng tiền lương khi tôi làm nghề coi ao cá mà phường còn thiếu chịu của tôi. Tôi thấp cổ bé miệng mà miệng nhà quan thì có gang, có thép. Vợ chồng con cái lếch thếch dời túp lều ao cá trên chiếc xe đạp thồ, con chó ghê lẻo đẹo chạy theo.

Tôi lại hy vọng ở một cuộc đời mới, một chốn ở mới. Không lẽ trời đất bao la mà ta không có chỗ dung thân. Tôi vẫn luôn luôn nuôi một hy vọng nào đó nên mới sống dai. Kể cả những lúc thập tử nhất sinh trên giường bệnh, tôi vẫn không chán sống. Mỗi năm, giờ giao thừa leo lên căn gác bút, tự chúc thọ mình sống lâu trăm tuổi. Hầy cạn chén đắng, còn người ta muốn tính toán gì ở tôi thì cứ làm đi. Tôi lại nhớ đến một đoạn nhỏ trong Thánh Kinh của Chúa, cầu nguyện lại vườn Ghét-sê-ma-nê, sau buổi liếc ly. Cũng là lời Chúa nói với Giu đa.

Ở trên căn gác bút, tôi có thì giờ nghĩ ngợi về đời sống, về tôn giáo, xã hội, chế độ. Mặc dầu tôi không là tín đồ của một tôn giáo nào, nhưng kính trọng tất cả những thánh nhân. Trước bàn làm việc của tôi có hình của Gandhi. Những lời lẽ ấy, những tư tưởng ấy giúp cho tôi khởi sắc trở lại và tha thiết với cuộc sống, mà tôi cho là quá ngắn ngủi với một kiếp người. Tôi có thể nói thật nhiều hoặc không nói gì. Chẳng phải vì hãi sợ hay lý do gì khác. Thường thì tôi hay bông đùa với cuộc đời, vì tôi yêu đời, tha thiết với đời. Đơn giản như bốn phép tính. Cộng, trừ, nhân, chia. Một cộng một là hai, hai nhân hai là bốn, bốn chia hai được hai, hai trừ hai không được gì cả. Hết. Tức là zéro. Tôi cứ tưng tưng giữa cuộc đời, coi là nghiệt ngã thì nó nghiệt ngã, không đáng gì cả thì thôi, mặc kệ nó, không phải là chuyện cấp bách, quần áo mặc sao cũng được, nhà cửa có chỗ chui ra chui vào, cơm nước có muối mè gạo hầm là xong. Không rượu chè, cờ bạc, hút xách. Nhu cầu cần thiết chẳng, có các con tôi, chúng cần học hành để biết lấy tí chút chữ thánh hiền là quý rồi. Tôi đã từng lao động để nuôi con, cho đến ngày không còn đẩy nổi chiếc xe bán xôi vò nữa thì mới nghỉ. Trước đây, gần hai chục năm trước, sau ngày đi học tập cải tạo về, mà trả lời với Công An phường kiểu này thì mệt đó. Anh nói anh không lao động mà vẫn sống nhăn, chẳng ai tin hết. Nghiêm túc lên nào. Có làm mới có ăn, không làm mà có ăn, đích thị anh là kẻ phạm pháp, phi ăn cắp thì cũng ăn trộm, ăn cướp, nói chung là ăn... bần. Kể ăn bám xã hội hèn hạ như loài ký sinh trùng. Phải truy nguyên tước nã cái mà anh đang hưởng thụ đến nơi đến chốn, có nguồn có gốc, theo lý thuyết tam đoạn luận.

Bây giờ thì dễ dãi rồi, anh có thể trả lời tiền có để tiêu, để thưởng thức một tô phở xuất xứ từ Đô do người thân từ nước ngoài gửi về cho, bất kể đó là người thân hay bạn bè thương tình. Anh không bị kết tội là liên lạc với người nước ngoài nữa. Chuyện đó bây giờ bị coi là chuyện chẳng hơi sức đâu. Kể từ ngày tôi phi lao động, nằm dài chờ Chúa thu hồi hộ chiếu trên giường bệnh, nếu tôi không có bạn bè giúp đỡ lo lắng cho thì đã lặn số rồi. Chưa biết lên Thiên Đàng hay xuống địa ngục.

May mà tôi cũng chưa húp làm cháo Lú ở bên đò sông Nại Hà để quên sạch sự đời. Lấy đâu ra tư liệu để viết Hồi Ký Viết Trên Gác Bút. Thì ra tôi vẫn còn sống, vẫn còn minh mẫn. Không như anh bạn của tôi, thi sĩ Tú Kèo, nổi tiếng một thời ở Sài Gòn trước 1975. Anh đã húp làm cháo Lú ngay khi còn sống nhăn ở thế gian. Khiến anh quên tất cả: Quên đời, quên gia đình, quên tất cả những người thân, thậm chí không biết mình là ai... Vợ anh kể rằng, anh vừa ăn cơm xong, lại đòi ăn nữa vì quên biến rằng mình vừa ăn rồi. Chứng bệnh đó, người ở thế gian, bên cõi Âu gọi là bệnh Alzheimer, tên của vị bác sĩ tìm ra chứng bệnh đó. Đi ra đường mà không ai đưa dắt là Tú Kèo đi lạc, không biết đường về tổ ấm của mình. Sống cứ ngơ ngáo ngáo chẳng

ra sao hết. Anh ngồi với người thân nào đó cũng như với người xa lạ. Hệt như phim Bay xuống vùng đất lạ mà tôi mới được xem trên truyền hình. Hai người phi công bị rơi ở một vùng đất xa lạ úc châu. Nhiều ngày tháng lạc lõng đói khát, khổ cực, cô đơn. Cuối cùng được trở về với thế giới văn minh. Một trong hai người trở nên điên khùng, quên hết mọi sự đời, vĩnh viễn sống trong u tối, sống như một cục thịt, một nắm xương tàn đến trọn đời. Nhưng dù muốn dù không tôi cũng phải kiểm chứng lại chuyện này, tìm xem lý do nào khiến Tú Kèo lại rơi vào tình trạng ấy. Tại sao tâm hồn anh lại tê tái đến vô cảm. Thuở Tú Kèo còn tinh táo, anh có đưa tôi đọc tập thơ anh làm trong tù, những bài thơ cay đắng phần nộ, những cảnh trông thấy trong những ngày tù tội dài dằng dặc. Nhà thơ yếu đuối đó được trở về sớm hơn bản án anh phải mang, không biết do ân huệ từ đâu tới. Anh người Sơn Tây, từng kể chuyện quê hương anh cho tôi nghe, đọc thơ Tản Đà, Quang Dũng. Anh đọc bài thơ Quang Dũng, ánh mắt người Sơn Tây:

Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn

Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng

Sông Đáy chậm nguồn quanh Phủ Quốc

Sáo diều se sắt thổi đêm trăng

Bao giờ ta gặp em lần nữa

Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa

Đã hết sắc tàn chinh chiến cũ

Thì có bao giờ em nhớ la

Buồn, buồn quá đi thôi khi ngồi trước Tú Kèo, một nhà thơ sinh ra ở đất Sơn Tây, bây giờ có lẽ đã quên rồi. Rất may có một đạo, sau khi ra tù, Tú Kèo đưa vợ con về thăm quê nội, còn sót lại gì trong anh không? Hải hùng quá trước một sự trống rỗng thăm thẳm.

Đây cũng là những gì cần trả lời cho Khanh, cháu của cậu Nhiên (lên tục của Tú Kèo). Cháu viết thư về thăm hỏi cậu Nhiên, cậu Long, mơ ước một ngày về thăm quê hương được cùng cậu thăm lại xứ Sơn Tây. Cháu Khanh bé nhỏ hỏi nào, thương cậu Nhiên, thương cả bạn thân của cậu Nhiên là cậu Long. Khi đó hai cậu theo đuổi nghề viết văn làm báo, nghèo lắm, và có lẽ cái nghèo, cái khốn khó ấy đeo đuổi suốt đời

Cho đến bây giờ, sau mấy chục năm trôi, sau khi Hồi Ký Viết Trên Gác Bút của tôi ra mắt độc giả ở bên ngoài quê hương, tôi nhận được thư của Khanh. Bức thư của Khanh từ nước ngoài, xứ Texas xa xôi về được địa chỉ của tôi ở ấp Đông Ba Gia Định xưa thật khó khăn, vì Khanh chỉ nhớ mãi mại đến căn nhà của tôi ở đó. Thư cũng đến nơi nhưng mất một thời gian dài, công lao của người đưa thư tìm ra. Tôi biết hoàn cảnh của Khanh ở nước ngoài. Lỡ lâm sự của Khanh trong thư nói đến gió mưa ở xứ người và nhớ mưa Sài Gòn. Tình cậu cháu nhưng không thể coi là lãng mạn của thời mới lớn. Khanh chưa đến tuổi về hưu, nhưng cũng có cháu nội và sắp có cháu ngoại rồi. Bây giờ thì Khanh sống cô đơn trong một căn nhà ở xứ người, nhớ Sơn Tây, Sài Gòn, thèm nghe tiếng nói Việt Nam nên vẫn thường phải mở đài phát thanh Little Sài Gòn để nghe tiếng Việt. Tôi quý mến cô cháu gái như thuở nào. Tôi ngồi vào bàn viết thư hồi âm cho Khanh. Đang viết thư thì nhận được tin Trần Lê Nguyễn mất.

Trần Lê Nguyễn là một nhà văn, đúng ra là một kịch tác gia, nổi tiếng với cuốn Bão Thời Đại của anh xuất bản từ năm 1956. Sau năm 1975 anh không còn cầm bút nữa, không đụng chạm gì đến chữ nghĩa, văn chương. Anh đi chạy chợ trời như những nhà văn nhà thơ hết thời khác. Nhưng tôi vẫn thấy anh luyến tiếc cái gì đó ở nghệ thuật, tìm lại những bức tranh sơn dầu, tranh lụa, tranh sơn mài của những họa sĩ quen tên xưa: Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Tạ Ty, Nguyễn Trung. Tôi nói với anh nếu những bức tranh này phải bán đi thì tiếc thật. Anh cười, chuyện mua bán mà. Tôi làm nghề sửa xe đạp, thường hay sưu tầm đồ phụ tùng xe đạp cũ nổi danh một thời. Tôi thấy anh đi một chiếc xe đạp cũ đời mi cước, có cái khung xe, cặp vành và cặp đùm quý giá quá. Tôi hỏi anh kiếm được ở đâu. Anh nói anh sưu tầm từng thứ một

để ráp thành cái xe này. Anh nhắc tôi cố sưu tầm cho anh một cặp đèn hiệu Campagnelo của Ý, giò đĩa hiệu Stronglight, phải "din" từ con ốc, vít. Tôi hứa với anh mà tôi không làm được trọn vẹn, vì tôi đổi nghề như cóc nhảy. Một buổi chiều gần tàn, nơi chốn chợ trời tôi với Trần Lê Nguyễn vẫn ngồi say sưa "đấu những món đồ xe đạp quý. Tôi nghe ngóng được từ người ta, bèn nói đến một cặp đèn làm bằng gỗ, dai, dẻo, cứng, nhẹ của một tay đua nổi danh thuở xa xưa, câu chuyện cứ y như chuyện "bóc phét". Cặp đèn đó vẫn còn lưu lạc trong dân gian mà tôi chưa tìm ra. Tôi nói với anh ở Đà Nẵng có người vẫn giữ được chiếc xe đạp của tay đua nổi tiếng trong cuộc đua Đông Dương, vượt đèo Hải Vân. Phụng Hoàng Lê Thành Các. Có một người vẫn còn giữ được đến bây giờ. Trần Lê Nguyễn thì nói với tôi về những bức tranh với nổi đam mê, trời tối lúc nào không biết. Lúc chia tay nhau anh Nguyễn còn nói: "Nếu chúng ta còn những đam mê như thế thì khó mà hòa nhập được với nền văn minh chợ trời". Chợ trời là phải chụp giật nhau mà sống, có lời thì bán, mua rẻ bán đắt bán đồ dỏm đồ giả, cần thì bóp cổ nó cho mình trúng mánh. Bán mà không tiếc, coi nghệ thuật đồ quý như pha. Phải coi bức tranh sơn dầu, tranh lụa này là miếng giẻ cũ, bức sơn mài của Nguyễn Gia Trí là một tấm ván. Nói chuyện nghệ thuật ở đây là chuyện vô ích.

Trong một lần khác gặp lại Trần Lê Nguyễn, tôi khoe tìm lại được quyển kịch Bão Thời Đại của anh ở gánh ve chai. Anh hỏi người ta cho hay mua lại. Tôi nói mua lại. Anh lại hỏi có đắt không, bao nhiêu tiền? Tôi nói chỉ có năm đồng bạc Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Anh nói vậy thì đáng giá rồi, chỉ thế thôi, có khi hớ đấy, nếu không người ta cũng xé ra để gói xôi. Mua thế được giá cho người bán, mẹ ve chai trúng mánh. Cả cuốn sách chỉ cân nặng lỏi hai trăm gờ ram, bán giấy vụn giá cũng chỉ vài đồng bạc một ký lô, đủ mua một gói xôi bắp ăn ấm lòng. Tôi bỗng thấy nhói lên ở trong lòng. Con người chúng tôi nếu có được đánh giá cũng là giá "bèo" huống chi là những tác phẩm. Bức tranh sơn dầu chỉ là mảnh vải cũ, bức tranh sơn mài chỉ là tấm ván cũ. Trước đây người ta đốt đi cũng là phải.

Theo cái lý của người ta. Tôi chẳng nói đến cái lý phải quấy ấy làm chi. Một ngày khác nữa, Trần Lê Nguyễn đến ngôi nhà cũ của tôi ở ấp Đông Ba xưa, xem xét căn nhà hoang của tôi, rồi biết tôi vẫn thất nghiệp, anh khuyên tôi nên nuôi chim cú. Tôi nói tôi chẳng có kinh nghiệm gì về chim cú hết, anh rủ tôi đến nhà anh ăn sáng, căn nhà gác chật chội ở bên Chương Dương kê đầy chuồng chim cú, để trứng lia chia. Anh mời tôi ăn bánh mì "ốp la" trứng chim cú. Tôi đếm được mỗi đĩa trứng có sáu cái. Trong khi bà vợ anh nhặt một giỏ trứng mang xuống chợ bán mỗi ngày. Anh nói gia đình anh vẫn có thịt ăn. Anh chỉ bày chim cú trong chuồng. Thế rồi suốt ngày hôm ấy Trần Lê Nguyễn và tôi đi lang thang, lên tận Gò Vấp, vào nhà Tô Thùy Yên để học kinh nghiệm nuôi chim cú của nhà thơ này. Một nhà thơ mới ở tù ra và được coi là hết thời, đang chờ ra đi nước ngoài theo diện HO.

Cái vốn liếng tù tội của Tô Thùy Yên có lẽ dư thừa còn vốn liếng kinh nghiệm nuôi chim cú của anh thì tôi không biết có từ bao giờ. Nhưng nghe nói anh cũng dày dặn kinh nghiệm lắm. Tôi thì không theo nghề ấy, vì một lần nuôi gà bị chết toi cả bày. Sạch luôn cả vốn liếng mà bạn bè có lòng giúp đỡ. Nói tóm lại, tôi không có tay nuôi gia cầm.

Tôi vẫn lang thang kiếm sống qua ngày, xa lánh chợ trời mà có lần tôi đã coi là chốn gió tanh mưa máu. Tôi đi bán xôi đến lúc quỵ ngã vì mất sức lao động. Một cơn tai biến mạch máu não, tí nữa thì chết, nếu không chết thì cũng bán thân bất toại, tê liệt nửa người. Tôi qua khỏi cơn bệnh như có phép lạ. Bây giờ di chứng chỉ còn nói ngọng và khó khăn khi nói. Chẳng được một câu nào gãy gọn. Còn một tay chưa tê tôi bèn viết. Kệ nó muốn ra sao cũng được.

Tôi bị tai biến mạch máu não phải nằm bệnh viện, ngoài vợ con ra tôi chỉ có bạn bè, những người bạn nghệ sĩ nghèo, góp nhặt cho tôi từng đồng để trả viện phí. Tôi mang ơn bằng hữu hoặc thân hoặc sơ. Khi đó tôi tưởng mình đi đứt rồi. Chỉ có những khuôn mặt bạn bè cúi xuống

tôi. Tôi nhớ mãi những khuôn mặt ấy, những đôi mắt ấy không bao giờ quên được. Tôi làm sao quên được chú em bạn tù Võ Bá Yên, nguyên là huynh trưởng Hướng Đạo Sinh, khi khiêng tôi vào phòng cấp cứu phải mang cầm Chứng Minh Thư Nhân Dân (căn cước) để có tiền đưa tôi qua cửa ải này. Trước khi mê man, tôi còn ghi nhận được hình ảnh ấy. Nay thì Võ Bá Yên không còn nữa, chú em ấy bị nhồi máu cơ tim cũng đã chết rồi.

Tôi đưa Yên đến phần mộ ở Bình Hưng Hòa. Tôi đã khóc. Tôi qui trong chùa cùng các sư cầu siêu cho Yên. Ôm hai đứa con nhỏ của Yên, khuyên nhủ chúng cố giúp mẹ chúng duy trì nghề bán cơm bình dân ở căn nhà cạnh chợ Cây Quế. Bố chúng chết rồi, hàng cơm thiếu người bưng tô rửa chén, các cháu phải thay bố ngoài giờ đi học.

Khi tôi rời bệnh viện ít ngày thì vợ tôi cũng giờ dạ đẻ, đưa con út tôi hiện nay. Lúc ấy tôi không có tiền. Mẹ con nó may mắn mẹ tròn con vuông và vợ tôi chịu đoạn sản để lấy tiền thưởng đóng thay viện phí. Vậy cũng xong. Chuyện cũng như người phải bán máu mình để lấy tiền mua cơm ăn. Như cây nến tự ăn mình để duy trì ngọn lửa.

Mấy năm sau, tôi nghe Trần Lê Nguyễn bị bệnh. Bệnh tai biến mạch máu não như tôi đã từng bị. Anh đau khổ hơn vì bị bán thân bất toại, nói năng ngọng nghịu. Vợ anh Nguyễn phải làm thông ngôn mỗi khi đi đâu hay có người tới thăm.

Có hôm tôi với Tú Kều đang ngồi ở quán báo của Nguyễn Kinh Châu ở đường Bà Huyện Thanh Quan thì Trần Lê Nguyễn đi xích lô đến. Anh nói chuyện với chúng tôi mà chúng tôi chẳng nghe được câu nào. Anh bị ngọng quá sức rồi.

Một lần khác anh đi xích lô đến nhà Tú Kều, bà vợ đi cùng, hôm ấy tôi cũng có mặt. Chị Nguyễn phải thông ngôn chúng tôi mới hiểu. Nội dung anh hỏi nhà Tú Kều còn tranh không, nếu bán thì anh mua. Trời đất, anh vẫn còn nghĩ đến chuyện ấy, chuyện nghệ thuật mà anh đam mê từ mấy chục năm trước, thuở lêu bêu chợ trời. Buôn bán mà không bao giờ có lời, bán một tác phẩm mình mua được tiếc đứt ruột. Con người Trần Lê Nguyễn thế đó.

Hôm chợ Cầu ông Lãnh cháy, ngay vào khu anh ở từ bao nhiêu năm trên đường bến Chương Dương, tôi lo lắng suốt một đêm. Sáng sớm tinh mơ tôi đạp xe xuống phía nhà anh, may quá ngọn lửa không lan đến, tôi an tâm ra về. Tin Trần Lê Nguyễn mất đột ngột đến với tôi. Khi đó là buổi chiều, sáng sớm ngày hôm sau gia đình sẽ đưa anh đến nhà thờ làm lễ rồi đưa anh lên lò thiêu Bình Hưng Hòa. Đến khi đó tôi mới biết tên thật của anh là Nguyễn Huy Tạo, sinh năm 1924, mất ngày 7-7-1999. Thế có nghĩa là anh 75 tuổi, sao mà tâm hồn anh trẻ thế. Những người đi đưa tiễn anh lần cuối cùng hầu hết là những văn nghệ sĩ chế độ cũ. Ngoài những nhà văn nhà báo mà đếm được trên đầu ngón tay, tôi thấy còn có các họa sĩ như Cù Nguyễn, Rừng, Hồ Thành Đức mới ở nước ngoài về thăm quê hương. Đưa đám anh đến tận lò thiêu Bình Hưng Hòa, có một người con trai chống gậy, tôi cứ ngỡ là con trai của anh, nhưng hỏi ra thì biết cậu đó là cháu, con trai người em trai anh. Một bài điệu văn ngắn, cảm động do Hoàng Vũ Đông Sơn đọc trước quan tài, rồi cửa lò thiêu mở, quan tài anh từ từ hạ xuống. Thôi, thế là vĩnh biệt Trần Lê Nguyễn. Tiếng khóc của người thân anh òa lên. Tôi cũng không cảm nổi nước mắt. Tấm hình của anh vẫn toe loét nụ cười

Buổi trưa về nhà anh, trên tường tôi thấy còn nhiều bức tranh nghệ thuật. Căn nhà đó ở bến Chương Dương, trước khi anh tới cư ngụ, tôi biết nhiều họa sĩ đã đến ở đó, có cả Cù Nguyễn. Năm 1963 tôi đến đó nhờ họa sĩ Nguyễn Trung vẽ cho tấm bìa tập truyện ngắn Vác Ngà Voi, tập truyện ngắn đầu tay của tôi thuở đầu đời. Trên đường về, buổi trưa trời ập xuống một cơn mưa. Tôi bị cảm nằm liệt mất mấy ngày. Đêm nay ngồi ghi lại những dòng này trời vẫn còn mưa. Những con muỗi đói sự ướl cánh ùa đầy vào phòng. Vừa đụt mưa vừa kiếm ăn, chúng bu

vào đốt tôi tội lỗi. Tôi đập tan xác chúng, máu lóe trên bàn lay.

Trong đêm trường này chỉ mình tôi còn thức, trên căn gác bút đàm mê cô quạnh.

Phụ đính

Mỡm chó vó ngựa

Nhà văn Nguyễn Thụy Long viết từ thành phố Sài Gòn
phản ứng bài viết của nhà văn Hoàng Hải Thủy
ở trong hang động " người có đuôi"

Báo Việt Express, xuất bản ở Nam Cali
Số 11 ngày 15-12-2005:

Thư gửi bạn

Như đã nói với vài người bạn, tôi không muốn tranh luận gì với Hoàng Hải Thủy, (Công tử Hà Đông) người viết loạt bài bôi nhọ tôi, Nguyễn Thụy Long, *ngay sau khi tôi được trao Giải Văn Chương Khởi Hành*, vì hấn vốn là loại người chẳng giống con giáp nào mà tôi biết về hấn rất nhiều, từ trước 30.4.75 lẫn sau 30.4 cho đến khi hấn đi Mỹ. Thế mà một thời gian tôi đã coi hấn là bạn, lại làm cha đỡ đầu cho gái tôi, quả là tôi lầm lẫn và quá tin người thôi, như nhiều người bạn khác đã tin hấn, như anh nhà văn Văn Quang, thi sĩ Thái Thủy. Nhưng rồi tôi phải lên tiếng.

Khi hấn sang được đến đất Mỹ, để tạo ra những câu chuyện làm quà, hấn viết về đời sống của những anh em văn nghệ sĩ còn ở lại Việt Nam, thay vì để người ta còn nhớ những người nghệ sĩ vì lý gì đó còn phải ở lại trong nước, không ra đi được như hấn, hấn lên tiếng chửi bới những người đó, bôi nhọ thân phận những anh em nghệ sĩ phải ở lại không tiếc lời (Như bạn ly dị thì hấn viết là "anh bị vợ bỏ", không đẹp trai thì hấn viết là "sẹo đầu sẹo cổ", bạn một cảnh hai quê thì hấn viết "thuyền trường hai tàu," . Nghe nói hấn còn mang nhân vật lịch sử ra viết lách gọi ông Thi Sách là Thuyền trường hai tàu vì bịa ra rằng Hai Bà Trưng là vợ cả vợ bé của ông.

Chúng tôi không chấp hấn, vì hấn phải làm thế để kiếm tiền sống, dù lời lẽ hấn viết trong những bài báo ấy vừa tục vừa rẻ tiền. Nhưng chúng tôi cũng tha thứ cho hấn, vì đó là lẽ sống của hấn. Gọi hấn là nhà văn là một điều hơi quá đáng, vì hấn có sáng tác được gì ra hồn đâu, mà chỉ toàn là phóng tác, chứ không đủ trình độ dịch thuật. Ở Việt Nam thời đó làm được, chứ sang đến Mỹ (xin lỗi bạn nhé), mà giờ trò ma bùa ấy ra thì nó bỏ mẹ, nên đành phải giữ mảnh ra "luộc" anh em để kiếm ăn bằng những phóng sự rẻ tiền, những người anh em ở xa hấn, không phản bác được bài viết không phải đùa cợt cho vui mà dìu bạn bè xuống để mình ngoi lên. Anh em ở đây không tát vào mặt hấn được, không đá hay ỉa vào mồm hấn vì tội nói bậy, nói láo, vì ở xa quá.

Chúng tôi đã tha thứ cho hấn để hấn kiếm những đồng đô la vấy bẩn do sự ti tiện của hấn mà nuôi thân. Tôi nghĩ hấn là con người nên còn biết xấu hổ, nhưng điều tôi không ngờ nhất là đến nay, tôi nhận được Giải Văn Chương Toàn Sự Nghiệp của Khởi Hành tặng, do sự đóng góp của các độc giả và bạn bè đồng nghiệp, hấn lại lồng lên, viết liên tiếp mấy bài báo chửi tôi thậm tệ, chửi cả tờ báo trao giải thưởng cho tôi, không phải trên một tờ, mà trên hai ba tờ báo. Những bài báo hấn chửi bới này, tôi không đọc mà chỉ nghe người thân, trong có em ruột và

em họ tôi đang ở Little Saigon, nói lại.

Tôi đã định không lên tiếng, như đã bàn với anh Viên Linh, chủ nhiệm Khởi Hành, vì dính vào hủi làm gì cho bản mình ra. Qua những tác phẩm tôi đã viết đăng báo và xuất bản ở nước ngoài gần đây, tôi nghĩ độc giả cũng có đủ dữ kiện để đánh giá về tư cách tôi và đường lối làm việc của tôi. Nhất là khi cầm lại cây bút trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, lại nguy hiểm cho an ninh bản thân.

Viết truyện đời tư người khác để kiếm sống, lại nói đến Tài và Đức

Độc giả không thể ngộ nhận qua lối bôi nhọ của hấn, một mặt bôi nhọ người được trao giải, mặt khác nhắc đến vụ Hồ Con Rùa gì đó mà hấn rêu rao có tham dự, cho rằng hấn mới là người xứng đáng có "khí tiết". Rõ ràng là đồ mặt dày, một sự trơ trẽn không có lời để nói hết. Tôi muốn bỏ qua cho hấn và nghĩ đến chuyện dĩ hòa vi quý là tốt hơn hết. Nhưng hấn đã bôi nhọ đến danh dự của tôi quá đáng, lại dùng tài liệu giả để bôi nhọ tôi. Những tờ báo nào đăng tải bài chửi tôi mà không đủ bằng chứng rõ ràng tôi sẽ kiện tờ báo ấy về tội bôi nhọ, buộc họ phải xin lỗi vì đã dung dưỡng một kẻ vô lại, bằng luận điệu mặt dày, giống vô loại, dớp trộm bạn bè như giống chó, đều giả. Hấn có cái ganh ghét của một đứa con nít rằng sao người khác được cái bánh, cục kẹo mà nó không có. Tôi tiếc rằng tuổi hấn đã già tóc bạc trắng, từng có cháu gọi bằng ông mà còn ngu dại. Hấn đã đánh mất cái liêm sỉ của một con người, đánh mất tất cả mà có thời người ta đã gọi hấn là nhà văn nhà báo, cho hấn đứng chung hàng ngũ nghề nghiệp, nói chuyện về hấn, một kẻ xưng mình là Công Tử Hà Đông, mà còn thua cả tư cách mặt dày như nhân vật Chí Phèo của nhà văn Nam Cao đã viết cách đây sáu chục năm. Nhân vật Chí Phèo được người đời sẵn sàng tha thứ vì là kẻ nghèo hèn, vừa đáng giận vừa đáng thương. Người ta ghé thăm mà cho nó tiền đi uống rượu để khộp cái mỏ của hấn lại, không làm phiền, làm rác tai đến ai nữa. Người ta coi loại người như hấn là mồm chó vó ngựa.

Trong đất nước ta có bao nhiêu nhà văn nhà thơ chửi đời và chửi người, nhưng nào ai dám khinh, trái lại còn mời vị ấy ngồi lên ghế cao, còn thằng công tử tinh lẻ này người ta phải khinh hấn thôi, vì hấn vô tài bất tướng lại bắt người khác phải công nhận hấn chửi mắng người khác chỉ vì không cho hấn những gì hấn ước muốn. Tôi khẳng định tư cách của hấn là tư cách bôi bết, một tên chuyên viết thuê bản thủ trong làng báo làng văn, làm ô nhục cho giới báo chí, lạm dụng danh xưng văn sĩ, thi sĩ dùng văn chương vào những việc bậy bạ, mưu đồ xấu xa bán rẻ bằng hữu vì được người ta trả cho vài chục đô một bài.

Từ bao lâu nay gọi hấn là nhà báo, nhà văn là một sự sai lầm, hấn không xứng đáng được đứng vào hàng ngũ của những người có thực tâm muốn dùng ngòi bút đánh thức lương tri của những kẻ dùng quyền lực sống trên đầu trên cổ những người dân thấp cổ bé miệng không có gì để tự bảo vệ mình.

Thật tình tôi không muốn nhắc đến tên hấn vì sợ làm bản ngòi bút của tôi, nhưng nay tôi phải lên tiếng, vì tôi tôn trọng giải thưởng và tôn trọng những độc giả đã vì sự nghiệp văn nghệ mà còn nhớ đến tôi. Đây là sự lao động trí óc của tôi mà có được thôi, và được đánh giá xứng đáng. Tôi cũng không muốn trả lời những điều hấn bôi nhọ tôi và tờ báo đã trao giải thưởng cho tôi nhưng điều tôi muốn nói ở đây là tôi muốn nói với độc giả của mình: các bạn yên tâm, những tình cảm các bạn dành cho tôi là đúng và những lời xuyên tạc của kẻ có dã tâm bản thủ kia không làm tôi nao núng; vì tôi tự đánh giá và biết tôi sống và viết bằng sự thật, luôn luôn khẳng định: không bao giờ chịu lùi bước trước những thế lực muốn vùi dập thân phận tôi, chỉ vì tôi yêu quý nghề nghiệp của mình và luôn tâm niệm chỉ nói lên sự thật. Hấn luôn luôn kهنh kiêu cho rằng chỉ có hấn mới là người vừa có tài, vừa có đức.

Thưa các bạn,

Nếu nói đến cái tài của hần từ xưa đến nay, cũng chỉ ăn bám vào những tác phẩm của người khác để phóng tác và những truyện hần viết cũng thuộc loại thường thường, sau ngày "giải phóng" thì cũng chỉ nhai đi, nhai lại vài từ coi là chống Cộng là "ngã ba cụ Hồ," và gọi thành phố Sài Gòn là cái "thành Hồ," rồi hết đề tài mang những chuyện nội bộ trong gia đình của những người bạn để có cái mà viết, đó là điều người có liêm sỉ không bao giờ làm. Trong cuộc đời của mỗi con người có nhiều chuyện đau lòng, những đổ vỡ hoặc chuyện vợ chồng phải chia tay do thời cuộc, hoặc nhiều lý do khác quan chỉ người trong cuộc mới biết, đó là những cái bất hạnh, những chuyện đau lòng. Bạn bè nếu quý nhau, người ta còn tránh nhắc đến những chuyện ấy, nhưng trái lại hần là một thằng vô sỉ, cười đùa trên cái bất hạnh của kẻ khác, mang lên mặt báo mổ xẻ những đau khổ của gia đình người ta, nếu hần có can đảm thì hãy mang chuyện gia đình vợ con của mình mà bêu riếu để cho mọi người cùng biết, tôi tin rằng những bài như thế sẽ ly kỳ hấp dẫn hơn nhiều so với những chuyện của kẻ khác.

Còn luận cái đức, trong đời hần đã làm bao nhiêu là việc thiện, giúp đỡ ai, ngoài việc ganh tỵ, ghen ghét với người khác. Trong khi đó lúc nào hần cũng kêu gào, đòi chống Cộng triệt để, xuyên tạc những lời nói, việc làm của kẻ khác, chửi bới người ta nâng bi, ca ngợi Cộng Sản, khi tôi có nhắc đến cá nhân Huỳnh Bá Thành, một cán bộ CS, nhưng đối với bạn là một con người tốt, biết giúp đỡ mọi người trong hoàn cảnh không phân biệt kẻ ấy có phải là ngụy, không đòi hỏi người chịu ơn ấy điều gì. Huỳnh Bá Thành là một kẻ có tình người, mà tôi mang ơn anh ta, như nhiều người khác anh ta đã giúp đỡ. Tôi ca tụng cái đẹp của tình người, đúng với lương tâm của một con người, bất kỳ con người đó ở phe phái nào. Như mới đây một nhân vật được người ta nói đến nhiều là cụ Hoàng Minh Chính .

Cụ Hoàng Minh Chính nguyên là người CS nòi được một đồng bào hải ngoại trân trọng mời sang Hoa Kỳ chữa bệnh, người ta quý mến vì những lời phát biểu của cụ. Cụ dũng cảm dám nói lên những nghĩ của mình, nhận định tình hình chính trị, những sai trái của nhà nước CS trong nước đang cai trị 80 triệu dân Việt, dù cụ đã tám mươi mấy tuổi, trong người lại mang trọng bệnh. Cụ đúng là một kẻ Sĩ. Một Dương Thu Hương mạnh mẽ can đảm dùng ngòi bút để làm vũ khí chống lại những bất công, những giả dối. Lột tả hết những khốn nạn của người dân ở trong cái gọi là thiên đường Cộng Sản nhưng lại là "Thiên Đường Mù", được các báo Việt ở hải ngoại và được báo ngoại quốc ca tụng. Một ông cụ như Hoàng Minh Chính, một nhà văn như Dương Thu Hương, họ có phải là người xuất thân từ CS hay không? Như vậy cũng rõ bất cứ ai, không phân biệt họ là thuộc phe phái nào, một khi thấy làm lên tiếng, là có cái dũng của kẻ Sĩ, nhân cách họ tỏa sáng, đều được người đời kính phục. Chỉ có những kẻ có tâm địa khốn nạn, xuyên tạc những cái hay, cái đẹp, cái nhân, cái nghĩa đó là bản chất của người Việt mà người ta đang cố giữ gìn và duy trì nó.

Nói theo luận điệu của kẻ ếch ngồi đáy giếng là Hoàng Hải Thủy, thì ngày nào ngựa mồm hần có thể kết tội những người có tấm lòng vàng, đã tìm mọi cách đưa cụ Chính đi chữa bệnh và những người viết bài ca tụng Dương Thu Hương là kẻ nịnh nọt, bợ đỡ Cộng Sản, ca tụng Cộng Sản. Tôi nhấn mạnh một điều chúng ta là người có lương tri chúng ta không căm thù những người sống với CS mà chống mọi bất công bất cứ từ đâu tới.

Về bài báo viết về Nguyễn văn Trỗi trước 1975

Mấy chục năm trước tôi là nhà báo, được chứng kiến cái chết của Nguyễn văn Trỗi từ đầu đến cuối, tôi không hề ca tụng anh ta là liệt sĩ. Bài báo tôi đã viết từ mấy chục năm trước, khi tôi là ký giả của tờ báo Thiện Chí, bị kiểm duyệt đục bỏ gần hết, tôi cho đăng lại vì những tài liệu tôi được đọc sau ngày "giải phóng" nói quá sự thật không đúng như những điều tôi chứng kiến lúc

người ta tử hình Nguyễn văn Trỗi. Không phải một mình tôi mà còn có hai người nữa là phóng viên Song Thi và Hải Bằng. Đối với Nguyễn văn Trỗi dù anh ta chết cho lý tưởng nào đi nữa, niềm thương cảm tôi dành cho anh, một người còn quá trẻ, mái tóc còn xanh mà đã chết, tôi thương cảm cho thân phận con người của hấn, khi nhìn thấy dòng máu của hấn chảy qua ngón tay đeo nhẫn, nghĩa là hấn đã có vợ, có một người tình, còn cả một tương lai mà không được hưởng, thương cho một người chết trẻ, không luận cái chết đó đúng hay sai. Cái dũng cảm của người viết dám ký tên thật của mình, không cần ẩn vào một tên khác để trốn tránh trách nhiệm, hay ném đá giấu tay. Điều này tôi đã viết trong "Hồi ức 40 năm làm báo." Đã đăng báo ở hải ngoại, mở trang Web lên là thấy, tôi cũng xin trích trong bộ sách ấy:

"... Cũng trong thời gian này chính quyền miền Nam do tướng Nguyễn Khánh lập chính phủ, xử tử Nguyễn văn Trỗi, tại bãi cỏ khám Chí Hòa, ký giả chúng tôi được sĩ quan Bộ Quốc Phòng đưa đến chứng kiến cuộc hành quyết. Cái áo quan để cạnh cột thọ hình mang một cây thập tự giá bằng sắt xi mạ trên nắp hòm, vì đêm qua anh đã trở lại đạo do cha Yên rửa tội. Sau những lời tuyên bố của anh, sau cuộc hành quyết, nhà báo chúng tôi lên xe ra về. Chúng tôi nói với nhau đúng anh là người Cộng Sản."

Sau này tôi xem phim và đọc những quyển sách viết về Nguyễn văn Trỗi, tôi thấy hoàn toàn sai lệch. Bài báo của tôi tường thuật trên tờ Thiện Chí bị đục bỏ nham nhở.

"Tôi xin nói rõ hơn, người sĩ quan Bộ Quốc Phòng đó là thiếu tá Hoàng Ngọc Liên, hiện giờ đang ở bên Mỹ và cũng tham gia văn nghệ . Còn hai ký giả mà tôi nói chuyện tới là bạn tôi, ký giả Hải Bằng hiện nay cũng đang làm báo ở bên Mỹ, nữ ký giả Song Thi, nay không biết ở đâu. Cái hình Nguyễn văn Trỗi thọ hình có dính cả hình tôi, anh ta đang trả lời những câu phỏng vấn cuối cùng với chính tôi.

Vậy thì nói dính đến CS chưa hẳn là kẻ bợ đỡ CS, hay tôn vinh họ là liệt sĩ như lời Hoàng Hải Thủy đã xuyên tạc, bôi nhọ, hầu làm hại tờ báo không đăng bài anh ta. Chuyện có sao nói vậy, lương tâm nghề nghiệp của người cầm bút , tôi là một chứng nhân lịch sử, tôi phải nói lên sự mà thôi, quyền của một người làm báo, thương cho một người còn trai trẻ mà bị chết vì một lý tưởng nào đó. Dù đúng hay sai, chuyện kết tội đó là của người khác. Như thời tôi làm phóng viên chiến trường, tôi thấy trên chiến địa còn bỏ lại xác chiến binh cộng sản, những thương binh của họ bỏ lại nằm lê lết, được phía Cộng Hòa cứu chữa, có anh lính Cộng Hòa trẻ, còn cúi xuống chiến binh bị thương của địch, anh ta chăm cho người chiến binh ấy một liều thuốc Quân Tiếp Vụ. Ở đây không còn căm thù mà chỉ còn tình người, vậy thì việc làm đó của anh lính Cộng Hòa có đáng được tôn vinh hay không, hay đáng chửi, đáng kết án. Hay đó là tình thần mã thượng của người chiến sĩ đáng tôn quý hay đáng chụp mũ bản thù. Tôi không chấp nhất tên ấy, nhưng đụng chạm đến liêm sỉ của tôi, tôi lên tiếng thôi để khỏi bị ngộ nhận.

Hoàng Hải Thủy và chuyện khám Chí Hòa

Hoàng Hải Thủy có bị ở tù Cộng Sản sau 30-4, sau đợt thu gom văn nghệ sĩ, nhưng không hề ở khám Chí Hòa, mà một trại giam khác, nên không hiểu được sinh hoạt của các tù nhân tại khám đường Chí Hòa.

Anh ta viết trong bài tôi tả khám Chí Hòa không đúng ! Chưa nói chuyện khác, có "nhà văn" nào lại viết nhà văn kia viết cái đó dở hơn tôi, viết sai, tôi viết mới đúng ?

Nội qui của khám đường nào cũng có, nội qui cấm ca hát (để nghiêm túc "học tập cải tạo.") . Nhưng tù tại khám Chí Hòa không biết sợ là gì, đêm nào cũng ca hát với nhau, dù có bị đánh bị đập, bị nhốt biệt giam cùm chân tay họ cũng không sợ. Huống hồ một Ali Hùng kẻ mang án tử

vì tham gia vụ Vinh Sơn còn gì mà sợ nữa, anh trần trối lại với đời, với đồng bào anh những ca khúc mà anh từng ngưỡng mộ, lời trần trối ấy là những lời thật nhất của con người trước lúc lìa đời, không thể phủ nhận, không thể mang ra bôi nhọ được, đó là điều linh thiêng, không phải chuyện đùa. Những nhân chứng đêm hôm 9-8-1978 đó tôi đã nêu ra trong bài viết Ký Ức Về Tiếng Hát Người Tử Tù đăng trên Khởi Hành vẫn còn sống, hiện họ sống ở nước ngoài. Trong đó có hai người là luật sư Triệu Bá Thiệp, luật sư Trần Danh San, hai trong ba người tranh đấu cho nhân quyền Việt Nam, bị bắt bị bỏ tù đầu tiên. Họ là người làm chứng cho tôi là tôi đã nói lên sự thật đêm hôm 9-8-1978 tại khám Chí Hòa. Trần Danh San đang ở tại Cali, Triệu Bá Thiệp ở Canada. Luật sư Nguyễn Hữu Giao, đã qua đời năm 1991 tại Pháp, tôi không nói đến.

Tên công tử người làng thợ thêu tinh lẻ này quen cái thói: bôi bác được ai là bôi bác, để kiếm tiền lẻ, chỉ muốn có vài chục đô mà hấn mang cả chuyện gia đình người ta để viết, nhân cách và liêm sỉ của hấn chỉ chừng đó giá thôi, loại nhân cách khốn nạn, bỉ ổi, chuyên kiếm sống bằng thứ văn chương hàng chợ.

Trong đợt đầu văn nghệ sĩ bị bắt bị thâm gom, hấn ta cũng bị bắt được ít lâu tính theo ngày tháng, hấn được anh ruột, nay là CS lớn, bảo lãnh cho về, tôi không nhớ đầy đủ họ tên ông này, chỉ nhớ tên ông ta là Chắt.

Hồi thời Việt Nam Cộng Hòa, có một thời gian ông này phải trốn trong nhà Hoàng Hải Thủy thuê tại đường Hồ Biểu Chánh Phú Nhuận, ngay bên cạnh nhà của nhà báo Duy Sinh thời đó, nay cũng ở Hoa Kỳ. Nhiều bạn bè biết chuyện ấy, nhưng tố cáo làm chi, vì nghĩ đó là tình máu mủ ruột thịt thì hấn phải làm việc "chứa VC trong nhà". Người quốc gia khác người CS ở điểm đó, vì họ không muốn biến thành Công an nhân dân, hay tên chỉ điểm không công.

Nói về tên công tử thợ thêu tinh lẻ này mãi cũng chán bỏ mẹ, nhưng phải nói thôi, xin coi đây là bức thư tâm tình gửi bạn. Cho tôi gửi lời cảm ơn đến các độc giả của chúng ta, các bạn bè. Tôi phải nói lên những điều này cũng đau cho tôi lắm, tôi viết không phải để trả lời hấn, nhưng để tránh cho độc giả và bà con của tôi chuyện ngộ nhận. Tôi từng viết tiểu thuyết phóng sự nói về nỗi khổ trong cuộc đời, dù bất cứ chế độ nào, nhưng tôi mang chính những nỗi khổ, sự vui đập mà tôi đã trải qua để làm bằng chứng, chứ không mang người khác ra để bôi nhọ. Nếu nói đến gia đình họ hàng tên mõm chó vó ngựa này còn rất nhiều chuyện để nói. Hấn là tên nghiện thuốc phiện, thường xuyên thiếu tiền hút xách nên luôn làm chuyện bậy bạ. Tôi đã toan bỏ qua mọi chuyện cho hấn theo lời của vài người bạn ở đây can gián, nhưng đến nay tôi thấy không được nữa rồi, tôi phải lên tiếng để cho vợ hấn biết, vợ hấn dạy bảo hấn như đã từng dạy bảo như xưa kia. Tôi thật xấu hổ khi đã trót coi tên này là bạn và làm cha đỡ đầu cho con gái tôi.

Thân mến
Nguyễn Thụy Long

Nhà văn Nguyễn Thụy Long Viên Linh

I. Giữa thập niên '50, trên tờ Văn Nghệ Học Sinh có đăng vài truyện ngắn ký bút hiệu Mặc Lan Giao. Lúc gặp nhau, tôi đã giấu một nụ cười, khi trước mặt là một cu cậu mập thù lù, chặm chạp, và có cặp mắt nhìn lừ đừ.

Mặc Lan Giao, cái tên thanh nhã và ẻo lả biết mấy. May mắn thay là Lan Giao sớm thay đổi, từ lãng mạn u sầu sang hiện thực gồ ghề với tập truyện ngắn Vác Ngà Voi, ký tên thật là Nguyễn Thụy Long. Tác phẩm đầu tay này của Long xuất bản năm 1965.

Hai năm sau, đi vào thế giới dao búa và tù tội của mình, tên tuổi Nguyễn Thụy Long trở nên lẫy lừng với cuốn *Loan Mắt Nhung*. Lúc cuốn truyện này được quay thành phim, một tí nữa tôi cũng đã đóng phim. Đoạn phim đã quay, bên cạnh một vũ nữ thân ngà, chỉ mặc hai mảnh bikini, tôi lại mặc đồ lớn, cà vạt, bộ đồ có sọc to như sợi bánh phở. Không chờ xem lại đoạn phim, tôi biết là không thể thế được, nên ra sức thuyết phục người bạn đạo diễn, và đoạn phim ấy may mắn được cắt bỏ. Chính Long, có mặt trên sân quay hôm đó, sau lúc đó bảo tôi: “Con đó nhảy hay hơn mày;” tôi càng thấy là sự nghiệp điện ảnh của mình không nên bắt đầu làm gì.

Thuở Nguyễn Thụy Long ký bút hiệu Lan Giao, anh ở nhà mẹ trong một ngõ hẻm đường Phát Diệm. Còn nhớ con phố ngắn này nối đường Võ Tánh, nơi có trường Nữ Trung Học Trí Đức, với đường Trần Hưng Đạo. Trên con phố có tiệm chụp hình Anh Đào, mà sau khung kính có tấm hình một phụ nữ miền Nam điển hình: tóc chải miết da đầu, vuốt lên, bóng đen, quần lại thành búi ở phía sau. Long có một em trai ruột là Lân, và chị Ngọc, em Phụng. Chị Ngọc hay đòi tôi chở trên chiếc *velo solex* đi công việc, hay đi xem phim Ấn Độ múa rối ở rạp Long Phụng. Có lần bác Long dọa: thằng Linh còn chở chị Ngọc đi nữa là không đưa con gái nào dám lấy mày nữa đâu. Ai cũng gọi Ngọc là chị, tuy chị là vợ kế của cha Long. Ông là một họa sĩ truyền thần, mắt sớm, tấm hình còn treo trên cột nhà. Hẳn vì nghiệp cha mà Long ghi tên học Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Từng theo kháng chiến chống Pháp, ông bỏ Việt Minh từ vùng rừng núi vô thặng Sài Gòn từ năm 1952. Khoảng chúng tôi gặp nhau lần đầu, chưa ai đầy 20 tuổi. Đâu như còn 17, 18. Trong bọn chỉ có tôi là đã vào đời, đi làm báo lãnh lương tháng, việc học phải uyển chuyển theo việc làm.

Nguyễn Thụy Long ít nói, ưa nhìn, ưa quan sát. Có thể là lúc đó Long thấy mình chưa có vốn sống, nên không thốt ra lời các suy nghĩ, nếu có. Hoặc Long sống nhiều nội tâm, mà ngại diễn đạt trước bạn bè. Thật sự, đề tài trong các truyện của anh khá thay đổi.

Sau đó rất nhanh, chúng tôi tan tác một thời mới lớn. Sức vóc trưởng thành làm bật đi xa, vắng tứ tung, mỗi người một ngả. Ngôi nhà bác Long mà nhiều hôm chúng tôi ghé lại tìm cơm ăn đã mất dạng. Món tép kho tiêu của bác không bao giờ tôi có thể quên, nó ngon như một tiêu chuẩn mẫu mực để kho cá trong sách nữ công gia chánh dạy nấu ăn. Món cá thu kho bác nấu với thịt heo bằng thứ nước hăng, là nước đường canh lên quánh sệt màu nâu đen đỏ sậm, thơm lừng, cũng chỉ mẹ tôi, hay cô tôi làm thời ở Hà Nội, mới còn trong trí nhớ. Khúc cá, miếng thịt ấy quyện vào rau răm, giềng, khô mà bùi, cắn làm sao để không đọng môi, ăn như ăn để dành, hiếm khi còn thấy lại. Cho nên mẹ tôi vẫn đúng khi phê bình các cô con dâu: “Các chị nấu như thế làm sao anh ấy ăn được.”

Gia đình Long, một thời, cho tôi cái cảm giác gần gũi, thân cận, thời “giang hồ” đầu đời với những bài ca chia cắt quê hương, “Hà Nội ơi, nhớ về thành phố xa xôi,” hay biệt ly hàng xóm, Sài Gòn rực rỡ đèn màu và những mối tình thanh xuân - một nửa dang dở dưới mái trường, nửa khác nồng men son phấn nơi quán xá. Tuổi trẻ bùng vỡ và với cây bút, chúng tôi tự nhiên lớn lên trong nghề văn, nghề báo, không chọn lựa và không bao giờ phải chọn lựa. Nếu có chọn, là chọn từ bỏ bớt đi sự cộng tác với những tờ báo tầm thường, để càng ngày càng hướng về văn học.

Cuộc vào đời mỗi phía có những trắc trở. Phía Nguyễn Thụy Long tàn khốc hơn là tôi biết. Còn nhớ, một buổi chiều đầu khoảng đầu thập niên '60, tôi đang ngồi trên *velo solex* trên đường Lê Văn Duyệt từ ngã Sài Gòn về Ngã Tư Bảy Hiền thì thấy Long nhợt nhạt bên đường. Thấy rất nhanh dù có cho xe chậm lại. Không nhớ gì ngoài khuôn mặt trắng xanh và đôi chân đi đôi dép Nhật bệ rạc, qua cái nhìn theo chiều dọc của người chạy xe. Có đến vài năm rồi chúng tôi không gặp nhau, không biết hoạt động của nhau. “Có tiền không,” đó là câu hỏi đầu tiên tôi nghe từ người bạn cũ. “Không.” Tôi trả lời. Xe vẫn tiếp tục chạy. Khoảng bốn năm năm sau gặp lại, hình ảnh ấy đã là một thác mắc cần phải hỏi.

- Cái hôm hôm gặp nhau trên đường Lê Văn Duyệt ấy, không có thì giờ ngừng lại với nhau. Hôm đó cậu làm gì mà lơ ngơ bên lề đường như thế?

- Vừa ở tù ra. Vừa từ khám Chí Hòa đi ra tới đó thì trông thấy cậu.

Câu trả lời thản nhiên. Và không ai nhắc lại nữa. Cũng không nói thêm. Nhưng nó lớn dần trong lòng tôi. Hóa ra hôm đó người bạn tôi vừa mãn một hạn tù, đứng bên đường, lòng đói, không một xu dính túi. Anh gọi và tôi đã không dừng xe lại. Long ở tù, chẳng biết vì tội gì, song thiếu gì người ở tù mà vô tội, tôi biết, trước hay sau 1975. Tiểu sử Nguyễn Thụy Long, in trong một tuyển tập, đọc thấy: “Tên thật là Nguyễn Thụy Long, sinh ngày 9 tháng 8, 1938 tại Hà Nội (Bắc Việt)... Theo học trường Thiếu Sinh Quân, nhưng rồi lại bỏ binh nghiệp sau khi thân phụ mất. Theo học tiếp những năm trung học tại Sài Gòn, Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định rồi lại bỏ học đi lính khi gia đình gặp chuyện khổ, ly tán. Sau 5 năm quân đội, đào ngũ, tù tội, ra khỏi tù sống những ngày lang thang ở những nơi hạ lưu của xã hội...” Buổi chiều thấy Long đó, nghĩ lại, không biết có phải là sau 5 năm quân đội không? Cái tiểu sử đó, in trong một cuốn sách xuất bản ở Sài Gòn vào năm 1974, nói lên sự ngay thẳng của tác giả Vết Thù (1968), Sầu Đồi (1970). Anh không giấu diếm những trầm đọa của đời người. Anh sống rất thật. Hồi cộng tác với tôi ở tuần báo Hồng, anh ngồi xe mui trần, tóc tai đen nhánh, tua tủa, thân hình phì lũ, và bộ râu trông không được hiền lành. Lái xe hơi sì po, tay trái gác qua thành cửa, trông cũng ra vẻ Loan Mất Nhung thật, tuy rằng không nhớ cặp mắt này có thăm thẳm không, vì cặp kính cận quá dày, gọng đôi môi quá đậm, che mắt về đẹp ví dụ là có.

Ở Hải Ngoại, năm 1980 gì đó, tôi nghe tin Long vào tù, ra tù, lại vào tù. Chẳng cần biết lý do. Nhưng có một lần nghe tin Long đánh vợ, tên là T., một nhân viên làm văn phòng báo Sống của Chu Tử. Cô này ra mách cán bộ là chồng cô giấu vũ khí trong nhà, đó là tin nghe, không rõ lắm sự xác thực. Nhớ Long, lúc đó tôi làm bài thơ bốn câu như sau:

Loan Mất Nhung tù bởi vợ thừa
Mưu chi y giữ súng trong nhà
Long ơi nếu sống mà ra được
Giận vợ nhưng đừng đánh vợ nghe.
(Đoạn 32, Thủy Mộ Quan,
trang 23, Virginia, 1982).

II. Sài Gòn, 28 tháng 10, 1997

V.L. thân mến,

Cảm ơn còn nhớ đến Loan Mất Nhung và làm thơ về hắn. Nhớ những đêm ngồi đọc thơ ở căn gác trại học sinh Phú Thọ. Những ngày mưa lặn lội đi uống cà phê Thọ ở khu Thăng Long Phú Thọ. Nhớ Thời Tập mà chủ trương. Khởi Hành mà làm việc và tao có góp truyện ngắn.

Chuyện cũ nhắc lại càng nhớ càng buồn. Báo đề mà biết tao vẫn sáng tác, dù một mình trên căn gác có tên là Gác Bút. Tại căn nhà ở Gia Định. Đời sống buồn nhưng vẫn sống vẫn làm việc vẫn tự học tập. Đời đã tặng cho nhiều cay đắng, mĩa mai, nhưng vẫn sống được như thường. Chẳng chết thảng Tây nào sắt cả.

Hồi 10 năm trước... có đến thăm bà cụ tại đường Lê Văn Duyệt... Bạn xưa chẳng còn mấy thằng, ở đây gần như năm nào tao cũng đi đưa đám bạn cũ. Những thằng nào còn sống thì đều ngất ngư cả. Nhưng mắt vẫn ngời sáng, đầu tỏa hòa quang như sắp hiển thánh đến nơi. Tao thường gặp Bùi Giáng, hình như tao cũng có phần nào lây bệnh của thầy...

NTL

Có những nỗi sợ làm hèn con người ngay tại chốn tự do. Có những nỗi sợ khiến con người đáng trọng, trong nơi tù hãm. Mấy năm nay hải ngoại đón tiếp và trông chờ một số nhà văn lão thành miền Nam sẽ lên tiếng tiếp tục tranh đấu cho tự do, dân chủ, sau khi những vị này ra hải ngoại đoàn tụ với gia đình. Có những ai đã lên tiếng? Có những ai đã cầm bút trở lại trong chờ đợi của mọi người? Nhiều người im lặng vì có thể không còn thấy cần phải viết nữa; cũng có người im lặng vì có thể đã lỡ cây sinh tử phù. Sự im lặng ấy cũng nên được kính nhi viễn chi. Nguyễn Thụy Long đang ở Sài Gòn. Sau 1975 bị tù khá lâu vì những gì đã viết. Nay anh vẫn viết, và viết gửi ra hải ngoại.

Lại viết hồi ký. Hồi ký của một nhà văn. Nội việc viết và gửi những gì mình viết ra hải ngoại, Nguyễn Thụy Long đã là một nhà văn đáng được ngưỡng mộ. Những truyện ngắn của anh sau này mô tả cuộc sống Sài Gòn sau 1975 được độc giả tán thưởng nồng nhiệt: truyện *Ao Cá Bác Hồ* là chuyện thực, anh được trao cho việc canh gác “ao cá của bác,” cán bộ lãnh lương hộ, đến nỗi đói mà vẫn phải bỏ việc. Chuyện một phụ nữ ngủ ngoài phố, ban đêm bị một người đàn ông lột y phục, không phải để xâm phạm thân xác, mà câu kết thật bất ngờ: ban ngày anh ta theo dõi chị, vì chị mặc cái quần tương đối còn mới, đến đêm đợi người phụ nữ ngủ say, anh ta lột cái quần của chị đem đi bán. Anh ta đói quá. Nhờ những truyện ngắn này, đa số độc giả đã bỏ phiếu để trao cho Nguyễn Thụy Long giải Văn Chương Toàn Sự Nghiệp năm 2005.

(Xem phụ đính: *Mỡm chó vó ngựa* trang 52)

Anh từ trần cách đây 2 năm, vào ngày sinh nhật ông chủ ao cá mà anh canh giữ nhiều tháng không được lãnh một xu nào: ngày 2 tháng 9, 2009. Chúc Long đòi được nợ dưới âm phủ.

Phụ đính :

Nguyễn Thụy Long & “Hồi ký viết trên gác bút” Nguyễn & Bạn hữu



Nguyễn Thụy Long sinh ngày 09/08/1938 tại Hà Nội. Mất ngày 03/09/2009, tại Bệnh viện Gia Định. Ông là nhà văn nổi tiếng trước 1975 với trên 30 tác phẩm đã xuất bản, trong đó *Loan Mắt Nhung* là nổi bật nhất được dựng thành phim. Có thể nói Nguyễn Thụy Long là người mà việc cầm bút đã trở thành định mệnh và nghiệp dĩ. Ông đã thử làm nhiều nghề linh tinh khác sau năm 1975, nhưng đều vất vả không tới đâu. Ông cũng muốn viết lại một cách chính thức, nhưng các báo nhà nước đều từ chối khi nghe đến tên ông. Không cánh cửa nào mở ra cho

một người một thời nổi tiếng trong giới văn học Miền Nam.

Hồi Ký Viết Trên Gác Bút được viết từ năm 1997 từ căn gác của Nguyễn Thụy Long ở Gia Định và được nhà Văn Nghệ ở Cali xuất bản năm 1999. Giọng văn trong Hồi Ký điềm tĩnh, đúng là của một người đã cao tuổi nhìn lại đời mình, và viết xuống một cách bình thản lạnh lùng nhưng đầy lôi cuốn.

Trong tập hồi ký, bạn đọc sẽ thấy lại hình ảnh của nhiều văn nghệ sĩ Miền Nam trong thời nhà nước CSVN bủa lưới vây bắt - của Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Hồ Thành Đức, Hoàng Hải Thủy, Phạm Đình Chương... hoặc đọa đầy khốn khổ như Trần Lê Nguyễn, Lê Xuyên, Bùi Giáng... - nghĩa là cả chuyện tù, chuyện thất nghiệp, chuyện đồ mồi hôi kiếm sống trong một xã hội u uất tối tăm, và cả sau này tới thời nhà nước cởi mở, đón mừng Việt Kiều...

Tập hồi ký gồm những chuyện rất buồn, cũng hết như chuyện nước mình vậy.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Trinh ghi nhận "Tác giả luôn luôn nghĩ tới bạn bè, những người cùng phải chia sẻ và gánh chịu với nhau những lầm than cơ cực của kiếp nhân sinh. Còn gì đau cho bằng phải giả ngu giả dại để cho qua ngày tháng. Có tai có mất mà như người điếc người mù. Tâm sự thì ngút ngàn mà bút mực thì đã thành đồ quốc cấm. Tù tội, đầy ải cũng vì nghiệp văn chương. Trang giấy trắng mờ ra, hàng hàng tâm tư, nhưng bàn tay cầm bút như bị cùm giữ lại. Đời sống này, phải học chữ nhẩn nhục, nhưng như thế sống để làm gì. Ai đã trải qua những cảnh hỗn mang? Ai đã chua xót đi qua con đường gai nhọn? Có phải là Tú Kieu, Trần Đức Uyển, là Trần Lê Nguyễn, là Lý Phật Sơn, là Dương Hùng Cường, là Hoàng Vĩnh Lộc, là Minh Đăng Khánh, là Uyên Thao, là Lê Xuyên, ... ??? Thời đại này, là thời quỷ dữ ngự trị, là những chuyện vô lý nhất cũng có thể diễn ra. Những cuộc đời ở tận cùng của đêm tối. Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân - tất cả gió bão đều quật vào một người để thăm kịch cứ dài ra đến khi nhắm mắt."

Trần Yên Hòa tâm tình: "Đọc lại "Hồi Ký Viết Trên Gác Bút" của Nguyễn Thụy Long, sau ngày ông mất, tôi mới thấy thấm thía và ngẫm nghĩ, một nhà văn lặn lội suốt cả một đời với nghề cầm bút, với gần 40 tác phẩm cống hiến cho đời, thế mà cuối cùng ông bị nghèo khổ, bần cùng và chết thê thảm vì bị tiểu đường và bị tai biến mạch máu não. Nhìn hình ông ốm o, xương xẩu trong những ngày cuối cùng, tôi thấy thật thương thân phận của nhà văn quá đỗi."

Sau 75, Nguyễn Thụy Long bị chính người vợ đầu gối tay ấp của mình tố ông ra công an phường và đuổi ông đi. Người vợ này là con một cán bộ cộng sản đã chết, được phong là liệt sĩ, có bà con ngoài bắc rất nhiều. Ông thuật lại hoàn cảnh ông lúc đó:

"Sau ngày giải phóng, dép râu và mũ cối vào đầy nhà, tất cả những người đó đều là bà con cật ruột với vợ tôi. Họ nói sẵn sàng mở rộng vòng tay cứu vớt những người bà con ở miền Nam lầm đường lạc lối, họ xâm nhập vào gia đình, xía vào tất cả mọi chuyện riêng tư, sẵn sàng đấu tranh và căm thù thay cho người khác. Đó là điều cấm kỵ từ trước đến nay không hề có và không thể có được ở miền Nam. Nhưng bây giờ là sự đương nhiên bị áp đặt gọi là tình nghĩa được khoác cho cái từ là đạo đức cách mạng..."

Chiều hôm qua tại căn nhà của tôi, bên họ họp đại gia đình cách mạng để xử tôi về tội ăn cắp tiền bạc. Hai đứa con tôi không biết được mang đi đâu để tránh nhục nhã vì bố.

Ngoài vụ xử tôi về tội trộm cắp tài sản, tiền bạc còn kèm theo lá đơn ly dị, mà tôi phải ký tên chấp thuận để người thân của họ thoát khỏi - nanh vuốt - thằng chồng Ngụy khốn kiếp, phản động.

Những chiếc dép râu đầy nhà, họ ngồi chồm hổm ngay trên ghế salon.

Tôi rất ngạc nhiên vì tôi bị khép tội ăn cắp tài sản của chính tôi tạo ra. Tôi cư ngụ bất hợp pháp trên căn nhà tôi làm chủ. Tại sao tôi phải xa lìa những đứa con tôi, chúng không tội tình gì.”

Bây giờ chúng ta hãy đọc Nguyễn Thụy Long kể lại chuyện Việt cộng đốt sách trong phong trào diệt văn hóa đòi truy phản động:

“Ngày nhà nước phát động phong trào diệt văn hóa đòi truy, phản động, tũ sách nhà tôi bị dọn sạch, lớp bị lấy đi. Lớp bị thiêu hủy. Chiến dịch ấy vẫn chưa chấm dứt.

Sau này một số tác phẩm của tôi và bạn bè thấy trưng bày chung với súng đạn, xe tăng, máy chém ở nhà trưng bày Tội Ác Mỹ Ngụy. Cũng thời gian đó, đại tác phẩm “Vạch mặt những tên biệt kích văn nghệ”, luận án dọn thi bằng luận án tiến sĩ của cậu em vợ tôi ra đời. Trong đó có nhiều tác phẩm mang tên tôi và bạn bè làm nghề viết văn ở miền Nam. Tác phẩm bị mổ xẻ, thẩm tra và giống như lời lấy khẩu cung tội phạm.

Ngài tiến sĩ được phong vị giáo sư. Đơn giản thế thôi, như một quả đạn pháo kích rơi nổ vào giữa đám máu thịt bầy hầy.”

Sau đây là những chuyện nhà thơ Trần Yên Hòa thu lượm được từ “Hồi Ký Viết trên Gác Bút” của Nguyễn Thụy Long viết về đời sống gia đình, tình yêu của một số (ít) văn nghệ sĩ miền Nam sau ngày đổi đời:

“Nguyễn Nghiệp Nhượng, chồng của ca sĩ Hồng Vân phải ký tên vào đơn xin ly dị với vợ, không ký cũng không được. Hồng Vân có một người chồng cán bộ khác, cũng làm văn hóa văn nghệ gì đó, so với Nguyễn Nghiệp Nhượng bây giờ, thằng thợ ngồi sửa xe đạp lẻ đường thì một trời một vực. Buổi trưa tôi thấy thằng cu Bi, con của Nhượng và Hồng Vân, mang đồ ăn ra cho bố. Mở ngăn gà-men ra tôi thấy mấy củ khoai luộc, loại lương thực bán ở tổ dân phố, củ khoai nào cũng bị sâu ăn đặng nghét đến hai phần ba.

Ngồi ở đốc cầu Bông, tôi nhìn thấy người vợ đầu gối tay ấp của tôi, ngồi sau xe của một thằng Tây lai mặt đầy trứng cá chờ đi. Nàng làm thủ tục kết hôn, dĩ nhiên nàng được xuất cảnh ra đi theo chồng diện con lai. Bên cạnh người ngồi lẻ đường là một quán cóc bán mấy thứ rượu, đồ mỗi lèo tèo và chắc chắn là những thứ hạng bét. Buổi sáng tôi bán được mấy cái bù loong kiếm được mấy hào.

Tôi mua được một xị rượu cùng uống giải sầu. Nhượng góp một con cá khô nướng làm mỗi đưa cay. Tôi nhay cảm nên muốn uống rượu rồi khóc như diễn viên điện ảnh Huy Cường. Nhưng khi nhìn mặt Nhượng sắt lại. Đôi mắt dỗi dỗi nhìn xuống giòng kinh Nhiêu Lộc đục ngầu, bốc mùi hôi thối đến lợm giọng.

Tôi và Nguyễn Nghiệp Nhượng nói với nhau những câu vô nghĩa.

- Tao không bao giờ tắm ở con kinh này.

- Tao gác bút, tạm thời gác bút.

- Đúng thôi, mày nên làm phụ tá đặc biệt cho tao để kiếm khoai sống qua ngày. Chưa biết sửa xe thì mày giữ nhiệm vụ bơm xe, bỏ tí sức lao động ra, mỗi chiếc bánh xe cũng được một hào đấy, rồi học vá xe, từ vá tay đến vá ép máy hồi... Máy móc xe đạp cũng đơn giản thôi, khó nhất là rút cãm xe đạp.

Tôi rất phục Nguyễn Nghiệp Nhượng vì anh ta có năng khiếu khoa học kỹ thuật về xe đạp. Hồi xưa tôi đã thấy anh ta tháo tung cả chiếc máy chữ lau dầu rồi sửa chữa tốt lại. Thì ngày nay cái

xe đạp, xe honda cũ rích có nhằm nhò gì.

- Tao gác bút!

- Ai cho mày viết văn mà chẳng gác. Coi chừng bị đếm lịch. Học lấy một nghề mà kiếm ăn, không phải nuôi vợ con thì nuôi mẹ già mày. Tao có phúc hơn mày vì còn được nuôi mẹ nuôi con. Thôi câm miệng đi rồi uống rượu. Ngồi trên con kính nước đen này chẳng nên thơ tí nào.

- Ủ thì câm nhưng tao là thằng Trâu nước lợ dưới kính nước đen.

- Tốt, tốt. Nhưng rượu chưa đủ đâu. A, mày nghe gì về Dương Nghiễm Mậu không?

- Nó ở tù, mới ra, bây giờ nó làm nghề sơn mài. Ngồi uống cà phê cứ có ba người là nó đứng dậy biến, nó cảnh giác cao như sống trong thời Thương Ưởng phò Tần Hiến Công thuở Đông Chu Liệt Quốc.

- Phải thôi, nhưng mình cũng nên câm miệng lại. Trâu nước, tao biết mày có bệnh vạ miệng. Có miệng thì cắp, có nắp thì đậy...”

Hồi Ký Viết Trên Gác Bút còn phản ảnh nhiều mẫu đời, nhiều hoàn cảnh đen tối, cưỡi ra nước mắt xảy ra dưới thời cộng sản toàn trị. Nó đúng là một xã hội không phải của người nữa.

Viết trên “Gác Bút”



Tựa

Viết hồi ký mà viết tựa, vô duyên quá phải không, nhất là tựa mình viết cho mình. Nhưng tôi thấy có những lời cần được thừa thốt trước khi đọc giả mở vào những trang hồi ký của tôi. Cái tựa đặt cho “Hồi ký viết trên GÁC BÚT”. Cái tựa đã láo lại có điều xác xược. Gác bút hiểu theo nghĩa đen hoặc nghĩa bóng đều được cả. Căn gác của một nhà văn, của thi nhân của kẻ hàn sĩ để làm ra thơ, văn, nhạc, họa cũng được hoặc tựa gác cây bút lên giá, không viết nữa cũng xong. Tập hồi ký của tôi cũng có thể mang cả hai ý nghĩa ấy: danh từ hay động từ, căn gác cũ ở căn nhà xưa của tôi ở ấp Đông Ba Gia Định. Nay là khu giải tỏa Rạch Miễu. Tôi đã ở đó từ hơn bốn chục năm nay, từ ngày khởi nghiệp viết văn làm báo tuổi còn trẻ măng, đến nay tôi đã là một lão già hơi lẩm cẩm, ưa giận hờn, cái kính lo chuyện trời sập. Nhà tôi thuộc khu giải tỏa, chắc chắn sẽ bị ủi sập, căn gác kia phải được kéo đổ. Vì lo chuyện trời sập mà sau nhiều năm gác bút nay tôi lại cầm bút lên viết hồi ký “trối già” trên căn gác bút. Cầm cây bút lên bây giờ nặng nề lắm, nhất là viết hồi ký. Hồi ký tất nhiên nằm trong một đời người. Đời tôi, một người viết văn, sống bằng nghề viết cả nửa đời người ở trên quê hương mình. Một đời cầm bút của tôi, tôi chưa hề viết nổi một truyện ngắn, truyện dài trữ tình nào. Cái chất trong văn chương của tôi từ xưa tới nay vẫn là những bão táp cuộc đời, đời sống. Nay viết hồi ký, hẳn nhiên là hồi ký của của tôi, đời tôi. Tôi nhặt ra những mẫu đời sống của mình hẳn nhiên chẳng mấy đẹp đẽ.

Viết hồi ký, là sự thật, không thể hư cấu để đánh bóng cho đẹp đẽ, đọc lên nghe du dương cho tâm hồn bay bổng. Không có điều đó trong tập hồi ký này. Tôi giới hạn tập hồi ký này từ năm 1975 đến hôm nay, cuối năm 1997. Viết tất nhiên có người đọc đến bị ngộ nhận, tôi không muốn hồi ký của mình mang màu sắc chính trị. Ngộ nhận đến bị xuyên tạc không mấy xa. Tôi hiểu điều đó, vẫn cố tránh khi viết. Để nói rõ hơn, tôi chỉ muốn nói đến con người, vấn đề nhân bản. Trong đời sống và quanh bằng hữu, tốt, xấu, đau khổ hay vui cười. Hoặc đau khổ quá mà bật ra tiếng cười. Từ xưa đến nay tính chất của tôi vẫn là tưng tưng trong đời sống. Theo chủ nghĩa Mackênô (tức là Mặc kệ nó). Muốn đến đâu thì đến.

Nói thế thì nói chứ, tôi vẫn còn có những ích kỷ một con người đang sinh tồn. Từ năm năm nay tôi vẫn lo cho căn nhà tôi bị giải tỏa, giải tỏa trắng toàn khu Rạch Miễu, ấp Đông Ba xưa được coi là khu qui hoạch, nghĩa là nhà tôi sẽ bị giật sập, căn gác riêng tư của tôi bị kéo đổ. Nấn ná suy nghĩ mãi tôi mới quyết định viết hồi ký, để kỷ niệm nơi mình đã ngồi viết từ thuở đầu đời, theo đuổi nghiệp dĩ. Tôi cố gắng viết cho xong. Lắm cà lắm chắm tôi ngồi thâu đêm suốt sáng như thuở còn niên thiếu. Buổi sáng buông bút tôi ngồi nghe tiếng chim hót sau vườn chùa Huệ Nghiêm, uống ly trà lạnh để qua đêm rồi tập tễnh vào xóm rủ bạn già đi uống cà phê Chú Lì. Nói ba điều bốn chuyện với bạn lối xóm.

Cũng ở nơi này, tôi những đứa con của tôi đã ra đời, tôi đã làm nên nhiều tác phẩm, những nhân vật của tôi hoặc còn sống hoặc đã chết. Ngôi mà đá xưa cũ kia, tôi đã chẳng từng hư cấu thành một truyện dã sử đó sao. Ngày loạn quân Lê Văn Khôi nổi dậy chống sự hà khắc của triều đình.

Tôi muốn yên hưởng tuổi già. Tôi viết hồi ký. Nghề cầm bút tưởng là gác bút được, nay lại ngồi viết trên gác bút.

Những ngày tháng cuối năm trời trở lạnh, tin khí tượng cho biết có cơn bão thổi qua Việt Nam. Tin thủy văn báo nước dâng trên sông Tiền, sông Hậu ở đồng bằng sông Cửu Long. Đồng bào tôi phải làm nhà cao cẳng chống lũ lụt. Mọi năm lũ lụt làm ngập úng bao nhiêu là lúa gạo, cuốn trôi nhà cửa, người và gia súc. Dân tôi gom góp cứu trợ, lá rách đùm lá nát. Vậy mà có những kẻ nỡ ăn cắp cả đồ cứu trợ của kẻ sắp chết đuối để làm giàu cho mình. Điều đó không phải tôi nói mà báo đài nói.

Tôi nhâm nhi uống cà phê, vân vê những sợi râu bạc suy nghĩ chuyện đời. Bạn già lối xóm hỏi tại sao tôi lại cười khan. Tôi không trả lời.

Ông bạn già nói vu vơ, như uống rượu đế mà chẳng có đồ đưa cay.

2. Chương 1

Người đại úy bộ đội trẻ xem đồng hồ đeo tay, ngẩng lên nói với tôi, ngồi đối diện bàn làm việc của anh:

– Trời sáng rồi, như vậy là chúng ta đã làm việc với nhau suốt một đêm.

Tôi vừa mệt mỏi vừa chán nản:

– Bây giờ ông bắt tôi chứ?

Người đại úy trẻ, phường trưởng phường Tân Định cười, lộ hàm răng trắng bóng dưới ánh đèn:

– Đúng ra theo lệnh và căn cứ vào lời tố cáo của vợ anh, tôi có thể bắt giữ anh để điều tra, vì bây giờ đang thời gian quân quản. Quân đội được toàn quyền để gìn giữ an ninh trật tự trong thành phố. Nhưng thôi, sau một đêm làm việc với anh, tôi hiểu, tôi tha anh. Anh nên ra khỏi đây ngay và đi khỏi khu phố này, như thế tốt hơn. Tôi không còn trách nhiệm về anh nữa.

– Vợ con tôi?

Người đại úy trẻ nhìn thẳng vào mặt tôi, có vẻ bức mình, gắt khế:

– Anh nhiều tình cảm và lắm cảm quá, đúng là nhà văn, anh đã rõ vợ anh cạn tàu ráo máng với anh rồi mà. Đi ngay đi kéo hời không kịp.

Tôi vẫn còn ám ức:

– Đã đành, nhưng còn hai đứa con gái nhỏ của tôi...

Người đại úy nhún vai trả lời:

– Can đảm lên, một việc làm cuối cùng tôi giúp được anh là cắt tên anh khỏi sổ gia đình để anh về một nơi khác. Chẳng hạn nhà mẹ anh đang ở, như anh đã nói với tôi hồi đêm. Bây giờ tôi viết cho anh tờ giấy, đóng mộc ký tên về trình diện địa phương. Mẹ anh không lẽ không lo cho anh vào nhà.

– Vâng, tôi xin nghe lời ông, cảm ơn đại úy.

Tôi gấp gọn tờ giấy bỏ túi, ra khỏi phường quân quản. Trời đã sáng rõ, tôi ngược mặt nhìn trời buổi sớm mai. Những con chim én đan đường bay ngang dọc trên trời thành phố. Bây giờ là những ngày đầu giải phóng. Tháng đầu tiên hay tháng thứ hai gì đó. Tôi chẳng còn để ý gì đến thời gian. Một đời sống lao đao của tất cả mọi người thị dân trong thành phố. Những người như tôi, bỗng dưng mất việc làm, bỗng dưng hẫng hụt hoặc quỵ ngã. Nếu mình không còn can đảm chịu đựng vết thương này, mình cũng quỵ ngã luôn không bao giờ đứng dậy được nữa. Không, không thể như thế được, còn hai con gái của bố. Các con còn nhỏ quá. Vợ tôi sao nằng lại nỡ tệ hại với tôi quá thế này. Trong hoàn cảnh này nhiều đôi vợ chồng có sự rạn nứt với nhau từ trước còn cố hàn gắn để cùng lo cho những đứa con, lo cho tương lai gia đình. Tôi không ở vào trong trường hợp ấy mà chỉ có sự tệ hại ném vào mặt, sự rửa xả cay nghiệt. Tôi là người chồng sa cơ nhận thêm cái đập ân huệ. Tôi lẩn thẩn nói và lẩn thẩn nghĩ ngợi, chẳng biết ma đưa lối quỷ dẫn đường tôi lại đi qua nhà mình. Cửa sắt đóng im ỉm. Trời còn sớm quá. Nhưng tôi biết rõ trong căn nhà ấy không có con tôi nằm ngủ, chúng đã bị tống khứ đi đâu mà tôi không biết. Căn nhà giờ đây chỉ có vợ tôi cùng đám bà con anh em tập kết trở về. Ngôi nhà này và những đồ đạc đối với họ quá tiện nghi và quý giá. Một đời họ chưa từng thấy, được thụ hưởng. Họ bám ấy những thứ chiến lợi phẩm, khi họ là kẻ chiến thắng. Riêng tôi đau thắt ruột. Tôi đã mất tất cả, tay trắng trần truồng như thuở sơ sinh.

“Tôi không hề biết vợ tôi là con cái liệt sĩ, cũng không biết bà ta có anh em bà con với rất nhiều người cách mạng. Ngày tôi lấy vợ, tôi chỉ biết nàng mồ côi, mẹ nàng bệnh chết, hiểu sâu sa thêm chút nữa thì bố nàng bị Tây giết...”

Tôi đã khai với người đại úy phường trưởng hồi đêm như thế

“ Sau ngày giải phóng, dép râu và mũ cối vào đầy nhà, tất cả những người đó đều là bà con cật ruột với vợ tôi. Họ nói sẵn sàng mở rộng vòng tay cứu vớt những người bà con ở miền Nam làm đường lạc lối, họ xâm nhập vào gia đình, xía vào tất cả mọi chuyện riêng tư, sẵn sàng đấu tranh và căm thù thay cho người khác. Đó là điều cấm kỵ từ trước đến nay không hề có và không thể có được ở miền Nam. Nhưng bây giờ là sự đương nhiên bị áp đặt gọi là tình nghĩa được khoác cho cái từ là đạo đức cách mạng.

Một cậu em họ vợ tôi nằm ăn dầm ở dề nhà tôi “tự nhiên như người Hà nội”. Nghiên cứu, ghi chép cả một tủ sách vĩ đại trong nhà. Trong đó có cả mấy chục tác phẩm của tôi đã xuất bản và của bạn bè đồng nghiệp viết trong nhiều năm. Cậu ta nói, cậu là người tập tành làm văn hóa cần nghiên cứu làm luận án tiến sĩ văn hóa miền Nam thời tạm chiếm.

Ngày nhà nước phát động phong trào diệt văn hóa đòi truy, phản động, tủ sách nhà tôi bị dọn sạch, lớp bị lấy đi. Lớp bị thiêu hủy. Chiến dịch ấy vẫn chưa chấm dứt.

Sau này một số tác phẩm của của tôi và bạn bè thấy trưng bày chung với súng đạn, xe tăng, máy chém ở nhà trưng bày Tội Ác Mỹ Ngụy. Cũng thời gian đó, đại tác phẩm “Vạch mặt những tên biệt kích văn nghệ”, luận án dọn thi bằng luận án tiến sĩ của cậu em vợ tôi ra đời. Trong đó có nhiều tác phẩm mang tên tôi và bạn bè làm nghề viết văn ở miền Nam. Tác phẩm bị mổ xẻ, vạch vòi, thẩm tra và giống như lời lấy khẩu cung tội phạm. Ngài tiến sĩ được phong vị giáo sư. Đơn giản thế thôi, như một quả đạn pháo kích rơi nổ vào giữa đám máu thịt bày bày.

Chiều hôm qua tại căn nhà của tôi, bên họ họ đại gia đình cách mạng để xử tôi về tội ăn cắp tiền bạc. Hai đứa con tôi không biết được mang đi đâu để tránh nhục nhã vì bố. Ngoài vụ xử tôi về tội trộm cắp tài sản, tiền bạc còn kèm theo lá đơn ly dị, mà tôi phải ký tên chấp thuận để người thân của họ thoát khỏi “nanh vuốt” thẳng chồng Ngụy khốn kiếp, phản động.

Những chiếc dép râu đầy nhà, họ ngồi chồm hổm ngay trên ghế salon của tôi. Mồm bà chị ruột của vợ tôi lúc thì bô lô ba loa, khi thì như thổi kèn xung phong, động viên em gái:

– Dững cảm lên em, không thể như thế này được. Chị biết em đã phải sống bao nhiêu năm trong nanh vuốt gia đình kiểu này. Bây giờ là lúc em được giải phóng, đừng khóc em. Tội nghiệp em gái tôi quá đau khổ. Dững cảm lên! Hãy dững cảm lên!

Tôi nghe tiếng “sát” vang lên trong đầu mình. Đang đau khổ, suýt nữa tôi bật phì cười. Cuối cùng tôi cũng nói được mấy câu

– Tôi rất ngạc nhiên vì tôi bị khép tội ăn cắp tài sản của chính tôi tạo ra. Tôi cư ngụ bất hợp pháp trên căn nhà tôi làm chủ. Tại sao tôi phải xa lìa những đứa con tôi, chúng không tội tình gì. Tôi không ký gì hết.

– Ngoan cố.

Buổi tối tôi bị đưa ra phòng quân quản phân xử tiếp. Người đại úy quân quản trẻ có quyền tiền trạm hậu tấu ngồi nghe và xử tôi suốt đêm. Anh ta dễ chịu nghe tôi kể lại hoàn cảnh của mình. Anh bị tôi khuất phục chăng? Không, tôi nhận thấy anh vẫn là một con người biết nghe lý phải trái, một chiến sĩ thẳng thắn, kiên cường, có lý tưởng rõ ràng phân minh. Biết mình đang làm gì. Quyết định cuối cùng trong quyền hạn của anh ta là thả tôi khi trời rạng đông. Tôi nhớ câu cuối cùng của anh:

– Chuyện như thế này xảy ra ở Hà Nội nhiều lắm hồi năm tư (54).

Trời sáng rõ, đèn đường tắt. Cờ bay đỏ phấp phới, đỏ nhà. Những khẩu hiệu chiến thắng giăng mắc đầy đường, tường nhà, phố chợ. Những em nhỏ mang băng tay đỏ, áo bà ba, “mốt” mang dép râu, nới vòng tay lớn nhảy múa bập bẹ hát hồng rồi làm lại trật tự lòng lề đường. Không còn bóng dáng những tà áo dài trắng nữ sinh tha thướt nữa. Một số em khác nỗ lực truy tìm văn hóa đòi truy. Đám trẻ xộc vào nhà người ta khuôn ra ngoài lề đường từng đồng sách báo. Nồi lửa đốt khói lên ngút trời.

Một ông lớn tuổi đầu hói mang kính cận dày cộm chạy ra la giăng lại cuốn sách đóng bìa da to vĩ đại:

– Các cháu ơi cho bác xin, đây là quyển Bách Khoa Từ điển tiếng Tây. Không phải văn hóa đòi truy.

Chú nhóc miệng còn hôi sữa giăng lại cuốn sách, ném luôn vào thùng phuy đang bốc lửa:

– Đốt hết, đốt hết, sách là đốt. Lệnh trên như vậy.

Ông già ôm mặt khóc bên lề đường. Tôi quay mặt nhìn đi chỗ khác, tôi biết ông cụ. Giáo sư đại học luật, Vũ Đăng Dung. Tiến sĩ luật công pháp quốc tế. Ông cụ ở đường bên cạnh nhà tôi, đường Đinh Công Tráng, con đường nổi tiếng bán bánh xèo.

Bây giờ tôi đi đâu? Về đâu? Không cần biết, hãy cứ rong chơi một ngày trước khi về với mẹ, nơi trú ẩn cuối cùng. Tôi có độc nhất bộ quần áo mặc trên người. Một đôi dép Nhật dưới chân. Tôi cuốc bộ trên rác rưởi, tro tàn của những đồng sách bị thiêu hủy, giữa chợ trời bày bán những tàn dư Mỹ Ngụy. Những con người bị ném ra ngoài lề đường bắt đắ dĩa. Những hàng quán cà phê rất những mặt thị dân, giữa đồ cổ, khẩu hiệu và những tiếng đồng chí. Những chiếc xe Molotova chở đầy bộ đội võ trang. Đến ngày hôm nay thì xe đạp chạy nhiều hơn trong thành phố. Thành phố như mở hội, hội hồ lớn, như những đồ ăn thừa sau ngày giỗ tết nấu tổng hợp trong một cái nồi đồng móp méo.

Nóc tháp chuông nhà thờ Tân Định cao vút, cây thánh giá mảnh mai vẫn vươn lên trời cao, một cụm mây trắng trôi qua, cây thánh giá như cố níu lấy đám mây, nhưng mây vẫn vô tình trôi đi.

Trước cửa trường Thiên Phước bên cạnh nhà thờ, một xe nước mía đang ép. Bà sơ gầy còm đánh đu trên bánh xe quay ép mía. Bà ta mặc áo cánh, quần thâm, nhưng trên đầu vẫn còn chít cái khăn nữ tu sĩ màu xám. Trước đây ngôi trường này nuôi dạy trẻ mồ côi do giáo hội và cơ quan Caritas đồng tài trợ. Không biết bây giờ thế nào. Nhưng tôi vẫn nghe tiếng trẻ nhỏ reo cười sau bức tường cao. Hàng phượng vĩ vẫn nở hoa đỏ thắm trong sân trường. Trời đã vào hè. Ôi hai con gái yêu của bố. Bây giờ các con ở đâu? Từ Quyên? Lộng Ngọc?

Nắng đã lên, tôi đi về phía mặt trời mọc, bóng tôi đổ dài trên lề đường. Rạp chiếu bóng viết quảng cáo phim: “Năm người từ trên trời rơi xuống”. Rạp hát mở nhạc tung bừng nhưng vẫn vắng hoe. Tôi thấy có “Ba người từ trong rạp đi ra”. Những phim chiếu có tính cách tuyên truyền. Nhạc mời gọi khách xem hát cũng có tính cách tuyên truyền. Rạp hát nào cũng vậy cả. Tôi nghe lẫn trong những âm thanh có tiếng loa phóng thanh, tiếng chửi bới bọn văn Ngụy bôi bút, biệt kích có cả tên tôi ở phía đầu đường nhà tôi. Hẳn là có nhiều người hài lòng, trong đó có vợ tôi và những người họ hàng nhà vợ. Riêng tôi thì trơ trẽn, chẳng buồn gì cả mà nghĩ là mình được phong thánh. Một hôm Duyên Anh nói với tôi con anh ta đi học bị bạn bè chửi lên đầu vì là con thằng nhà văn Ngụy tên là Duyên Anh. Nó khóc vì bị nhục. Duyên Anh khuyên con

nên chửi bốp nó nhiều hơn, vì chính nó đủ tư cách nhất chửi bốp. Tôi thua Duyên Anh một điểm. Tính nó thế đấy, chuyện gì cũng bốp cọt được.

Trên khắp các ngã đường vẫn có những anh bộ đội đứng gác. Họ sẵn sàng can thiệp ngay khi có sự cố, bất cứ qua hình thức nào. Họ coi hiền lành, nhưng cũng dữ dội, cương quyết khi ra tay. Ấy vậy mà nhiều chuyện vẫn cứ xảy ra, có kẻ đói, chán đời, không thiết sống. Làm ra một vụ cướp giết, hành hung ai đó để lãnh đạn chơi. Liều lĩnh một cách vô thức như con thiêu thân. Bộ đội đứng gác mặc quân phục xanh vải Nam Định, đội mũ cối, mang dép râu, có người đội mũ tai bèo. Cảnh tay mang băng đỏ, học ó nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự cho thành phố Sài Gòn nay mang tên Bác.

Tôi bỗng rùng mình khi nghĩ đến suốt đêm qua khi mình đã đối diện trước một người có súng đạn và đầy quyền lực. Tôi chỉ có duy nhất may mắn là đã ngồi trước một con người.

Những bước chân mệt mỏi của tôi trở nên mệt mỏi, lao đao, chệnh choạng.

– Ép! Ép! Ép!

Một chiếc xe đạp sau lưng thúc vào đít làm tôi ngã lăn kèn. Đạp té làm tôi xô vào một người, văng cả kính trắng. Anh ta đỡ tôi, nhặt cái kính trắng đưa lại cho tôi. Người đi xe đạp dựng tôi nhảy xuống, anh ta mặc áo ca rô đỏ, quần tây sần móng lợn, đeo kính râm màu xanh ve chai, đầu đội mũ cối và đi dép râu. Anh ta xùng xộ:

– Đi đâu vô ý thế, mắt để đâu, tai đâu, người ta đã ép ép mà không biết đường tránh, ông chẹt cho thì “củ tỏi”. Thật “nà!” ...

Tôi quay sang nhìn người lạ bằng đôi mắt vừa mệt mỏi, vừa quái dị. Người lạ càng sừng sộ:

– “Nại” còn giương mắt “nên” mà nhìn sao, ông “nại” nã cho một viên bây giờ. Rõ thật “nà” không còn biết thế nào “nà” văn minh văn hóa nữa.

Người đỡ tôi cười, chỉ tôi:

– Xin lỗi đồng chí, đây là người quen của tôi có bệnh tâm đĩc, mù dờ nên không biết. Đồng chí tha lỗi cho...

– Ai đồng chí với nhà anh, thôi được, nếu thế thì ông tha cho.

Anh ta đứng một chân lên pê đan xe đạp, đẩy xe chạy có đà rồi nhún người nhảy vắt lên yên xe đạp đi. Miệng kêu ép ép cùng đường.

Tôi đeo lại cái kính trắng. Tôi nhận ra người đỡ mình là người quen, đang cười rũ rượi coi rất khỉ:

– Sao Biển đó phải không?

– Chính ta đây, sao mà gầy quá vậy?

– Mà cũng vậy, hình như tất cả chúng ta gầy đi rất nhiều. Tao tưởng mà đã đi trước ngày 30 tháng 4 rồi.

– Gia đình tao đông quá, không một tàu di tản nào chứa hết. Nhưng thôi, không quan trọng.

Buổi sáng đẹp thế này chúng ta nên đi uống cà phê. Đầu đường kia là quán cà phê của em ca sĩ Nao Nao mới mở, mình đến uống ủng hộ.

Sao Biển là người bạn làm báo với tôi, bây giờ anh chung phận thất nghiệp với tôi. Nhà anh ở đường Lý Trần Quán, gần nhà tôi. Tôi hỏi Sao Biển:

– Cái xe vespa của mày đâu rồi?

– Tao cũng muốn hỏi mày cái xe hơi hiệu Austin của mày đâu? Mày cũng có cái Vespa, Honda, Mobylette và xế guồng hiệu Lucia nữa kia mà.

Tôi không trả lời vì không thể trả lời được. Sao Biển tiếp:

– Tao phải bán dần đồ nhà đi ăn, vợ con tao đông quá, hôm qua tao bảm cái radio chưa lấy tiền, còn gửi thằng đàn ngồi chợ trời ngoài kia. Hôm nay tao bán cái đèn Pin, hai cục pin của ta hết điện nên nó chê. Đi uống cà phê đã, tao còn mấy điều thuốc lá Quân Tiếp Vụ, thuốc mốt rồi nhưng vẫn “phê” ra phết. Sau đó tao có cái hẹn với một thằng Tàu bụng bự bán con Bokassa. Cú áp phe này trúng là tao ăn lớn.

– Mày bán chó à?

Sao Biển trợn mắt:

– Sao lại chó, con Bokassa nhà tao mày không biết sao, con nhỏ lai Phi châu, Sénégalaise ấy mà, con nuôi của bà mẹ vợ tao. Bán được nó là món lời lớn, nó là con lai nên được coi là ngoại kiều. Thằng Ba Tàu làm hôn thú với nó thì được theo vợ ra nước ngoài. Mày không biết dịch vụ béo bở ấy sao, bây giờ đang nở rộ, tao có cây nhà lá vườn tội gì không đem bán...

Tôi nhớ ra con nhỏ lai da đen ở nhà Sao Biển. Mà hẳn ta phong cho cái tên nghe rất kêu là công chúa Bokassa, con gái hoàng đế Bokassa ở Phi châu, xứ giàu kim cương hồng ngọc nhất thế giới. Tôi nói:

– Mày ác quá, tao biết con ấy có thằng nhân tình là Minh Sẹo mà...

– Chính là tao làm chuyện phúc đức. Thằng Minh Sẹo bị bệnh điên nằm nhà thương rồi, con Bokassa phải cứu bồ, nó làm hôn thú với thằng Ba Tàu lấy tiền để cứu bồ nó. Tình nghĩa ghê đi ấy chứ, tao phải thuyết phục mãi đấy. Dĩ nhiên là ta có ăn hoa hồng. Không có thì cả hai đứa chết chùm.

Quái gở, thằng cha này luôn luôn có người đòn chơi rất lạ ít thấy trên cõi đời ô trọc này. Tôi vui lây với bạn:

– Cảm động như nàng Kiều của Nguyễn Du.

– Mày có thể viết tiểu thuyết được đó, lấy được rất nhiều nước mắt...

– Còn viết lách mẹ gì nữa, mày không thấy tao bị chửi đó sao. Cái loa ở ngay đầu đường nhà mày.

– Dững cảm lên, mày đang được phong thánh.

Ý nghĩ đều cang ấy sai giống tôi thể. Phải có một sự thần giao cách cảm theo khoa học huyền bí. Thì ra hai thằng tôi cùng môn phái.

Quán cà phê của em gái ca sĩ Nao Nao ở góc đường, chông trơ vài chiếc bàn và mười cái ghế đẩu, che bạt ni lông xanh đỏ. Quán mang tên là “Cõi Tạm”. Em gái Nao Nao vẫn son phấn, mặc quần ống loe, áo hoa tay bông. Em cười toe toét mời chào:

– Mời hai anh vào uống cà phê, kìa có cả đàn anh nhà văn thụ Long. Miệng Sao Biển tía lia:

– Cho anh hai anh hai cà phê đen đặc biệt, nhớ đừng pha cà phê bắp rang.

– Được thôi, nhưng bán cà phê thôi chứ không cho.

– Biết rồi, anh mà xin em thì xin cho đáng chứ ly cà phê đáng vào đâu.

Em ca sĩ Nao Nao háy mắt:

– Xin gì nào?

– Một quả văn nghệ thôi.

– Nỡm, chết vì cái mồm bây giờ.

– Thằng chồng sĩ quan của em đi học tập rồi phải không?

– Ảnh mới đi trình diện mấy ngày hôm nay, các anh là may mắn thôi.

Mùi cà phê bốc khói thơm, phin chảy chậm. Nao Nao mang ra thêm một điều thuốc lá thơm tặng cho tôi:

– Em tặng anh hút cho thơm râu.

Sao Biển la lên:

– Còn anh nữa, sao em lại có của ngon vật lạ thế này, em bên trọng bên khinh rồi.

Tôi châm điều thuốc, nói với Sao Biển:

– Mình hút chung điều thuốc này được rồi, cám ơn em gái.

Nao Nao nói chữa:

– Còn một điều hôm trước em tiễn chồng lên đường, tụi em vào nhà hàng quốc doanh Continental uống cà phê sữa mới mua kèm được bốn điều thuốc. Em buồn nên đốt hết ba điều rồi. Chồng em hẹn một tháng sau sẽ về, như hạ sĩ quan chỉ ba ngày.

Nhưng sau này tôi biết, cái hẹn đó đã kéo dài nhiều năm tháng, mười mười lăm năm là chuyện thường. Bao nhiêu gia đình. Bao nhiêu cặp vợ chồng tan nát vì thời gian. Như người anh hùng Ulysse trong thần thoại Hy Lạp đã lạc đường về... suýt nữa thì bị quên lãng theo thời gian nếu không có thi sĩ Homère cất lên lời ca huyền thoại thành Troise.

Chất khói và hương cà phê mê mê.

Quán Cõi Tạm có thêm vài người khách. Chợ trời bày bán đầy lề đường. Một anh chàng cầm chiếc đồng hồ đeo tay nhá nhá mấy khách cán bộ, bộ đội đi qua:

– Đồng hồ tối tân,biết bơi, mười hai trụ đèn, không người lái, hai cửa sổ. Xem hàng đi đồng chí. Cái đồng hồ này đáng giá cả một gai tài, nhưng bây giờ chỉ bán ủng hộ, giá rẻ mạt. Cứ trả giá, thuận mua vừa bán. Có lời chúc mừng đồng chí nào làm chủ gai tài này.

Tôi quay lại hỏi ca sĩ Nao Nao cho có chuyện:

– Em không đi hát nữa sao?

Cô ca sĩ cười:

– Ai cho hát, những ca sĩ Hà Nội vào người ta hú chứ có phải hát đâu. Em thì không biết hú. Em nghe nói chị Thái Thanh đi bán xôi ở vườn hoa công lý, anh Hoài Bắc đi bán đồng hồ, đài ở chợ trời Sài Gòn. Thế là cả ban hợp ca Thăng Long xuống đường. Tất cả chúng ta đều phải xuống đường kiếm sống. Người ta nói các nhà giáo bây giờ “mất dạy” nên “vô lương”. Các văn nghệ sĩ như các anh sẽ ra sao?

Tôi chép miệng đùa:

– Em có nhìn thấy những đồng sách báo bị đốt kia không? Có lẽ các anh sẽ cháy theo luôn. Người anh mới ngún khói, chưa bốc lửa, chỉ cần thêm một giọt dầu, vèo... thế là xong.

Câu nói rơi rớt lại nỗi buồn. Sao Biển đánh tan ngay nỗi buồn ấy bằng câu pha trò:

– Này em gái, bỏ ngay cái quần ống loe đi nhé, bị bắt đấy.

– Anh chỉ nói tầm bậy!

– Không tầm bậy đâu, anh thề, chuyện mới xảy ra ở Cầu Kiệu chiều hôm qua thôi.

Mọi người ngóng ngóng nghe, kể cả khách mới vào quán. Giọng Sao Biển như thật:

– Chiều hôm ở dốc cầu Kiệu sang Phú Nhuận, có một cô bé mặc quần ống loe màu tím đi qua cầu. Một tổ bảo vệ văn minh văn hóa đứng gác ở đầu cầu chặn cô bé lại, cô bé được “giáo dục” cẩn thận. Cuối cùng là bị xử phạt nghiêm khắc.

Sao biển ngưng kể nhìn mọi người. Tất cả đều chăm chú, anh tiếp:

– Một người cầm sẵn cái kéo, kê vào ống quần xẻ một đường dọc lên tận háng cô ta, và ống quần bên kia cũng bị như vậy.

Mọi người ò lên một tiếng. Sao Biển tỉnh queo kể tiếp:

– Cô gái đứng im, mặt bình tĩnh dễ sợ, xong xuôi cô ta hỏi một câu: “Xong chưa?” –“Rồi cho mà nhớ đời nhé”. Người con gái nói: “Nhớ chứ, coi này, nhà anh cũng phải nhớ luôn!”. Người con gái tụt ngay quần ra chòng vào đầu anh cầm kéo: “Tất cả chúng mày phải nhớ hết”. Bây giờ cô gái cởi truồng nòng nống đi xuống dốc cầu. Nói là cởi truồng thì hơi quá đáng, chỉ còn trần xì một cái quần lót. Tôi từng nổi tiếng là thẳng phét lác, nhưng chuyện này ai muốn tin thì tin, không tin thì thôi. Sợ bị văng miếng thì đi chỗ khác chơi, nhớ trả tiền cho em gái Nao Nao

rồi hãy đi. Mình lá rách đùm lá nát mí nhau.

Em gái Nao Nao cười bò lăn, em nói: “Em chẳng tin đâu, nhưng buồn cười quá! ”. Mọi người vừa buồn cười vừa bàn tán chuyện thật giả. Tôi cho là hẳn ta ngựa nghe nhặt tin “xe cán chó, chó cán xe”.

Em gái Nao Nao cũng ngựa nghe vừa pha cà phê vừa cất tiếng hát. Em hát bài: “Nếu em không là người yêu của lính”. Bản nhạc sống không micro như ở sàn nhảy, nhà hàng hay sân khấu ngày nào, dĩ nhiên không cả kỹ thuật âm thanh cũng làm cho khách uống cà phê buồn gục mặt.

Ngoài đường vỉa hè có một anh chụp hình rong mồm oang oang tán một anh cán bộ. Đúng là anh cán bộ chẹt xe tôi hồi sáng:

– Chụp một tấm ảnh đi đồng chí, chụp ảnh lấy liền sau ba mươi giây bằng máy ảnh tối tân khoa học có tên là Polaroid. Ba mươi giây xong một tấm ảnh in bằng giấy ảnh Liên Xô vĩ đại, cỡ 9x12, chỉ còn một ít phim đặc biệt, chụp ngay đi kéo hết. Xem nào, tôi là nhà điện ảnh lớn tốt nghiệp Tiệp Khắc, có thể đạo diễn cho đồng chí chụp cả bộ “Đạp -Đổng -Đài”,

Anh cán bộ Ếp Ếp hét lên:

– Nghĩa “nà” thế “lào”?

– Dạ nghĩa là chụp cho đồng chí đủ bộ, trong ảnh có cả hình xe đạp, đồng hồ đeo tay, đài nghe phát thanh đeo ở bên nách. Chụp đi đồng chí gửi về Hà Nội làm kỷ niệm, đồng chí đi giải phóng miền Nam giàu sang thế đấy.

– Bao lâu thì lấy ảnh được?

– Chỉ ba mươi giây như tối đã cam kết.

– Nói “náo”, “nàm” như người ta không biết gì cả, cả đời không nhìn thấy cái máy chụp ảnh. Đây đừng có bịp thằng này, Hà Nội thiếu gì máy ảnh.

– Tôi nói thật mà đồng chí, nếu nói láo thì cứ bắn tôi đi.

– Thôi được, “náo” thì nhà anh chết. Phải có ảnh mới giả tiền.

– Một ngàn đồng Ngụy một tấm.

– Tiền bao nhiêu cũng được, tao mới đổi tiền Hà Nội được một mớ. Một cái ảnh một đồng bạc chứ mấy, đáng nhẽ ra chỉ một vài hào thôi. Thôi được, “guai Hà Nội” hào hoa phong nhã mà...

Sao Biền bụng miêng cười:

– Mẹ kiếp, nó nói “giai Hà Nội” mà ngọng líu tíu tiu...

Tôi vui lây với cái vui của bạn:

– Tao cảm điếc, mủ giò nên chả biết gì hết.

Sao Biển vừa uống cà phê vừa quan sát anh thợ ảnh dạo diễn cho anh cán bộ “ép ép” chụp pô hình “đạp-đồng-đài”. Anh thợ ảnh miệng tía lia:

– Được rồi, xe đạp dựng trước, vén bên tay áo đeo đồng lên, nghiêng người một chút cho nhìn rõ cái đài đeo bên mình, nhìn thẳng vào máy này, đứng nghiêm trang như thế... Tưoi lên nào! Toét miệng cười toe đi... Xong rồi.

Máy bấm tách một cái. Anh thợ chụp ảnh nhảy ngay vào, giấu người sau gốc cây rút tấm hình trong máy ra, nhưng anh ta không đưa ngay cho khách hàng:

– Xong rồi, đẹp lắm! Anh cán bộ đưa tay ra:

– Đưa xem nào?

– Đưa tiền đây thì đưa ảnh, tiền trao cháo múc!

– Ô hay “nằm” gì mà “chắc nẹp” thế, đẹp thì trả tiền “niền”.

Anh thợ chụp hình xua tay:

– Không đưa, đưa tiền đã, đây là vấn đề nghệ thuật, không phải hàng tôm hàng cá. Anh xem rồi lại làm bộ chê ổng chê eo rồi đòi bớt xén thì sao.

Anh cán bộ đành xi tiền ra, anh ta cầm lấy tấm hình, mấy người tò mò ghé mắt xem trầm trồ khen đẹp mà oai ghê. Anh cán bộ còn chê:

– Chưa được, anh phó nhòm này, sao miệng tôi còn méo, thế “nà” nghiệp vụ anh chưa cao.

– Khó gì, chụp một pô nữa, tôi gò lại cái miệng cho. Tôi cứ tưởng đồng chí dùng cái môi che răng sún chứ.

– Bó “náo”, Chụp “nại” cái khác. Chụp năm cái, tôi chỉ “nấy” một cái đẹp nhất. Trả tiền đủ, tôi là tay chơi ảnh mà.

– Xin chiều lòng quý khách, nào xin mời, đứng lại tư thế cũ.

Anh cán bộ kêu thất thanh:

– Ô hay, cái xe đạp của tôi đâu rồi?

Anh thợ ảnh cũng la lên:

– Người anh em nào đưa giai, đưa lại chiếc xé cho đồng chí cán bộ đi, để cán bộ còn chụp ảnh chứ. Ai thấy làm ơn mách bảo giùm.

Một người nói:

– Tôi vừa thấy một người dắt đi, tôi lại tưởng xe của anh ta...

– Thôi đúng tên vô xé chính hiệu rồi.

Anh cán bộ rối tinh lên, mặt như chàm đỏ:

– “Náo” thật, náo thật, quân này ăn cắp như ranh. Ông mà tóm được thì chết với ông, ai thấy nó chạy đường nào thì báo cáo đi.

Người chỉ đường này, kẻ chỉ đường kia cứ lú tuu cả lên. Anh cán bộ đùng đùng nổi giận:

– Á à, chúng mày đồng “nõa” với nhau cả, che mắt ông để cướp tài sản của công dân “nương” thiện.

Anh ta móc túi trong túi quần ra một vật bọc ni lông. Anh giở nhiều lần dây quần. Lò ra một cây súng. Sao Biển lòi tôi:

– Linh đi thôi, nó điên lên dám nổ bậy lắm.

Mọi người thấy anh cán bộ có súng đều tìm đường lui hết. Anh ở lại một mình la hét chửi bới Mỹ Ngụy và căn bã của nó còn sót lại một cách thật cô đơn.

Ở cuối đường đằng kia thằng ăn cắp xe đạp, đứng bán sang tay ngay cho một anh cán bộ khác có nhu cầu đi tậu xe. Anh đòi cái hóa đơn, có ngay người cung cấp, ghi luôn cả số sườn xe đạp. Bảo đảm không phải đồ gian.

Cuối cùng thì cả hai anh cán bộ gặp nhau. Hai anh cãi nhau rồi cùng xuất trình giấy tờ chủ quyền hợp pháp, cùng mang nhãn hiệu xe “de-lu-xe’ (Deluxe).

Chuyện này phải đưa ra bộ đội quân quản phân xử. Chẳng biết kết quả ra sao.

Tôi ghi nhận lại tất cả mọi hoạt cảnh thành phố những ngày đầu giải phóng. Thì ra mình vẫn đang làm việc. Một cuộc đi thực tế kéo dài hai mươi năm trời. Những tư liệu vô cùng quý giá.

Tôi đi lang thang suốt một ngày đến tối mới về nhà mẹ. Người đượm mùi rượu khó ngửi. Tôi đưa mẹ tờ giấy chuyển về địa phương. Bà cụ hỏi:

– Đã đành, nhưng còn ba con bé thì sao, cháu nội mẹ?

– Hiện giờ con không biết, nhưng con phải tìm ra chúng thôi.

Cả vài tháng sau tôi mới tìm ra chúng ở trong viện mồ côi do mấy bà sơ nuôi dạy. Tôi nghiệp các con tôi. Tôi nghiệp những đứa trẻ khác đồng cảnh ngộ.. Nay viết lại hồi ký tôi còn thấy vị cay cay nước mắt mình. Tôi biết lòng mình vẫn nguyên vẹn như thuở nào...

Chương 2

Sau ngày giải phóng miền Nam 30-4-75, tôi trở thành một kẻ thất nghiệp, chẳng phải riêng tôi mà nhiều người, trong mọi ngành mọi nghề. Nghề tôi đeo đuổi bấy lâu nay là nghề viết văn làm báo. Một nghề được coi là quá sức nặng nề với chế độ mới. Chúng tôi được đánh giá “cá mè một lứa” là tội làm bồi bút cho chế độ cũ – NGỤY – Chế độ mới tung ra một mẻ lưới vơ bắt, tôi và một số anh em rất ít lọt lưới. May mắn đầu tiên đã tới, vậy thì phải sống thôi. Muốn được sống cần thiết nhất là phải có lương thực. Muốn có lương thực phải có công việc làm. Khó khăn lắm, thời buổi mới mẻ này có được công việc làm đâu phải dễ dàng. Phải có sự giới thiệu, phải có thân nhân làm cách mạng, phải có một lý lịch “sạch sẽ”. Điều này thì tôi lấy đâu ra, bạn tôi khuyên tôi nên đi xoay, xoay đằng trước ra đằng sau rồi xoay tua thôi. Tôi thua. Tôi không thể

nào giống như một vài anh em đồng nghiệp xoay ra một tờ giấy viết tay chữ như gà bới của một tay cách mạng nào đó chứng nhận anh ta là người đã từng giúp đỡ cách mạng, thuở cách mạng còn nằm trong nôi. Tờ giấy được ép bao ni lông, xoắn dây đeo vào cổ như tấm bùa hộ mạng. Tôi chẳng thể nào có được tờ giấy quý giá ấy.

Một hôm tôi thất kinh hồn vía khi bước vào nhà của ký giả Người Thăng Long để uống rượu “quốc lủi” do anh cất. Người Thăng Long là người có nhiều bài viết chống cách mạng khét tiếng, khi anh vượt tuyến vào Nam sau di cư năm 1954. Bây giờ ở giữa nhà anh trang hoàng một bàn thờ tổ quốc. Cờ đỏ sao vàng, hình Bác, bên cạnh đó mũ cối và dép râu. Một tấm bằng khen GIA ĐÌNH VỀ VANG lồng kiếng 60x90 đập ngay vào mắt khách. Mãi tôi mới dám ngời hỏi mua ly rượu giá một hào uống đỡ. Tôi nghĩ nhiều người nguy trang tài thật. Trong giới bạn bè đồng nghiệp tôi cũng nhiều người tài. Họ biết xoay xở, không phải xoay đằng trước ra đằng sau như tôi mà xoay tít thò lỏ. Tôi tâm phục, khẩu phục rồi biến. Tôi chán đời, bất mãn xằng và chớm trở thành kẻ nghiện rượu... Tôi có một triệu lý do để chán đời để nghiện rượu, để tự tàn phá đời mình, vắng tục và chửi bậy. Tôi chẳng sợ ai và biết chẳng ai sợ mình. Tôi coi trời đất nhỏ như hạt cát. Tôi nghênh ngang trong một tâm hồn rách rưới, tiều tụy. Tôi hiểu miếng ăn, cái mặc khi đó quý giá là đường nào. Tôi phải đi tìm nó, dù ở chân trời góc biển nào.

Nhà văn nữ Lệ Hằng thấy hoàn cảnh đói rách của tôi, chị hứa tìm cho một việc làm, dĩ nhiên là việc làm thì có ngay, nhưng phải đi xa. Một công việc lao động, tôi chấp nhận. Tổ hợp Việt Nam kỹ thuật của ngài cựu tài phiệt Nguyễn Văn Ngời. Công trình của ông Ngời rất to lớn, ông ta đang kiến thiết đất nước Tân Cà Mau, nhập tỉnh Bạc Liêu Cà Mau lại thành một tỉnh lấy tên chung là tỉnh Minh Hải. Các công trường ở khắp mọi nơi. Ngay cả thị xã Cà Mau, huyện Giá Rai, đê biển thị xã Bạc Liêu. Hàng ngàn công nhân năng nổ làm việc ngày đêm. Thế là tôi được xuống Cà Mau, sau khi tôi đã phải viết một đề án công tác bảo vệ kho lẫm. Tôi được làm trưởng ban bảo vệ công trường. Nhà văn Thế Phong làm tổ trưởng thi công. Nhà văn Cung Tích Biền làm ban hành chánh. Chúng tôi được điều về huyện Giá Rai, nơi ấy bắt đầu xây dựng một trại chăn nuôi heo. Tại sao lại toàn những nhà văn, nhà báo làm cái nghề này? Chúng tôi quen biết nhau cả, nếu không nói là thân nhau. Cùng cảnh khó khăn hết trong lúc đổi đời. Trên danh nghĩa là trưởng ban nọ trưởng ban kia. Thật ra là làm cu li. Ông chủ nhiệm Nguyễn Văn Ngời với chúng tôi cũng chẳng phải ai xa lạ. Ông ta từng là người tài trợ cho nhật báo Sóng Thần cả bao nhiêu triệu đồng, khi tờ báo èo uột tưởng chết. Chúng tôi nhong nhong ở công trường Giá Rai, khuôn vác vài bao xi măng, vài ba cây cừ tràm. Riêng tôi “có tài” lái xe jeep. Nên công việc phụ của tôi là mỗi tuần lái xe về Sài Gòn. Chiếc xe tôi lái thuộc ty nông nghiệp tỉnh Minh Hải. Đi qua các trạm kiểm soát kinh tế dễ dàng và chẳng bao giờ bị xét hỏi. Tôi không quên mang về cho gia đình thịt, mỡ, gạo trắng. Nhân dân Sài Gòn lúc đó thèm những thứ này lắm, vì bị bóp mồm bóp miệng theo đúng đường lối kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đói vều mồm mà có ai dám kêu, dám xuống đường biểu tình đâu. Mỗi tuần tôi từ Cà Mau về thành phố Sài Gòn cứ y như là Việt kiều từ nước ngoài về thăm quê hương. Tôi tha hồ vênh vào khoác lác. Cũng thời gian đó tôi tìm ra hai con từ trại mò côi ra. Con gái tôi mút miếng thịt heo đến bã ra, con em nó ngậm miếng cơm trắng nhão thành bột mới dám nuốt. Ly nước mía bố cho uống thay cho kem, hai đứa con tôi uống nhắm tịt cả mắt. Chúng khen ngon quá, cả đời nó chưa được uống nước mía bao giờ (!). Tôi ngăn người vì con tôi mới nứt mắt ra mà đã điều toa, nhưng tôi dần tức bực lại ngay, vì trước đây tôi có cho con tôi uống nước mía bao giờ đâu, tôi chỉ cho chúng uống nước cam nguyên chất ướp lạnh, ăn kem ba màu và sữa tươi nguyên chất, bán kem Givral. Để chuộc lỗi lầm của kẻ làm cha tôi lái xe đưa cháu ra rạp hát Moderne ở Tân Định xem phim “Ba hạt dẻ cho cô bé lọ lem”. Mẹ tôi thì có quà là những dùm tôm khô, tôi mua ở Hồ Phòng Cà Mau, một can mỡ heo, tóp mỡ, nồi thịt kho và những hạt gạo trắng lóng lánh như những hạt ngọc. Vài chục bạc tiền lương để gia đình xây xài. Mẹ tôi có thể xúc vài lon gạo châu báu đó biểu bà con lối xóm để cụ được tăng phúc tăng thọ. Mẹ hai đứa trẻ tôi không cần phải nói đến, vì bà là con cái cách mạng, con nhà nòi liệt sĩ. Đối với bà ta bây giờ

tôi là người xa lạ hết thời, đơn giản vậy thôi. Đơn giản như cái sự đời...

Sài Gòn thiếu lương thực trầm trọng. Hiện là thời hoàng kim của cửa những nhân vật như bà Ba Thi, sếp sòng của ngành lúa gạo. Ai cũng phải nói đến tên và ai cũng phải ngưỡng mộ bà khi bà phải đứng xếp hàng mua mua lương thực nói chung mua gạo đồ tới nói riêng. Thuở Sài Gòn trong thời “gạo châu củi quế”. Đói, đầu gối phải bò, tôi là nhà văn nên tất là ngây thơ vô tội. Tôi chẳng có tí mảnh mung nào hết.

Buổi chiều ngày thứ sáu, các bạn tôi Thế Phong và Cung Tích Biền chạy nháo lên ra chợ Giá Rai mua vét thịt cá, mỡ, gạo để “làm hàng” mang về Sài Gòn trao lại cho gia đình. Tôi không phải lo chuyện ấy vì hai người bạn tôi làm giùm. Tôi ngồi ở quán cà phê có tên là Nhớ, tán tỉnh cô Thủy, con gái chủ quán cho đỡ vã cái bên “đĩ mồm”. Cô bé Thủy ngây thơ, mở cho tôi nghe băng nhạc có bài “Hà Nội niềm tin và hy vọng” rồi bài “Tiếng chày trên sóc Bo Bo”. Tôi tỏ ra hào sảng với nàng:

– Ngày mai anh về Sài Gòn, có về chơi thành phố không, anh có xe.

Thủy lưỡng lự lắc đầu:

– Nhưng em không có người quen ở thành phố!

– Về ở nhà anh!

– Trời, về với anh để vợ anh xé xác em ra à? Thôi anh về một mình “êm’ đi.

Thế là bề mảnh. Gái quê mà cũng có cảnh giác cao. Tôi thử lại chiếc xe jeep một lần nữa trước khi về lán trại. Các bạn tôi lại bày ra một chiều tiệc nhậu với đồ mỗi là một rổ tóp mỡ, mỡ ba khía chiên giòn, lít rượu đế nếp, tôm nhúng nước dứa chấm muối chanh ớt. Đồ mỗi bắt đáo đẽ. Sáng ngày mai tôi phải lên đường sớm nên bạn bè khuyên tôi nên uống rượu ít thôi. Tôi đi công tác, nhân tiện mang lương thực về thành phố cho gia đình bạn bè. Thế Phong nói với tôi:

– Mày mang can mỡ này về đưa cho vợ tao, có nồi thịt và ít gạo đấy. Tội nghiệp các con tao, có tí tiền lương tao gửi luôn, mẹ nó thẳng tài vụ đòi trừ lương tao, tao “bốc xê” nó thấy mẹ, đã mang thân đi làm cu ly mà cũng không yên với chúng nó.

Cung Tích Biền gửi những thứ tương tự không quên dặn:

– Sau khi mày đưa “hàng’ xong nhớ đưa thẳng Ky nhà tao lên xe hơi đi chơi một vòng.

Tôi biết quá rõ thằng bé này mà nhớ cả cái ngày nó ra đời. Ôi kỷ niệm tuyệt vời và đáng thương làm sao. Tôi nhớ ngày hôm ấy là ngày 28 Tết, đường xá đông đảo, tôi lái xe hơi luôn lách mãi mới về đến trại gia binh Gò Vấp, nơi Cung Tích Biền ở. Cũng đêm đó trại bị pháo kích. Gia đình Biền vô sự.

Đương nhiên tôi phải thương phải quý các bạn tôi. Bây giờ chúng tôi đang ở bên nhau, cùng chung hoàn cảnh.

4 Giờ 30 phút sáng tôi đã dậy, đồ đạc được xếp sẵn trên xe. Anh chủ nhiệm Nguyễn Văn Ngoai đã chờ tôi. Anh đưa tôi ra trạm xăng, lấy đầy một phuy xăng như thường lệ chờ theo. Anh nói câu cổ hủ:

– Anh có thể bán xăng dọc đường lấy tiền làm công tác phí, miễn là đủ xăng để chạy về lại được Cà Mau chiều thứ hai. Anh phải hoàn thành công tác trong ngày chủ nhật. Này, tiện thể mang cái cặp này giao cho vợ tôi ở Bình Triệu. Cái này anh phải giữ luôn bên mình, không được dờn và nhớ giao tận tay vợ tôi...

Một chiếc cặp samsonite xinh xinh mà cũng nặng nặng. Tôi còn thắc mắc:

– Tôi nhớ là vợ anh ở Bạc Liêu cơ mà?

– Không phải, đó là bà hai của tôi. Bà ở Bình Triệu là bà cả.

Tôi biết thêm về mình không phải là thằng tham lam lợi dụng vào lòng tin của kẻ khác để làm bậy.

Anh Nguyễn Văn Ngời mặc áo sơ mi trắng cụt tay, một cái quần kaki vải Nam Định, màu cứt ngựa, dép râu. Và tôi không biết anh làm cách nào lại có một cái mũ cối. Anh có chiếc xe hơi riêng và tài xế. Nhìn anh lúc này ra vẻ một cán bộ lớn, việc giao thiệp của anh rộng rãi, toàn là những vị cán bộ có tầm cỡ. Anh tới cơ quan nào cũng lọt. Tôi chỉ có thể kết luận về anh là một người khôn ngoan. Xứng danh là một tay tài phiệt chuyên làm ăn lớn và có lẽ chưa chịu dừng lại.

Năm giờ sáng tôi khởi hành từ Giá Rai. Nơi đó có những địa danh tên nghe thật vui. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao lại có những tên ấy nữa. Tắc Vân, Hộ Phòng, Cây Gừa, cầu Nọc Ngang, Giá Rai, Ghềnh Hào... Ngay chính những nơi đó đã xảy ra những cuộc hiến đấm máu. Người dân thì thật thà chân thật, người Việt, người Miên ở chung với nhau, những bữa nhậu Miên Việt say bí tỉ, chén chú chén anh. Những buổi hát tuồng “Thạch Sanh chém chằng tinh” cùng chung niềm vui trong đêm hội. Những cô gái Miên ngây thơ chân thực, những tiếng cười ròn tan khi thanh niên người Việt buông lời chọc ghẹo. Họ hiền hòa chân thật.

Tôi từng bật phì cười khi ngồi nhậu với một ông già, nghe ông nói:

– Tao có mấy đứa con gái đó, mày ưng đứa nào tao gả cho. Mày có tiền thì làm một con heo, nếu không thì làm con gà làm bữa nhậu cũng xong. Một đôi bông tai...

Tôi chỉ dĩ cái lỗ miệng chứ đâu dám Sở Khanh, đối trá với những con người chân thật ấy.

Một mình tôi và chiếc xe về đến Bạc Liêu trời sáng bạch. Xe tôi chạy vào thị xã. Những chiếc xe lôi chạy theo tôi xin “để lại” cho ít lít xăng. Tôi ngồi ở nhà lồng chợ, ăn tô bún nước lèo thơm ngon, mua ít ký lạp xường về làm quà, rồi các loại quà bánh khác, cả trái cây, mùa nào thức ấy của đồng bằng sông Cửu Long. Tôi yên tâm mẹ và các con tôi tạm thời no đủ được ăn gạo trắng, thịt và cả bánh kẹo. Khi đó Sài Gòn hầu hết ăn mì sợi, khoai lang sùng đấng. Tôi đã thấy thằng “Thùng” con cô Năm xóm tôi mỗi lần thấy mì sợi ăn thay cơm nó khóc ré lên, dấy đành đạch. Sài Gòn thiếu lương thực trầm trọng, trong khi các tỉnh thì thừa mứa. Tôi cũng nghe nói có gia đình mua gạo lậu, nấu một nồi cháo thuốc chuột ăn bữa ngũ cốc cuối cùng. Chuyện đó bị cái chính kịch liệt, không biết có hay không hay chỉ là luận điệu phản động chống phá cách mạng. Trường hợp thiên hồi ký này tôi xin gác chuyện chính trị ra ngoài. Tôi chỉ nói những hiện tượng ắt phải có trong buổi giao thời, đang từ một chế độ này bước sang một chế độ khác. Thời kỳ quá độ của nền kinh tế cho là đúng vì có nền móng kinh điển của chủ nghĩa làm mẫu mực và chỉ đạo. Chuyện không đúng như vậy là sai trái, từ sai trái bước đến phạm pháp không mấy xa.

Tôi lái xe đi một đỗi đường dưới những tia nắng bình minh. Đồng bằng sông Cửu Long bao la

bát ngát trải dài đến chân trời. Đất nước tôi thật sự thanh bình, không còn nghe tiếng bom nổ, tiếng đạn réo, tiếng rầm rĩ động cơ máy bay trên bầu trời. Thay vào đó những đàn đàn cò trắng bay lả bay la...

Ở khúc đường trước mặt tôi có mấy người đàn bà đứng vẫy xe. Họ xin quá giang. Tôi cho xe đi chậm dần rồi dừng lại trước mặt ba người đàn bà. Tất cả là những người đàn bà có bầu, bụng mang dạ chửa. Tất cả trong hoàn cảnh này đều đáng giúp.

– Tôi đi công tác, tôi giúp gì được các bà?

– Chúng tôi xin quá giang lên thành phố.

– Được thôi chắc các bà đi sanh? Xe tôi chạy mau lắm sợ sóc không tốt cho các bà thai nghén.

Một người cười:

– Dạ, không sao, chúng tôi đẻ non một chút càng tốt. Chúng tôi cần nhà bảo sanh, miệt dưới này thiếu thốn quá, chỉ ở thành phố mới giúp được chúng tôi thôi. Các bà mẹ vườn dưới này...

Các bà bầu tót lên xe tôi, không chờ phải có sự đồng ý của tôi. Tôi cho là bản tính người dân quê thực thà chân thật. Tôi liếc nhìn vào kính chiếu hậu, ba người đàn bà, tất cả đều chửa vượt mặt. Trong ba người đàn bà có thai, tôi thấy hai người hơi bất bình thường. Một bà quá già, phải đến 70 tuổi thì đúng hơn. Một bà thì lại quá trẻ, một cô bé mới lớn, khoảng 12, 13. Vậy mà sắp đẻ đến nơi rồi. Còn người kia chẳng có gì đáng nói, chỉ là một người đàn bà có thai bình thường. Tôi vừa lái xe vừa lên tiếng về sự thắc mắc ấy. “Bà cụ có bầu” cười chỉ “cô bé có bầu”:

– Có chi lạ, con bé này mười sáu tuổi rồi đấy. Nó có chồng được cả năm rồi, lần này nó đẻ con so. Tại đời sống dưới quê khổ cực quá nên người nó teo lại, lớn không nổi.

– Còn bà cụ thì sao?

Bà cụ cười lớn lên:

– Trời ơi, sao anh lại gọi em là bà cụ, em mới hơn bốn mươi tuổi hà, đứa con này là đứa con thứ mười hai của em. Chết không, đời sống khổ quá nên nhan sắc sớm phai. Anh chạy lẹ đi lên đến thành phố còn kịp giờ vào viện.

Tôi tạm tin lời, lái xe chạy ào ào, nếu có còi hụ, tôi sẽ bấm còi hụ vì tôi đang làm công việc cấp cứu, xe tôi phải được ưu tiên. Tôi qua những trạm kiểm soát veo veo, qua bắc Mỹ Thuận. Trời về trưa nắng như đổ lửa, tôi không dừng xe uống nước mà tu nước trong bi đông mang theo, bữa ăn buổi sáng giúp tôi no bụng đến chiều, Về nhà nấu cơm ăn còn kịp chán. Ba giờ chiều xe tôi về đến xa cảng miền Tây. Các bà bầu xin xuống xe. Tôi thắc mắc:

– Chưa tới Từ Dũ mà. Tiện thể tôi đưa các bà đến nơi, khỏi đón xe ngoài.

“Ba cụ bầu” cảm ơn, móc tiền trong túi ra:

– Cảm ơn chú, cứ cho chị em tôi xuống đây, ở đây chúng tôi có người thân, chúng tôi cần có người săn sóc khi sanh nở. Chúng tôi đi xe ngoài cũng vậy, chúng tôi xin được đền ơn chú gọi là tiền cà phê...

Máu quân tử Tàu của tôi bốc lên, dĩ nhiên tôi từ chối quyết liệt, yên tâm mình đã làm được một việc tốt. Tôi lái xe đi vào thành phố. Trên trục lộ Phú Lâm tôi thấy người ta bán đầy thịt heo, những miếng thịt bèo nhèo và thâm sịt. Nhưng thời buổi khó khăn này cũng là miếng thịt vậy. Con cá ươn cũng là cá. Nắm gạo hẩm cũng là gạo. Chính danh lương thực.

Gia đình tôi tạm thời thoát khỏi cơn hiềm nghèo trong một nền kinh tế “cắm chợ ngấn sông”. Nền kinh tế chợ trời, ve chai, lạc soong nở rộ. Sự lừa đảo, dối trá và láu cá nảy sinh tung bưng trong xã hội. Tất cả chỉ vì miếng ăn, có cái tọng vào họng là được rồi. Người ta bắt đầu cho những cuộc trốn chạy. Ca sĩ Trần Văn Trạch đã tuyên bố trên đài BBC rằng “là cái gì có chân thì nó cũng chuồn”. Ở Cà Mau tôi biết có một địa danh người ta thường mò xuồng đó để vượt biên là Ghềnh Hào.

Một hôm tôi gặp ca sĩ Hùng Cường ở thị xã Bạc Liêu. Tôi hỏi anh xuồng đây làm gì, anh dối quanh, nhưng sau do sự thâm tình, vì tôi và anh ta chơi với nhau từ nhỏ ở trong xóm nên anh ta thú thật rằng anh đi vượt biên, nhưng không thoát được vì cái mặt anh là một nghệ sĩ cải lương có danh nên được mọi người ngưỡng mộ, anh bị lộ ngay bất cứ ở đâu khi ló mặt ra. Mãi sau này tôi nghe Hùng Cường thoát được bằng cách người ta bỏ anh vào rọ, hai người khiêng anh ra bãi như khiêng heo. Tôi lại nghe anh ca hát vi vút ở đài phát thanh ngoại quốc và tuyên bố ì sèo.

Bánh no Trung Quốc bán đầy ngoài chợ trời, người ta mua tích trữ. Người ta thầm thì quảng cáo cho nhau rằng chỉ cần “cháp” một viên bánh no là nhịn được mấy ngày.

Nếu tôi mua lại được một thùng bánh no của bộ đội là tôi trúng mánh. Nhưng tôi dốt về mặt buôn bán vô cùng. Bây giờ không cầm bút nữa thì tôi dùng cái thân trâu nước của tôi làm thuê làm mướn, làm cu li kiếm sống thôi. Tôi vụng về như anh mù dờ loay hoay xô mãi sợi chỉ qua kim để tự vá may cái quần đùi rách quá đát ba năm của mình mà không xong. Sự may mắn kiếm được miếng ăn của tôi bây giờ cũng hơn nhiều người khác. Suy nghĩ tính toán làm gì cho mệt. Mưu sự tại nhân thành sự tại thiên.

Hàng tuần, tôi vẫn giữ nhiệm vụ lái xe về Sài Gòn công tác. Khoảng năm giờ sáng tôi đến Bạc Liêu. Tôi lại gặp ba người đàn bà chữa xin quá giang xe. Các bà mồm năm miệng mười:

– Thưa chú, chúng tôi chưa sinh được, bởi tại chúng tôi phải lao động cực nhọc quá nên động thai. Bây giờ mỗi tuần đều phải lên thành phố để bác sĩ ở trên sẵn sóc, khám thai thường xuyên. Cũng phải cả tháng nữa mới sanh...

Tôi lại chở ba bà bầu lên Sài Gòn, lại xuồng quen ở xa cảng miền Tây. Tôi ngồi lại ở quán dọc đường uống cà phê cho tỉnh ngủ, tôi thấy ba bà từ trong chợ đi ra, cái bụng xẹp lép ba bà bị công an giống đi với ba giỏ thịt heo tang vật. Ba bà lái buôn lậu thịt heo chuyên nghiệp, bị bắt tại trận khi đang bỏ hàng.

Tôi bị hỏi giấy, bà cụ bầu 70 tuổi la lên với tôi:

– Trời ơi, thả tội tôi xuồng sao không đi ngay như những lần trước, ngồi đây chi vậy để mắc tội oan. Tôi tưởng anh đi rồi mới đưa các anh này ra bắt đồng lõa, anh đi rồi thì thôi, ai dè còn ngồi đây. Thiệt tội cho phải tố cáo người đã giúp đỡ mình. Xin các anh thông cảm, chúng tôi mới là kẻ có tội, còn anh “cán bộ” này không biết gì hết, hoàn toàn có lòng tốt. Thấy người bụng mang dạ chửa thì giúp đỡ thôi. Anh chẳng chia chác với chúng tôi một đồng bạc, một hào lẻ nào hết.

Tôi bị đưa vào trạm kiểm soát kinh tế, bị “lên lớp” học tập bài cảnh giác kẻ gian lợi dụng cán bộ

tiếp tay cho chúng làm điều xằng bậy, có tội với cách mạng. Các “đồng chí” làm nhiệm vụ kiểm soát kinh tế cảnh cáo tôi, không giam xe tôi, tôi phải làm một tờ kiểm điểm nhận cái tội ngu của mình có mắt mà như mù, rồi tha để tôi hoàn thành trách nhiệm công tác trên đã giao phó.

Thấy tôi nói giọng đặc Bắc kỳ, anh bạn kiểm soát kinh tế thân mật vỗ vai tôi:

– Đồng chí nên đặt sự cảnh giác lên hàng đầu. Cách mạng đang gặp nhiều khó khăn, lơ mơ là bọn dân Ngụy này qua mặt đó. Người cách mạng vốn dĩ chân thật như đồng chí ấy, chúng nó buôn lậu thịt heo chứ chẳng phải bầu bì gì, chúng độn thịt vào bụng giả làm bụng chữa. Xin cảm ơn đời, tôi nhìn thấy ở trên đời vẫn còn nhiều người tốt, có tình người. Người vô bắt có tình người, người bị bắt làm chuyện trái phép không đổ thừa cho người làm ơn cho mình.

Vì vậy mà tôi sống, sống mãi cho tới ngày nay nhìn cho rõ cái sự đời trên quê hương tôi. Dù hai mươi năm qua nhanh như cái chớp mắt.

Mưa sự tại nhân thành sự tại thiên. Âm mưu trốn chạy khỏi quê hương nhiều đau khổ của tập đoàn Nguyễn Văn Ngời không thành công. Kế hoạch “đánh quã” bị lộ không biết từ đâu. Lễ Giáng Sinh năm đó Nguyễn Văn Ngời bị bắt, cả tập đoàn bị tan rã. Tôi và một ố anh em trở lại Sài Gòn kiếm ăn. Thế Phong xin được một chân làm ở công ty xe buýt thành phố. Cung Tích Biền buôn bán rồi làm giàu. Tôi lang thang chợ trời Gia đình tôi tan rã thảm hại. Tôi về sống với mẹ ở ấp Đông Ba Gia Định. Kiếm được miếng ăn thì bữa no bữa đói.

Tôi buồn, chán đời bị gia đình nhà vợ khinh khi, bị kết án như một tên lưu manh, trộm cắp, côn đồ chuyên nghiệp. Một hình phạt cay đắng và nhục nhã mà tôi phải gánh chịu, phải nuốt xuống. Nguyễn Nghiệp nhượng, chồng của ca sĩ Hồng Vân phải ký tên vào đơn xin ly dị với vợ, không ký cũng không được. Hồng Vân có một người chồng cán bộ khác, cũng làm văn hóa văn nghệ gì đó, so với Nguyễn Nghiệp Nhượng bây giờ, thẳng thợ ngồi sửa xe đạp lề đường thì một trời một vực. Buổi trưa tôi thấy thằng cu Bi, con của Nhượng và Hồng Vân, mang đồ ăn ra cho bố. Mờ ngấn gà-men ra tôi thấy mấy củ khoai luộc, loại lương thực bán ở tổ dân phố, củ khoai nào cũng bị sâu ăn đặng nghét đến hai phần ba.

Ngồi ở dốc cầu Bông, tôi nhìn thấy người vợ đầu gối tay ấp của tôi,ngồi sau xe của một thằng Tây lai mặt đầy trứng cá chở đi. Nàng làm thủ tục kết hôn, dĩ nhiên nàng được xuất cảnh ra đi theo chồng diện con lai.

Bên cạnh người ngồi lề đường là một quán cóc bán mấy thứ rượu, đồ mời lèo tèo và chắc chắn là những thứ hạng bét. Buổi sáng tôi bán được mấy cái bù lông kiếm được mấy hào. Tôi mua được một xị rượu cùng uống giải sầu. Nhượng góp một con cá khô nướng làm mời đưa cay.

Tôi nhạy cảm nên muốn uống rượu rồi khóc như diễn viên điện ảnh Huy Cường. Nhưng khi nhìn mặt Nhượng sắt lại. Đôi mắt dỗi dỗi nhìn xuống giòng kinh Nhiêu Lộc đục ngầu, bốc mùi hôi thối đến lợm giọng.

Tôi và Nguyễn Nghiệp Nhượng nói với nhau những câu vô nghĩa.

– Tao không bao giờ tắm ở con kinh này.

– Tao gác bút, tạm thời gác bút.

– Đúng thôi, mày nên làm “phụ tá đặc biệt” cho tao để kiếm khoai sống qua ngày. Chưa biết sửa xe thì mày giữ nhiệm vụ bơm xe, bỏ tí sức lao động ra, mỗi chiếc bánh xe cũng được một hào đấy, rồi học vá xe, từ vá tay đến vá ép máy hồi... Máy móc xe đạp cũng đơn giản thôi, khó nhất là rút cãm xe đạp.

Tôi rất phục Nguyễn Nghiệp Nhung vì anh ta có năng khiếu khoa học kỹ thuật về xe đạp. Hồi xưa tôi đã thấy anh ta tháo tung cả chiếc máy chữ lau dầu rồi sửa chữa tốt lại. Thì ngày nay cái xe đạp, xe honda cũ rích có nhằm nhò gì.

– Tao gác bút!

– Ai cho mày viết văn mà chẳng gác. Coi chừng bị đếm lịch. Học lấy một nghề mà kiếm ăn, không phải nuôi vợ con thì nuôi mẹ già mày. Tao có phúc hơn mày vì còn được nuôi mẹ nuôi con. Thôi câm miệng đi rồi uống rượu. Ngồi trên “con kinh nước đen” này chẳng nên thơ tí nào.

– Ừ thì câm nhưng tao là thằng Trâu nước lội dưới kinh nước đen.

– Tốt, tốt, Nhưng “rượu chua đu” đâu. A mày nghe gì về Dương Nghiễm Mậu không?

– Nó ở tù, mới ra, bây giờ nó làm nghề sơn mài. Ngồi uống cà phê cứ có ba người là nó đứng dậy biến, nó cảnh giác cao như sống trong thời Thương Ưởng phò Tần Hiến Công thuở Đông Chu Liệt Quốc.

– Phải thôi, nhưng mình cũng nên câm miệng lại. Trâu nước, tao biết mày có bệnh vạ miệng. Có miệng thì cấp, có nắp thì đậy.

Lạc soong là nghề có nhiều bộ môn khác nhau. Bán quần áo cũ, đồng hồ từ hạng cao cấp đến hạ cấp. Có giá nhất là loại đồng hồ đeo tay không người lái, biết bơi, mười hai trụ đèn, hai cửa sổ. Bán xe đạp và đồ xe đạp cũ được tân trang. Radio, (đài), ti vi, máy hát hầm bà làng.

Tôi gặp vợ chồng anh nhà báo Nguyễn Khắc Giảng bày bán sách cũ ở trên đường Tự Do. Trong đó có cả những cuốn sách của tôi của Duyên Anh, Hoàng Hải Thủy và rất nhiều loại khác của nhiều tác giả. Những sách báo đó đều xuất bản ở miền Nam trước năm 1975. Tất cả đều bị coi là có tội. Tác giả của nó đương nhiên có tội nhiều hơn. Cả miền Nam nói chung, thành phố nói riêng vắng bóng dần những mặt quen: văn nghệ sĩ, sĩ quan quân đội Cộng hòa. Họ đi học tập cải tạo hết ráo!

Chiến dịch truy quét văn hóa phẩm đồi trụy, phản động nổ ra ở Sài Gòn. Hàng vạn cuốn sách bị thiêu đốt. Sách báo trong nhà tư nhân bị lôi ra hỏa thiêu. Trong các cửa hàng kinh doanh sách báo bị thu gom tất cả, coi như đốt cháy cả cơ nghiệp, cả con người những cá nhân. Các em nhỏ đeo băng đỏ thi hành công tác một cách vô tư miễn cưỡng. Phản ứng của người bị tội tất nhiên phải có.

Một cửa hiệu chuyên cho thuê truyện tại đường Huỳnh Quang Tiên bên cạnh nhà thờ Ba Chuông tại Phú Nhuận phát nổ khi đoàn thu gom sách mang băng đỏ xâm nhập tiệm. Ông chủ nhà sách mời tất cả vào nhà. Rồi một trái lựu đạn nổ. Chuyện xảy ra không ai ngờ. Đương nhiên là có đổ máu, có kẻ mạng vong. Những chú nhỏ miệng còn hôi sữa, những cô bé chưa ráo máu đầu là nạn nhân vô tội. Trên cánh tay còn đeo tấm băng đỏ, quả thật sủng đạn vô tình! Cả chủ tiệm cũng mạng vong.

Trên đường Lý Thái Tổ, trước mặt phở Tàu Bay là trại lính quân cảnh của chế độ cũ bỗng dựng phát nổ khi các em nhi đồng đi làm “kế hoạch nhỏ”, thu gom đồ sắt thép phế liệu. Người ta đưa vào bệnh viện nhi đồng cả mấy chục xác trẻ em.

Hàng loạt những chuyện không hay xảy ra. nhà nước nhân đạo bắt buộc phải thu gom nhiều

phần tử phản động và có tư tưởng phản động, tàn dư Mỹ Ngụy cho đi học tập cải tạo. Phần tử nào cứng đầu, có chứng cứ thì bị đưa ra xét xử, tuyên một bản án, vậy là rồi đời. Đầu mỗi của những chuyện như thế ở chợ trời. Tôi là người suốt ngày lang thang nên quen biết cũng nhiều. Lại toàn anh em cả, nay tôi lại thêm bệnh uống rượu. Hình như đôi khi cũng phát ngôn bừa bãi. Tôi sống cho đến qua Giáng Sinh năm ấy. Tôi vốn dĩ là kẻ thích lang thang nên Noel không thể không đi.

Cảnh Giáng Sinh trong những năm đầu giải phóng buồn hiu. Các nhà thờ không treo đèn kết hoa, không hang Bélem máng cỏ nơi Chúa sinh ra đời. không cả những bản nhạc Giáng Sinh. Loa phóng thanh mở vang đường phố. Tôi nhớ những mùa Giáng Sinh cũ. Cây kê, chiều 24 dân Sài Gòn cũng đổ ra đường mỗi lúc một đông. Tôi cũng ra đường mặc dầu là người không có đạo. Trong sáng người đông đảo, mặc lực lượng vũ trang đứng gác giữ gìn an ninh trật tự. Kẻ gian có móc túi rạch bóp ai được, vì chẳng ai có tiền để chúng ăn cắp. Đi chơi đêm Noel có vài hào trong túi đã là bảnh rồi. Tôi có tới ba hào rủng rỉnh trong túi quần. Diện áo sơ mi trắng, quần ống loe, giày Santiago mô đen cuối thời 1974. Tôi tự nhủ rằng sẽ mang ra chợ trời phát mại ngay sau đêm Noel này.

Dân Sài Gòn cũ đung mắt nhau chan chất trong sáng người đông đảo. Tôi muốn nói đến những người quen nhau. Câu hỏi đầu mỗi chót lưỡi là: “Ừa, mày còn đây à? ” “Mày còn sống sao? ”. Chẳng chết thằng Tây đen nào hết! ”.

Tôi gặp anh Hoàng Hải Thủy cùng chị Alice, vợ anh. Cả hai đều bảnh bao. Hoàng Hải Thủy vẫn “đẹp giai”, mặc dầu tóc bạc trắng, ăn mặc “síc”, chị Alice mặc áo màu gì đó mà tôi quên mất rồi, thướt tha trẻ đẹp như thuở nào. Hoàng Hải Thủy nói với tôi:

– Noel mình phải ra đường chứ, để người ta thấy dân Sài Gòn vẫn vậy, chẳng có gì đổi khác hết.

Chúng tôi dừng lại ở đầu đường khi chuông nhà thờ dóng lên báo hiệu giờ chúc Giáng Sinh. Chúng tôi mời nhau ly nước mía thay cho ăn Réveillon. Một mùa Giáng Sinh đói rách nhưng vẫn vui. Trong đầu tôi vẫn vang vang lời ca tụng Chúa Hải Đồng giáng sinh xóa tội cho thế gian.

Trời gần về sáng, tôi ngồi một mình ở đầu đường uống chén rượu cay xè, hát một bài ca Giáng Sinh. “Sinh gõ beo... Sinh gõ beo...” vui đáo để. Nhưng vui đó rồi lại buồn ngay đó.

Trời sáng hẳn, tôi có mặt ở chợ trời, lật bộ đồ “vía” tàn dư Mỹ Ngụy ngay tại chỗ rao bán. Tôi mặc may ô quần đùi về nhà, xách theo hai kí lô gạo hầm...

Ra chợ trời có nhiều mảnh kiếm ăn, tôi chẳng được quý phái như nhiều tay chợ trời khác. Như ký giả Hồng Dương buôn bán vàng ở chợ Lê Thánh Tôn. Vải vóc, quần áo cũ hay sách báo lậu, môi giới ăn hoa hồng.

Tôi cũng là dân chợ trời nhưng mua đi bán lại vài ba cái bù loong dĩ nên rất là đói rách...

Tôi yêu nghề viết của tôi nên đôi lần cũng nghĩ đến chuyện cầm lại cây bút. Một ông cậu của tôi từ ngoài Bắc vào chơi, khuyên tôi một câu;

– Vác cây bút của Xã Hội Chủ Nghĩa nặng lắm cháu ạ, cháu nên học lấy một nghề như sửa radio hay thợ thuyền gì để kiếm sống thì tốt hơn.

Tôi nhớ mãi câu nói của cậu đến bây giờ. Một vài lần tôi cãi lời cậu, tôi càng thấy câu khuyên

nhủ tôi là đúng là chí tình. một người dày dặn kinh nghiệm trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Từng bị học tập cải tạo cả một thập kỷ trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa ở miền Bắc vì tội là người trí thức.

Chương 3

Thế là tôi mất toi gần một năm, những ngày bị tạm giam ở Bàng Ky. Ngày tù (học tập cải tạo) của tôi chỉ được tính từ ngày lên trại học tập cải tạo, nhận lãnh án lao động khổ sai, tôi không được biết người ta vô tình hay cố ý, khi đó thật lòng tôi cũng chẳng cần biết đến chuyện đó. Cứ ra khỏi chốn địa ngục này là tốt rồi. Ra khỏi cổng trại người ta lại đổi ý thì khôn. Mất tôi đã thấy một anh bạn tù, tên là Ái, ra khỏi trại mua một thẻ nhang cắm ở cổng đốt lên vái vọng vào trong, nơi mình đã ở nhiều năm, lập tức bị anh cán bộ vệ binh lôi tuột trở vào. Thấy kệ lời khóc than van xin, tôi không biết sự thể kết quả ra sao. Tôi và anh bạn tù, luật sư Triệu Bá Thiệp đi dẫu nhau đi thật xa mới dám dừng bước.

Thiệp nói:

- Bao giờ mình ăn gì thì ăn, xa nơi hắc ám này đã.
- Tôi thèm ăn phở, nhưng tiền nhà nước chi mình về xe ít quá.
- Phải ăn ngay, cần thì mình đi ăn mỳ, đồng bào ta thương người cải tạo lắm, ít có người từ chối bọn “áo xanh” chúng mình.

Chúng tôi đồng loạt vận quần áo bà ba màu xanh nước biển, áo quần đều có in bí số trại học tập cải tạo, kẻ đi đất, người đi dép râu. Ai nhìn cũng biết ngay là tù. Số tiền được cấp phát để “về quê” sau ba năm lao động học tập cải tạo đủ ăn một bữa, đến vèo một cái, miệng còn chua. Đường về thành phố Sài Gòn, nay gọi là thành phố Hồ Chí Minh còn xa quá... Chúng tôi đi ăn mỳ ở thị xã. Ngượng miệng rất là khó nói. Tôi đùn cho Triệu Bá Thiệp:

- Anh xin đi, anh là luật sư quen ăn nói.
- Bớ lão, tôi ăn nói, bào chữa ở tòa án chứ đâu có gào ăn xin bao giờ... Anh cũng là nhà văn nhà báo quen ăn nói vậy...
- Tôi chỉ gào thét bằng chữ chứ chưa hề lạy ông, lạy bà.

Chúng tôi suýt nữa cãi nhau. Đang đôi co thì có một tay khác, chú Hạp gọi giật giọng:

- Lại đây đi xe về Sài Gòn, đồng bào thuê nguyên một xe cho mình.

Tôi ngạc nhiên, nhưng hết ngạc nhiên ngay vì các bà bỏ tiền ra thuê nguyên một chuyến xe than cho chúng tôi về thành phố, là những con buôn chuyên nghiệp, họ chất theo hàng tạ bắp đậu, khoai theo lên xe. Họ dặn chúng tôi khi nào đến trạm kiểm soát thì đứng lên, cần thì hô khẩu hiệu, người ta biết cải tạo được tự do sẽ cho xe đi. Các bà sẽ đóng vai vợ con, mẹ già của các cải tạo viên đi đón thân nhân “lâm đường lạc lối” về xây dựng lại đất nước làm công dân Việt Nam lương thiện. Màn kịch thành công mỹ mãn, cả hai bên đều có lợi. Dựa vào nhau mà sống. Tôi chia tay “bà vợ hờ” nào đó ở bến xe Văn Thánh. Ở đây bây giờ là buổi chiều. Bến xe náo nhiệt, ráng chiều đỏ phía miền Tây. Thành phố đối với tôi trở nên xa lạ, hình như người ta có đông hơn hồi tôi ra đi, những quán nhậu dài dài hai bên lề đường. Tôi về đâu chiều nay? Tôi không còn vợ con nữa. Tôi về với mẹ. Tôi nhớ câu hát của Nguyễn Tôn Duyệt trong trại học tập:

“Mai tôi về.. chắc gì gặp lại...”

Mẹ già tôi... tóc trắng bạc sương...”

Nguyễn Tôn Dực vẫn còn ở lại trại học tập cải tạo. Có lẽ tội anh ta còn nặng. Tay điêu khắc gia Nguyễn Đức Điệp, người chuyên khắc tượng Chúa, người ta đầy ải anh đến đổi đã bỏ xác, Chúa đã gọi anh về. Linh hồn anh được tự do bay bổng lên trời. Bay đến mỗi cánh thiên thần. Cầu cho anh đừng rụng lông cánh rơi xuống trở lại thế gian. Tôi lầm lũi đi trong buổi chiều tàn với một ba lô nặng trĩu niềm thống khổ trên lưng.

Tôi vào thành phố, qua Dakao, qua đường Nguyễn Phi Khanh, căn nhà của tôi, tôi đã ở đó, vợ con tôi đã ở đó. Nay thì không còn gì nữa.

Nhưng sao tôi vẫn đến. Tôi ngồi xuống bậc thềm trước cái song cửa sắt to rộng, mà xưa kia chiếc xe hơi của tôi có thể lái thẳng vào trong nhà.

Hiện tôi đang ngồi trước căn nhà đó như một tên ăn mày chờ bố thí. Trong căn nhà đó mọi người đang sinh hoạt. Những người hoàn toàn xa lạ với tôi. Còn đâu hai đứa con gái nhỏ của tôi reo vui, đứng trong cửa sắt:

– A! Bố về, mở cửa cho bố, mẹ ơi!

Tôi muốn khóc khi nghĩ đến những điều đó. Không còn gì hết. Con tôi giờ không biết ở phương trời nào. Ngôi nhà này tôi đã mất, dù rằng tôi biết từng viên gạch, từng cái bể nước, từng miếng gạch men làm bếp, cái cầu tiêu, buồng tắm, cái bàn viết của tôi kê ở đâu. Con chim trống đã xây dựng nên cái tổ ấm, nay thì... gió mưa toi tả.

Tôi không gọi cửa để xin vào thăm lại ngôi nhà xưa, mà chắc gì họ đã cho vào. Nhưng nỗi đau còn đó, nằm trong đầu tôi. Tôi mất thật rồi, mất tất cả.

Ngôi giáo đường họ Tân Định cao vút có cây thập tự giá mỏng manh vẫn vươn lên trời xanh. Cạnh đó là trường học Thiên Phước của các bà sơ, hai đứa con gái tôi đã theo học. Rồi sau vào hẳn viện mồ côi cũng ở đó do các bà sơ đổi rách sau năm 1975 nuôi dạy. Các bà sơ làm chuyện phước thiện, nhưng không còn được một sự tài trợ nào. Bà thì phải về quê làm ruộng kiếm khoai sắn mang về cho bầy trẻ đói, bà đi bán bún riêu ở chợ Tân Định, bà đứng đánh đu lên bánh xe quay ép nước mía bán như con nhái bèn ở cửa trường. Hai đứa con gái tôi được sửa soạn hai mẹt hành tỏi chanh ớt ra chợ bán, kiếm lời góp lương thực. Tôi tìm thấy chúng. Ba bố con ôm nhau khóc trong sân trường. Tôi được bà sơ nhất của viện mồ côi Thiên Phước cho biết mẹ nó đã gửi chúng cho các bà nuôi nói rằng bố nó (là tôi) đã bị giết chết ngày 30 tháng 4 rồi. Mẹ nó không còn đủ sức nuôi nên xin nhờ vào lòng bác ái của Chúa. Bà nhất nói làm chuyện bác ái thì không cần phải xác minh. Ai đối trá sẽ tự có tội với Chúa. Đơn giản thế thôi. Những làm cũng phước thiện tấm lòng ngay thẳng không có gì làm cong queo được.

Tôi biết mẹ chúng hiện sống một mình trong căn nhà rộng thênh thang, thỉnh thoảng có những anh chị em tập kết từ miền Bắc về sống chung. Căn nhà đủ tiện nghi có ti vi, tủ lạnh, đài, pic cốp, xe cộ. Bộ xa lông quý giá của tôi thay vì ngồi thì những đôi dép râu chòm chòm trên đó. Còn mẹ các con tôi có việc làm ở một ngân hàng đường Trần Quang Khải, gần nhà. Nàng là công nhân viên, lý lịch có giòng giống liệt sĩ. Tôi đã bị tổng khứ khỏi nhà do những nguyên nhân sâu xa từ sau năm 1975. Bà vợ tôi không còn muốn chung sống với tôi nữa. Điều đó thú thật tôi không ham, tôi chỉ tội nghiệp hai đứa con tôi bỗng dưng bị sống cảnh gia đình ly tán. Nên cố

níu kéo, nhưng rồi ngày đó cũng tới, thời cơ thuận lợi cho người đàn bà ở thế mạnh. Tôi ngã ngựa rồi. Tôi mất trắng, tay không ra khỏi nhà trong niềm sợ hãi, bị bắt bớ, bị đánh đập, có thể. Tôi bị đổ lên đầu nhiều thứ tội, từ tội trộm cắp tài sản của chính mình, tôi phản động, tôi nhà văn, nhà báo người chế độ cũ. Phiên tòa án gia đình toàn là người anh em bà con vợ tôi, những người có “bề dày” làm cách mạng xử tôi những tội danh trên. Họ kịch liệt lên án tôi.

Vợ tôi, người vợ đã có một thời đầu gối tay ấp của tôi, lầy nhau vì tình. Quả nhiên dưng cảm đến độ “tàn bạo”. Nàng quất tôi tơi bời tá lả. Rụng như lá mùa thu... Tôi thua sau trận bị bôi tro trát trấu vào mặt, bị ỉa lên đầu. Nhưng ỉa lên đầu của cải tôi trong căn nhà này. Tôi tự an ủi, cũng chẳng sao, tôi có phải ra đi con tôi cũng hưởng. Bây giờ thì tôi biết con tôi chẳng hưởng gì, chúng bị bỏ trong viện mồ côi cho mấy bà sơ đối rách trách nhiệm. Nhưng đầy tình người bác ái. Đó là sự thật. Sau phiên tòa, bị cáo (tôi) được tự bào chữa, cũng là nói lời cuối cùng. Lời nói bây giờ yếu xìu, không hiệu quả. Tôi nói như thế này:

– Tôi lấy vợ do hai bên cùng ưng thuận, có tí ti tình yêu. Vợ tôi mồ côi cả cha lẫn mẹ sống với ông chú là công chức bưu điện. Sau này bà ta là con nuôi ông Chu Tử, chủ nhiệm tờ báo Sống. Chúng tôi lấy nhau, thời gian đó tôi đang làm ký giả cho báo Sống. Việc chúng tôi lấy nhau cũng do ông Chu Tử giúp đỡ. Vợ tôi chưa từng có của cải hay đồng xu teng hồi môn mang về. Gia đình tôi có tiền bạc, nhà cửa, xe cộ, kẻ ăn mng làm cũng do một bàn tay tôi gây dựng, bằng công việc làm của tôi, nghề cầm bút. Bây giờ khếp tội tôi là kẻ ăn cắp tiền bạc thì tôi ăn cắp của ai? Các ông các bà hãy nhìn xem bộ quần áo bà ta đang mặc trên người cũng do tiền tôi mua sắm..

Còn nguyên nhân tôi lộn xộn đòi ly dị không phải mới có đây, có từ khi miền Nam này còn thịnh trị, quân đội Mỹ còn ở miền Nam kia. Người vợ tôi có mộng đi ra nước ngoài để mở tầm mắt nhìn thế giới, nhìn văn minh loài người không phải người Việt Nam. Vợ tôi đưa ra một đề nghị mà người chồng Việt Nam nào cũng phải thất kinh. Bắt chồng phải ly dị, để làm hôn thú với ngoại kiều, chẳng biết một anh lính Mỹ, anh Tây hay anh thợ điện Phi Luật Tân nào đó. Để ra đi hợp pháp. Dĩ nhiên tôi không thể chấp nhận đề nghị đó, một đề nghị tàn nhẫn, vô nhân đạo, cạn tàu ráo máng, bôi cứt vào mặt chồng. Thuở đó miền Nam này việc đi lấy Mỹ, lấy ngoại kiều là điều không tốt đẹp gì, một việc bàn cùng bắt đắc dĩ, việc làm vì hoàn cảnh. Gia đình tôi không đến nỗi ở trong hoàn cảnh đó. Ông Chu Tử, chủ nhiệm của tôi, người bố nuôi của vợ tôi, ông là nhà văn, tâm hồn phóng khoáng. Ông phải la vào mặt tôi:

– Anh nên nhớ rằng người ta lấy dĩ về làm vợ, không ai lấy vợ về cho đi làm dĩ. Nếu anh chiều theo ý cô ấy, tôi không biết anh là con người gì. Anh bôi cứt vào mặt anh, vào liềm sỉ của anh mà sống được à? Chuyện này không thể được!

Ngày 30-4 dịp may đến. Quân miền Nam bại trận. Gia đình tôi trốn đi mà đi không thoát. Hôm nay tôi còn ngồi đây... Tôi biết còn nhiều hoàn cảnh bi thảm khác, hơn hoàn cảnh của tôi nhiều mà người ta vẫn còn chịu đựng được. Tôi linh cảm thấy sắp có những chuyện xấu tồi tệ xảy ra cho tôi. Tôi sẵn sàng đón nhận nó.

Tôi trở thành một tên ngoan cố, ngụy biện. Tôi bị điệu lên phường rồi ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng. Tôi không gặp hai đứa con tôi. Nhưng tôi cố nhẫn nại chịu đựng, rồi cũng có ngày nhìn lại được chúng. Tôi chỉ không ngờ khi nhìn lại hai đứa trẻ trong hoàn cảnh thảm hại như thế. Trong ai oán, trong nước mắt.

Tôi ngồi mãi ở thềm nhà xưa nhìn lên cây thập tự trên tháp chuông nhà thờ Tân Định. Bộ quần áo cải tạo bạc màu có nhiều miếng vá vụng về, cái túi xách nghèo nàn chứa vài món đồ kỷ niệm con con, lương thực không còn đến một củ khoai. Tôi nhớ con, nhớ những người bạn tù

còn ở trong trại, giờ này keng đã đánh vang, tất cả đã phải vào lán trại. Niềm vui cuối cùng của kẻ tù tội được ngồi bên nhau. Có lẽ bạn tôi đang nghĩ đến tôi, tôi mang những lời nhắn nhe về cho gia đình họ. Những đứa trẻ xa lạ, con bạn tôi gọi tôi bằng chú hoặc bác. Còn con tôi, chúng ở phương trời nào? Bây giờ cuối năm hơi lành lạnh.

Trong căn nhà cu của tôi có tiếng đàn bà:

– Con ra xem ai ngồi ngoài cửa kia!

Có tiếng mở cửa sắt, rồi một cái đầu cô gái lộ ra hỏi tôi:

– Ngồi chi vậy, đi đi, không có gì đâu.

Thân phận tôi bị hạ thấp xuống thêm một bậc nữa. Tôi giải thích làm gì, tôi đứng dậy và uể oải đi. Bà Tàu, hàng xóm nhà tôi, nhìn tôi, có lẽ nhận ta, bà ta lên tiếng:

– Ông về đó à, sao gầy ốm thế, cô ấy đi rồi, bây giờ nhà ông chó hủ khác.

– Cám ơn, tôi biết cả, tôi chỉ về nhìn lại căn nhà xưa một lần cuối.

– Mời ông vào nhà tôi uống ly nước.

– Xin cảm ơn!

Nhiều năm sau tôi không về lại căn nhà xưa, con đường quen thuộc xưa. Tôi giữ tiếng reo cười của con tôi vang mãi trong đầu tôi, tôi không muốn tiếng cười trong sáng ấy lẫn trong những lời rủa xả cay nghiệt của cuộc đời.

Tôi thất thủ đi trên con đường Nguyễn Phi Khanh, dờn xa dần ngôi nhà mang số 100. Ngôi nhà mà trước đây nổi tiếng Ô Mai Mơ Bắc Việt. Con đường cũng nổi tiếng theo là con đường ô mai cho lứa tuổi mộng mơ, mà một thời nhà văn Duyên Anh đã phong cho nó qua những tác phẩm trong sáng viết cho tuổi thơ ngọc ngà. Bây giờ chính anh ta cũng đang nằm trong trại học tập cải tạo, trại Gia Trung. Chúng tôi biết tin nhau qua những buổi được đi thăm nuôi.

Đi hết con đường Nguyễn Phi Khanh, băng qua ngã tư Trần Quang Khải, tôi đi vào đường Trần Khắc Chân. Leo qua hai cây cầu gỗ bắc ngang kinh Nhiêu Lộc xuống cù lao địa phận ấp Đông Ba, nay là Phường 6 quận Phú Nhuận. Tôi trở về ngôi nhà xưa thuở đầu đời. Nay mẹ tôi đang sống. Trời tối mịt tôi mới về đến nhà. Mẹ tôi mừng rỡ:

– Mẹ biết con về, hôm qua mẹ đi họp người ta nói con được tha, chỉ về trong nay mai. Ngày hôm nay mắt mẹ nháy nhiều.

Mẹ tôi vét thùng gạo, toan nấu cho tôi một chút cơm. Nhưng tôi từ chối, tôi xin mẹ tôi đi thăm hàng xóm, những người đã gửi cho tôi nải chuối, củ khoai hoặc tán đường trong những lần mẹ tôi đi thăm nuôi tôi trong trại học tập cải tạo.

Tôi trình ngay giấy tờ ra trại cho công an phường. Người công an nghiêm khắc nói với tôi:

– Anh được ra trại nhưng chưa phải là tốt đâu. Anh chưa thể có quyền công dân, anh phải chịu sự thử thách của phường, chừng nào thật tốt mới có quyền công dân. Từ ngày mai anh làm gì, đi đâu, gặp ai phải ghi vào một cuốn sổ, cuối tuần phải trình cho công an duyệt xét. Không

được từ chối bất cứ điều gì phùng yêu cầu.

Thế là tôi phải làm công việc ấy. Trước khi cuốn sổ báo cáo được ký, tôi phải làm công việc quét phùng, nhặt cỏ rác hay lên một luống khoai. Chịu sự sai bảo của những “ông bà chủ”. Tôi chỉ không đến nỗi bị đánh đập như những tên nô lệ da đen ở Mỹ thời mới lập quốc. Tôi là tên nô lệ chưa được phóng thích. Điều đó gọi là “quản chế”, một người tù được tha mà vẫn bị coi là tội phạm.

Hai mươi năm sau, tôi vẫn là người sống không có hộ khẩu, không có chứng minh nhân dân, dù rằng tôi phải chạy chọt khắp nơi, qua các cơ quan cửa quan cả chục lần. Tôi cư ngụ bất hợp pháp trong căn nhà tôi làm chủ. Mỗi sau tôi được cấp một tờ kiểm tra, một chứng minh thư nhân dân tạm, có giá trị đến năm 1999. Không có giá trị gì hết ngoài sự kiểm tra. Tôi không biết mình đã có quyền công dân chưa. Tôi vẫn được đi bầu cử, bỏ phiếu. Điều ước mơ của tôi bấy nhiêu năm là được đi nước ngoài, sống tự do những năm tháng còn lại của tuổi già. Tôi đã bị ngồi lại ở đây không biết đến bao giờ ước mơ của tôi mới thành sự thật.

Những lần được gọi lên công an thành phố, phòng PA15 hỏi ba điều bốn chuyện, tôi đều mang theo một giỏ xách, trong đó đựng quần đùi, áo may ô, bàn chải đánh răng. Lúc nào tôi cũng sẵn sàng để đón nhận tình huống xấu nhất có thể xảy ra cho tôi. Dù rằng tôi biết chắc tôi chẳng làm điều gì đến nỗi....

Ra khỏi tù tôi lại lang thang ở chợ trời, vừa kiếm ăn và cũng vừa tìm đường biển. Nói cách khác là tìm đường vượt biên bất cứ cách nào, đường biển hoặc đường bộ. Ở một nơi nào đó có thể cầm lại được cây bút. Sáng tác những gì tôi thích viết. Đó là một nghề tôi theo đuổi từ thuở đầu đời, đam mê nó đến độ không thể từ bỏ được, như cai thuốc phiện, bỏ rượu hay bỏ thuốc lá.. Cho đến bây giờ, khi viết những trang hồi ký này, đời sống tôi khác xưa nhiều lắm. Tôi đã từ bỏ nhiều thứ cho đời sống đỡ rắc rối, nhưng viết thì không bỏ được, không cần cả đăng báo, in sách nữa, chẳng thành vấn đề với tôi. Tôi viết và viết, cũng chẳng ai biên tập, có thể gặp nguy hiểm. Có sao đâu. Tôi vẫn an toàn trên gác bút. Trên cái bàn tự đóng lách, thô sơ, mộc mạc bằng gỗ tạp. Tôi có thể ngồi như thế suốt đêm, từ đêm này qua đêm khác. Những ngày tháng năm còn cầm nổi cây bút. Sự nghèo nàn, túng thiếu, miếng muối mè, chao tương, rau mồng tơi leo hàng rào không làm tôi nản. Thế là đủ rồi. Tôi lại lảm nhảm, rồi có lẽ bởi tuổi già nên hơi lảm điều và lảm cảm. Tôi nhớ ra rồi, tôi đang viết hồi ký, thuở những năm 1980, thuở đất nước Việt Nam tôi hiện đang sống, chế độ đang đứng trước ngưỡng cửa của cái gọi là “mở cửa” để dân mình đỡ khổ sở sau nhiều năm chiến tranh. Đổi mới, danh từ vừa xa lạ vừa gần gũi với tất cả mọi người. Người ta vẫn tìm mọi cách để vượt biên, chết không sợ, nguy hiểm cũng coi thường, cướp biển Thái Lan chỉ là bọn côn đồ, mất nhân tính. Tù tội chẳng may sa cơ thì thành thật khai báo rằng: Chúng con đói, chúng con đi tìm miếng cơm, mảnh áo. Ở đâu cũng được hết. Chuyện thập tử nhất sinh mà. Người ta phát xuất ra nhiều câu vè, đồng dao, đồng dao trẻ con réo vang ngoài đường phố. Nay thì tôi lú lẫn nên quên mất những câu đồng dao đó rồi. Nhưng có đó, hẳn có người còn nhớ. Kể cả những mẩu chuyện tiểu lâm cười ra nước mắt. Nhà văn Vũ Bằng đã mất nhiều năm ngồi cà phê chợ trời ghi ghi chép chép. Nay ông đã mất. Tập truyện tiểu lâm và những bài đồng dao ấy còn hay không, tôi không được biết.

Tôi vài ba phen ở tù và xém ở tù vì có âm mưu trốn ra nước ngoài. Rồi tôi có vợ, có con. Tôi dẹp cũng đau khổ vì đời vợ trước sang một bên, nhưng rồi cũng chẳng lâu la gì. Tôi làm nghề bán phụ tùng xe đạp.

Giỗ Minh Đăng Khánh lần thứ ba, chúng tôi có đủ mặt. Có mặt Duyên Anh, “người tù mới được tha”. Duyên Anh vẫn cái tính ngổ ngáo, lóc chóc, ưa chọc ghẹo, ưa chửi bới người khác và ưa “nói giọng cha”. Có lẽ vì vậy mà suốt những năm tù tội anh mang tiếng rất nhiều. Tôi không ở

chung một trại với anh nên không rõ. Tôi nghe toàn những lời đồn đãi, dĩ nhiên là không tốt cho Duyên Anh. Anh ta làm “ăng ten” đã hại ai chưa, tôi không biết và những ai là nạn nhân, tôi cũng chưa gặp. Tôi nghe rất nhiều những lời đồn kể này anh hùng, ca tụng một tác đến trời, kẻ kia xấu xa bị bằm vằm đến bầy hầy như thịt xiu mại. Kể tốt người xấu lẫn lộn. Tôi nghĩ đó là chuyện bình thường, ắt phải có thôi.

Sau bữa giỗ, Duyên Anh rủ tôi và họa sĩ Vị Ý đi chơi. Chúng tôi lại ngồi nhậu với nhau ở chợ Thái Bình, phía trước nhà in Nguyễn Đình Vượng ngày xưa. Anh hiện ở nhờ nhà bà Nguyễn Đình Vượng. Căn nhà của anh ở đường Công Lý đã bán rồi, vợ con anh đã được bảo lãnh đi Pháp hết. Chỉ còn mình ở lại Việt Nam.

Duyên Anh cho tôi xem những giấy tờ xuất cảnh hợp pháp:

– Nhưng “moa” không đi bằng mớ giấy tờ này đâu, “moa” phải tự “chuồn” mới anh hùng.

– Phải có “cây cối”!

– Dĩ nhiên, cái nhà ở Công Lý moa bán được mấy chục cây, dư sức chưa nào. “Toa” có đi không?

– Không có tiền!

– Moa cho toa một vé có đi không?

– Không!

– Lý do?

– Moa chờ một thằng con trai, vợ moa sắp đập bầu.

– Thì thôi vậy, đỡ tốn, ít khi moa tốt với ai lắm. Đừng hối hận cũng đừng tiếc rẻ.

Buổi tối hôm đó, lần cuối cùng tôi gặp Duyên Anh. Sau này tôi nghe anh đã vượt biên thoát. Nhưng gặp nạn ở đảo, bị “kẻ thù” là những người anh em đập tơi tả, đến độ trại phải cho sống cách ly và anh được bảo lãnh định cư sớm ở Anh hay Pháp gì đó. Thời gian sau, tiếng tăm anh lại nổi dậy, nghe nói ngoài nghề viết văn ra anh còn sáng tác nhạc, cũng có thứ lắm. Năm 1990 tôi lại nghe anh bị nạn nữa. Anh bị kẻ lạ mặt đánh, khi anh từ Pháp qua Mỹ để phát hành một cuốn sách vào ngày 30-4. Không biết có phải vì ân oán giang hồ không? Kết quả là anh bị tê liệt và á khẩu một thời gian. Đầu năm 1997, năm con trâu, tôi nghe tin Duyên Anh đã chết. Dù muốn dù không, tôi ngậm ngùi nghĩ đến anh. Nhớ truyện ngắn đọc đến mũi lòng của anh, có tựa đề là “con sáo của em tôi” đăng trên Chỉ Đạo năm 1956. Rồi “Dưới dàn hoa thiên lý”. Những truyện ngắn, dài thật trong sáng cho tuổi ô mai. Với Duyên Anh tôi chỉ có những cảm nghĩ đó, loại truyện du côn du đấng, anh chị tôi không muốn có ý kiến.

Hồi tháng tư vừa qua (1997), nhà báo Hồng Dương từ Mỹ về Việt Nam chơi. Trong câu chuyện nói về Duyên Anh, Hồng Dương khen:

– Thằng ấy có chí thật, nó bị liệt, tự tập viết lấy bằng tay trái. Thế mà thành công. Nhiều thằng đã phải bỏ nghề, vậy mà nó đeo nghề đến hơi thở cuối cùng.

Tôi xin thấp cho Duyên Anh Vũ Mộng Long một nén nhang.

Những nhà văn dù có bị đe dọa bị áp lực, bắt phải uốn cong ngòi bút, không nhiều lắm. Ít ai có đủ nghị lực đeo đuổi nghề của mình, hay nguyện trang cho mình một nghề nghiệp kiếm cơm rồi vẫn âm thầm đeo đuổi, âm thầm suy nghĩ. Những con người ấy sống cô đơn trong niềm kiêu hãnh vĩ đại. Anh sống một mình trong những đêm trường. Ngoài kia là bóng đêm trùng trùng, anh âm thầm với bầy muỗi đói, dàn trải mình trên trang giấy dưới một khoảng ánh sáng hạn hẹp. Có lẽ xưa kia Đặng Trần Côn cũng đốt lửa dưới hầm trong kinh thành Thăng Long để có Chinh Phụ Ngâm. Có lẽ đầu đời nhà Nguyễn ở kinh đô Huế trong cảnh ngựa xe rộn rã, mũ áo xênh xang, trong những đêm mưa dai dẳng Tiên Điền Nguyễn Du đã sáng tác nên Kim Vân Kiều.. Tâm hồn người nghệ sĩ bay bổng, toát ra khỏi đời sống thường tình để làm nên những trang tuyệt bút. Tôi suy nghĩ hoài về những tác phẩm kỳ diệu ấy. Thời gian đứng lại mà đời sống thì sinh động, êm đềm hoặc bát nháo, gây gổ hoặc nổi giận trên những trang giấy. Tư Mã Thiên có sử ký, Thị Nại Am có Thủy Hử, một vũng đầm lầy tầm thường trở thành một thiên anh hùng ca vang mãi đến muôn đời.

Sự nguy hiểm luôn rình rập người nghệ sĩ, Biết đâu? Biết đâu đó? Hàng loạt cái biết đâu như những móc câu trên tấm đại kỳ của giặc cờ đen chuyên dùng để bắt người sẵn sàng chụp xuống đầu kẻ bất hạnh. Nạn nhân yếu đuối, mong manh nhưng chỉ còn ánh mắt long lanh phán xử trên tất cả.

Hai mươi hai năm sau tôi ngồi trên gác bút, tôi suy nghĩ và tự hỏi. Mình bắt đầu từ đâu? Dừng lại ở đâu? Công việc viết hồi ký này ví như một chiếc xe đứt thắng, không hãm lại được, nó chỉ dừng lại khi hết đà, hết nhiên liệu. Với con người tuổi già và cái chết. Hai thứ đó đã gần kề với tôi. Tôi cố gắng giữ vững tay lái để không rơi xuống vực thẳm. Không tan tành xác thân thành những mảnh phế liệu. Những tác phẩm của tôi, của bạn bè tôi từng bị thiêu đốt. Lá đại kỳ có móc lưỡi câu của giặc cờ đen từng chụp lên vỏ xe thi hành án cho những thứ tội danh mơ hồ. Điều đó đã xảy ra ngày đó tháng đó năm đó. Tượng đài nhà học giả Trương Vĩnh Ký, do tiền đóng góp của nhân dân lục tỉnh Nam kỳ bị kéo sập, trong một lý do căm thù vu vơ. Ông Trương Vĩnh Ký là sĩ phu miền Nam nói riêng, Việt Nam nói chung. Là học giả suốt một đời làm văn hóa và hy sinh cho văn hóa. Cái đó không thể gọi là tội được, không thể căm thù. Giáo sư triết học Nguyễn Văn Trung có ghi lại trong sách “Trương Vĩnh Ký nhà văn hóa”. Có ai quên quên đâu, để gì quên được?

Đêm hôm qua trời nồng nực, nửa đêm trời đổ ập cơn mưa rào. Tảng sáng nay tôi ngồi trước bàn trên căn gác bút nhìn qua cửa sổ. Tôi thấy những đám mây đen bị gió Tây thổi bạt về hướng Đông, tôi có cảm tưởng mây đen là thấp sát mái nhà. Trên ngọn dừa cao kia. Tuy tường che khuất nhưng tôi cũng biết dưới gốc dừa là sân chơi của một trường mẫu giáo, một nhà trẻ vang tiếng cười trẻ thơ trong sáng và hồn nhiên. Ve sầu kêu ra báo hiệu mùa hè.

Chương 4

Cả nước phải chịu quốc tang, nhà nhà treo cờ rủ, đường Thống Nhất trước dinh Độc Lập xưa kia, nay đổi tên là đường Lê Duẩn, nhà lãnh tụ tối cao của đảng Cộng sản đang cầm quyền đã nằm xuống... Có ngay nhà lãnh đạo khác lên nắm quyền. Nhân dân hy vọng một sự đổi mới hoặc đổi khác, đời sống đỡ bị o ép, đỡ hà khắc. Guồng máy chính quyền cai trị trong sạch hơn. Có nhiều người quan tâm về chuyện đó và cũng có người thì dừng dừng như chẳng có chuyện gì xảy ra. Người dân có chuyện gì thì phải lên đến cửa quan, qua không biết bao nhiêu cửa, nộp không biết bao nhiêu là thứ giấy tờ. Nếu đem cân được cũng phải mấy ký lô. Hầu hết phần nhiều không đạt kết quả, đôi khi còn bị mắng mỏ, qua những lời “thiếu văn hóa” của các quan. Vẫn phải ngậm bồ hòn làm ngọt, phải cười, cười rất là... hèn. Tôi vẫn là đứa con hoang sống trong thành phố. Hai mươi hai năm trời vẫn không có được tên trong hộ khẩu, không có chứng minh nhân dân. Vậy thì tôi tồn tại và sống như cỏ cây. Quyền công dân không phải bỗng dưng

ai đem đến dâng cho mình. Phải đi xin, phải làm đơn, phải gõ mọi cửa quan. Chạy chọt cho ra giấy giới thiệu, bảo lãnh của người có chức sắc. Vậy mà tôi vẫn thua. Cho đến nay tôi vẫn không hiểu mình là giống gì đang sống trên đất nước này.

Có người bạn tù nói với tôi:

– Mà đừng hy vọng gì, người ta cấp cho mày cái giấy tạm để kiểm soát mày, biết mày ở đâu, khi có việc cần “xài” đến thì người ta móc ra, khỏi phải mất công làm lệnh truy nã.

Nhà cửa sang đẹp của những ông bà có chức có quyền mọc lên như nấm. Người nghèo hèn vẫn nghèo hèn, như một sự tự nhiên có từ bao nhiêu đời nay. Nghèo hèn có truyền thống, có “gien” di truyền. Kêu ca cái nỗi gì. Kẻ nào đang ở cảnh nghèo hèn, bỗng dựng nhậy lên một địa vị khác là do “may mắn”, hoặc nói cách khác là “trúng mánh” chứ không do số trời hay tài năng.

Người ta từng đồn đại rằng thời buổi này có nhiều vị giám đốc của xí nghiệp này hay công ty nọ, về học thức chỉ cần biết ký tên và đóng dấu. Tài năng kinh bang tế thế của anh không giá trị bằng những năm tuổi đảng. Người ta cần sự trung thành, đặt đầu gối đó, yên phận thì được hưởng miếng đỉnh chung, Nếu không, anh được chụp ngay lên đầu cái mũ thoái hóa. Anh có thể ra tòa, có thể toi mạng, như một con dê tế thần. Để chứng minh rằng luật pháp rất công minh. Pháp bất vị thân. Do sự ngu dốt của nhiều kẻ liều lĩnh không biết sợ là gì, luôn luôn vướng vào những sự sai lầm nghiêm trọng. Đất nước rối beng, kẻ phạm pháp được những ông to bà lớn đỡ đầu nên gia tăng tốc độ phi mã. Thời gian sau này, người ta không còn đổ tại “tàn dư của Mỹ Ngụy” nữa. Câu nói này là câu cửa miệng của người cách mạng trong những năm đầu giải phóng miền Nam.

Một cuộc chiến không cân sức, hay sự chống trả cay cú giữa những tàn dư Mỹ Ngụy và người giải phóng vẫn diễn ra trong xã hội. Tôi muốn nói đến những mẩu chuyện tiểu lâm, những câu vè, những bài đồng dao phổ biến lén lút ở bất cứ chỗ nào nếu gặp được người đồng điệu. Chuyện tiểu lâm, đồng dao hay vè đương nhiên không có tác giả. Người ta có thể gán ghép của thi sĩ này hoặc nhà văn kia. Cũng có tác giả và cũng có thể không. Chẳng sao hết. Phổ biến rất mạnh và rất kỹ do rỉ tai, truyền khẩu, không đăng báo, không in sách xuất bản, không đăng báo lậu. Vì làm gì có báo lậu. Cứ coi bộ biên tập đó là nhân dân, từ nhân dân mà ra.

Có một thời người ta, những người âm thầm “làm văn học nghệ thuật” nháo lên đi tìm ai là tác giả hai câu sục mùi phấn động mà tôi không nhớ.

Người thì nói tác giả là thi sĩ Vũ Hoàng Chương, người thì nói của Ninh Chữ. Vì hai câu thơ đó anh đã ở tù mười năm. Nhưng chẳng ai đúng hết. Vì hai thi sĩ đó, một già một trẻ đã chết cả rồi.

Thời gian sau giải phóng, thời gạo châu củi quế, thời ngăn sông cấm chợ. Thời của những người đàn ông, thanh niên miền Nam làm thân trâu ngựa đi thồ gạo lậu, than củi lậu, thập phần nguy hiểm để tiếp tế chuyện thành phố. Họ làm bất cứ nghề gì để kiếm cơm cho bản thân và gia đình. Cay đắng, nhục nhằn đều chịu đựng được cả, kể cả chẳng may bỏ mạng vì bị xe cán hay viên đạn lạc. Những viết hồi ký này từng là nạn nhân, từng bị người ta đập cây vào ống quyển, bị ngã đập đầu gối vì tội thồ gạo lậu trên đường Đức Hòa – Đức Huệ thành phố Hồ Chí Minh. Có đau, có què và có bật khóc vì tủi nhục. Nhưng sau đó tôi bật cười được ngay qua câu chuyện tếu của anh bạn nạn nhân cùng chuyến và cùng tội. Anh bạn an ủi khi tôi mất toi ba gia gạo (mỗi gia 31 kg), nếu chịu nộp phạt thì khỏi bị tịch thu chiếc xe đạp thồ.

– Nay bạn, hôm qua tôi mới gặp Văn Vĩ đó!

- À, tôi biết có phải anh chàng nghệ sĩ mù tịt đờn cổ nhạc nổi tiếng không?
- Đúng vậy, anh ta bỏ nghề đờn rồi, bây giờ anh ta làm nghề khác kiếm ăn. Tôi gặp anh ta ở bến xe...
- Đi ăn mày à?
- Không, bậy nào, Văn Vĩ lao động đàng hoàng, có chất lượng đáo đẽ.
- Lao động gì được, anh ta mù bẩm sinh mà.
- Chờ xe ôm!

Tôi hét lên:

- Bồ lão, đại bồ lão, xạo sự đại xạo sự.

Người bạn vẫn ôn tồn, mặt tỉnh khô như không:

- Thật đó, đầu tiên tôi cũng không tin, nhưng rồi tin, tin chắc như bấp.

Tôi nổi giận, chỉ vào mặt anh ta mà rủa:

- Anh mới là thằng mù, nhìn một thằng mù bẩm sinh mà anh lại có thể nói nó chạy xe ôm được, thuốc nào chữa nổi...

Người bạn tôi toe miệng cười:

- Chuyện khó tin mà có thật. Anh Văn Vĩ giải thích với tôi rằng nhờ có giải phóng nên mắt anh mới sáng ra, anh bèn bỏ nghề đờn, làm nghề chờ xe ôm vì anh nghĩ lao động mới là vinh quang.

Trời đất ơi, tôi bò lăn ra cười, quên mình vừa bị đờn đau. Đúng là một mẩu chuyện tiểu lâm thú vị. Trong sự tận cùng của đau khổ bỗng nhiên người ta bật ra tiếng cười. Một liều thuốc an thần. Tôi cố gắng móc tiền nộp phạt chuộc xe. Những lần sau đi “buôn lậu” tôi dùng hai thanh tre bó hai ống quyển lại. Tôi dán thân vào con đường phạm pháp có giáp trụ phòng thân.

Đời sống dễ thở hơn một chút. Những người dân miền Nam được giải phóng lai rai có thân nhân nước ngoài gửi đồ về “cứu bò” xóa đói giảm nghèo. Gửi tiền gặp khó khăn thì gửi đồ. Ở sân bay Tân Sơn Nhất, ở bưu điện đường Hai Bà Trưng phát sinh một nghề mới, nghề chợ trời mua thu gom đồ. Họ búa lấy người được lãnh đồ như ruồi, không tiền đóng thuế cho hải quan, họ tình nguyện đóng thuế giùm, miễn là bán lại đồ cho họ. Tôi đã trải qua tình trạng ấy, chẳng đáng bao nhiêu mà cũng tức học máu mồm. Một bà cô ruột định cư ở Mỹ thương tình thằng cháu và gửi cho cháu một bịch thuốc lá Pall Mall mười gói. Thằng cháu là tôi hí hửng ra bưu điện làm đủ mọi thủ tục lãnh đồ. Bây giờ bịch thuốc lá thơm tho đã ngồi chồm chồm trên quầy chờ bàn tay sở hữu chủ vồ lấy. Thuế má cũng đã đóng cả rồi. Nhưng chưa được phép. Người hải quan cho tôi biết rằng thân nhân của tôi bên Mỹ đã gửi đồ một cách phạm pháp cho tôi. Tôi sợ bố mẹ, nhưng cũng ráng hỏi trong hồi hộp:

- Thừa... trong những gói thuốc này có... heroin?

– Không, nhà nước xử nhẹ thôi, sẽ mua lại với giá chính thức, và cho lại anh một gói hút lá thảo gọi là tình nghĩa với bà con.

Tôi vờ nhẽ và tôi nổi giận, tiền đóng thuế và tiền nhà nước mua lại của tôi với giá chính thức có sự chênh lệch, phần lỗ đứng về phía tôi cho thêm phần chính nghĩa. Luật là luật, muốn nổi loạn, muốn chống đối thì nói chuyện với “chèo” (công an) đứng ngay bên cạnh. Tôi đi lãnh đồ mà bị lỗ nặng. Chính gói thuốc tôi được cho lại phải bỏ tiền ra mua. Ai oán quá chừng.

Có một anh chợ trời người ba Tàu xách một cái giỏ bụi đứng ngoài quầy vơ lấy những gói thuốc là của tôi như lừa những quân mạt chược về phía mình:

– Lần sau gọi nhiều nhiều một chút nhé!

Tôi lợm giọng, tôi muốn khạc một bãi đờm nhưng tôi vặc ra được một câu chửi bằng tiếng Trung Quốc:

– Tiu nhà ma cái nì!

Anh chàng con buôn ba Tàu mặt cứ nghệt ra, ngẩn tò te như chúa Tàu nghe kèn. Tôi hãi quá, ù té chạy như thằng mọt túi bị phát hiện.

Mười phút sau, tôi gặp chính anh con buôn đó xách giỏ thuốc lá đi bỏ mồi cho những quầy thuốc lá cao cấp trên đường Tự Do (đường Nam Kỳ khởi nghĩa bây giờ). Anh nói với người bán hàng:

– Thuốc ngoại “din” bên Mỹ gọi về, mua đi kéo hết. Tôi kiếm chút đỉnh tiền lời mà.

Thế thì có tức không, có lộn tiết canh lên đầu không. Một vụ ăn cướp trong nhiều vụ ăn cướp xảy ra mỗi ngày. Nói không tin được, chỉ khi chính mình là nạn nhân mới biết thế nào là cay cú. Nếu sự vụ bị lộ, bị nạn nhân làm dữ, kiểu như “thằng điếc không sợ súng”, cái mồm cứ kêu quang quác như quạ hay cào cua ăn vạ như nhân vật Chí Phèo của Nam Cao, đuối lý, người ta bèn đổ thừa cho cá nhân tiêu cực làm bậy. Cấm không được nghĩ bậy. Bị đội xếp bắt bỏ tù như chơi. Chuyện đó từng xảy ra.

Thuở tiền đô la từ ngoại quốc gửi về Việt Nam còn rất khó khăn. Các thân nhân, bồ bịch ở ngoại quốc muốn giúp bạn bè ở quê nhà rất là gian nan, công khai nhất là gửi đồ, những thùng đồ càng to càng tốt. Nhiều khi trong những môn đồ đó cũng lén lút có đồ. Trong cây kem đánh răng, ruột một cây bút bic hay trăm phương ngàn kế gì khác mà tôi không được biết hết. Những người kinh nghiệm ở Hải Quan giàu kinh nghiệm biết nhiều hơn. Tờ đô la bị bắt ngay chóc. Có thể bị làm biên bản rồi tịch thu, nếu là nhân viên liêm chính. Trường hợp khác bị im đi, nhân viên tiêu cực một tí thì ra hiệu với “nạn nhân” lãnh đồ, bí mật cho địa chỉ ăn chia cho yên lòng lương tâm đỡ bị áy náy và còn được biểu xén đền ơn đáp nghĩa. Được coi là “người tốt việc tốt”. Nhưng các vị nhân viên đó biết nhìn những con mòng, mòng mập thì sẽ có chuyện làm ăn lâu dài, mòng mòng thì vô luôn đứt túi. Con kiến đi kiện củ khoai. Hàng từ ngoại quốc gửi về, nằm trong kho, người nhận quà được giấy báo, đôi khi hơi ôi, chỉ còn thùng rỗng ruột hoặc bị đánh tráo. Vải từ bên Mỹ gửi về cho thân nhân ở quê nhà toàn dẹt ở Việt Nam, nhà máy dẹt Nam Định chẳng hạn. Gặp những chuyện đó chỉ có nước đi kiện, lại kiện củ khoai. Tồn hàng ký lô đơn từ, chạy khoảng một chục cửa quan rồi chẳng đi đến đâu. Đành tin trong nhà kho có chuột. Cái cột đèn trong thành phố nó bị trồng cứng xuống lề đường đành đứng nguyên một chỗ, còn đồ Mỹ có chân, nó chạy ra chợ trời được. Nồi cơm điện, bàn ủi, hay đồng đài nó có thể chạy ra đến chợ trời Huỳnh Thúc Kháng, Tôn Thất Đạm. Người mất của nên cầm cái họng,

đừng có la. Càng la càng bị đi. Liệu cái thần hồn. Nên tin rằng những món đồ ở ngoại quốc gửi về là những con quái vật có chân, biết di chuyển đến những nơi nào nó phải đến. Chuyện đó xảy ra hàng ngày nên không còn là chuyện lạ. Người ta nói rằng có nhân viên hải quan làm việc một năm trời, đồng lương ba cọc ba đồng mà xây nổi nhà cao tầng giữa thành phố. Rồi kinh doanh nuôi chó béc giê kiếm lời. Một giai cấp mới ra đời, người ta chăm sóc chó, cho chó ăn cả ký lô chả quế, ăn phở tái nạm gầu. Lời đồn đại về lối sống của giai cấp mới này nhiều lắm, nhưng tôi không thể tin hết nếu chưa kiểm chứng. Trong thiên hồi ký này những điều tôi viết ra đều đã được kiểm chứng và đúng là sự thật. Tôi không “bắt” ai phải tin hay nghĩ gì khác.

Tôi viết hồi ký có thể than thở cho thân phận mình, một thân phận chẳng mấy may mắn gặp toàn nghịch cảnh, nói lên được nó cũng nhẹ cái đầu. Thường thì tôi nói những điều xấu hơn những điều tốt. Nhưng không phải không nói đến những điều tốt. Điều đó có chứ, tôi sẽ dần trải dần dần trong thiên hồi ký này. Nói về những điều tốt có những nhà chuyên môn phụ trách họ được học nghề ca tụng. Tôi có muốn ca tụng thêm cũng bằng thừa, bằng lạc điệu, nghe chẳng đặng, chẳng hay ho gì. Bởi vậy nên tôi im lặng. Làm văn nghệ cũng vậy, tôi chỉ văn nghệ cái lỗ miệng với tôi với những bạn bè của tôi thôi. Sáng tác được những câu thơ, đọc cho nhau nghe. Nghĩ được cái truyện ngắn, không in ấn đăng báo gì cả, tự mình làm diễn viên kể nghe chơi.

Bạn tôi, anh Hoàng Hải Thủy có một thú đam mê là được lấy ráy tai. Nghe danh ở đâu có anh thợ cạo lấy ráy tai giỏi đạt nghệ thuật anh phải mò tới lấy ráy tai bằng được. Anh đã kể cho tôi nghe một chuyện rằng ở Hải Phòng có một anh thợ cạo lấy ráy tai siêu hạng. Ngày chia đôi đất nước, chỉ còn một ngày nữa Hải phòng tiếp thu, thuộc về chính quyền miền Bắc, anh cũng mò đến nhờ anh thợ lấy bằng được một vẩy tai cuối cùng còn mắc ở tận hốc tai trong cùng. Có vậy anh mới đành lòng xuống tàu vào Nam.

Sau giải phóng, trước những ngày anh lãnh án tù (được lãnh án đàng hoàng đấy), tôi gặp anh ở Ông Tạ, ngồi uống cà phê với nhau trước một tiệm hớt tóc. Anh khen phó cạo này có tài lấy ráy tai. Anh nhàn nhã quá nên uống cà phê ngồi chờ đến lượt, anh nói anh chẳng làm gì hết, chỉ chờ đồ ngoại viện lãnh qua đường bưu điện.

Cà phê nhâm nhi nên nổi hứng đọc thơ nghe chơi. Thơ của Hoàng Hải Thủy vui đáo để, từ lâu rồi tôi cũng từng nghe thơ của anh, chế từ thơ khác thành thơ mình, chọc phá người ta cười chơi. Mà chẳng ai giận được, anh chẳng hề có ác ý với ai bao giờ.

Ngồi ở Ông Tạ nhìn sang quán thịt chó có tên “Ô kìa! Đây rồi!” Hoàng Hải Thủy nổi hứng đọc một loạt thơ ca tụng mộc tồn, bây giờ tôi quên mất, vì tôi không phải là người hảo món ấy. Tôi chỉ biết là buồn cười thôi.

Hoàng Hải Thủy quay sang đọc thơ khác, bài này thì tôi nhớ lõm bõm, vì nó phản ánh tâm sự chung của những người “được” lãnh đồ nước ngoài.

Hoàng Hải Thủy ở đây bị tố, bị kết án rồi ra tòa rồi hàng loạt bài viết nói về Con người Hoàng Hải Thủy qua tất cả mọi khía cạnh. Rồi Thủy ở tù ngót nghét mười năm. Rồi cũng ra tù, rồi biến khỏi Việt Nam thân yêu. Tôi biết anh ở Mỹ, tuy già rồi mà viết cũng rất hăng.

Sau một chuyến vượt biên khác, không thành công, tôi bị bắt, ở tù. Ra tù, một lần nữa gia đình tôi tan vỡ. Cơm không lành, canh không ngọt. Cả hai phía cùng có lỗi cả. Tôi có đời vợ thứ ba, điều ác hại người vợ thứ ba này lại có họ hàng dây mơ rễ má với bà thứ hai mà lại gần xị, thành ra tôi lãnh đủ cái búa tạ. Tôi đã uống thuốc liều, tôi chịu đựng để tiếp tục yêu. Tôi và bà xã thứ hai có dất nhau ra tòa cùng thuận tình ly hôn. Bà cũng đã kết hôn với người khác có cái thể ra đi nước ngoài, hiện bà cũng đã đi rồi.

Lại thêm những ngày cay đắng nữa, tôi và người vợ thứ ba sống không nhà không cửa, đói rách ra mặt. Tôi chán đời, uống rượu ngày một nhiều. Điều này làm tôi hư hỏng trầm trọng, bắt mất đời. Nhưng vẫn phải sống, phải làm việc kiếm tiền, cố tìm lấy một mái nhà, không phải lề đường, quán trọ, bến xe. Cũng không thể ở nhờ ở đậu ai được. Ở đâu người ta cũng cần đến giấy tờ làm tạm trú. Tôi không có giấy tờ. Đêm xét hộ khẩu, tôi trốn như chuột, không thoát thì bị bắt, bị nộp phạt... Tôi là người sống bất hợp pháp.

Tôi trôi dạt về khu Tân Phú, Bà Quẹo làm nghề mua bán phế liệu. Tôi xưa nay vẫn là người dờ ờ trong việc buôn bán. Tôi thuê được một cái chuồng heo bỏ không, hai vợ chồng chui rúc vào đó ở. Ngày ngày tôi khiêng từng bao phế liệu rác bao ni lông về chọn lựa, phân loại ra từng thứ rồi giặt giũ, rửa sạch, phơi khô đem bán cho nhà máy tái sinh. Những bao ni lông hôi rình, thối tha đựng đủ thứ đồ phế thải, vợ chồng tôi ngồi lựa chọn, xé bọc. Tôi muốn ngạt thở, muốn nôn mửa nhưng vẫn phải làm việc.

Trong khi đó bên cạnh chúng tôi có mấy con chó đói nhà hàng xóm ngồi châu chực. Bỗng một con nhảy xô vào đồng phế liệu ngoạm một cái bao đựng gì đó rồi phóng chạy. Vợ tôi vụt đứng dậy đuổi theo. Nàng bụng chửa, con chó tha bao chạy trước, vợ tôi lạch bạch chạy theo sau. Tôi sợ vợ té nên chạy sau cản nàng, đành mặc cho lũ chó xâu xé những bao ni lông được rũ tung trên đất:

– Em ơi! Thôi đi.

– Nhưng nó cướp bao ni lông của mình kia.

– Kệ nó, cái bao ấy đựng phân đó.

– Bỏ sao?

– Bỏ đi! Tiếc cái gì!

Cuộc buôn bán phế liệu của tôi chẳng bao lâu thất bại. Sự thất bại thảm hại lại đeo thêm nợ nần. Chơi hội với người ta thì bị giật hội, buôn bán bị lừa lọc. Họ hàng, bà con, bạn bè xa lánh, không một mái nhà.

Tôi ngất ngưỡng một mình với xị rượu. Con người tôi hốc hác bệ rạc. Hình như tôi sắp sửa phát điên. Tôi sống quanh với nhiều loại người cận bã của xã hội. Tôi nói là cận bã chứ không phải là nghèo đói hay bình dân. Tôi không trở thành ăn cắp ăn trộm hay móc túi, lưu manh, côn đồ là may lắm.

Tiền bạc, miếng ăn đối với hai vợ chồng tôi khi đó cần thiết biết bao. Nhất là cho đứa trẻ sắp ra đời. Nó cần một mái nhà, dẫu là dưới một túp lều

Chương 5

Thời gian này tôi gặp lại anh Lê Xuân Hào, giáo sư Anh văn hồi chế độ cũ, anh Hào cũng là nhà thơ, nhà văn với bút danh là Đỗ Thế thường cộng tác với những báo văn nghệ hồi trước. Thời gian sau anh có nằm vùng cho cách mạng, anh nghĩ anh là người yêu nước. Thôi được, đó là lý tưởng của anh. Bạn bè có biết cũng mặc anh. Công việc đó là công việc của cảnh sát, công an chế độ cũ. Phải thú thật mà nói người thuộc chế độ cũ rất lơ là với việc làm “tình báo nhân dân”. Nhất là giữa những bạn bè, không nở tổ cáo nhau, đôi khi còn bao che, nếu có thể được. Việc tìm bắt cách mạng nằm vùng là việc của công an, những chỉ điểm viên chuyên

nghiệp ăn công xá. Không ai rỗi hơi làm chuyện mà người ta cho là tào lao. Đến bây giờ tôi không thể nói tính cách ấy tốt hay xấu. Sau giải phóng tôi biết rõ, sáng mắt ra những người theo cách mạng 30-4. Mà người ta gọi là cách mạng 30. Những “lính mới” lập công dữ dội. Bao nhiêu hàng xóm láng giềng bị bắt bớ, tù tội. Kể cả những người có tội và những người không có tội. Người người nhìn nhau cũng phải cảnh giác, phải dè chừng. Những anh trốn làm văn nghệ còn ớn hơn. Đi đâu cũng phải nhìn trước nhìn sau xem mình có bị theo dõi không. Có anh thi sĩ nghèo rớt mồng tơi cũng sợ, bây giờ vẫn còn sợ. Tôi gặp anh, ngồi uống cà phê với nhau, anh bạn nói nhỏ với tôi:

– Mình bị theo đó, cái thằng ngồi bàn bên kia kia, tay đeo kính đen đó. Này, khi nào cậu với tớ chia tay nhau. Nếu có bị tóm thì mình nói rằng nói chuyện với cậu cậu này nhé, cậu có bị lôi ra hỏi riêng thì cũng nói thế nhé. Khẩu cung mình cùng khai có ăn khớp thì chẳng sao đâu, họ sẽ tha mình...

Tôi muốn phì cười, anh bạn thi sĩ của tôi luôn luôn nhắc nhở, như những lời nhắc nhở nhau hồi hai mươi năm về trước. Tôi không muốn làm bạn phật lòng vì tính cẩn thận thất kinh của bạn. Tôi trả tiền cà phê rồi biến, không nhớ cả câu dặn dò. Tôi lơ lơ là là như kẻ sống trên mây... Tôi rất bình thường chẳng có gì quan trọng hết. Muốn làm một phó thường dân còn không nên thân nữa là. Nhưng thỉnh thoảng tôi cũng tìm gặp lại ông bạn thi sĩ của tôi để hù dọa, nói phét cho đỡ buồn.

Tôi đến nhà bạn, nói phét, hù chơi:

– Có một người coi nghi lắm theo tôi khi tôi vào nhà anh. Khi quay lại hẩn biến mất như ma...

Anh bạn thất kinh hồn vía:

– Thế hả, sao còn đến đây, biết vậy cậu biến đi có được không.

– Kệ, tôi đến rủ cậu đi uống cà phê, mình cứ bồn cũ soạn lại. Tôi nói rằng tôi đến thăm cậu bệnh. Cậu nói sao cho hợp thì nói.

Thế là một màn kịch được soạn ngay tức thì. Vui đáo để. Bạn tôi tâm phục khẩu phục:

– Ủ, tớ cũng có ốm thật, hai ngày hôm nay không bước chân ra khỏi nhà, vãi cà phê thấy mờ.

Bệnh sợ công an của bạn tôi cao độ, không thuốc nào trị nổi. Tôi phải dĩ độc trị độc. Đã lâu tôi không gặp bạn, không biết bệnh của bạn tôi thuyên giảm phần nào chưa. Tôi viết hồi ký nhắc đến bạn mà không dám nêu tên. Không may bạn “trở bệnh” thỉnh linh thất kinh lăn ra chết thì tôi có tội. Tôi quen thói sống luông tuông nên cũng hay thường bị mắng mỏ. Mong bạn tha thứ cho tôi.

Trở lại chuyện nhà thơ Đỗ Thế, tức Lê Xuân Hảo. Sau giải phóng, dĩ nhiên Hảo được biệt đãi, anh có công việc làm ở bộ giáo dục, một việc làm cà là mềng là lái xe cho ông lớn. Nhưng thế cũng là an ủi lắm rồi, thời gian sau anh nghỉ hưu non về làm nghề hàn cửa sắt. Nhà ở phường 23 quận Tân Bình, là người cách mạng mang bí danh Tám Hảo, anh tham gia hội phụ lão, nhà có vườn rộng nên anh trồng mai, đêm sáng trăng ngồi ngâm thơ, uống rượu với các bạn thơ ở phường. Đời sống thanh nhàn bên bà vợ trẻ đồng điệu, cũng là một nhà thơ. Anh là người tốt luôn luôn đầm ấm với bạn bè không phân biệt bạn cũ mới.

Gặp tôi anh rất mừng, nghe tôi tâm sự về hoàn cảnh, chỉ một phút suy nghĩ anh hỏi tôi:

– Bạn cần một chỗ ở và một việc làm hả?

– Đúng vậy.

– Không chê việc này việc nọ chứ?

– Còn chê việc gì nữa, bất cứ việc gì, dù chưa biết nhưng tôi hứa sẽ tận tâm, tôi đã quen lao động rồi.

– Vậy thì được, ở phường này có một ao cá đang thiếu người trông coi, có một túp lều cạnh ao cá cho nhân viên bảo vệ ao cá ở coi áo cho tiện. Cảnh trí nên thơ lắm, có thể hợp với bạn tha hồ mà ngâm thơ vịnh nguyệt.

Tôi phải nhận lời ngay kéo hồ. Buổi tối tôi đến nhà Lê Xuân Hảo, ngồi ngoài vườn mai trắng sáng uống rượu để cùng với những nhà thơ miệt vườn, chính là những vị có chức sắc ở phường. Tất cả đều là những người làm thơ tài năng hoặc có máu yêu thơ. Bà vợ trẻ của nhà thơ Tám Hảo là ngôi sao bắc đẩu trong đám thi ca này. Chỉ cần bước đi ba bước đã làm xong bài thơ, vần điệu nghiêm chỉnh. Có người phải xin chị một bài thơ để mừng đám cưới, người xin thơ phúng điếu đám ma. Nghĩa là tuần chay nào cũng có nước mắt. Tôi được một vị lão ông hội phụ lão làm một bài thơ Đường luật tặng, có nhan đề như sau “Mừng bạn thơ văn về coi ao cá Bác Hồ”. Nhưng nào tôi đã mừng được đâu. Trở lại công ăn việc làm tôi gặp liền trở ngại. Các vị chức sắc có thể có quyền ở ao cá đòi tôi phải có người bảo lãnh. Nghĩa là người cách mạng mới đủ tầm cỡ. Tôi lại vất giơ lên cổ chạy đi tìm người quen làm cách mạng. Đầu tiên tôi nghĩ đến Duy Thái, tổng thư ký nhật báo Đông Phương tôi cộng tác hồi trước. Duy Thái là người nắm vùng, bây giờ anh được biệt đãi, công tác tại viện bảo tồn bảo tàng gì đó trong thành phố. Nhiều lần tôi gặp anh thấy anh đội mũ cối đi dép râu. Tôi và anh vẫn giữ quan hệ bình thường như xưa kia. Gặp tôi nhờ vả, Duy Thái mau mắn lên đường đi giúp đỡ ngay. Nhưng khi tới cơ quan, các vị chức sắc lại từ chối rằng anh chưa đủ tầm cỡ để bảo lãnh cho tôi, một kẻ bị vấy bùn. Giấy xanh mực đỏ của anh có trình ra cũng vô hiệu. Duy Thái vênh râu bất mãn:

– Mẹ kiếp, tớ thua rồi, thành tích cách mạng của tớ như vậy mà cũng chẳng bảo lãnh được anh thì đúng là kẻ có mắt không trông. Không thể nhìn thấy núi thái sơn ở trước mặt.

Vậy là tôi phải lên đường tìm núi thái sơn khác để người ta có thể nhìn thấy. Tôi đi tìm Cung Tích Biên. Biên không phải là núi thái sơn nhưng anh ta quen nhiều núi thái sơn có tầm vóc vĩ đại. Biên mau mắn giúp tôi. Anh giới thiệu tôi với Huỳnh Bá Thành, nay là thiếu tá công an, đang làm tổng biên tập cho tờ báo Công An bán rất chạy. Tôi cũng là người quen biết Huỳnh Bá Thành trước giải phóng, anh làm phóng viên cho báo Điện Tín, Tôi chỉ không biết Thành hoạt động cho phía bên kia. Sau giải phóng Huỳnh Bá Thành xuất hiện với quân hàm công an. Anh từng giữ nhiệm vụ hỏi cung văn nghệ sĩ bị bắt. Tôi không gặp anh lần nào, nhưng sợ. Tôi nghĩ anh ta là người dữ dằn và nguy hiểm, nhưng khi gặp Thành, tôi thấy khác, anh hồn nhiên và chân thành:

– Chuyện đó được thôi, cần làm một công dân thì đó cũng là chủ trương của chế độ. Tôi biết về anh lâu rồi, cũng chẳng nên ủng hộ tài năng của mình.. Nếu anh không có điều gì đố kỵ thì nên làm việc hợp với khả năng và nghề nghiệp của mình. Nếu anh bằng lòng, tôi giúp anh.

Huỳnh Bá Thành là người sống có lý tưởng và tin vào lý tưởng của mình đang phục vụ. Dù muốn dù không, anh đã từng giúp được nhiều anh em thuộc chế độ cũ thất cơ lỡ vận, anh giúp

trong cái thế của anh lúc ấy. Không phải qua một bài viết trên báo anh với tiền nhuận bút hậu hĩnh mà tôi muốn nói đến tình người. Nay Huỳnh Bá Thành đã chết ở tuổi 49, bỏ ra ngoài chính kiến và đồ kỵ, tôi vẫn nói Huỳnh Bá Thành là người tốt. Lòng tốt của một con người với con người giữa nơi “gió tanh mưa máu”.

Tôi đã có một công việc làm, một túp lều để đụt mưa tránh nắng giữa thời buổi khó khăn. Không phải bị mua chuộc để tôi làm một việc gì đó, không đúng với ý nguyện lương tâm của mình. Đời sống cũng đang gặp khó khăn, nhưng đôi lại tôi có chút thanh thoi. Đêm ngồi trên bờ ao, ngược mặt nhìn trăng sao, không biết làm thơ thì chuyện suy nghĩ vẫn vợ. Một chút yên tâm không bị bắt vì cư trú bất hợp pháp, trong khi tôi đang bất hợp pháp thật. Tôi biết thân phận mình chỉ là một hạt cát bụi mỏng manh không chống nổi một nhát chổi lừa. Đứa con của tôi sắp ra đời, có nhận được một sự giúp đỡ nào của ai đâu, hay chỉ là những tiếng tội nghiệp xuống. Như kẻ uống rượu mà không có đồ mời.

Ao cá rộng chừng một mẫu. Trước kia có người thầu khai thác cá, sau này phường lấy lại tự khai thác. Đương nhiên cần người trông coi, bảo vệ. Trên bờ ao có một dãy cầu cá lộ thiên để dân xóm đi cầu lấy lương thực thả ra nuôi cá tra. Từ ba bốn giờ sáng đến mười hai giờ đêm cá tra và chẳng biết thứ cá gì nữa quấy lộn tranh nhau đớp mồi. Lương thực cho cá vẫn không đủ, một ngày tôi phải đi hốt đầy hai xe phân chuồng heo đổ xuống cho cá ăn, thêm một xe dầu tép của nhà máy tằm đông lạnh gần đó làm lương thực bồi dưỡng thêm cho cá đói mồi. Đêm đêm tôi vác cây gậy giàng thun đi giáp vòng bờ ao làm công việc bảo vệ, coi xem có ai ăn trộm cá không.

Túp lều bên cạnh bờ ao heo hút, nền đất gập ghềnh, không có nổi một cái giường hay cái chõng tre để nằm, một người bạn thân của tôi, anh Nhạ hứa cho vay hai ngàn rưỡi bạc để mua lại một cái giường cũ, nhưng sau đó anh lại rút lời vì lý do gì đó tôi không quan tâm nữa. Người hàng xóm không quen biết thấy chúng tôi nằm đất, tội nghiệp cho mượn một tấm liếp trải xuống đất cho đỡ ẩm thấp. Cái lu đựng nước ăn cũng không có. Tôi xin của bạn Hào cái lu bể một nửa, khi sắp sửa lặn ra đến nửa sân, bà mẹ của bạn tôi đòi lại, tôi phải lặn trả lại chỗ cũ. Lần đó thực sự tôi khóc vì tủi nhục, dù không muốn khóc, nước mắt cứ tự động trào ra. Ôi bạn bè chơi với nhau bốn chục năm. Còn rất nhiều chuyện cay đắng nữa, tôi chẳng muốn kể ra làm gì. Đời sống tôi như đời sống của Robinson Crusoe lạc trên hoang đảo. Nhưng không phải tất cả những bạn bè đều thế. Có những người bạn đến với tôi chân tình. Một người bạn cũ Trần Thúc Vũ đến với tôi, anh thấy vợ tôi bụng mang dạ chửa, nằm đất tội nghiệp anh cho mượn một chiếc giường của chính mẹ anh nay đã gác lên nóc bếp. Tôi ân hận mãi chiếc giường tôi đã để lại ao cá khi phải dời túp lều ấy, không trả lại được cho anh.

Ngày đầu tiên tôi đến nhận”nhiệm sở”. Vị sếp sòng ao cá cho tôi biết lương tôi một tháng được lãnh ba ngàn đồng, có thể mua được hai chục ký gạo hồi đó. Được ở túp lều cạnh ao cá, có sự chấp nhận của công an phường. Và những công việc tôi phải làm tròn trách nhiệm như tôi đã kể trên. Mỗi buổi trưa tôi phải dọn sạch phân ba cái chuồng heo, ước chừng hai chục con heo. Đẩy xe phân về cho cá ăn rồi đẩy xe dầu tép. Tôi mót lượm những con tép sót làm đồ ăn, hái rau lang ngoài ruộng về luộc. Vợ tôi gầy xanh rớt như tàu lá. Xe phân heo tôi đẩy đến đâu, mọi người chạy tránh xa. Tôi trông giống như một con ma đói già nua, tóc râu lồm chồm, lại dờ hơi thường hay cáu kỉnh. Quần áo tôi tả như thảng ăn mày. Tuy thương hoàn cảnh gia đình mình, nhưng tôi vẫn hư hỏng. Tôi trở thành kẻ nghiện rượu. Bạn bè loại thất phu thừa dịp đó cho uống chén rượu rồi chửi lên đầu, làm nhục làm nhẽ vậy mà tôi vẫn không sáng mắt ra. Lỗi làm đó do tôi, tôi không bao giờ quê. Bởi tại thời gian đó tôi quá chán đời. Tôi cú bí tỉ như thế không biết bao nhiêu năm, cho đến lúc tỉnh ngộ nằm trên giường bệnh chờ chết. Rồi thì tôi không chết được, sống cho tới ngày nay. Ngồi trên gác bút viết những dòng hồi ký này mà còn thấy hãi hùng.

Tôi chẳng giống ai mà cũng chẳng ai giống tôi.

Phường thuê tôi coi ao cá, thật tình chỉ có một lần trả cho ba ngàn đồng tiền lương. Những tháng sau kế tiếp không trả lương, họ biết thóp tôi cần một chỗ ở. Một mái nhà dù mái nhà dột nát. Vợ chồng tôi cần rằng chịu đựng. Đói đầu gối phải bò, tôi biết phải làm gì? Tôi biết sửa xe đạp, một thằng thợ tay ngang. Nhưng cũng liều nhắm mắt đưa chân. Tôi phải đi “xoay” tìm búa để hành nghề sửa xe. Việc này cũng rất là khó khăn và nhọc nhằn. Người bạn thân bốn mươi năm của tôi, có thể không từ chối cho tôi uống một xị rượu, nhưng từ chối cho tôi mượn cái kim khi anh dư thừa. Cuối cùng thì tôi cũng có tạm đầy đủ đồ hành nghề do anh em bạn chợ trời lặt soong ve chai giúp. Ngày ngày tôi ngồi lẻ đường từ năm giờ sáng cũng có thể kiếm được tí gạo nấu cơm ăn, hôm nào ế ẩm nấu cháo. Chẳng sao, miễn là sống được. Ngồi lẻ đường là chuyện khổ, nhiều khi phải ôm đồ nghề chạy công an vắt giò lên cổ. Hôm phải lên phường công an chuộc cái bơm bị bắt, tôi chiếm dụng lòng lẻ đường bất hợp pháp. Buổi trưa về “nhà” thay vì nghỉ ngơi, tôi đi đẩy xe phân heo rồi lại tiếp tục đi sửa xe. Đêm thức như vác coi ao cá. Vợ tôi bụng mang dạ chửa cũng phải gục đầu trên đồng đầu tép mót lượm những con tép sót, Những cây roi liên tiếp quất vun vút lên thân phận tôi. Đời sống tôi luôn luôn bấp bênh. Vợ tôi lại sắp đến ngày sinh nở. Tôi càng lo lắng càng chán đời, có lẽ thấy mình bất lực. Những chén rượu không giúp tôi thêm nghị lực mà chỉ chìm dần tôi xuống bùn...

Một buổi trưa đang ngồi sửa xe. Hai cậu bé mang xe ra sửa. Tôi loay hoay mãi không tháo nổi cái ổ xe đạp quá rỉ sét. Tôi nói với chú nhỏ sửa xe:

– Không thể tháo bằng tay được, có lẽ phải mang ra hàn xì hơi lửa mới lấy ra được.

Cậu bé chủ xe nói:

– Bố mang đi làm giùm con đi.

Cậu bé có vẻ ngoan ngoãn, có vẻ là một học sinh, vì tôi thấy trên ngực áo sơ mi của cậu có phù hiệu tên trường. Nhưng tôi phải từ chối lắc đầu:

– Không được đâu, tôi còn phải làm việc em mang đi đi.

– Có xa không bố?

– Cách đây chừng nửa cây số có tiệm hàn, tuốt trên đầu đường kia.

Hai cậu bé ngại ngùng:

– Xa quá, con mang gì nổi.

– Cũng phải ráng thôi.

Hai cậu bé chụm đầu vào nhau bàn tán, một lát quay lại nói với tôi:

– Chúng con không có tiền nhiều, không thể đi xích lô được. Hay là con đề nghị bố thế này ...

– Cái gì?

– Nếu bố có thể tin được tụi con, cho con mượn cái xe đạp của bố. Thằng đạp, thằng vác lên

vai. Đồ nghề xe con tháo ra còn để đây mà.

Thấy hai thằng bé đáng yêu quá, tôi tội nghiệp chúng:

– Tụi bay mượn xe tao?

Hai cậu bé rụt rè:

– Dạ, có thể được không bố?

Tự nhiên tôi trở nên cả nể, khế gặt đầu:

– Cũng được, tụi bay lẹ lên, chiều rồi đấy.

– Cám ơn bố, con không phụ lòng tin của bố đâu. Già như bố mà còn ngồi sửa xe, tội nghiệp quá.

Niềm tin của tôi vào con người thật to lớn, khi nghe được một lời ngọt ngào. Tôi đã cả tin đến chín giờ tối hôm ấy. Hai chú nhỏ không trở lại. Tôi dò dẫm nhìn ra cuối đường trong hy vọng mỏng manh. Chiếc xe đạp dùng cho công việc kiếm cơm của cả gia đình tôi không bao giờ trở lại nữa, đồ nghề ngổn ngang. Chị bán thuốc lá lẻ đầu đường mắng tôi:

– Bác già rồi mà còn cả tin quá, con nít bây giờ ghê gớm lắm. Thôi bác về đi, khuya rồi đấy.

Tôi bó đồ nghề sửa xe đạp vào một cái bao khiêng lên vai, lội dưới trời mưa trở về túp lều ao cá có người bụng mang dạ chứa trông chờ. Tôi đội những món đồ nghề sắt thép trên lưng, làm lúi lê bước như con rùa đội cái mai của mình, không, như một con ốc sên nhỏ nhoi ươn hèn đội cái vỏ liềm sủ của nó thì đúng hơn. Con đường về nhà của tôi sao đêm ấy dài diệu vợi. Từ đường Nguyễn Kim qua trường đua Phú Thọ, qua hương lộ 14, đến hết con đường Âu Cơ, trước đây tôi cũng đã dùng cái tên Âu Cơ này đặt tên cho nhà xuất bản của mình. Một sự trùng hợp vô lý. Mưa ướt lướt thướt, mà tôi vẫn cứ lội đi, qua một nghĩa địa đang cải táng. Những tia chớp xanh loàng ngoằn vạch nát bầu trời đen, rồi tiếng sét nổ. Vẫn không có một lưỡi tầm sét nào của ông trời giáng trúng đầu tôi.

Khi đó thì tôi bật khóc. Túp lều cá cô liêu, tiếng ếch nhái y ường vang trong suốt một đêm trường. Túp lều dột nát quá, vợ chồng tôi ngồi đội áo mưa rách suốt đêm hôm đó.

Tôi chờ trời hửng sáng để lại lên đường đi làm. Đứa con của tôi đang quấy đạp trong bụng mẹ nó. Thây kệ, không thiếu gì người mắng mỏ tôi là đại khờ, con nít cũng lừa gạt được. Không chẳng ai mắng mỏ tôi thế, họ chửi lên đầu tôi, chửi một thằng già còn ngu hơn con chó. Tôi chỉ biết một điều, mỗi chiều tôi vẫn phải trả nợ góp. Không đủ tiền lập tức tôi bị xiết kìm búa, mỏ lét. Chủ nợ của tôi là vợ của một người bạn cho tôi vay một chỉ vàng từ hồi buồn bao ni lông phé liệu, Tiền nợ còn nguyên gốc. Mỗi ngày bà ta đến lấy tiền lời. Muốn có tiền mua gạo, tôi ngồi thêm giờ sửa xe cho đến khi trời tối. Về muộn mua gạo ở hàng tạp hóa người ta không mở cửa vì sợ tôi xông vào nhà ăn cướp. Hai vợ chồng tôi và cái bào thai đối thường xuyên.

Tôi chìm đắm trong buồn chán và men rượu khan. Tôi thường ăn nói lung tung như một thằng điên. Có dịp gặp lại thi sĩ Bùi Giáng, nhìn bộ dạng tôi anh khuyên tôi đừng có điên. Tôi nhìn anh:

– Nhưng sao anh lại điên?

– Chắc không, đồ ngu, tao có thì giờ để điên, mày có thì giờ điên không?

Tôi chịu thầy. Đúng đó tôi đâu có thì giờ để điên. Nhận định của một người điên có tiếng như thi sĩ Bùi Giáng thật là đúng, sáng suốt không chê được.

Tôi chưa đủ tư cách làm một người điên. Quan trọng nhất phải có thì giờ dành cho những cơn điên dại. Những cơn điên phải có đầy đủ chất lượng của nó, nghĩa là khác đời. Dầu điên thật hay điên giả. Bệnh điên nên coi là một bộ môn nghệ thuật. Với thi sĩ Bùi Giáng, tôi chịu thua vì ông thuộc loại siêu điên có nghệ thuật. Tôi chỉ là hàng hậu sinh, không dám phán đoán. Nghĩ đến ông, tôi vừa cảm phục vừa thán phục. Tôi muốn viết một quyển sách về ông có nhan đề là “một đời điên dại”. Hôm nay tôi đang sưu tầm những mẩu chuyện điên của Bùi Giáng, một thi sĩ “điên” kỳ lạ. Một bậc tài năng, không nhắc đến là một điều thiếu sót. Người ta phải gọi Bùi Giáng là “Ông điên” chứ không ai gọi là “Thằng điên”. Người điên nên chẳng có đẳng cấp do những người còn tỉnh gọi và phân biệt.

Trong thiên hồi hồi ký này, nhắc đến thi sĩ Bùi Giáng, chỉ để nhắc đến mà thôi, chưa hẳn là một bài viết về ông. Một hiện tượng nêu ra trong cuộc đời này. Bây giờ tôi lại xin tiếp tục thiên hồi ký của mình.

Những ngày cư ngụ “hợp pháp” ở ao cá là những ngày tháng nặng nề, cay nghiệt, những điều xấu và những điều tốt đến với tôi lẫn lộn. Điều tốt đến với tôi hiếm hoi như những vẩy vàng đã được, còn điều xấu thì như như sỏi cát. Rồi tôi cũng có lại chiếc xe đạp đi kiếm cơm. Những món đồ lạc soong của những người bán ve chai cho. Tôi ráp thành hình một chiếc xe đạp và đạp đi được. Hình như tay nghề của tôi cũng đã cao. Nhờ vậy đời sống tôi xoay trở cũng dễ dàng hơn. Vợ tôi gần kề ngày chuyển bụng. Tôi phải có xe đi để xoay ra tiền. Tôi biết đứa trẻ này ra đời chẳng được ai thừa nhận, ngoại trừ chúng tôi, nhưng cần thiết gì. Bố thương con, dẫu con là trai hay gái. Không biết con có khỏe mạnh không. Mẹ con suốt thời gian mang thai sự bồi dưỡng quá thiếu thốn. Mẹ con gầy và xanh như tàu lá. Tôi lo lắng cho giờ phút sinh nở của vợ, với nàng là sinh con so...

Vị sếp sòng ao cá còn nợ tôi năm tháng tiền lương. Vị chi là mười lăm ngàn đồng bạc. Số tiền này xem ra cũng đủ cho cuộc sinh nở cho vợ tôi. Buổi trưa tôi đẩy xe phân không đến nhà chủ. Tôi vào nhà nói “ý nguyện” của mình với ông chủ. Ông ta có vẻ suy nghĩ một lát rồi nói:

– Anh ra dọn cho sạch phân chuồng heo đi rồi tính. Tôi chưa bán được heo.

Buổi chiều hôm ấy, tôi phải chờ đến bốn xe phân heo đổ xuống ao cá. Ông chủ nói với tôi:

– Vợ anh chưa sanh phải không? Vậy thì khi nào đi sanh rồi tính.

– Thưa ông tôi cần phải thu xếp, cả ngày hôm nay tôi phục vụ cho ao cá, tôi không đi kiếm tiền được. Tôi cần chút đỉnh trước...

Ông chủ cười mỉa mai:

– Anh nói anh cần lương thực? Tôi được báo cáo ngày nào anh cũng vớt cá lên ăn. Anh dung túng cho kẻ lưới trộm cá rồi chia tiền với họ.

Tôi nghẹn uất lên tận cổ, đầu nóng bừng bừng. Tôi không thể nhịn được:

– Ông nói tôi là thằng bảo vệ đi ăn cắp cá hả? Ông sỉ nhục tôi phải không?

Cái cười nhếch mép đều đều, cái mặt gà mái men mét và giọng nói Quảng hơi khó nghe:

– Thế hả? Tôi chỉ nghe nhân dân báo cáo và phản ánh như vậy. Ừ, đâu có chứng cứ gì. Thôi được, cứ tới ngày vợ anh đi sanh, anh đến đây.

Chú em ruột tôi, ngày còn sống ở nhà nói tôi chỉ là con cạp giấy. Hung hăng cái lỗ miệng, chẳng làm gì được ai. Bây giờ tôi thấy nhận xét của chú em đúng. Cả đời tôi chỉ chịu thua chịu thiệt. Tuổi Mậu Dần mà cảm tinh con Tuất, con Hợi. Mẹ tôi vẫn thường dạy tôi một điều một điều nhịn là chín điều lành. Tôi nhẩn nhịn ra khỏi cửa nhà ông ta, đẩy chiếc xe chở phân heo, trong tiền máy dẹt vải ì xèo, cả một khu nhà ngang của ông ta đặt khung dẹt. Một con người biết làm ăn, biết tích lũy và biết bóc lột, đối trá sẵn sàng nuốt lời. Có lẽ một giai cấp giàu sang mới đang thành hình trong chế độ. Năm mươi năm kháng chiến đấu tranh để hình thành một giai cấp mới. Mỹ đã cút và Ngụy cũng đã nhào.

Cho đến nay đã mười năm qua rồi tôi không thể nào ăn nổi những con cá ao, đừng nói chi phải mất công ăn trộm cá. Mười cái cầu cá cung cấp phân cho đủ loại cá từ ba giờ sáng đến 12 giờ đêm, còn xe phân heo, đầu tép mà cá lúc nào cũng như thòm thềm. Nhìn cảnh đó tôi thất kinh rồi, tính trộm cắp tắt ngấm, không một chút manh động. Vợ tôi chỉ nhặt những con tép sót trong xe đầu tôm, rang lên với muối hoặc nấu cháo tìm chút nước ngọt thịt thà. Còn những con cá ao xin chịu thua. Tôi nghe nói cá nuôi ao có lượng thực của nó, cái đó phải mua nên tốn tiền. Các ông bà chủ của tôi tiết kiệm và biết tận dụng mọi chất thải để nuôi chúng. Tận dụng sức lao động của tôi mà không tốn kém gì mấy ngoài một chỗ ở là túp lều rách bên ao cá. Tôi yếu xiu như con sên và người ta nắm được điểm yếu ấy. Tôi đã sống qua hai mùa lưới cá, chủ lưới cá thương hại tôi là người hầu trà nước nên tặng tôi bốn con cá tra để kho ăn dần, ông ta còn dặn tôi đừng kho gừng vì cá sẽ trở lại mùi hôi thối... Tôi từ chối, không nhận cả bốn con cá ấy. Nên không biết cá tra kho gừng có trở lại mùi thối không như lượng thực chúng mỗi ngày. Ông chủ bèn tặng tôi tiền, vài trăm bạc ít ỏi, nhưng còn có cái tình...

Các ông chủ nuôi cá của tôi là một trong những vì tinh tú trong thi văn đàn của phường. Tôi từng nhìn thấy các vị xướng họa. Thơ chép nắn nét vào tập vở đóng bìa da mạ vàng để lại cho hậu thế. Một ông cụ làm nghề thầy cúng chuyên viết sớ ở đền miếu biết được vài ba chữ Hán, chữ nôm được giới thiệu là học giả thông kim bá cổ. Một lần tôi đến nhà ông Tám Hảo chơi, thấy quyển sách Tư Mã Thiên, tôi mó vào định lật xem. Tôi bị một vị máng cho một trận kịch liệt...

Tôi tiếc là chưa được đọc quyển tiểu thuyết “Những vĩ nhân tình lẻ” của Dương Thu Hương nên không biết trong đó viết gì.

Tới ngày vợ tôi đập bầu, tôi vẫn không thể nào lấy được tiền công trông coi ao cá. Đưa con trong bụng mẹ nó quấy đạp dữ dội. Vợ tôi vẫn phải cúi gập đầu trên xe tôm kiếm tìm những con tôm sót. Tôi khuyên vợ tôi nấu một nồi cháo tôm ăn lấy sức, chắc là sáng mai thì sinh em bé. Vợ tôi nói thôi. Tôi phải đưa nàng đến nhà bảo sanh. Tôi phóng đi hành nghề sửa xe hành nghề kiếm tí tiền lẻ. Buổi chiều hôm ấy tôi phải vãi nhau kịch liệt với bà chủ nợ để bảo vệ món tiền ít ỏi kiếm được. Không cho bà ta xiết tiền lời. Lần đầu tiên trong đời tôi chiến đấu dũng mãnh như vậy.

Qua một đêm vợ tôi chuyển bụng đẻ, sáng sớm ngày hôm sau tôi phải đưa vợ đi sớm. Túp lều bên ao cá buồn heo hắt. Hàng cây tre, lối đi quanh ao trồng cây bạch đàn cao vút lao xao gió thổi. Căn chòi chúng tôi ở như căn chòi hoang. Ở bờ thềm có một tổ kiến, tôi còn kịp nhìn hàng

kiến tha mời về tổ. Tôi không nở di bàn chân lên đó. Không gian như đứng lại.

Tôi đèo xe đạp vợ tôi lên nhà bảo sanh quận Tân Bình. Trong khi chờ đợi khám, tôi mời vợ tôi tô hủ tíu và ly cà phê sữa. Tại quán cà phê tôi gặp anh nhà báo Đường Thiên Lý, xưa kia tôi cũng làm việc chung với anh tại một tòa báo. Hình như ngày nay anh còn tiếp tục hành nghề, nhưng cũng èo uột lắm. Sau giải phóng đời sống anh thảm hại, bị vợ bỏ, anh đi đạp xích lô. Trong nghề nghiệp mới này anh lại gặp một mối tình, rồi cũng nên vợ bên chồng. Anh hứa với tôi sẽ thông báo cho bạn bè. Tôi tin điều đó cũng được và không tin cũng chẳng sao.

Tôi lại phải chở vợ về nhà bảo sanh Hùng Vương vì dễ khó. Những đồng bạc ít ỏi của tôi vét bằng sạch, không thấm tháp gì với thủ tục nhập viện. Tôi lại lên đường hy vọng khi trở về có tiền, rồi suốt buổi trưa, buổi chiều. Mãi chiều tôi mới gặp được một người bạn tù cũ, anh Phạm Như Kiều. Hiện thời anh là kẻ có tiền. Tôi nói với anh, anh sẵn lòng giúp. Tôi nhớ rõ là hai ngàn rưỡi đồng bạc. Anh là người theo đạo Tin Lành, anh nói với giọng rất chân thành:

– Anh nhớ nhé, Chúa đã nói rằng làm việc thiện bằng tay mặt thì không cho tay trái biết.

Nhưng sau tôi biết đó là lời Chúa nói chứ không phải là lời của bạn tôi Phạm Như Kiều. Tôi khốn đốn vì nghĩa cử của bạn tôi không ít.

Tám giờ tối tôi chạy về nhà bảo sanh. Vợ tôi vẫn nằm trong phòng đợi sanh. Tôi hỏi tại sao lại chưa sanh được. Cô nữ hộ sinh cho biết đã gọi thân nhân của bà Trần Thị Thúy mấy lần. Bà Thúy cần phải chích thuốc dục sinh. Tôi cáu kỉnh:

– Tại sao lại không chích?

– Tại vì ông chưa đóng tiền, đóng tiền thuốc và công chích đỡ đẻ thì sinh ngay ấy mà. Chưa có tiền thì để đó đã. Nguyên tắc thôi.

Tôi đóng tiền xong, mười phút sau vợ tôi sanh. Một đứa con gái èo uột. Chắc chắn là suy dinh dưỡng ngay từ trong bụng mẹ. Tôi cúi xuống con, nhìn vợ nói: “Mình gọi nó là con Tép nhé!”

Nhờ có mũi thuốc chích dục sinh, con tôi mới được ra đời an toàn, tôi biết thêm được một điều ở nơi làm công việc nhân đạo này họ rất sòng phẳng về mặt tiền bạc. Thấm thía câu “thầy thuốc hư đồ tề”. Một câu vô cùng xỏ lá, phản ánh lòng nhân đạo hồi ấy trong chốn y tế.

Suốt thời gian vợ tôi nằm ở nhà bảo sanh, xảy ra mấy vụ trốn khỏi nhà đẻ. Lần nào người mẹ cũng bỏ lại con trốn đi người không. Tôi cũng chẳng hiểu người ta xử lý với những đứa trẻ bị bỏ rơi đó ra sao. Nhưng tôi vẫn nghĩ đến một lòng nhân đạo mà con người phải có. Hy vọng là thế! Nên tôi không thể khẳng định đó là điều tốt hay xấu cho những trẻ sơ sinh. Có thiếu chẳng là bầu sữa nóng của mẹ và tình mẫu tử. Biết đâu trên thân thể đứa trẻ sơ sinh đang yên ngủ hay o oe khóc đó không in lại rẫy nước mắt của người mẹ nó hay lưu lại ánh mắt đau buồn. Dù chị là gì, thế nào, nhưng chị cũng là con người. Một con người để ram con người.

Tôi đôn đáo đi tìm tiền, còn nôn nả hơn anh công an đi tróc nã tội phạm, để “chuộc” vợ con ra khỏi nhà bảo sanh. Ớn nghĩa cuộc đời bạn cho tôi, tôi không thể không nói bất cứ từ đâu đến. Cũng có lần nhận sự giúp đỡ của ai đó rồi mang họa vào thân, nhưng nào có quan trọng gì đâu.

Một buổi sáng tôi đang ngồi sửa xe, đang rầu rĩ thối ruột gan. Một anh ký giả trẻ tới bên tôi, anh chia mừng tôi mới có con, anh dúi vào tay tôi một nắm tiền:

– Anh Huỳnh Bá Thành nhờ tôi đưa giúp anh để lo cho cháu. Anh cứ nhận, không có điều kiện gì hết.

Tôi ngỡ ngàng, rồi tôi nhận, cảm ơn.

Người ký giả trẻ vội vã ra đi. Trong thiên hồi ký viết trên gác bút này tôi chưa ca tụng ai nhưng không thể không công nhận một con người Huỳnh Bá Thành. Tôi không khen cái tình con người của anh đối với riêng tôi mà anh từng đối xử với nhiều người khác dù không đứng chung về phía anh. Anh có một tấm lòng đáng quý. Đó là tình người. Tôi đã im lặng về chuyện này nhiều năm. Đến nay con bé Tép của tôi đã tám tuổi. Huỳnh Bá Thành đã chết ở tuổi 49 với bệnh nhồi máu cơ tim. Tôi không đi đưa đám anh, nhưng tôi nghe kể lại. Bà mẹ già của anh khóc lóc kêu lên rằng sao không để bà chết thay anh, vì nếu anh còn sống anh sẽ còn làm được nhiều việc tốt, Tôi nghĩ không ai hiểu con người bằng mẹ. Nhân cách của anh tồn tại. Tôi không có nhiều kỷ niệm với Huỳnh Bá Thành. Tôi chỉ nói về anh những điều ngắn gọn nhất.

Tôi đã đủ tiền để “chúc” vợ con tôi ra khỏi nhà bảo sanh Hùng Vương. Bệnh viện luôn luôn cảnh giác cao. Bảo bệ theo vợ chồng và đưa con sơ sinh của tôi bén gót đến tận quầy đóng tiền. Khi tôi đóng tiền xong, anh chị em bảo vệ mới thở phào nhẹ nhõm, họ hoàn tất công tác. Chúng tôi không ôm con chạy trốn hay ném con lại chạy thực mạng thoát thân như nhiều vụ đã xảy ra.

Tôi tự chở vợ con tôi trên chiếc xe đạp thồ, con đường hương lộ 14 xóc điên người. Tôi cứ đi, đi mãi cũng tới nhà. Túp lều ao cá phường 23 Tân Bình nằm heo hút trong xóm vắng, ngổn ngang mờ mả cải táng. Người ta đã đập sập cái nhà mồ, nơi vợ chồng anh bạn mù hát rong cư ngụ. Chẳng biết họ đi về đâu rồi.

Đêm đêm tôi vác gậy đi tuần quanh ao trong tiếng ếch ương kêu y uôm, tôi không còn nghe tiếng đàn Tây Ban Cầm dạo của anh mù và tiếng hát như mèo gào trong đêm của chị vợ dượt bài bản nữa. Tôi nghĩ ngày nào đó vợ chồng con cái tôi sẽ dời khỏi ao cá này. Lại tha phương cầu thực. Chốn này có một mái nhà nhưng không phải đất lành chim đậu.

Khi tôi viết trang hồi ký trên gác bút này thì trời đổ mưa. Sấm chớp ầm ầm một góc trời.

Gia đình nhỏ bé của tôi phải dời ao cá trong cảnh thảm hại. Khi đó bé Tép mới có tám tháng tuổi, hai vợ chồng tôi và một con chó con, con Lu. Chó Lu cũng sống với chúng tôi được tám năm mới chết. Tôi chôn nó dưới vườn, ngay căn gác bút của tôi nhìn xuống. Có lúc tưởng chừng nó còn quanh quẩn dưới chân tôi. Bây giờ thay vào nó là một bầy mèo. Mới đầu chỉ có một con, bây giờ chúng sinh sôi nảy nở thành một bầy. Chúng quanh quẩn chơi với ba đứa con của tôi và chơi với tôi. Có lúc nó nằm trên bàn viết xem tôi làm việc cả tiếng đồng hồ. Nó dụi cái mõm xinh xinh đáng yêu vào tay cầm bút của tôi, tôi buông bút vuốt ve nó và nói cũng lẫn thẩn với nó. Tôi thường có những lúc như thế. Thường là những lúc hứng khởi sau khi buồn chán.

Tôi phải viết về việc dời ao cá ra đi như thế nào nhỉ. Nói đúng ra tôi bị đuổi khỏi ao cá cấp kỳ, người ta không cho tôi trông coi ao cá nữa dù không công. Tôi bị kết tội là thiếu đạo đức, tên mang án phản động đang nguy trang nghèo đói sống lẫn lút trong nhân dân. Tội nào đối với tôi cũng đúng cả. Tôi đã bị người ta thuê côn đồ đánh đập cả hai vợ chồng. Phải đưa đi cấp cứu và tôi đã bị xử thua, hay không được nhắc đến nữa. Như hôm tôi bị đưa ra phường xử về mặt đạo đức do bà vợ cũ tôi thưa kiện vì tôi dám bỏ vợ vì bà ta chửi mẹ tôi là con đĩ già. Mụ phù thủy, quân đội quần. Tôi không chấp nhận cho bà vợ tôi hiện đang chung sống móc cái bào thai mang trong bụng vứt bỏ. Ngược lại tôi còn bảo vệ cái bào thai ấy để nó ra đời. Bé Tép suy dinh

dưỡng của tôi.

Tôi thua, cuối cùng thì thua ở những cái miệng có gang có thép, Chiếc xe đạp thò lại chở mẹ con nó ra đi. Chưa biết về đâu...

Hoàn cảnh này tôi làm vạ lây đến vợ con và con chó Lu. Tôi đang bị ném ra ngoài lề xã hội. Tất cả mọi người ngoảnh mặt với tôi. Nhưng tôi vẫn phải bỏ sức lao động ra kiếm sống. Roi vọt tới tấp vút xuống thân phận. Tôi tha hồ đỡ gạt rồi lì đòn, chịu nhận mình sai trái cho yên thân.

Tôi có một căn nhà ở ấp Đông Ba Gia Định, mua từ thuê đầu đời, nhưng tôi không được về đó và không được phép về do nhiều “lý do tế nhị” tôi không hiểu nổi. Vợ con tôi sống chui rúc ở một căn gác hẹp. Ngày ngày tôi đi thò gạo và buôn rượu lậu ở đất Gò Đen lên thành phố bán kiếm chút lương thực và kiếm rượu uống “nung chí anh hùng”.

Tôi đi từ sai lầm này đến sai lầm khác. Rồi đây tôi không biết mình trở thành cái giống gì. Hiện nay tôi đang ngồi viết hồi ký ở trên gác bút trong căn nhà xưa của tôi trong ấp Đông Ba vùng Gia Định xưa kia.

Chương 6

Thời gian bao cấp, quan liêu, cửa quyền đã qua chưa? Nhân dân đã đói khổ quá chừng. Những đợt người trốn đi nước ngoài, vượt biên bất chấp mọi hiểm nguy đã gần thời tàn lụi. Các cửa trại tiếp nhận người tị nạn trên các xứ tự do dần đóng cửa. Chủ nghĩa cộng sản trên xứ Liên Xô tan rã. Trung Quốc mở cửa đón nhận quốc tế đầu tư. Thời đại Hồng Vệ Binh khinh khủng của bà Giang Thanh lùi vào dĩ vãng. Một Trung Quốc mới ra đời. Việt Nam cũng tuyên bố mở cửa. Người ta tuyên bố và quay lại xỉ vả thời quan liêu bao cấp. Đó là việc làm của người ta, chẳng mấy ai quan tâm đến, Bộ luật hình sự được quốc hội phê chuẩn và ra đời. Sống có luật pháp hẳn hoi. Trường luật được phục hồi, nghĩa là mới thành lập đối với chế độ mới. Các luật sư thuộc chế độ cũ được hành nghề trở lại với điều kiện phải học lại và thi đậu. Tôi có một ông bạn là tiến sĩ công pháp quốc tế Đào Quang Huy từng làm chánh án, giáo sư dạy đại học luật. Nay ông muốn hành nghề luật của ông, ông phải đi thi lại. Ông thi trượt, trong khi vợ ông, chính là học trò của ông xưa kia lại thi đậu bằng luật sư và được hành nghề. Thân chủ của bà thật đông. Ông chồng thì ngồi chơi xơi nước cho đỡ buồn. Ông nghiên cứu luật giúp vợ.

Mở cửa rồi thì tới đổi mới, đến kinh tế thị trường. Người ta phải bon chen để sống. Nhiều vấn đề được đặt ra để phù hợp với nếp sống văn minh. Nhiều nhà giàu xuất hiện, không phải thuần vì biết làm kinh tế. Con số người giàu nghèo trong xã hội có sự chênh lệch rõ rệt. Đó là chuyện của người ta... Mỹ vẫn còn cấm vận Việt Nam. Việt Nam có một đồng minh bị Mỹ cấm vận hơi lâu là Cuba với đồng chí Fidel Castro. Hai nước xã hội chủ nghĩa anh em thi nhau xỉ vả để quốc Mỹ chơi xấu, chơi đều.

Trong thiên hồi ký này, ngay từ đầu tôi có ý nghĩ rằng chẳng nên bàn đến chuyện chính trị làm chi. Nhưng khi viết, nhất là viết hồi ký tôi thấy điều đó không đúng. Phải có tí chính trị, chế độ, cách cai trị con người mới đưa đến một xã hội. Một cách dẫn chuyện, tốt hay xấu, hay làm lẫn nó bày ra đó. Trên những thân phận con người. Một sự xuyên tạc nào cũng không có giá trị gì.

Sau ngày ở ao cá, vợ chồng con cái tôi thuê được một gác nhỏ ở vùng ngã ba Chú Ía, gần bệnh viện Cộng Hòa của quân đội xưa kia. Địa danh này trước kia nổi danh là một nơi dĩ điểm, chẳng tốt lành gì. Tôi phải chấp nhận một đời sống như thế vì mình quá nghèo chẳng biết mảnh mung chôm chĩa ai hết để có cái ăn cái ở khá hơn, cũng chẳng có tài cán kiếm ra nhiều tiền. Nghề viết lách thì cùn lệt, không hợp thời. Tôi gác bút làm thân con trâu kéo cày. Những phút

hứng khởi vẫn là chất men rượu nguy hiểm. Huênh hoang nói phét cho đỡ vã miệng. Nghĩa là tôi chẳng là cái thá gì hết. Trong nhiều năm nay tôi chẳng hiểu gì về tình hình thế giới. Tôi nghe phong thanh một số văn nghệ sĩ bạn đồng nghiệp của tôi, những người đã chạy thoát ra nước ngoài. Bây giờ họ lại hành nghề viết văn làm báo. Người ta mở nhà xuất bản. Họ có tiếng nói trong cộng đồng người Việt. Điều đó cũng tốt và tôi biết đời sống của họ cũng èo uột lắm. Những thế hệ con cháu họ lớn lên đã quên dần chữ Việt. Tôi cũng nghe nói một số sách vở, tiểu thuyết, truyện dài, truyện ngắn của các nhà văn cũ được in lại. Trong đó có tôi. Số sách của riêng tôi được in ra không dưới hai mươi bộ. Có những bài viết nói xấu có, nói tốt có, thương hại thân phận tôi còn ở lại Việt Nam sống cuộc đời vừa bất hạnh vừa đói rách cũng có. Ở tại đất nước này người ta quên tôi rồi và họ muốn quên luôn. Vậy mà ở nơi khác người ta còn nói đến tôi, nhắc rằng tôi vẫn còn hiện hữu. Có sao đâu. Tôi vẫn có một đời sống dù là đời sống thường xuyên đói rách. Một số bạn bè tôi, đồng nghiệp cũng có, không phải đồng nghiệp cũng có gửi “qua” về giúp đỡ tôi. Tiện đây tôi xin chân thành cảm ơn nghĩa cử ấy.

Rồi một hôm điều mà tôi không ngờ tới, có người tới gặp tôi. Một chủ nhà xuất bản mới toanh. Không đúng, một tay lái sách, nói một cách khác là “đầu nậu”. Anh ta không đủ tư cách là chủ một nhà xuất bản lấy giấy phép để được in ấn, mà chỉ mượn tên nhà xuất bản, xin chữ ký của giám đốc nhà xuất bản lấy giấy phép để được in ấn, kinh doanh chữ nghĩa kiếm lời. Nhà xuất bản tư nhân không có, cho đến bây giờ, khi tôi đang viết những hàng chữ này vẫn chưa có. Một cuốn sách được phép xuất bản, không phải chịu sự kiểm duyệt mà chịu qua chế độ biên tập. Nghĩa là những người có trình độ, đọc, toàn quyền sửa chữa, mới đệ lên ngài giám đốc ký. Lại thêm có ngài chịu trách nhiệm xuất bản. Không còn chế độ kiểm duyệt nữa, nhưng chặt chẽ, tưởng chừng như một chữ nhỏ bằng con kiến cũng không thể lọt được. Nếu chữ ấy có sai phạm hoặc ngài biên tập có thể đổi hẳn cả một đoạn văn khiến tác giả cũng phải ngỡ ngàng, nổi cáu vì bị xúc phạm. Nhưng chuyện cũng đã rồi. Tác giả luôn luôn là kẻ thấp cổ bé miệng. Đầu nậu, kẻ trực tiếp bỏ tiền ra in ấn và trả tác quyền cho tác giả. An ủi cho tác giả một câu:

– Chuyện bắt buộc thôi, nếu không biên tập như thế thì sách không ra được. Anh tính coi tôi bỏ vào đó bao nhiêu triệu bạc, chạy chọt giấy phép, chạy chọt biên tập. Đáng lẽ sách không được ra, cũng nhờ biết điều và khéo nói, nếu không, tiêu tùng rồi.

Có một giai thoại nói về nhà văn Nguyễn Tuân, đưa tác phẩm của mình cho nhà xuất bản. Đương nhiên là phải chịu sự biên tập. Nhà văn van vái ngài biên tập:

– Xin ông, ông đừng biên tập câu này của tôi. Tôi đã cân nhắc rất kỹ, tôi đã treo nó lên gõ kêu boong boong rồi mới ghép nó vào tác phẩm.

Nhà văn Nguyễn Tuân còn có dịp thừa chuyện với ngài biên tập. Còn những người hành nghề viết văn làm báo thì không có dịp. Nguyên tắc biên tập như thế, nhưng chưa phải thế! Còn tùy túi tiền nặng nhẹ, những châu bìa ôm, bìa lon của các đầu nậu mà linh động. Hàng loạt sách tiểu thuyết, bài báo không đúng chất lượng được tung ra thị trường. Rồi những vụ cãi chày cãi cối, tác giả bị “tố”, bị mời đi “làm việc”. Nhà xuất bản không chịu trách nhiệm, biên tập không nhận, cả đến ngài chịu trách nhiệm xuất bản cũng chẳng chịu luôn. Sách có lệnh tịch thu được bao nhiêu đã lọt đi hết rồi. Đầu nậu thì cứ vờ tiền. Tôi muốn nói đến cuốn truyện “Nổi Loạn” của Đào Hiếu. Thú thật tôi chẳng biết cuốn sách đó viết những gì, nói xấu cán bộ như thế nào? Nhưng um sùm lắm. Tác giả bỗng dưng được “phong thánh”.

Tôi gặp nhà văn Bảo Ninh, tác giả cuốn tiểu thuyết “Đằng sau cuộc chiến”. Anh là bộ đội phục viên, trở về viết văn. Tôi đã đọc cuốn tiểu thuyết này. Anh không hãi sợ khi cầm bút viết lại tất cả những gì mình biết vì đã tham dự cuộc chiến đó, cuộc chiến được coi như thần thánh. Anh không bồi nhọ mà nói lên sự thật. Thân phận những con người bị ném vào cuộc chiến. Tôi

không nói là xấu hay tốt mà là sự thật là nhân bản của con người. Anh bị lên án. Lên án thế nào, tôi tưởng chẳng nên nói nhiều. Như “Thiên đường mù” của Dương Thu Hương. Như “Tướng về hưu” và hàng loạt truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Họ từng là hội viên của Hội Nhà Văn Việt Nam, từng là đảng viên. Bây giờ họ trở thành người có tội vì nghề cầm bút của mình. Tôi nhận họ vừa là nhà văn chân chính vừa có tài, tôi nghĩ rằng họ không chỉ dừng lại ở đó. Tôi gặp Bảo Ninh thấy anh cấp chai rượu đế bên vách và rủ tôi đi nhậu. Tôi là một con sâu rượu, nhưng hôm đó tôi lại từ chối vì mắc chuyện cơm áo. Tiếc rằng từ đó tôi không còn lần nào gặp anh nữa.

Khi tôi viết đến những trang này, tôi được cảnh sát khu vực mời tôi lên phường làm việc với anh ninh thành vào hồi 8 giờ 30 sáng ngày 13-6-1997. Tôi không nhận được giấy mời mà chỉ là lời mời miệng, nói là để trao đổi. Tôi không biết trao đổi gì, thôi để những chuyện đó nói sau. Bây giờ tôi nói đến chuyện cầm bút lại đã. Vâng, tôi đã cầm bút lại như thế nào. Xin trả lời ngay rằng tôi không mấy thoải mái. Quả thật vắc cây bút này nặng ngàn cân.

Thời đổi mới, hàng loạt sách vở trước kia bị cấm đoán nay được tái bản. Những sách của Tự Lực Văn Đoàn được in lại hầu hết. Còn nhiều tác giả khác mà trước đây bị coi như đối lập với nhà nước, sách cũng được in lại. Một buổi chiều tôi được Nguyễn Thị Thụy Vũ, bà bạn đồng nghiệp mời đi nhậu với một số bạn bè. Lý do chị được đầu nậu trả cho chị bốn triệu đồng tác quyền mấy cuốn sách của chị. Họ trót tái bản mà không xin phép chị. Bữa nhậu xôm trò trong quán Tứ Hải đường Huỳnh Văn Bánh (Nguyễn Huỳnh Đức cũ). Tôi nhớ tiểu thuyết bữa hậu đó có mặt một số anh em nhà văn nhà báo cũ, bạn tôi, dĩ nhiên cũng có mặt cả những đầu nậu, cai đầu dài đầu ngắn. Giữ nhiệm vụ chủ chi để cho thêm phần long trọng.

Gần cuối bữa nhậu từ bàn bên cạnh, một thanh niên cao lớn, anh ta cỡ trung niên cầm một lon bia mở sẵn sang bàn chúng tôi, đến trước mặt tôi mời:

– Xin mời anh uống với em lon bia này.

Tôi ngỡ ngàng chưa nhận ra anh là ai, nhưng mặt thì có hao hao giống ai đó có thể quen biết, nhưng tôi không nhớ nổi. Anh bạn chưa quen biết đến gần tôi hơn;

– Xin mời anh, anh không nhận ra em là phải, khi viết những cuốn sách về xã hội đen ở Sài Gòn hồi đó em còn nhỏ quá, em là Bửu, em anh Sơn Đảo đây mà.

Sơn Đảo, một nhân vật có tiếng trong xã hội đen hồi đó, một tay “kỳ bèo” kiêm anh chị bự. Tôi đã từng gặp anh ta, nhưng chưa bao giờ viết về anh ta. Điều đơn giản vì tôi không biết chơi cờ bạc, một trong những thú đam mê của những tay chơi thời đó. Phải thú thực rằng vì nghề nghiệp nên món ăn chơi nào tôi cũng nhúng mũi vào, nhưng thực chất tôi là một anh nhà quê nên chẳng thạo một ngón nào hết. Có cái con hoàn toàn không biết. Hút sách, cờ bạc, nhậu đằm, làm du đãng hay anh chị, tôi mù tịt. Khi sáng tác, tôi tìm đến cảm nhận nhiều hơn hết. Chỉ đơn giản thế thôi. Tôi nhận lon bia mời của chú Bửu, uống ra cái vẻ một tay chơi, hảo hán lắm. Một anh hùng mặt vắn uống rượu tiêu sầu. Sau này nghĩ lại, tôi thấy mình như phượng tuồng. Chẳng cần ai chửi tôi mà chính tôi cũng đã chửi tôi rồi.

Ngày hôm sau, một anh đầu nậu đến nhà tôi, xin được ký kết với tôi cho phép tái bản một số tiểu thuyết do tôi là tác giả. Anh đầu nậu này hình như cũng là một nhà thơ, nhưng chưa dành được một chỗ đứng trên thi đàn, nên rất ít người biết đến. Nhưng anh có một bút hiệu rất... thơ. Lãng đãng mùi thiên... Tôi thú thật với anh rằng tôi chẳng giữ được một tác phẩm nào có thể hết. Anh nói điều đó không quan trọng, vì nghề của anh, anh có đầu mối để tìm ra. Nơi đó là Tổng Thư Viện, cần chút tiền bạc anh có thể lấy sách ở thư viện hoặc photocopy lại. Rồi đưa đi

biên tập, xin giấy phép tái bản. Hai ba bên đều có lợi. Đang nghèo rớt, nhà thì ở thuê ở mướn, đói thường xuyên, bây giờ bỗng dưng có tiền tại sao tôi lại không chấp nhận. Tôi mua được một căn nhà nát ở xóm lò muối xóm Gà Gia Định. Có tí tiền còn ăn xài, vợ con tôi đỡ khổ phần nào. Tôi cứ nghĩ rằng mình là người được cảm bút trở lại, tôi ngây thơ, một sự ngây thơ bẩm sinh, tôi nói là ngây thơ bẩm sinh chứ không phải là mẫn tính. Rồi tôi lại viết tiểu thuyết. Thời gian đó nhiệt độ ở thành phố nóng thường xuyên 39 đến 40 độ c. Tôi ngồi trên căn gác sát mái tôn nóng cháy người để sáng tác. Công việc lao động trí óc mệt mỏi thật. Nhưng tôi cũng cố gắng hoàn tất những tác phẩm hồi sau giải phóng (1975). Mọi chuyện không đơn giản như thế. Tác phẩm tôi viết được ra đời, nhưng lệch lạc, mặc dầu cũng đúng chính sách đó. Tác phẩm được biên tập kỹ lưỡng. Nhiều đoạn văn được thêm vào không phải do tôi viết. “Vợ một anh sĩ quan chế độ cũ bỗng nhiên tôi thấy là một cán bộ ở Đồng Tháp lên lấy sĩ quan với công tác nằm vùng.” Đại khái những chuyện như thế. Tôi thì chẳng biết gì đến những chuyện hoạt động ở bên kia của cách mạng. Đây là lời nói chân thật của tôi.

Anh đầu nậu an ủi tôi:

– Phải như thế sách mới ra được, anh thông cảm, tiền anh cũng đã lấy rồi.

Tôi há miệng mắc quai, và cũng đã nhiều lần mắc quai. Một mình tôi chịu đựng chẳng thể chia sẻ với ai được. Tôi như một nhà văn hành nghề không còn tự ái. Tôi quay ra viết truyện nhi đồng để không đụng chạm gì. Một nhà xuất bản kêu tôi lên, giám đốc nhà xuất bản đưa ra một đề nghị. Tôi đổi tên sách thì sách sẽ ra được. Tôi đành lấy một cái tên lạ hoắc, tôi chẳng biết đó là thằng cha nào.

Một lần khác nhà xuất bản in một cuốn tiểu thuyết về hình sự của tôi, tôi thấy tên tác giả không là tôi mà lại là tên khác. Tựa đề cũng thay đổi. Sáu tháng sau tôi biết mới đi đòi tiền nhuận bút. Anh đầu nậu trẻ trả tiền cho tôi như cho một thằng ăn xin. Hắn trả lời đốp chát vào mặt tôi:

– Tôi phải làm thế, tiền bạc của tôi bỏ biết bao nhiêu, in cho anh là phúc. Bây giờ người ta in sách khoa học kỹ thuật vi tính có ăn hơn chứ ai in tiểu thuyết đâu. Anh đừng nói chuyện văn nghệ với tôi vô ích.

Tôi là kẻ hết thời, khi đó tôi lại nghĩ đến lời khuyên của ông cậu tôi gần hai mươi năm về trước.

Sức khỏe tôi ngày một suy kiệt. Những công việc nặng nhọc tôi thực hiện không mấy hiệu quả. Sức vóc “trâu nước” của tôi giờ chỉ còn là sức vóc của một con bò sữa gầy nhom gặm cỏ cháy trong đồng hoang.

Anh bạn Trần Phong Giao, nguyên là tổng thư ký báo Văn xưa kia, nay cũng viết báo, giới thiệu tôi là cộng tác viên cho mấy tờ báo ở thành phố để tôi viết bài kiếm tiền...chợ. Chuyện có bài đăng báo mới ăn tiền nhuận bút. Tốt số lắm thì được tòa báo hỗ trợ cho phương tiện, giấy giới thiệu đến cơ quan này, cơ sở kia làm phóng sự.

Báo Công An Thành Phố khi tổng biên tập Huỳnh Bá Thành còn đương thời. Để giúp cho các cộng tác viên nhận công tác do tòa báo chỉ định, mỗi tháng tòa báo cấp cho 500.000 đồng gọi là tiền bồi dưỡng. Tôi nghĩ cũng làm này của Huỳnh Bá Thành chẳng phải do lòng tốt của Thành hoặc cảm tình riêng mà chính là một việc làm có hiệu quả, hiệu quả tốt đẹp là đằng khác cho nghề làm báo. Sẽ tránh được hẳn tình trạng phe phái mà tôi thấy xảy ra ở nhiều tòa báo hiện nay. Trong đời làm báo của tôi, tôi thấy rất ít trường hợp người lãnh đạo tờ báo có những quyết định sáng suốt như vậy. Ở thành phố và có thể ở khắp toàn quốc chỉ duy nhất có một tờ báo là tờ Công An Thành Phố có được quyết định như vậy. Tờ Công An Thành Phố là tờ báo

bán chạy nhất Việt Nam. Từ một tờ báo phát hành nội bộ trở thành một tờ báo có uy tín nhất, được độc giả mến chuộng nhất. Nói đến công an, tâm lý chung của tất cả mọi người dân đều kinh sợ. Thế mà báo Công An lại được ưa chuộng đúng là tỷ lệ ngược. Sự chân thật đáng quý là dường nào. Chỉ tiếc rằng sau khi Huỳnh Bá Thành mất đi, những cộng tác viên không còn được coi trọng nữa, số tiền bồi dưỡng bị cúp, tờ báo vẫn bán chạy vì sẵn có uy tín, nhưng chất ngọt ngào tình cảm của độc giả hình như cũng có kém, Bao nhiêu là bài báo viết ca tụng lòng tốt của Huỳnh Bá Thành, nhưng chỉ là những bài ca tụng suông mà thôi. Rồi thấp nhang, rồi đi ăn giỗ. Rất là đúng với lễ nghi loài người văn minh. Tôi xin miễn bình luận dài dòng.

Đời sống của tôi lại trở lại nguyên vẹn con người cùng quần nghèo túng đôi khi liêu lĩnh. Tôi và vợ trở lại nghề buôn thúng bán bưng để kiếm tiền độ nhật. Chúng tôi phải nuôi hai đứa con tuổi còn măng sữa và sắp có đứa con thứ ba. Tôi vẫn rượu chè hư hỏng, và một lần ngã bệnh suýt chết. Tôi bị tai biến mạch máu não. Khi đưa đi cấp cứu hầu như sắp hôn mê bất tỉnh. Tôi nhớ một số bạn bè tôi đã toi mạng vì bệnh này sau khi nằm liệt giường suốt ba năm trời, bán thân bất toại, tay chân run rẩy, nói năng ngọng nghịu khó khăn. Như chủ nhiệm báo Con Ong, Minh Vồ, như nhà thơ Ninh Chữ, một số bạn bè khác nữa. Bố tôi cũng chết bất đắc kỳ tử vì đứt mạch máu não. Còn tôi, tôi thoát chết khỏi căn bệnh hiểm nghèo như được phép lạ. Tôi chấm dứt ngay những bữa nhậu nhẹt, thuốc thang cũng chỉ đại khái thôi, tôi tập luyện và có chế ăn uống cho mình, rất là đạm bạc, vì không đạm bạc cũng chẳng lấy đâu ra mà ăn uống tẩm bổ. Ít ra những cơn nghèo túng đối với tôi cũng có ích phần nào. Nó làm tôi tủi nhưng chính nó cũng đã cứu sống tôi.

Tôi nói những cơn nghèo đói, túng thiếu khiến tôi trở thành liêu lĩnh, chẳng biết sợ là gì. Tôi bán căn nhà nát ở xóm Lò Muối, kéo rốc hết vợ con về căn nhà cũ của tôi, do tôi mua và gây dựng từ thuở thiếu thời. Tại căn nhà nay tôi đã bị cắt hộ khẩu. Tôi đang xin lại và đã cả chục lần hồ sơ tôi được gửi đi rồi trả lại. Hết cơ quan này hướng dẫn đến cơ quan khác, rốt cuộc tôi vẫn là kẻ sống bất hợp pháp trên ngôi nhà chính tôi làm chủ. Tôi sẵn sàng chờ đợi một sự bất bớ, nếu xảy ra cho tôi. Tôi bình tĩnh lắm, tôi tự đánh giá tôi như thế. Tôi lì lợm như con trâu.

Cuối cùng tôi có tấm hộ khẩu tạm và chứng minh thư tạm. Con người tôi hoàn toàn là tạm. Tạm trú, sống tạm trên cõi đời này. Tạm thời... Tạm tạm mà thôi. Không phải con người thật của tôi. Như hồn ma bóng quế.

Rồi tôi chán, tôi thầy kệ. Những đứa con tôi lớn dần lên, qua những lớp học nhà trẻ. Năm nay chúng đã ở những lớp tiểu học nhờ vào hộ khẩu của mẹ chúng, nếu không, chúng đã không được đi học. Chúng trở thành những đứa trẻ thất học vì gia đình chúng không có hộ khẩu. Tôi không biết đó là sự may mắn hay điều nguy hiểm dành cho một gia đình không có hộ khẩu vì lý do gì đó không được cấp. Chính tôi là chủ căn nhà này, chính tôi đã được cấp hộ khẩu tại căn nhà này rồi bị cắt sau khi bị bắt. Tôi xin lại và cho đến bây giờ cũng không được cấp phát. Tôi chán, đâm lì ra muốn đến đâu thì đến. Tôi không còn quan tâm nữa. Tôi leo lên căn gác xưa cũ, sửa chữa lại sơ sài, có chút tiện nghi. Giậm mình ở đó, trên căn gác bút, viết lách, làm gì mình thích. Đó là khoảng trời tự do bé nhỏ của tôi.

Ở chỗ này tôi có một bàn viết thô sơ tự đóng lấy, nhìn ra cửa sổ. Tôi có một bao lon nhìn xuống vườn chùa Huệ Nghiêm. Có những người hàng xóm lâu năm từ khi tôi còn niên thiếu. Hàng xóm người miền Bắc có, miền Nam có. Người từng là lính Cộng Hòa, người là Việt Cộng năm vùng. Tất cả đều lâu năm và là người Việt Nam như tôi. Dù có người đã đi xa, trở lại xóm xưa với tính cách là Việt kiều nhưng vẫn thấm đượm tình xóm giềng Việt Nam. Đàn bà già cả tặng quà nhau bằng lọ dầu xanh Con Ó sản xuất tại Hoa Kỳ. Đàn ông con trai tặng nhau gói thuốc lá cũng xong, mời nhau bữa nhậu bia lon.

Nhiều chục năm nay dân xóm tôi nghe chung tiếng chuông chùa Huệ Nghiêm, nghe chung những bài kinh. Có thể đêm khuya, có thể lúc sáng sớm tinh mơ.

Đêm trăng sáng tôi đứng trên bao lơn gác bút nhìn xuống vườn chùa cây lá mướt mát ánh trăng. Tâm hồn tôi được thư giãn.

Tôi ngồi trước bàn viết, cầm lên cây bút và tôi biết mình làm gì trước trang giấy. Ngoài cửa sổ trăng sáng trên những mái nhà tôn.

Chương 7

Cái số của tôi “đi đến đâu chết trâu chết bò đến đó”. Mẹ tôi thường nói với tôi như thế.

Tôi trở lại căn nhà xưa, đang yên lành, bỗng nhiên có lệnh giải tỏa, để làm gì đó tôi không được biết, có thể vì chuyện chỉnh trang đô thị cho thành phố văn minh sạch đẹp hơn, Cũng có thể bán lại cho ngoại quốc làm hãng xưởng gì đó. Chỉ là đoán già đoán non, không ai được biết. Điều duy nhất được biết, không phải mình tôi mà cả những người hàng xóm được lệnh rằng không được sửa chữa nhà cửa, không được nhượng hay mua bán để chờ nhà nước giải tỏa. Nhà nào chưa hợp thức hóa sẽ không được hợp thức hóa. Dù là đất của ông cha để lại cho con cháu ở. Thời gian giải tỏa không được biết, và cũng không được biết giá cả đền bù là bao nhiêu.

Nhà tôi và mọi nhà trong xóm đã chờ đợi sự giải tỏa này năm năm nay. Từ khi đứa con út của tôi được một tuổi và đến nay cháu vào lớp một. Nhà chúng tôi xuống cấp trầm trọng, có những nhà khác trong xóm cứ tự ý sửa chữa và xây cất, không xin xỏ giấy phép, vì xin cũng chẳng được mà vào chốn cửa quan biết bao nhiêu phiền hà. Thà là chịu phạt, thà không nhận bồi thường khi nhà bị giải tỏa. Họ là con người, họ tự bảo vệ nhu cầu sống của họ.

Năm năm qua rồi, nhà của có thể vẫn chưa bị giải tỏa. Hồi đầu năm nay (1997) một lần nữa ban Chính Trang Đô Thị lại đo đạc nhà cửa trong xóm, có nhà tôi. Họ không trả lời bất cứ một câu hỏi nào của nhân dân đặt ra. Thành ra không có vấn đề “an cư lạc nghiệp”. Đời sống bấp bênh, không tính toán được trước một chuyện gì. Tới đâu hay tới đó. Tôi tính làm đến chuyện kinh tế gia đình nuôi con gà con vịt cũng không dám thực hiện. Thời tiết thất thường này, gà có thể chết toi hàng loạt, kinh nghiệm này tôi đã trải qua có năm đến mùa mưa ngâu tháng bảy ta, gà tôi nuôi bị chết cả loạt, ăn thịt không kịp phải vứt bỏ. Vốn liếng bỏ ra nuôi gà phút chốc tiêu tưng. Điều tôi ghi vào tập hồi ký này chỉ là nét chấm phá đơn sơ trong một bức tranh vĩ đại thời buổi kinh tế thị trường. Điều này đã nhiều người nói đến và viết trên báo chí. Nhiều lời bình luận có đụng chạm, tôi không rõ vì người viết có ngồi bút dưng cảm hay được chỉ thị viết như thế. Xin miễn bình luận hoặc đoán già đoán non.

Cửa sổ bàn viết của tôi nhìn chính hướng Đông. Buổi tối tôi thường đi ngủ sớm, hai ba giờ sáng thức giấc, bật đèn bàn viết lên, ngồi vào bàn. Pha một ấm trà ngồi cho đến sáng bạch. Tôi viết, trải tâm sự mình lên trang giấy. Những điều viết ra chẳng giúp gì được cho thu nhập kinh tế gia đình tôi. Nhưng tôi thoải mái như trả dần được một món nợ. Tôi nói là một phần nợ nhỏ, một phần nào cho kẻ kẻ trót mang dĩ nghiệp vào thân. Món nợ vĩ đại của nhà văn mà suốt đời, cho đến khi nhắm mắt cũng chưa trả hết, vì đời sống mãi vây quanh, chất liệu quá sức dồi dào. Lúc nào cũng muốn viết và có cảm tưởng mình mắc nợ nó nếu chưa viết được nó lên giấy hay chưa viết đủ. “Hồi không thể viết trên gác bút” của tôi ở trong tình trạng ấy, dù tôi chỉ giới hạn trong một khoảng thời gian trên dưới hai mươi năm.

Những sự kiện, những kỷ niệm ví như nắm mọc tự do trong cánh rừng nguyên sinh, mà kẻ đi hái nắm hái hoài không hết. Trong đó có nhiều loại nắm, nắm độc, nắm lành và có thể có cả

nắm... Linh Chi ngàn năm vô cùng quý giá.

Tôi buông bút, uống một tách trà nóng, hút thuốc. Hướng Đông đã rạng hồng. Gió thổi rì rào trong lá cây. Tiếng chim hót sau vườn chùa. Một đôi chim nhỏ nhảy nhót trên cành, tôi không biết chúng tên loại chim gì nhưng tiếng hót cực hay mỗi sáng đều đón chào bình minh bằng tiếng hót của mình. Trên những mái tôn còn đọng sương đêm, lóng lánh phản chiếu ánh mặt trời thật đẹp. Tôi chỉ nói là nó thật đẹp chẳng ví von chúng như những hạt kim cương làm gì để tránh sáo ngữ. Tập hồi ký này viết xong, tôi xếp lại, để ở đáy rương, như những tác phẩm khác tôi đã hoàn thành.

Trước Tết năm kia, một kỷ niệm nhỏ thôi, tôi để thăm nhạc sĩ Lê Thương ở đường Bùi Viện. Người nhạc sĩ tài hoa, tác giả Hòn Vọng Phu, một trường ca vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Mà tôi và nhiều thế hệ đã hát, tôi hát từ thuở còn thơ ấu. Khi tôi thăm anh, anh đã già lắm rồi, 84 tuổi. Anh tiếp tôi ở nhà khách, cũng là cửa tiệm tạp hóa của gia đình. Một cửa tiệm tạp hóa nghèo nàn. Anh cho biết anh đã ở ngôi nhà này 40 năm, hiện giờ chẳng có một sự trợ giúp nào ngoài vợ con. Trong lúc hàn huyên, tôi cho anh biết Hòn Vọng Phu, biểu tượng của bản trường ca của anh nay đã sập đổ. Anh ngỡ ngàng, rồi nước mắt của anh chảy trên gò má già nua. Giọng anh thều thào:

– Thật sao? Tật vậy sao? Từ lâu tôi không theo dõi một thông tin nào.

Đôi vai anh rung lên trong chiếc ghế bành mây cũ kỹ. Rồi qua năm sau, tôi nghe tin anh mất. Tôi nhớ mãi câu anh nói với tôi:

– Có chứ, sau Hòn Vọng Phu tôi vẫn làm nhạc. Tôi để trong rương, tôi chẳng là gì hết, Việt Nam đã làm nên tất cả. Nhờ có đất nước quê hương ta, người nghệ sĩ mới có cảm hứng. Thiên sứ, việc làm của thiên sứ.

Một sự khiêm nhường của một nghệ sĩ tài danh đáng quý làm sao. Trong những kỷ niệm trong đời tôi đã gặp nhiều trường hợp như vậy. Sao tôi ghi hoài không hết.

Những tia nắng đầu tiên rọi qua cửa sổ trải trên những trang viết đêm qua. Có vài ba con muỗi chết trên đó. Những vệt máu trên trang giấy trắng, có thể do chính tôi đi nó chết, mà máu ai đó? Chắc chắn muỗi không có máu. Dòng suy nghĩ của tôi lẩn thẩn, có lẽ vì tuổi già.

Tôi nhìn lên tờ lịch trên tường. Lại sắp hết một năm. Để tạm kết cho thiên hồi ký này, tôi ghi lại ngày giỗ ông Chu Tử, ngày 30-4-1975. Nếu không ghi lại quả là một thiếu sót của tôi. Năm vừa qua và vài ba năm trước tôi đi ăn giỗ ông Chu không được vào ngày 30-4 Dương lịch. Điều dễ hiểu là ngày 30-4-1975 đúng là ngày 19 tháng 3 Âm lịch. Ông Chu đã tử nạn trên tàu chạy loạn được thủy táng ở cửa biển Cần Giờ. Anh em nhớ ngày 30-4 hàng năm đến nhà vợ chồng Đăng Giao-Chu Vị Thủy ăn giỗ anh. Sau này vợ chồng Thủy đề nghị giỗ anh theo ngày Âm lịch. Anh em thông cảm, vì sợ được đội nhiều kiệu “mũ” mà chẳng ai muốn. “Tránh voi chẳng xấu mặt nào”. Hình như tất cả những người anh em còn lại đều có chung ý nghĩ ấy nên chẳng ai xì xề về ngày giỗ anh Chu xài ngày Tây hay ngày Ta. Thấp lên bàn thờ một nén nhang cho anh Chu. Nghĩ đến nhau là quý dù thân hay sơ. Buổi giỗ anh Chu năm nay anh em lại ngồi với nhau. Vắng bóng nhiều anh em cũ, lý do lớp đi nước ngoài, lớp vắng mặt trên thế gian, hay nói cách khác Chúa đã thu hồi hộ chiếu, nhưng lại có mặt nhiều anh em khác nhưng đều có liên quan với nhau trên mặt tình cảm nghề nghiệp từ hơn hai mươi năm trước. Tất cả đều đã biết nhau cùng tay bắt mặt mừng vì lâu không có dịp gặp nhau. Ô sao trông cậu già thế! Nay cậu trẻ ra, suýt nữa thì không nhận ra. Năm nay từ nước ngoài về có anh Lê Văn Vũ Bắc Tiến, ông chủ nhà sách Khai Trí. Tôi là người ít tuổi nhất thì cũng đã sáu mươi. Anh em nói nhanh thật như

một cái chớp mắt. Hai mươi hai năm qua cái vèo. Kể còn người mất, người ở xa, người bệnh hoạn. Anh em mình từng tiễn nhau lên đường, từng ôm nhau trong tù, từng tiễn nhau xuống mồ hay lên giàn thiêu, Năm nay giỗ ông Chu, thiếu mặt nhà thơ chua Tú Kếu, lý do chính đáng là anh ta mắc bệnh quên. Bệnh quên nặng không còn nhớ gì hết, tiếng Tây gọi là bệnh Alzheimer. Thậm chí không còn biết mình là ai. Gia đình anh phải đưa anh lên Bảo Lộc dưỡng bệnh. Anh ta không điên mà mất trí nhớ. Trong bữa giỗ năm nay, anh em mang đến nhiều rượu Tây quý giá. Riêng tôi không uống một giọt rượu. Anh em hỏi lý do tại sao tôi không uống rượu, bia cũng không uống, lý do rắc rối một tí là rượu đã làm hại sức khỏe tôi, làm tôi mang tiếng mang tai cũng đã nhiều, bị coi thường, bị khinh miệt là kẻ bê tha. Tôi không muốn thế, tôi muốn làm việc, đền bù vào những năm tháng tôi lỡ bỏ phí. Một cuộc “đi thực tế” vô cùng quý giá cho một nhà văn. Tôi không muốn phụ lòng bất cứ ai, Già đầu bạc một thời hư hỏng rồi mới biết ăn năn. Nhưng tôi nghĩ cũng chưa muộn.

Sau những câu chuyện trong ngày giỗ ông Chu, rượu và mời đã no nê. Anh em đến lúc chia tay nhau. Chủ nhà xin với anh em đừng hẹn gặp nhau vào năm sau, vì chẳng biết thế nào mà hẹn. Tuổi anh em đều ngồi sẵn sàng trên “giàn phóng”. Bấm nút bay vèo, người đi trước kẻ theo sau. Thành ra không nên “đến hẹn lại lên”. Quả đúng vậy, sau bữa giỗ ông Chu ít lâu, Xuyên Sơn, anh bạn ký giả anh em chúng tôi, vĩnh viễn xa bạn bè. Chúng tôi chỉ ngậm ngùi nghĩ đến bạn.

Người tôi đêm nay sao mệt mỏi thế, nhưng tôi vẫn chưa muốn buông bút. Đã từ lâu năm tôi biết mình có tật khi ngồi vào bàn viết không muốn phải đứng dậy ngay. Tôi có cái đam mê khi mình ngồi viết, viết những gì thích viết mới được. Khi trẻ tôi còn ham chơi, nhưng nay đã già, cái bàn trên gác bút này lại làm tôi thú vị khi ngồi ở đó.

Tôi đã hoàn tất tập hồi ký, căn gác bút của tôi chưa bị giạt sập. Tôi mãn nguyện, tôi đã làm việc xong trước thời hạn mà do chính tôi đặt ra cho mình.

Tôi chỉ còn một điều cần nói xin đừng ai nghĩ tập hồi ký viết trên gác bút của tôi là những lời than phiền riêng cho thân phận tôi. Tôi chẳng đáng gì đâu.

Lại một đêm nữa sắp qua đi. Tôi vẫn còn ngồi vững trước bàn viết. Tay tôi còn cầm bút chưa gác lên giá.

Miền Nam Việt Nam mùa nước lũ

NGUYỄN THỤY LONG

Đổng gạch

Chiếc xe nhà binh lúi sất vào rào dây thép gai. Thùng xe sau nâng cao, dốc ngược. Những phiến gạch cũ từ thùng xe đổ xuống rào rào, bụi hồng bốc lên mù mịt.

Người tài xế điều khiển cho thùng xe hạ xuống bình thường, đoạn lái xe ra đường, phóng thẳng về phía cổng đồn.

Buổi sáng cuối đông, sương mù còn phủ mờ trên bầu trời trắng đục.

Tiếng kèn chào cờ từ phía đồn vọng lại. Lá cờ tam tài từ từ kéo lên, phát phới trên nóc lô cốt. Bụi gạch hồng lúc này đã dịu xuống và sương mù cũng tan dần.

Tôi vén tay áo lên xem đồng hồ, tám giờ kém mười, đi dạy học là vừa.

Tôi gọi hàng bún riêu trả tiền bữa ăn sáng rồi cấp cạp ra ngoài. Tôi quán thêm một vòng khăn len quanh cổ, kéo cái khệch mơ tụy áo bờ lu đông cho giỏ lạnh khỏi lùa vào người.

Tôi mới về đây ngồi dạy học được hơn tháng nay. Một thị trấn nhỏ thuộc quyền kiểm soát của quân đội viễn chinh Pháp, vùng Tề, nhưng cũng là vùng xôi đậu. Nổi tiếng có nhiều Việt Minh trà trộn. Không đêm nào tôi không nghe tiếng súng đại liên nổ giòn ở phía đồn lính. Thịnh thoảng vài căn nhà trong làng bị đạn lạc bốc cháy. Buổi sáng hôm sau tôi nghe tiếng khóc của đàn bà, trẻ con có thân nhân bị chết. Cảnh đó diễn ra rất thường, nên chỉ trong vòng mười ngày tôi quen, coi như chuyện đương nhiên trong thời buổi chiến tranh.

Giá như những lúc khác tôi đã nhớ Hà Nội và khao khát về đó. Nhưng tôi đang muốn đi cho khuất mắt, bất cứ nơi nào, miễn là không phải nhìn lại Hà Nội. Tôi nhờ một người bạn xin giấy tờ cho tôi vào Nam. Sài Gòn có lẽ đối với tôi dễ chịu hơn. Tôi chưa thấy Sài Gòn bao giờ, nhưng tôi nghe nói đẹp lắm, người dân lại hiền hòa chân thật. Tôi chán ngấy Hà Nội, Hà Nội gắn liền với hình ảnh người yêu tôi nay đã thuộc về người khác, nên tôi nhất quyết xa lánh và quên đi. Trong khi chờ đợi tôi xuống đáy dạy học qua ngày.

Những ngọn gió lạnh buốt xương từ thượng Lào thổi sang làm mùa đông năm nay lạnh hơn bao giờ hết. Suốt ngày trời u ám, ngoài giờ dạy học tôi la cà trong những hàng bán rượu lẻ nhấm rượu quên sầu. Những cô gái bán quán ở đây xấu kinh khủng, phần đông lấy Tây đen gạch mặt làm chỗ dựa. Họ cũng phần sấp lùa là, cũng hách dịch ra về bà, nhưng tôi thấy có một vẻ gì kịch cớm, con đười vẫn hoàn con đười.

Có thể tôi quá khó tính, quá khịch trong tùh trạng hiện tại của xứ sở. Chiến tranh dai dẳng, chán ngấy, tôi không theo phe nào, đứng ngoài nhìn vào như một kẻ bàng quan. Tôi dừng dưng và cố tránh sao cho khỏi bị lôi kéo vào cuộc chiến phi lý giữa hai khối Thực Dân và Cộng Sản.

Ở vùng Pháp chiếm đóng, tôi trốn lính, thân kệ sự đe dọa thường xuyên của họ. Tôi chại lý trước mọi lời tuyên truyền yêu nước, tự do no ấm của phe Cộng mang danh nghĩa kháng chiến. Bao nhiêu là hồn tử sĩ gió ù ù thổi, mặt chinh phu trắng giời giời soi. Chết lúc này thật vô lý, tôi phải bảo vệ từ ngón chân đến ngón tay.

Kẽm gai không thể làm xước da tôi, nói chi đến chuyện ôm bom ba càng. Nghĩa là tôi ích kỷ, tôi sống cho mình hoàn toàn, chẳng có tí ti lý tưởng nào. Thất tình đau khổ, tôi bỏ Hà Nội đi biệt tăm, chờ một chuyến đi xa. Xuống đây tôi bị chiến tranh vây quanh.

Có thể một ngày nào đó chính tôi là nạn nhân không chừng? Mạng người như con ngoé, nếu phải chết như vậy thì vô lý quá Tôi chẳng là cái quái gì hết, nhưng cần sống, sống qua cuộc chiến này.

Cái nhìn của tôi chạm vào đồng gạch bên đường, đồng gạch đó cao ngất. Nhưng chỉ qua một đêm, sáng hôm sau tôi thấy hết nhẵn.

Chiếc xe nhà binh GMC quen thuộc lại đến đồ đồng gạch khác. Tôi vẫn thắc mắc về đồng gạch đó, không lẽ lính viễn chinh và lính liên hiệp Pháp ăn gạch thay bánh mì, cơm. ý tưởng dí dỏm đó làm tôi mỉm cười một mình.

Tôi đến lớp học hơi muộn, nhìn xuống đám học trò có vài ngoe mà chán. Chúng lăm lét nhìn tôi, cái nhìn vừa ngu độn vừa sợ sệt.

Tôi lật sổ điểm gọi một đứa lên đọc bài. Nó lễ phép trình cuốn vở bản lem nhem, đứng khoanh tay, mắt lăm lét nhìn xuống những ngón chân bết bùn khô cứng. Tôi không buồn giờ vở ra xem nữa, nói cọc lốc:

- Đọc bài!

Tên học trò tăng háng, như lên dây đàn cò, ê a chán mới rần ra được một câu: "Nước Việt Nam a... a... Nước Việt Nam a... a..." Nó nhắc đi nhắc lại mãi điệp khúc đó như một cái hát mồn kim, tôi gắt:

- Nước Việt Nam làm sao?

Tên học trò bần lên, rồi không biết tại sao nó bật Nước Việt Nam hình cong như chữ "ét si", chia làm ba miền: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt. Phía bắc giáp Trung Hoa, phía đông giáp biển Nam Hải, phía nam giáp mũi Cà Mau, phía tây a... a... giáp nước Tày...

Tôi đập cái thịnh xuống bàn:

- Láo, thuộc bài không?

Tên học trò mặt tái mét, trời lạnh mà mồ hôi nó toát ra trán, nó cuống lên:

- Nước Việt Nam sống bằng nghề làm ruộng và có bốn ngàn năm văn hiến.

Lần này tôi nổi nóng thật sự, tôi vụt cho cu cậu ba cái thước kẻ:

- Cút, dê rô!

Lũ học trò ngồi dưới cười ồ, tên đọc bài sợ bị phạt năn nỉ:

- Thầy cho con đọc lại.

- Không hôm nào tao thấy mày thuộc bài hết, tại sao?

Tên học trò vẫn sợ sệt tìm cách chống chế.

- Dạ, đêm qua Việt Minh vào làng thu thóc nên con không học được, tảng sáng vừa giờ sách ra thì Tây đồn càn, con sợ quá trốn xuống hầm.

Lý do chính đáng quá, tôi nhún vai gập cuốn sổ điểm:

- Thế thì học hành quái gì nữa.

Tôi nhìn xuống đám học trò ngồi co ro:

- Tụi bay nên về cày ruộng còn có ích hơn, hoặc đi lính cho Tây hoặc theo Việt Minh ôm bom ba càng. Rồi tôi thấy mình không được bổ nhiệm vụ của nhà mô phạm nên hỏi một lần nữa cho yên tâm:

- Đứa nào thuộc bài?

Không bàn tay nào giơ lên. Tôi lật cuốn Việt Sử cho học trò chép và cầm cuốn sách đi xuống hàng ghế học trò:

- Hôm nay thầy dạy các em bài Trịnh Nguyễn phân tranh. Đó là thời kỳ đen tối nhất của nước ta, nội chiến kéo dài cả trăm năm. Các vua chúa phong kiến tham quyền cố vị, vì quyền lợi riêng ru nên dân tình khổ sở.

Ngoài Bắc có chúa Trịnh, trong Nam có chúa Nguyễn. Cả hai xưng hùng xưng bá mỗi người một phương. Gian thần lộng hành, tham quan ô lại những nhiễu dân tình ngoài phủ huyện. Ngoài Bắc có loạn Tam Phủ, Kiều Bình. Trong Nam, thừa tướng Trương Phúc Loan chuyên quyền làm nhiều điều tàn bạo khiến dân tình đồ thán...

Tôi đang nói thao thao bõng nghe một tiếng nói nhỏ ở bàn học trò:

- Mình sắp học đến hoàng đế Quang Trung rồi.

Tôi ngừng lời quay lại:

- Dân tình khổ sở thì phải có minh quân ra đời. Nhưng danh tướng có mấy ai sống đến bạc đầu. Số mạng nước mình phải chịu điều nghiệt ngã, một tiểu nhược quốc hẩm hiu thay... Chúng ta có bốn ngàn năm lập quốc viết sử toàn bằng máu, nhưng chúng ta đã hưởng được gì? Mọi bất hạnh đều trút lên đầu lên cổ dân tộc nhỏ bé này. Nhưng tôi nói thế, tôi không muốn các em nhiễm tư tưởng yếm thế, phó mặc. Chúng ta đi tìm, chờ đợi thời cơ. Theo lẽ tuần hoàn của trời đất thì hết suy phải đến thịnh. Dù là cái thịnh ngắn ngủi, nhưng chính nó là nguồn sống cho dân tộc này vươn lên và trở nên bất diệt..

Tôi đi đi lại lại quanh lớp học, ngẩng nhìn lên mái ngói xiêu vẹo, nhìn đám học trò lem luốc, tôi ngậm ngùi.

Giọng tôi thấp xuống, trở thành lời tâm sự, dù chúng không hiểu gì:

- Tôi chán cái cuộc chiến này, tôi thú thật với các em như thế. Không phải tôi không yêu nước, mà vì tôi chỉ muốn không đổ máu vô lý cho bất kỳ chủ nghĩa nào. Với thứ chiến tranh phi chính nghĩa đó tôi có quyền đứng ngoài mà không xấu hổ chút nào. Tôi có quyền nói với các em điều đó, vì tôi từng vác súng lên rừng kháng chiến sốt rét đến vàng da. Tôi không chịu được sự phỉnh phờ lừa bịp, bọn thực dân Pháp với chiêu bài tự do, quốc gia cũng không hơn gì... Tôi quay ra ngoài trời u ám. Lớp học im phẳng phắc, đến nỗi tôi nghe thấy cả tiếng lá bàng rụng ngoài sân.

Phía trước cửa lớp học có một cây bàng trụi lá giơ những cành khô cong queo in lên nền trời trắng đục. Một nóc tháp chuông nhà thờ vươn cao, chóp đỉnh có cây thánh giá mảnh mai, phía sau là lô cốt, ngọn cờ tam tài bay phấp phới. Tôi nghe xa xa tiếng đại bác nổ âm vang về. Tiếng chuông nhà thờ thường rung lên bất thường trong đêm sau hồi súng bên thanh nổ phía cầu. Tôi hoang mang về những hồi chuông đó không kém gì hoang mang về chuyện đồng gạch vơi lại đầy mỗi ngày.

Tôi quay nhìn vào lớp học, giở sách, nói:

- Thôi các em chép bài đi?

Tôi giở tấm điện tín của Uyên ra xem lại:

- "Về Hải Phòng ngay stop giấy tờ đã xong stop đã lấy vé tàu thủy".

Việc trước tiên là tôi thu dọn hành lý, chẳng có gì ngoài va ly quần áo và ít sách vở. Xong, tôi tới thanh toán tiền nong với nhà trọ. Tôi phải tới trường học nói chuyện với ông hiệu trưởng tìm người khác thay thế tôi và nhân thẻ lấy nốt số tiền còn lại. Tuy chúng đáng bao nhiêu, nhưng cũng giúp tôi thanh toán nỗi tiền xe, tiền ăn đường từ đây về Hải Phòng.

Ông hiệu trưởng tiếp tôi ở phòng khách. Hương trà tươi thơm, chất làm người tôi tỉnh táo. Buổi sáng cuối đông trời lạnh lạ lùng. Ông hiệu trưởng ngồi thu tay trong bọc. Trông dáng dấp nhỏ bé của ông, tôi bỗng thấy tội nghiệp. Ông nhìn tôi hấp háy sau cặp kính trắng, giọng được nói lại bằng sợi dây thép:

- Vậy thầy nhất định đi sáng nay đây phỏng?

Tôi đặt ly trà xuống bàn:

- Dạ phải!

Ông kéo chiếc điều bát đến gần, châm lửa hít một hơi thuốc lào, nhả khói mù mịt:

- Đường từ đây về đến Hải Phòng cũng nguy hiểm lắm đấy, tụi Vem giệt mìn luôn xoành xoạch, hôm rồi có một đoàn công voa Táy bị phục kích chết ráo. Chỉ khổ cái thằng dân cứ đưa lưng ra mà chịu. Cha bố cái chiến tranh, khổ ọi là khổ, thời buổi làm ăn gì cũng khó. May bà nhà tôi còn buôn bán, chứ không cứ gọi là chết đói. Cái trường của tôi chỉ kiếm đủ tiền hút thuốc lào, học trò cóđâu mà dạy. Cũng phải đến dẹp thôi, lớp học tôi làm chuồng bò, chuồng lợn, sân trường rào lại nuôi gà.

Tôi ngồi nói chuyện với ông hiệu trưởng khá lâu đểchờ bà vợ ông đi chợ về mới có tiền. Khi tiễn tôi ra cửa, ông nắm chặt tay tôi nói lời chí tình:

- Thầy đi chắc chẳng bao giờ còn trở lại chốn quê mùa này. Vào Nam nếu thầy làm ăn khem khá thì viết thư cho tôi, tôi cũng vào. Xưa kia các cụ mình cứ bỏ xứ đi là điều nhục nhã, nhưng ngày nay khác phải không thầy?

Tôi nhìn ra lớp học, lũ trò nhỏ thập thò ở cửa lớp nhìn tôi. Nhìn chúng, tôi thấy lòng mình se lại, chẳng gì tôi cũng để lại đây ít nhiều kỷ niệm. Tôi giơ tay lên vẫy chúng:

- Thầy đi các em nhé!

Chúng nhao nhao chào tôi và chúc tôi lên đường bình an. Tâm hồn chúng mộc mạc ngu đần, dạy chúng nhiều khi tôi tức uất vì sự ngu dốt của chúng, nhưng nghĩ lại tôi thấy thương chúng nhiều hơn là ghét bỏ. Tôi nói với ông hiệu trưởng:

- Chưa biết bao giờ tôi mới trở lại đây, có lẽ phải hết chiến tranh.

Ông hiệu trưởng dường như còn quyến luyến nên tiễn tôi ra tận cổng:

- Chúc thầy lên đường bình an, hai giờ chiều có chuyến xe lên Phòng đấy, thầy liệu thu xếp thì giờ kéo trễ.

Tiếc là hôm nay thầy đi gấp quá không kịp mời thầy bữa cơm xoành.

Tôi buông tay ông hiệu trưởng:

- Cám ơn cụ, thôi cụ vào đi, cho tôi gửi lời chào cụ bà, hai cụ đối với tôi như vậy là qui hóa lắm rồi. Tôi men theo cánh đồng, qua cầu rồi tới thị trấn.

Con sông ở đây rộng, nước chảy xiết, uốn khúc vòng vèo tới một miền xa thẳm nào đó. Suất ngày trên cầu có lính gác, hai bên bờ sông rào kẽm gai, dân chúng vùng này không được phép lai vãng gần bờ, không một con thuyền nào qua lại ngoài mấy chiếc tàu tuần tiểu của quânđội viễn chinh. Cầu trước kia xây bằng xi măng, nhưng hồi mới kháng chiến Việt Minh phá xập. Bây giờ công binh Pháp làm lại bằng sắt và những tấm ván ghép. Điềuđặc biệt nhất là cầu chỉ có một bên tay vịn. Nhiều hôm đi qua cầu, tôi nhìn xuống dòng nước cuộn cuộn mà thấy rợn cả người, chóng mặt lao đao.

Tôi tới thị trấn khoảng trưa, trời bớt lạnh, cảm thấyđói nên rẽ vào hàng cơm. Tôi ngồi ăn, vô anh lại nhìn rađồng gạch cao nghêu.

Tôi thắc mắc về đồng gạch cả tháng rồi. Hay là quân viễn chinh xây thêm một đồn nào đó. Tôi tò mò hỏi vài người ở đây lâu năm, họ trả lời không biết. Có người khuyên tôi đừng tò mò, không nghe và không thấy là tốt hơn hết.

Hai giờ trưa, hành lý tôi sẵn sàng. Chiếc xe hàng ngừng lại.

Tôi lên xe, thị trấn lùi lại phía sau, đồng gạch khuất bên một khúc rẽ. Giá từ. Tôi nói thầm. Bây giờ thì hết thắc mắc, tôi nghĩ đến Hải Phòng, con tàu biển đưa tôi ra vịnh Hạ Long, men theo hải phận rẽ sóng tiến về phương Nam.

Tôi tưởng tượng đến Sài Gòn hoa lệ, hòn ngọc ViễnĐông, những cánh đồng lúa vàng cò bay thẳng cánh, những chàng công tử Bạc Liêu hào hoa phong nhã nức tiếng phong lưu mà tôi nghe đồn đại, những nàng con gái Cần Thơ, da trắng như ngà, mắt bồ câu, hơi thở thơm mùi nước dừa. Tôi tưởng tượng về miền Nam đủ thứ trong giấc ngủ lơ mơ.

Cửa kính xe đóng kín, nhưng tôi vẫn run lên vì lạnh. Hành khách ngồi trong xe phần nhiều là đàn bà nhà quê, họ có vẻ yên phận chịu đựng. Có những xe nhà binh chởđầy lính chạy ngược lại, người tài xế phải lái xe dạt vào bên đường. Anh ta luôn miệng cầu nhàu vì đường xấu, ổ gà, ổ trâu.

Trời về chiều, xe hàng xọc xạch cố mở hết ga để kịp đến nơi an toàn. Xe đang chạy bỗng một chiếc xe nhà binh chạy ngược chiều ra hiệu cho ngưng lại. Hành khách trong xe nhao nhao bàn tán:

- Chắc khám giấy?

Không, hình như có chuyện gì xảy ra phía trước.

Xe nhà binh ngưng lại, người lính Việt nhảy xuống, nói chõ vào trong xe hàng:

- Không đi được đâu, xe trước mới bị mìn chết vô khối.

Nói xong anh ta nhảy búa lên xe, xe nhà binh đi ngược trở lại. Anh tài xế thở phào:

Thôi ngủ lại ở đây đêm nay vậy, chỉ còn hai chục cây số nữa là đến Phòng. Thật tội vạ...

Mấy người đàn bà hình như quen thuộc với cảnh này nên chỉ than thở qua loa, lẩy lẹ rồi tìm chỗ nằm ngả lưng.

Trời xúp tối, tôi mang cơm nắm ra ăn đỡ dạ. Ngồi mãi trên xe cũng chán, tôi leo xuống tìm chỗ đi tiêu. Người lơ xe dặn:

- Nhớ đừng đi xa, quanh quần ở đây thôi.

Tôi gạt đầu, đi xuống bờ ruộng cách xe hàng không quá trăm thước. Sau khi đi tiêu xong, tôi toan trở lại xe, bỗng có bóng người trong bóng tối nhô ra:

- Ai, đứng lại!

Một cảm giác kinh hoàng chạy dọc sống lưng.

Tôi run run giơ tay lên, qui lát đạn xoành xoạch. Không phải Việt Minh, một tiểu đội hỗn hợp vừa lính Tây, lính ta. Người lính cầm súng ngấn đến bên tôi lục soát khắp người:

- Mày ở đâu ra?

Tôi ở xe hàng kia, tôi đi tiêu!

Thình lình một báng súng nện hự vào ngực tôi:

- Nói láo, mày là Việt Minh phải không?

- Dạ không, tôi lên Hải Phòng, tôi cõ đủ giấy tờ.

Thằng lính ta quay lại nói nhỏ những gì đó với thằng chỉ huy Tây, rõ ràng tôi nghe gã chỉ huy nói tha tôi tôi khắp khởi mừng.

Nhưng gã lính Việt quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi. Trong bóng tối nhá nhem tôi nhìn thấy đôi mắt gã long lanh:

- Quan bảo đưa mày về đồn điều tra!

Tôi há miệng cãi:

- Quan nói tha tôi rồi!

Gã động thêm một báng súng nữa vào ngực tôi:

- á à mày biết tiếng Tây phải không? Mày lại dám giỏi hơn cả ông nữa kia à! Mày khinh ông thì mày chết con ạ! Tôi bị đập ngã khụy. Gã lính Việt ra lệnh cho hai tên lính khác tới xốc nách tôi. Chúng trói nghiến tôi lại nhét giẻ vào họng, bịt mắt:

- Mang nó ra xe! Cái đồ lên giọng học thức đó thì cho chết!

Tôi hoàn toàn không trông thấy gì, bước đi chênh choạng trên đất ruộng khô nứt, đi một quãng khá xa. Hai thằng lính luôn mồm càu nhàu:

- Có đi hẳn hoi không, ông lại động thêm cho mấy báng súng nữa bây giờ.

Lần này thì chết thật rồi, họ không để cho tôi giải thích một câu. Những hình ảnh loáng thoáng chạy qua đầu tôi rất nhanh. Mộng đi Nam tiêu tan, nhưng tôi vẫn còn hy vọng, may ra về đồn, tôi được phép giải thích. Tôi có cảm giác mình bị nhấc bổng, ném vào một thùng xe lúc nhúc những con người, hình như họ cũng bị bịt mắt. bịt miệng và trói giạt cánh khuỷu như tôi. Tôi ngửi thấy mùi hôi hám của những chiếc áo nâu lâu ngày không giặt, mùi bùn đất, tai nghe tiếng thở phì phò, mệt nhọc.

Xe chuyển bánh, giật ngã chúng tôi, những người đồng cảnh ngộ không quen, không kêu ca. Xe chạy băng băng, bất kể ổ gà đường xóc, chúng tôi bị nhồi, bị tung lên, dập xuống, thân thể tôi đau nhức. Tôi không biết xe đưa chúng tôi đi đâu, tai nghe tiếng gió ù ù và mặt se lại vì lạnh. Số phận tôi sẽ ra sao, điều đó không thể biết được. Thời buổi này mạng người như cỏ rác, phe nào cũng có thể giết người. Tôi buồn vì mình thành nạn nhân một cách phi lý. Những ý

nghĩ lan man trong đầu tôi, những hình ảnh gần nhất lần lượt hiện ra. Xe đi chậm lại, hình như rẽ vào một nơi nào đó đông người.

Chúng tôi được móc giẻ trong miệng ra, xuống xe, tháo băng mắt. Bên trong một đồn lính, chúng tôi bị dồn vào một góc.

Tôi nhìn quanh, đồng bào tôi tất cả. Họ run sợ nhìn những người lính cầm súng rồi nhìn nhau:

- Đây là đâu?

Tất cả đều lắc đầu, lúc này tôi thấy mình cần phải thừa thốt. Tôi gọi người lính:

- Ông ơi, cho tôi thừa chuyện.

Người lính đi lại:

- Mà muốn gì?

- Tôi muốn gặp ông xếp để thừa chuyện tôi bị bắt oan.

Tên lính thuận tay giáng liền một báng súng vào miệng tôi:

- Hồn, quan nào thêm nói chuyện với mày, cầm miệng ngay, ông thì đánh học máu mày ra.

Tôi ngồi im thúc thủ, lúc này tôi mới nhận ra mình không có quyền làm người. Tôi nhìn lên lô cốt, ánh đèn pha quét thủng màn đêm âm u. Chiếc đồng hồ vẫn đeo ở tay tôi, kim dạ quang chỉ đúng ba giờ sáng. Đám đông quanh tôi thì thảo luận:

- Nó làm gì mình nhỉ?

- Ai biết, hồi chiều chúng bị phục kích chết mấy đứa, chúng bắt mình làm con tin. Cùng lắm là giết bọn mình chứ gì. Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết, tội cái thằng dân, sống với Việt Minh cũng khổ, về Tề cũng khôn nạn. Chết là rảnh, tôi chả sợ gì, chỉ lo cho vợ con.

Anh chàng cao gầy, có vẻ cán bộ Việt Minh thừa dịp tuyên truyền:

- Nhân dân ta thà chết vinh hơn sống nhục, đảng và nhà nước ghi công anh hùng liệt sĩ. Không có sự dã man tàn bạo của thực dân Pháp thì...

Tôi nổi giận, ném một câu cộc cằn vào mặt gã:

- Câm mẹ nó cái mõm thối của mày lại, chúng mày chỉ được cái họng...

Đám đông gần kề cái chết nhao nhao hưởng ứng lời nói của tôi. Tên cán bộ im bật ngồi một xó. Tôi bực mình vì mình bị chết quá sớm, bị chết mà chưa được hưởng hết tuổi trẻ.

Cái rét cuối đông làm chúng tôi ngồi co rúm lại với nhau, đến năm sáu chục người chớ không ít. Tiếng xe tăng mở máy rầm rầm. làm chúng tôi choàng tỉnh, mở mắt thật to nhìn. Xe tăng ra ngoài cổng đồn, tiếng máy xa dần.

Một lát sau những người lính gác thúc chúng tôi đứng lên:

- A lê? Dậy! Đến giờ rồi!

Một chiếc xe nhà binh khác mở máy. Chúng tôi bị dồn lên thùng xe.

- Chúng mang mình đi đâu nữa đây?

Một người nào đó nói nhỏ vào tai tôi:

- Chúng bắt mình đi đắp đường, may ra chuyến này mình được thả về.

Nghe xong câu nói, lòng tôi nhóm lên một tia hy vọng. Anh chàng đó nói cũng có lý. Xe chạy ra ngoài cổng đồn, trong bóng tối mờ mờ tôi nhận ra lần lần nơi ở quen thuộc mà tôi mới bỏ đi lúc hai giờ chiều. Vậy ra mình lại bị tụi chúng đưa về nơi cũ, nóc chuồng nhà thờ thị trấn, các hàng ăn và đường phố lầy lội. ánh đèn pha trên lô cốt quét từng vệt dài vào bóng tối. Sao lại đồng gạch?

Người lính ra lệnh cho chúng tôi xuống xe, gã hét:

- Mỗi đứa lượm sáu cục gạch!

Sao lại chỉ có sáu cục gạch? Tôi tự hỏi. Chắc chắn những người khác cũng cùng một ý tưởng như tôi. Tất cả đều thi hành theo mệnh lệnh. Xong xuôi chúng tôi bị giơ đi. Đồng gạch hết nhẵn, có người thiếu phải xin thêm bạn đồng cảnh một hai cục. Có lẽ đắp đường thật.

Tôi khư khư ôm sáu cục gạch. Nhưng tôi vẫn thắc mắc, sao chỉ có sáu cục gạch? Chúng tôi bị giơ đến chân cầu thì dừng lại, bị lừa vào một đám:

- Tất cả đủ gạch chứ?

- Dạ đủ!

Một người lính khác phát cho mỗi người năm cái túi bao cát, bắt chia gạch bỏ vào trong đó, bốn túi bốn cục và một túi hai cục. Mọi người nhìn nhau ngờ ngác, không ai hiểu gì, nhưng vẫn phải thi hành lệnh. Người lính giục:

- Mau lên

Chúng tôi răm rắp làm theo lệnh, đeo túi gạch hai cục vào cổ, tứ chi bốn cục. Tôi nghe dưới chân cầu nước xoáy âm âm.

Tôi chợt hiểu, hoảng hốt la lên:

-Tôi oan các quan ơi!

Cả bọn hình như cũng vỡ lẽ ra, họ kêu rầm rĩ:

- Lạy các quan tha cho con, con còn mẹ già vợ đại con nhỏ. Trăm lạy ngàn lạy các quan.

Những chiếc bóng súng đập như tưới lên mình mấy chúng tôi. Tôi nhìn thấy chiếc xe tăng đậu sừng sững giữa cầu, khẩu đại liên trên tháp xe đen ngòm chĩa xuống. Túi bao cát đựng gạch treo lủng lẳng trên cổ tứ chi tôi. Chúng tôi bị dẫn từng tốp mười người ra đứng ở cầu, lưng quay ra sông, phía không có tay vịn. Lúc này chúng tôi không còn kêu ca nữa. Vô ích, chúng nó sắp sửa làm thịt chúng tôi. Tôi lấy làm lạ khi gần kề cái chết mình lại trở nên bình tĩnh lạ lùng. Có lẽ những nạn nhân kia cũng đồng tửtướng như tôi. Hình ảnh dĩ vãng hiện ra trong đầu rất rõ và rất nhanh.

Người lính bắn súng liên thanh từ pháo tháp xe tang nhảy nhanh xuống, bước cồm cộp qua mặt chúng tôi, tiếng giầy đinh sắc đanh buốt óc. Hắn tới lục soát, móc trong túi các nạn nhân bất cứ thứ gì có thể lấy được thòndầy vào hai túi quần "trây di".

Mồ hôi tôi toát ra lấm tẩm trên trán, tôi không run lên vì lạnh mà vì sợ, tôi sắp lìa cõi thế, tôi không theo đạo nàođể có bài kinh đọc lúc lâm chung. Dưới chân cầu nước xoáy âm âm. Ai có thể ngờ được tôi chết một cách nhục nhã như thế này. Ông hiệu trưởng chắc đã ngủ say và yên chí tôi đến Hải Phòng từ hồi chiều. Còn Khanh, nàngđang nghĩ gì, đang mơ thấy gì chắc chắn không còn nhớđến tôi. Trời lạnh này, đệm chần ấm áp. Hà Nội! Hải Phòng! Sài Gòn! Tôi nghĩ đến tên các thành phố mà lòng bỗng sốt sa. Bên tai tôi văng vẳng tiếng học trò đọc bài: "Nước Việt Nam hình cong như chữ S. chia ra làm ba miền: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt..."

Nước mắt tôi chảy ràn rụa trên má, tôi cúi đầu nhìn xuống chân mình.

Gã bắn súng liên thanh đi tới, tiếng giầy gõ cồm cộp trên ván cầu khô khan, nặng nề. Tiếng động đó xoáy cuộn cuộn trong đầu tôi như tiếng sóng. Chỉ còn một cơ hội chót, tôi nói liệu dẫu có phải ăn thêm hai ba cái bóng súng trước khi chết:

- Tôi còn chiếc đồng hồ vàng, ông tháo giùm, tôi là thầy giáo ở thị trấn này, chiều nay đi lên Hải Phòng, chẳng may bị các ông bắt lầm...

Gã bắn súng liên thanh đứng dừng lại, bàn tay hộ pháp của hắn nâng mặt tôi lên, nhìn:

- Thật không? à, à! Tôi nhận ra rồi, anh dạy trường làng.

Tôi cũng nhận ra hắn, hắn vẫn thường đến quán uống rượu với lũ Tây gạch mặt. Có một lần hắn cụng ly với tôi và nhờ tôi dạy đứa nhỏ con của mẹ nhân tình hắn. Hắn cười, kéo thốc tôi ra:

- Anh mà không nói, tôi đâu có biết, đứng đó để tôi xét lại trường hợp anh. Nhanh nhàu cái mồm như thế là may đấy. Thấy tôi được tha, đám nạn nhân lại nhao nhao:

- Lạy quan tha cho con, con oan.

Gã cai đội bắn súng liên thanh không đếm xỉa đến những lời xin xỏ đó. Gã leo lên ổ súng máy ngồi dạng háng. Hắn còn ngoái cổ xuống nói với tôi:

Anh nhờ lính cời gạch ra cho, muốn chết chìm à?

Tiếng đạn nổ giòn đĩnh tai nhức óc. Tôi nghe thấy những tiếng thét ghê rợn, tiếng xác người rơi xuống sông lồm bồm, tiếng sóng vỗ vào mạn gằm cầu và mùi khói súng khét lẹt.

Tôi nhắm nghiền mắt cho đến khi tiếng súng ngưng. Tiếng gã bắn súng liên thanh hét to:

- Xong rồi, về!

Gã nhảy xuống xe, xoa tay khoan khoái:

- Chết mát mẻ nhé! A men!

Tên lính đi theo chiếu đèn pin xuống chân cầu, chạy lại báo cáo:

- Thừa xếp chìm hết!

- ừ phải chìm chứ, nổi thế chớ nào được? Thôi rút!

Lúc đó tiếng chuông nhà thờ bỗng nhiên đổ hồi.

Gã bắn súng liên thanh gầm lên:

- Đéo tai quá, mai tao phải mang súng ra bắn xập cái gác chuông mới được. Bảo bao nhiêu lần rồi mà cái ông cố đạo đó không nghe. Tim tôi còn đập thình thịch, gã bắn súng liên thanh kéo thốc tôi lên xe:

- Sợ không?

Tôi gật đầu, khi đi qua đồng gạch tôi nói:

- Bây giờ tôi hiểu tại sao đồng gạch lại vui đây.

Gã nhìn tôi đe dọa:

- Muốn sống thì câm họng!

Tôi đã câm họng suốt mười lăm năm nay. Bây giờ tôi mới nói ra điều đó. Nói cho tất cả mọi người biết đồng gạch tại sao vui lại đây. Bao nhiêu sông ngòi Việt Nam còn giấu bao nhiêu bí ẩn.

Tất cả những dòng sông chảy ra biển cả.

Ngày xưa

Mưa bụi từ trời cao rắc xuống.

Tôi khoác chiếc áo mưa trắng, đầu để trần, bụi nước mưa làm mát mặt.

Ngõ hẻm sâu hun hút, tối đen, không lẽ điện lại tắt suốt đêm nay. Không lẽ một cột điện Danhim nào lại bị phá hoại? Tổ cha quân phá hoại, tôi chửi thề. Tôi đang về nhà, mò mẫm trong đêm hôm khuya khoắt.

Thuốc lá không còn một điếu, tôi vò nát bao không ném ở đầu hẻm. Tôi thêm một hơi khói. Nếu có thể thì một điếu thuốc lao cũng đủ say đê mê. Chỉ còn một quãng ngắn nữa tôi về đến nhà, sẽ được hưởng thú vị đó

Đường đất gập ghềnh trơn trượt, tối thui, thỉnh thoảng tôi lại bước lằm xuống một vũng nước. Tôi chửi thề.

Gã phu xích lô đạp nhất định không chịu đưa tôi vào ngõ hẻm:

- Thầy hiểu cho, tôi không thể vô tròng.

- Tại sao?

Đường tối khó đi, vả lại nguy hiểm cho tôi.

- Ai làm gì anh mà nguy hiểm?

- Bộ thầy không thấy báo đăng du đảng lợi dụng đường tối cướp của giết người đó sao?

Tôi nhìn chiếc nón rúm ró trên đầu hắn, chiếc áo xanh rách xả vai, chiếc quần đùi để hở cả "củ quí" ra yên xe.

- Anh còn có c. . c. gì nữa mà lộ?

Hắn cười nhe hàm răng chiếc còn chiếc mắt:

- Dạ còn chứ, thẻ căn cước bọc lát tích và năm chục bạc lẻ. Du đảng hồi này trốn lính nên ưa làm ầu, mười đồng nó cũng lộ đó thầy. Thẻ căn cước thì nó lộ hình liệng đi dán hình nó vô, ba chóp ba nháng xài tạm được rồi.

Tôi phải lần mò đi vào một mình.

Có thể lắm chứ, anh xích lô nói có lý, một vài tên du đảng đói nào đó đang rình mò quanh đầu đây. Nó sẽ bước ra chặn lối, trong tay có một lưới lê nhọn hoắt, dí vào bụng tôi:

- Người anh em, qua là du đảng đây, lột cho qua mượn tạm chiếc đồng hồ, hà, có tiền hôn? Tết, tốt, cám ơn, thôi yên trí về nhà nghe.

Nghĩ đến điều đó, tôi vừa tức vừa sợ. Tôi thọc tay vào túi quần tìm bật lửa Zippo cầm tay. Tôi hoạch định ngay một đòn giang hồ chống cự trả miếng. Tưởng tượng ra tôi là một tay cự phách, đánh chúng bò lê bò càng. Nhưng đó chỉ là tưởng tượng

Đường vẫn vắng tanh vắng ngắt. Tôi không mong gặp du đảng để thử lửa, có thể gặp trực trặc trong khi thi hành kế hoạch chớ. Nếu bọn du đảng có súng đứng xa tôi khạc bậy một viên vào bụng. Chính tôi là kẻ nằm xuống.

Tôi bước hụt xuống một vũng nước suýt ngã. Màn mưa và bóng tối làm nổi bật những cây thập tự giá ở nghĩa địa ngay sát đường, những cây thập tự giá quét vôi trắng. Cỏ ở đó mọc cao che gần kín những ngôi mộ xây, chỉ còn những cây thập tự vươn cao, như những oan hồn mặc áo liệm trắng đứng dang tay. Tiếng gió buồn trong cỏ sắc cùng với tiếng mưa rơi tạo thành thứ âm thanh rì rào, tiếng côn trùng hòa nhịp buồn bã.

Tôi bước thấp bước cao, nước bắn tung toé làm ướt cả vớ trong giày. Tôi chửi thầm luôn miệng. Tôi tránh nhìn ra nghĩa địa, nhưng tầm mắt tôi không thể quá thu hẹp. Tôi bỗng thấy rờn rợn sau gáy.

- Gì đó?

Tôi quay phát lại.

Chẳng có gì hết, cổ áo mưa lạnh chạm vào gáy tôi đó thôi. Thần hồn nát thần tính.

Tuy chẳng có gì nhưng tôi vẫn thấy rờn rợn. Phải, tôi đã nghe chuyện đó rồi.

Trong đêm mưa gió sục sùi, bỗng nhiên có một người con gái mặc áo đen từ đâu đi lại. Nàng đẹp nảo nề, nàng khóc lóc và nói, rồi nàng nhấc chiếc đầu ra khỏi cổ xách lưng lẳng đi vào nghĩa địa, cái đầu vẫn than khóc. Ghê thấy mẹ, tôi rợn cả người. Tôi muốn chạy, nhưng tôi lại không chạy, hồn ma có thể đuổi theo như quỷ nhập tràng. Tôi tự nhủ không nghĩ đến chuyện đó nữa.

Tôi thở phào vì đã ra khỏi con đường trong vòng đai nghĩa địa. Tôi ngoặt vào một con đường nhỏ hơn, tối hơn, gồ ghề hơn.

Hai bên đường tre mọc kín, gió làm những thân tre cọ vào nhau nghe cọt két, cọt kẹt. Gió thốc tháo trong lòng hẻm sâu.

Tôi nghe tiếng giày mình đập bình bịch trên nền đất. Bên cạnh con đường nhỏ có một cái hào dài, chạy suốt nước từ trên cao đổ dồn xuống chảy ồ ồ. Tôi quen thuộc với con hào này nên không sợ sa xuống hào.

Tôi cẩn thận đi men theo bờ tre. Tôi nghe rõ hơn tiếng cọt két. Nếu lúc này bỗng dưng có một thân tre ngã rạp xuống. Tôi không biết mình sẽ đứng lại hay bước qua. Nếu tôi bước qua, cây tre sẽ bật lên hất văng tôi lên cao như một cây pháo thăng thiên. Có chuyện đó được không? Tôi tự hỏi.

Một người lớn tuổi một lần ngồi ở quán chú Lì đã nói chuyện.

Cách đây gần hai chục năm, những đêm mưa dầm, người ta thường thấy lưng lẳng trên ngọn tre những chiếc đầu lâu còn nhỏ máu... Chúng há hốc miệng cười như nắc nẻ.

Tôi nghiêng chặt răng, dừng nghĩ quần. Tôi mạnh dạn hơn, mắt nhìn thẳng. Chỉ có tiếng gió đẩy thôi. Không, không phải tiếng gió. Tiếng người. Một câu hát, kéo dài như rên xiết:

- như chim li..ê..ê..n... cánh...như... cây... l..i..ê..ê n... c..à..à..nh..

Tôi đứng dừng lại, nấp bên cạnh một mô đất, nín thở, hồi hộp. Tiếng bước chân chệch choạng của người nào đó bước gần lại phía tôi.

Miệng hần vẫn líu lo hát, líu lo nổi lồi như giọng phường tuồng:

- Có nghe chẳng trăm vạn hồng binh rồi cũng trôi theo thời gian... Mộng bá vương... ha ha... Mộng bá vương còn trơ nơi cổ mộ... nực cười thay chuyện thế thái hơn tình...

Người đàn ông đi tới, hần chệch choạng bước. Tôi thở phào, ra khỏi chỗ nấp. Màn áo mưa tôi khoác trắng lôm lốp.

Hần đột nhiên đứng xững lại. Hần lùi, hai tay giơ lên trời, chơi vơi:

- ối đừng, con lạy ngài.. ối! ối?

Hần ngã tòm xuống hào nước. Bàn tay hần cố gắng bấu lấy chỗ vịn trên bờ đất trơn, nước xoáy giằng co với thân thể hần.

Tôi nhảy đến, túm cổ áo hắn lôi lên, hắn không ngớt kêu oan:

- Lậy ngài... con có nói gì đâu.

- Không tôi đây mà, tôi là người.

Hắn co rút như con tôm, mặt giấu vào hai cánh tay:

- Con có nói bậy đâu, lậy ngài?

Tôi bật sáng hộp quẹt, ánh lửa bập bùng, hắn từ từ buông tay, một khuôn mặt già, nhăn nheo, đôi mắt lơ đãng có những tia máu đỏ. Hắn mở to mắt nhìn ngọn lửa, uể oải đứng dậy. Hắn nhìn tôi không nói.

Tôi đẩy nắp hộp quẹt, lửa tắt.

Từ hơi thở lão già bốc ra mùi rượu nồng nặc.

Lão lại ề ề:

- Như chim l..i..ê...ền...cánh... nhúc..ô..y.. l..i..ề..ri cành...

Lão tập tễnh đi, cách tôi chừng ba bước, dừng lại có vẻ nghe ngóng. Đột nhiên quay lại phía tôi, lão đưa tay che miệng thì thào:

- Này, mày có nghe thấy gì không?

Tôi lắng nghe, lắc đầu:

- Có gì đâu?

- Có, tiếng loa!

Tôi lắng tai nghe lại, lắc đầu nữa:

- Chẳng có gì hết, tôi không thấy gì.

Đồ diếc rõ ràng có tiếng loa. Tiếng loa nói như vầy tên Việt gian Nguyễn Văn Khôn là kẻ đại gian đại ác. Để xây dựng cách mạng, nhân dân tuyên án chặt đầu kẻ phản bội dân tộc... Nghe thấy không, ở ngay dưới ruộng kia..

Tôi lắc đầu, nắm bả vai lão, đẩy đi:

- Thôi bác về đi, khuya rồi.

Lão đứng trầm ngâm, nói với vát:

- Đêm nào cũng vậy, tao nghe thấy hoài, từ hai mươi năm nay chúng nói hoài câu đó.

Nói xong lão bỏ đi. Lão bị ám ảnh vì một chuyện gì đó. Lão lại ngheu ngao hát. Tôi đứng ngẩn ngơ một lát.

Tôi thở phào cũng quay lưng đi, thầm nghĩ bằng tiếng thở ra: Ôi dào, bõm nhậu hơi sức đâu...

Mưa nặng hạt dần. Ngõ hẻm tối đen, gió thổi ào ạt làm cây cối la đà. Đâu đó có tiếng chó tru...

Tiếng cầu kinh, tiếng mưa rơi rỉ rả. Ngần ấy âm thanh hòa hợp nhau nhịp nhàng buồn nản. Hình như có nhiều ông sư cùng xướng lên một lượt. âm thanh đó từ phía sau nhà tôi vọng lên.

Tôi nằm yên, đêm tối đen. Tôi đoán ngôi chùa phía sau nhà chắc có mở một đàn chay nào đó. Tôi liền hình dung ra những vị sư mặc áo vàng, nối đuôi nhau vừa đi vừa niệm Phật. Người đi đầu cầm cái thanh la nhịp nhàng gõ, người thứ hai điểm nhịp bằng tiếng mõ. Họ cứ nối nhau đi quanh như thế suốt đêm, dưới ánh hồng lạp âm u từ chánh điện rọi xuống. Bóng họ khi chập vào nhau, khi dang xa, phóng lớn rồi loãng như sương.

Họ cứ đi vòng tròn, đi mãi đi mãi, nhẩn nại, thống khổ, miệng xướng lên thứ âm thanh trầm, buồn nản. Đôi mắt luôn luôn nhìn xuống những ngón chân trần. Cho tới khi trời tang tảng, những ngọn hồng lạp trên chánh điện tàn lụi dần. Tiếng cầu kinh suốt đêm đó lâu lâu tôi lại nghe thấy một lần. Những lần trước tôi dễ ngủ, âm thanh như lời ru bất tận, kéo mí mắt tôi nặng trĩu sụp xuống. Khi tôi bừng mở mắt ra, trời sáng, tiếng cầu kinh tắt. Nhưng đêm nay, tiếng cầu kinh không ru tôi vào giấc ngủ, trái lại còn làm tôi nhúc nhối.

Tôi giở mình, xoay tròn trên chiếc giường rộng thênh thang. Ly cà phê đen đặc ở quán đầu Phú Nhuận hồi tối làm tôi tỉnh táo kỳ lạ. Tôi mở mắt thao láo nhìn lên đình mừng, tôi quán kín mền chỉ để hở đầu

Đêm mưa không khí se se lạnh. Tôi thấy lòng mình rộn rã, nghĩ bậy, ước ao bậy. Trong đầu óc tôi lúc này lộn nhốn những hình ảnh khêu gợi, phía dưới thân thể tôi nóng rần rần, những thớ thịt tự động rung lên. Tôi ép khít hai đùi vào nhau lăn tơi góc giường, ôm lấy cái gối kẹp vào đùi.

Tôi tự nhủ, tự trấn tĩnh mình không nghĩ đến nữa. Thật khó khăn, những hình ảnh khác chỉ mỏng manh như khói. Trời lạnh thế này nếu có một con nhỏ nằm bên cạnh? Phải, đúng con nhỏ đó, đôi chân thon dài, mũi cao và đôi mắt màu hạt dẻ. Con nhỏ ở cuối xóm, nó như đằm lại. Thỉnh thoảng tôi gặp nó đi rong trong xóm. Ngực và hông nó ngồn ngộn dễ sợ.

Tôi nhắm nghiền mắt, tự xỉ vả mình. Đồ đốn, nghĩ tầm bậy hoài.

Tiếng tụng kinh im bật, tôi mở bừng mắt nghe ngóng. Chỉ còn tiếng gió reo, tiếng mưa rơi rỉ rả. Ý tưởng bậy bạ bỗng nhiên bị phân tán nhanh chóng. Phải chăng những nhà sư đã dừng lại, họ không còn đi vòng tròn?

Những ngọn hồng lạp đã tàn lụi rồi chẳng? Buổi chiều tôi đã leo lên nóc nhà ngắm nhìn tứ phía, xem xét địa thế.

Tôi mua căn nhà gần được một năm, nhưng chưa lần nào tôi đi sâu vào trong xóm. Tôi đứng trên cao nhìn xuống, buổi chiều thật đẹp, nắng quái chiếu qua lá cây những luồng sáng vàng chói lói. Tháp thoáng sau rặng tre những mái lá tỏa khói lam êm đềm. Ngay đằng sau nhà tôi là một ngôi chùa cổ. Tôi nhìn thấy chiếc sân gạch rộng vắng bóng người. Gần đó có một ngôi nhà lợp ngói âm dương, tường đất. Ngôi nhà ẩn sau hàng chuối rậm rạp. Tôi nghĩ đến việc mở một chiếc cửa hậu, tôi sẽ được khudắt hoang. Thuê người dọn cỏ, quây hàng rào, tôi sẽ có một khu vườn. Hàng xóm vẫn nói đất đai ở đây vô tội vạ ai chiếm lấy miếng nào được miếng đó Tôi dự định làm theo họ.

Những đêm trăng sáng, tôi bắc ghế ra ngồi ở vườn sau hút thuốc lá, uống cà phê, ngắm phong cảnh. Mình phải thực hiện điều đó bằng được, chắc cũng chẳng tốn kém bao nhiêu.

Bên cạnh nhà tôi có một ngôi mã cổ xây bằng đá ong đỏ sộ, ngôi mã kiên cố như một cái thành nhỏ bỏ hoang, rong rêu mọc đầy. Những ngày mưa, những con ốc sên to không biết từ đâu bò ra, bám đầy trên rêu xanh.

Lọt vào trong sân nhà tôi, một chiếc mã khác, cũng bằng đá ong nhưng nhỏ hơn. Những phiến đá ong lỗ chỗ bị thời gian làm lún sâu xuống đất, chỉ còn chừa lại bốn cái cọc hình búp sen nhô cao.

Tôi từng thắc mắc về lai lịch hai ngôi mã đó.

Một tên bạn giang hồ, một lần đến nhà tôi, nhìn thấy ngôi mã bỗng reo lên:

- Nhà này có một kho vàng, kho báu vật.

Tôi ngạc nhiên, hấn chỉ vào ngôi mã:

- ở dưới này, chỉ cần bỏ một ngày công đào sâu xuống năm thước đất. Một gia tài khổng lồ chôn theo người chết chứ không ít.

Đêm đó, hấn ngồi uống rượu với tôi ngay trên ngôi mộ cổ, hoạch định một chương trình đại qui mô. Rồi những đêm sau nữa. Viễn tượng đào vàng mỗi lúc một lớn dần trong đầu tôi. Chúng tôi tưởng tượng ra một cuộc sống nhàn hạ phong lưu trong những ngày sắp tới. Đêm đêm ngồi uống rượu dưới trăng phỏ mặc chuyện đời.

Nhưng chuyện đó không bao giờ thực hiện được, người anh em tôi bị chết mất xác trong một trận đánh lớn ở miền đông. Kho vàng vẫn còn đó, và tôi vẫn tin như vậy.

Câu chuyện đào vàng đành gác lại. Khi đi làm, mỗi lúc bực mình với chủ, tôi vẫn thảm đê: "Đồ khốn, mấy ngàn bạc của mày chưa to đâu, con ơi! Chưa biết ngày nào ông đấm b... vào, ông về nhà đào vàng xài mệt nghỉ".

Tôi miên man với ý nghĩ ấy cho tới khi tiếng cầu kinh buồn bã lại nổi lên. Mưa vẫn không ngớt, bóng tối mông lung, tôi thấy chóng mặt vì hình ảnh các ông sư đi vòng tròn trong đầu.

Tôi thấy ý nghĩ mình kỳ quái. Tại sao tôi cứ phải nghĩ là những ông sư đi vòng tròn mới cầu kinh được. Tại sao tôi không nghĩ họ ngồi kiết già. Nhưng ý nghĩ tiên khởi cứ bám chắc lấy đầu óc tôi như những con ốc sên bám trên rêu xanh ngôi mộ cổ. Tôi mệt mỏi thiếp đi, hình

ảnh những ông sư áo vàng cầm thanh la, mõ, gõ nhịp đi vòng tròn luẩn quẩn trong đầu tôi suốt giấc ngủ mệt mỏi.

Khi tôi ra đi, người thợ hồ nói với tôi:

- Được thầy cứ yên tâm, chiều nay thầy về tới nhà là có cửa sau rồi.

Tôi còn dặn với, nửa đùa nửa thật:

- Anh phải làm cho xong, nội trong chiều nay, tôi về mà không có cửa là không yên với tôi đâu.

Anh thợ hồ cười nhe cả hàm lợi xám:

- Mà làm chi gấp vậy thầy?

Tôi nói không cần suy nghĩ:

- Hôm nay ngày rằm, tôi muốn mở cửa này để ngắm trăng.

- Chỉ có vậy thôi sao?

- Vậy thôi

Buổi chiều năm giờ tôi đã vội ra về. Chiếc cửa ra vào và cửa sổ đã hoàn tất. Tôi xoa hai tay khoan khoái. Tôi mở rộng cánh cửa sổ, gió lùa vào mát lòng lộng lộng. Tôi mở tiếp cánh cửa ra vào. Khu đất hoang hiện ra trước mắt. Buổi chiều thật đẹp, thật êm đềm trên những mái tranh tỏa khói lam. Ánh nắng chiếu lung linh trên lá cây như bụi kim nhũ, gió làm lay động lá cây la đà. Mặt trời xuống thấp làm mặt nước sông xa ánh vàng. Ngôi chùa vẫn vắng vẻ quạnh hiu, chiếc sân gạch Tàu rộng vắng bóng người.

Tôi bước ra hẳn ngoài cửa, gai cỏ chần lồi đi. Tôi cúi xuống vạch cỏ tìm chỗ đặt chân. Cỏ sắc xước vào da thịt tôi rát, xót. Không chừng còn cả rắn rết đang rình núp đâu đây.

Lối đi gập ghềnh, chắc chắn từ bao nhiêu năm nay không có ai đặt chân đến chỗ này. Một cái vấp đau điếng, tôi mất đà ngã trên cỏ. Những con kiến to bằng đầu đũa từ trên lá cây rụng xuống người tôi. Một vài con luồn nhanh vào cổ áo chạy lung tung trong ngực. Tôi dí tay đè nát chúng sau lần vấp.

Khi ngồi dậy, tôi nhìn thấy một phiến đá xô nghiêng. Chính nó làm tôi vấp ngã, ngón chân cái đau điếng. Tôi vạch cỏ, phiến đá được đeo gọt vuông vức, trôi một nửa lên mặt đất. Những hàng chữ khắc trên đá đã mòn nhưng còn đọc được. Một tấm bia. Tôi ghé sát đọc: Trần thị Nhan Sắc, sinh năm 1930, chết 1948.

Tôi đứng dậy, nghĩ bụng trong khu đất hoang này hẳn còn nhiều mồ mả khác. Tôi vén cỏ tìm tòi, khoảng nửa giờ sau tôi tìm thấy gần một chục ngôi mả. Ngót chục ngôi mả trong một khoảnh đất không tới năm mươi thước vuông. Toàn những người chết trẻ. Họ chết trong những năm 45, 48. Tôi đang đứng trên hài cốt họ, có những ngôi mộ không còn nắm.

Buổi chiều đang tàn, mặt trời chìm dưới lòng sông, tôi nghĩ thế, nó lặn xuống nằm ngủ yên lòng đáy nước mát mẻ sau một ngày vã mồ hôi. Tôi vẫn thường có những phút mơ mộng như trẻ thơ. Tôi đứng thẳng người, vươn vai. Tiếng những lóng xương sống kêu lắc cắc. Bầu trời sẫm màu dần, gió khua nhẹ lá cây rì rào, ánh nắng còn thoi thóp.

Tôi nhìn ra căn nhà sau rặng chuối, căn nhà vắng vẻ, hình như những người ở đó đều sống âm thầm. Tôi vạch lá tìm một lối đi nhỏ. Tôi nhìn thấy một khung cửa sổ trần song gỗ. Tôi vượt qua một rãnh nước đen ngòm, tới sát tường nhìn qua cửa. Căn nhà hoang, tường đất xiêu vẹo, có chỗ tường lở nhìn xuyên được ra sông.

Trên nền nhà bằng đất bừa bãi rác rưởi, những mảnh vải trắng, đèn cầy, vài cánh hoa héo. Hình như tất cả những rác rưởi đó còn mới, ai mới liệng ra vung vãi bồi đêm rồi. Căn nhà bao phủ không khí lạnh lẽo âm u.

Tôi phân vân, không có ai ở đây sao? Tôi nhíu mày, lắng nghe.

Có tiếng chân ai đó đang lạo xạo bước trên lá cây âm thanh đô không phải từ phía sau lưng tôi mà từ phía bên kia căn nhà, nơi mặt tiền nhìn ra sông. Rồi, một bóng người hiện ra, một lão già, chính lão già say rượu tôi gặp đêm rồi ngoài ngõ. Lão đứng nghiêng ngó vào nhà. Khuôn mặt lão tối, tôi chỉ nhìn thấy đôi mắt, mái tóc và những sợi râu bạc. Tôi đứng sát tường xem lão làm gì.

Lão nhìn đồng rác, đi thẳng vào nhà, đá tung rác rưởi.Đột nhiên lão bật ra một câu chửi thề:

- Đ M. hết trơn hà!

Có vẻ thất vọng, lão ra cửa, ngồi xuống thềm, quay lưng lại phía tôi, mặt hướng ra sông. Lão lẩm bẩm nói, giọng than vãn:

- Mới lai rai ba sọt hồi trưa mà ngủ dữ, nếu biết sớmđâu đến đỗi.

Lão nói xong, im lặng thật lâu. Lão ngồi như tượng đá. Lão gầy ốm, chiếc áo đen bện trên người bạc phếch.

Tôi nổi tính tò mò, muốn biết lão già tìm kiếm cái gì trong ngôi nhà hoang này giữa đồng rác rưởi bừa bộn kia.

Tôi rời chỗ nấp, bước thật nhẹ để khỏi gây tiếng động. Tôi lườn qua một khoảng tường vỡ nhẹ nhàng vào nhà, lão già vẫn không hay biết. Tôi gây một tiếng động nhỏ, lão già nghe ngóng nhưng vẫn không quay lại.

Tôi tăng hắng, lão già chồm lên, quay phắt lại đôi mắt trợn trừng khiếp sợ. Lão há hốc mồm nhưng như á khẩu. Tôi tiến tới, mỉm cười:

- Xin lỗi, tôi làm bác giật mình.

Về khiếp sợ vẫn hằn trên khuôn mặt già cõi:

- Ông... Ông... là ai? Vào đây lúc nào?

Khuôn mặt lão dịu dần, lão thở phào vượt ngực, bàn tay có những móng dài bản thủ, khô khan như rễ cây:

- Ông làm tôi hết hồn, gặp ông hoài toàn trong những mừng này, có bữa tôi đứt mạch máu chết tốt.

Tôi cười dễ dãi:

- Tôi cũng gặp bác hoài à, tôi tưởng bác không nhận ra tôi chớ?

Lão già đứng dậy:

- Người lối xóm mà, mới cũ gì tôi đều biết hết trơn.

Tôi nói "vậy hà " rồi ngồi xuống cạnh lão thán mật gọt chuyện:

- Chắc bác ở đây lâu lắm rồi?

Lão già nhìn ra sông, mặt nước sông buổi chiều óng ánh như tráng kim nhũ:

- Lâu lắm rồi, tôi không còn nhớ... à mà tôi sinh trưởng ở đây, lớn lên ở đây và rồi có lẽ cũng sẽ chết ởđây, như ông cha tôi vậy.

Giọng lão già trầm xuống, người lão tỉnh táo hơn bao giờ. Lão nói giọng lơ đãng:

- Nhà cửa trong xóm này mỗi ngày mọc lên một nhiều.

Lão giơ tay chỉ bao quát một vùng trước mặt:

- Ông biết không, ngày xưa nơi đây rậm rạp như rừng. ừ, đúng là rừng, những con rạch chạy ngang dọc khắp xóm. Dưới cù lao kia là bãi tắm voi, bên kia sông là bãi tắm ngựa, voi chiến, ngựa chiến. Vậy mà bây giờ...

Lão già bỏ lửng câu nói, đôi mắt lão nhìn xa xôi. Những ngón tay như rễ cây của lão tàn ngắn lồng vào nhau.

Lão bẻ lóng tay kêu lắc cắc:

- Máy giờ rồi ông?

Tôi không nhìn đồng hồ đeo tay, trả lời phỏng chừng:

- Độ sáu giờ, còn sớm mà.

Bỗng nhiên lão già hỏi:

- Ông ra đây làm gì?

Tôi chỉ ngược lại phía sau lưng:

- Nhà tôi mới mở cái cửa hậu, phía trước ồn ào quá nên tôi muốn ra phía sau yên tĩnh hơn.

- Hèn gì.

- Tôi muốn chiếm khu đất trống kia làm vườn để lâu lâu đêm sáng trăng ra ngồi nhậu đế.

Lão già bỗng cười rung những sợi râu bạc ở cằm:

- Ông cũng biết nhậu?

- Tôi nhậu hoài.

Lão già nói "vậy hả" rồi tiếp tục về khu vườn:

- Ông gặp toàn mò mả, phải không?

Tôi trả lời "đúng vậy" và nói không còn ý định làm vườn nữa. Giọng lão già tranh cãi:

- Không ăn thua gì, mình sống toàn trên xương cốt thiên hạ không. Ông tưởng cái nhà ông ở không có mả sao? Thiếu giống. Ngày xưa ở đây là một bãi chiến trường. ở đâu có hơi người là ma quỷ tự khắc đi hết.

Lão nhìn vào bức tường đồ nát của căn nhà hoang:

- Hồi trước căn nhà này có một gia đình hai vợ chồng và một đứa con trai nhỏ. Hai vợ chồng không phải người xóm này, họ ở đâu đến mua đất làm nhà ở đây. Người vợ trẻ và đẹp. Khi Tây càn quét vào đây cả gia đình bị bắt. Đứa bé bị chúng đập đầu vào mả đá kia tan sọ rồi xé tan xác. Người chồng bị trói ném nằm một xó, chị vợ bị đến mười lăm tháng Tây vừa đen vừa trắng hãm hiếp trước mặt chồng...

Đôi mắt lão già ánh lên nét kinh hoàng:

- Tôi còn nhớ như in mà, tôi nằm dưới đường mương kia, bên trên có lá bao phủ. Tôi nghe rõ tiếng rên la của người vợ, tiếng chửi bới của người chồng, tiếng cười man rợ của tụi mọi đen trắng. Cuối cùng cả hai vợ chồng bị chúng giết nốt. Tôi nghe rõ cả tiếng rú thất thanh của họ. Khi chúng đi khỏi, tôi mò lên, thật khiếp đảm ông ạ.

Lão già chỉ ngay chỗ tôi đang ngồi:

- Người vợ nằm chết ở đây, một nhát lưỡi lê rạch suốt từ âm hộ lên tới ức, ruột gan lòi ra cả đống, hai vú bị cắt ném ra góc nhà, máu lênh láng. Còn người chồng nằm chết gục ở kia, hai mắt bị khoét, cổ họng bị đâm nát bậy, khắp người bị băm ra, con cu cũng chẳng còn nguyên vẹn.

Tôi chặc chặc lưỡi, nói khiếp thế, dã man quá. Lão già nhìn ra một bụi rậm phía trước mặt:

- Tôi thương tình đào hố chôn họ ở bụi rậm đó, cả xác của đứa nhỏ nữa. Từ đó căn nhà này bỏ hoang, không ai dám đến ở vì có ma, nhiều người nói ban đêm họ thấy nhà này vẫn sáng đèn. Người chồng mặc bộ bà ba trắng đọc báo, người vợ ngồi cạnh may vá còn đứa con nhỏ lê la dưới đất. Cảnh tượng hết như khi họ còn sống.

Tôi thấy rợn khắp người, lão kể thản nhiên, bình tĩnh và chân thật:

- Căn nhà này bỏ hoang suốt từ đó đến nay, để thường gần hai chục năm, lâu lâu nhà chùa dùng một lần.

- Nhà chùa dùng làm gì vậy?

Bỗng nhiên lão già nhìn tôi hỏi:

- Đêm qua ông có nghe tiếng tụng kinh gõ mõ không?

- Có họ tụng kinh suốt đêm.

- Họ tụng kinh ở đây! Không phải ở trong chùa sao?

- Không, họ tụng kinh siêu độ cho một xác chết mang tới đây trước khi nhập quan, tụng kinh luôn cho những linh hồn uổng tử quanh đây.

Tôi thấy rợn tóc gáy:

- Ghê quá nhỉ, hồi đêm tôi nghe thấy họ tụng kinh hoài, tôi cứ ngỡ trong chùa cúng.

Lão già vẫn ngồi thản nhiên, tự lự nhìn ra khúc sông và bầu trời sẫm màu dần. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao lão già vào bời đống rác, có lẽ lão muốn tìm đồ cúng kiếng bỏ lại. Tôi chỉ đoán vậy thôi chớ không hỏi, tôi tránh làm lão phật ý.

Lão già đứng dậy, ngáp, vươn vai, nói:

- Gần tối rồi đó.

Tôi đề nghị mời lão ra đầu xóm nhậu. Lão cười, nhe hàm răng khắp khểnh chiếc còn chiếc mắt: "Số dách! "

Bóng tối phủ nhò nhò khuôn mặt lão làm những vết nhăn trên trán thêm sâu. Khi đi qua khu đất hoang, lão nói:

- Hồi cách mạng ở đây Việt Minh giết biết bao nhiêu người. Đêm đến họ đưa tội nhân ra ruộng bắc loa tuyên án rồi chém đầu. Chính tôi cũng bị giết hụt nữa.

Tới cửa tôi giữ lão lại, hỏi:

- Tại sao bác không bị chúng giết?

Lão cười hì hì:

- Mấy tướng tự vệ bắt nhầm tôi. Chúng đi bắt thằng Việt gian Nguyễn Văn Khôn nào đó, nè tôi tên Nguyễn Văn Khuâng, khi nghe đọc bản án thấy không phải tên mình tôi mừng hũm, tôi la chói lói kêu oan, chúng tính giết đại cho xong, may nhờ có thằng biết mặt tôi xin cho chớ không bây giờ tôi thành đất rồi. Mẹ, mạng người hồi đó rẻ như bèo, chúng muốn giết ai là giết hà. Tôi còn nhớ như in đêm hôm đó, tôi sợ đến đá ỉa ra quần. Nghĩ đến con dao mã tấu cùn tôi còn rợn ở ót. Có người chúng chém đến cả chục nhát không đứt đầu.

Đêm đến người trong xóm nghe tiếng loa đều nằm im không dám cựa, sau đó nghe tiếng thét hãi hùng của từng nạn nhân, tiếng chửi rủa. Ông biết họ chửi ra sao không?

Tôi lắc đầu. Lão già nhăn mặt, đôi mắt kinh hoàng:

- Đ M quân cướp cạn, mày chém tao một nhát cho chết đi. Trời ơi là trời Tiếng chửi rủa của cả chục người chớ không ít, dai dẳng cả tiếng đồng hồ. Ngày hôm sau dân ra xem, nhiều người chưa đứt hẳn đầu. Khiếp quá ông ơi? Rồi đến chính phủ Nam Kỳ Quốc, bọn tay chân chúng nó trả thù mới rùng rợn, cỡ Bắc kỳ như ông, chúng trùm bao bố đập đầu chết như đập đầu cá lóc.

Trời tối dần. Tôi mời lão vào nhà. Lão đứng lại trước hai cái mả đá, nói:

- Tôi biết hai cái mả này mà.

Tôi mời lão điếu thuốc lá. Tôi nói:

- Chắc mả ông tướng nào hồi xưa.

Lão già hỏi một câu bất chợt ngoài câu chuyện:

- Mình có đi nhậu không?

- Đi chớ, chờ tôi khóa cửa.

Tôi và lão già ra ngoài. Trời tối hẳn, gió mát hây hây.

Những đứa trẻ đang chơi, ngưng đùa nghịch. Chúng nhìn tôi, nhìn lão già. Chúng lên tiếng trêu chọc lão. Lão dừng lại nạt nộ, lũ trẻ càng cười dữ. Tôi ghét cay đắng lũ trẻ trong xóm. Nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn phải cười với chúng, xoa đầu chúng, đôi khi phải cho tiền để chúng khỏi phá phách. Tôi dừng lại rút mueri đồng đưa cho thằng lớn nhất bọn:

- Nè, cho tui bay, chia nhau.

Quả nhiên chúng buông tha chúng tôi. Chúng bu lấy đũa cầm tiền. Lão già vừa đi vừa nói:

- Con nít ở đây mất dạy quá trời!

Khi đi đến lòng hẻm sâu, hai bên tre mọc cao, một đứa con gái đi ngược chiều lại. Đứa con gái lai, có đôi chân dài, đôi mắt màu hạt dẻ và chiếc mũi cao. Nàng đứng lại, lão già cũng đứng lại.

Đứa con gái lên tiếng:.

- Tía đi đâu đó?

Lão chỉ tôi:

- Ông này mời tao đi nhậu, sao hôm nay mày về sớm vậy?

- Hết việc tía à.

Lão chỉ nàng giới thiệu:

- Con gái tui đó, hai cha con tui sống với nhau.

Đứa con gái nhìn tôi cười, hàm răng đều trắng bóng. Bóng tối loáng thoáng trên mặt nàng. Tôi nhìn nàng rồi nhìn lão già xấu xí. Nhan sắc nàng lồ lộ không có một nét nào giống lão. Nàng khoảng mười bảy mười tám tuổi. Và tôi chợt hiểu.

Tôi nói cho đỡ trống trải:

- Tôi gặp con gái bác đi trong xóm này luôn. Lão nói "vậy hả? Thiệt duyên kỳ ngộ". Lão kéo tay tôi đi, ngoái cổ lại dặn con gái:

- Lát để cửa tao "dia" nghe Đằm.

Nàng khẽ cúi chào tôi.

Khi nàng đi khỏi, lão già nói:

- Con nhỏ ngộ há ông, nó chưa chịu lấy chồng, nó thương tui lắm, nó không muốn lấy chồng xa. Lão quay lại nhìn tôi, cười một cách vô cớ:

- Tôi cũng ưng gả chồng làm ăn đàng hoàng cho nó.

Lão đi cạnh tôi, im lặng một lát. Lão nói:

- Sao ông chưa chịu lấy vợ?

Tôi nói:

- Tôi chưa ưng ai.

Lão nói:

- Ông kén quá!

Tôi im lặng cho tới khi bước chân vào quán nhậu chú Lì. Trời đã tối hẳn.

Lão già khà một tiếng sau khi nốc cạn ly đế. Lão dẫn mạnh cái ly xuống bàn gây một tiếng động nhỏ:

- Ngày xưa, khi loạn quân Lê Văn Khôi nổi dậy, chống lại quân triều đình ở vùng Gia Định này, chính ông cố nội tôi là lính của ngài. Thành Gia Định bấy giờ rộng lớn lắm, phải tính luôn cả Sài Gòn, Chợ Lớn bấy giờ.

Lão già nhìn ra ngoài trời tối, chỉ tay một vòng:

- Tất cả vùng này là thành trì của ông, quân triều đình phải dẹp mấy năm mới yên, nói ví thử ngài Lê Văn Khôi không chết sớm thì còn lâu quân triều đình mới thắng nổi. Ông cố nội tôi nói thế mà. Khi thắng trận, quân triều đình giết hại biết bao nhiêu là người dân vô tội, có đến năm trăm nghĩa sĩ tự sát chết theo thành. Mả nguy chôn dài dài khắp Gia Định. Còn hai cái mả đá trong nhà ông, tôi biết, ông cố nội tôi có kể lại tới ngày nay tôi còn nhớ rành rọt, vì tôi có kể lại nhiều lần cho bà con lối xóm nghe chơi. Tôi tiếp đồ nhậu vào chén của lão, rót thêm rượu:

- Bác biết rõ thiệt sao?

Men rượu làm lão sừng sừng, tiếng nói của lão trở nên lè nhè:

- Vậy ra "chú nghĩ tôi không biết gì ráo trọi? Thăng này ở đây lâu quá rồi mà, mấy thứ vật đó mà không biết thì biết cái gì.

Tôi vỗ về lão:

- Tôi đâu có định nói thế, tôi chỉ là thứ sinh sau đẻ muộn...

- Khả khả chú em ăn nói đàng hoàng hết sức vậy đó tôi càng ưng gả con gái cho chú. E, bà con, chú này là thằng rể tương lai của tôi đó. Bảnh hôn, bà con?

Lão già cười rung cả chòm râu bạc. Những người trong xóm cũng cười theo, họ nhìn tôi.

- Con gái anh mà lấy được chồng chịu ăn nhậu như vậy là phước. Nhậu tỉnh chớ không nhậu say như anh.

Chú Lì vừa chặm đế vào xì vừa nói đùa. Lão già vỗ tay đen đét vào đùi cười rầm rĩ:

- Không ngờ về già tôi sướng ta, số được nhờ con gái.

Bỗng nhiên lão nắm tay tôi:

- Con ơi con, con ở đâu tới đây để nên duyên chồng vợ trong cái xóm hẻo lánh này. Con xứng đáng lắm, con là dân Bắc kỳ phải không? Ngày xưa ngài Lê Văn Khôi cũng là dân Bắc Kỳ, ngài có cọng rau muống lòng thông ở lỗ đít, con có không?

Mọi người cười cái rầm, tôi ngượng chín người. Cũng sừng sừng men rượu, tôi nói mạnh luôn:

- Con gái bác ở đâu lạc vào xóm này?

Nó là đồ nhập cảng ở bên Tây, một thằng lính Lê Dương nhập cảng vào vợ tao, vợ tao đẻ ra nó, nó lại là con tao. Đồ Tây "o-li-din" quí lắm chớ bộ. Vậy mà tao nuôi nó bằng giá sống đó. Hà, hà, duyên kỳ ngộ. Tao không đòi gì hết, vợ chồng mà chỉ cần cho tao mỗi ngày một bữa nhậu xoàng. Tao sẽ làm vườn cho mày, sửa nhà và trông con cho mày. Vậy thôi. Tôi nói dứt dặt vậy đó, có bà con đây làm chứng.

- Nhưng con gái bác không ưng tôi thì sao?

- Ừng, ừng liền, nó chịu mày hết sức vậy đó, nó có nói với tao.

Tôi hoang mang:

- Nói với bác hồi nào vậy?

- Nó nói mày là người đàng hoàng, dân thầy chú. Nó mới nói với tao mấy hôm rày.

- Vậy đâu đã chắc cô ấy ừng?

- Ừng là cái chắc, tao rành đời mà mày, nghe nó nói cái, tao hiểu liền, tao biết nó để ý đến mày, tại sao nó không nói gì đến những thằng khác trong xóm. Nhưng con gái nó đâu có nói ra miệng, tâm lý mà mày. Mày khù khờ vậy thì biết bao giờ mới có vợ. Tao cho mày ba ngày o nó. Nó xinh đẹp vậy mà chưa xứng với mày sao, hay mày khi bố con tao nghèo?

Tôi xuống giọng an ủi lão:

- Đâu có chuyện đó, tôi cũng biết điều mà bác, chỉ bởi tại tôi khù khờ.

Lão cười khà khà khoái chí tử. Lão uống rượu tràn cung mây.

Những người nhậu lai rai ra về, tôi và lão già vẫn ngồi uống. Lão nói huyền thuyên từ chuyện nọ sang chuyện kia. Lão trở lại chuyện ngôi mộ đá trong nhà tôi:

- Một đêm kia, hồ tướng Phan Nhà của ngài Lê Văn Khôi đang ngồi uống rượu ngắm trăng với phu nhân thì quân vô báo có bọn quân binh triều đình tới khiêu chiến dưới thành. Tướng quân Phan Nhà nổi giận, bóp nát ly rượu trợn mắt quát: "Cha chả là tức, đêm hôm khuya khoắt bọn gà chết còn muốn đánh nhau, vậy để ta ra xách vài cái đầu về cắt tai nhậu chơi". Nói xong, tướng quân xách đao nhảy lên ngựa không thèm mặc giáp trụ. Ngài không quên dặn phu nhân hâm rượu nóng chờ ngài về cùng vui. Đơn thương độc mã ngài phóng như bay ra trận tiền. Quân trên thành giục trống trợ oai hùng. Qua giờ tí, ngài phóng ngựa trở vào thành, trên cổ ngựa treo lủng lẳng đầu lâu, trong đó có cả đầu tướng địch. Ngài vừa cười ha hả vừa phóng ngựa như bay.

Khi phu nhân nhận thấy chồng về thì tất tả ra đón. Ngài ngồi trên ngựa ngựa mặt nhìn trăng cười ha hả, ném đầu quân địch xuống cho ba quân xem. Dứt hồi cười, ngài té nhào xuống ngựa. Lúc đó mọi người mới nhận ra ở lưng ngài ghim một mũi tên, máu chảy ướt đầm chiến bào. Ngài nhìn quân tướng xung quanh mím môi trợn mắt nói: "Ta buồn vì không bị địch giết mà bị chính quân nhà, trong bọn người có kẻ bội phản, tiếc cho chí lớn của ngài Lê Văn Khôi, ôi mộng bá vương..." Đôi mắt ngài dịu lại khi nhìn thấy phu nhân, phu nhân khóc nức nở. Tướng quân Phan Nhà buồn bã: "Phu nhân ơi, ở lại ta đi, mộng lớn của ta đến đây là dứt". Nói rồi ngài nhắm mắt, hơi rượu vẫn chưa hết.

Lão già khà tuôn miệng, lão chóp chép. Tôi hỏi:

- Sao bác biết chuyện đó?

- Ông cố nội tao phục vụ dưới trướng ngài, chính ông chứng kiến. Tao nghe chuyện này đến thuộc lòng. Thiệt là một dũng tướng có một không hai.

Lão hớp thêm ly rượu nữa:

- Sau khi chôn cất xong, phu nhân thương nhớ chồng cũng tự tử chết theo, vẹn tình vẹn nghĩa. Khi đó ngài Lê Văn Khôi còn sống, chôn cất hai người cạnh nhau để sống làm chim liền cánh, chết làm cây liền cành. Đó chính là hai ngôi mộ đá trong nhà mày hiện nay.

Tôi thắc mắc:

- Nếu tôi không làm thì sau khi thành Gia Định bị phá, quân binh đến nhân dân trong thành đều bị tàn sát, đến độ mà ông Lê Văn Duyệt, bố nuôi của Lê Văn Khôi cũng bị khai quật tội thì ông cố nội của bác làm sao sống được để kể lại chuyện này.

Lão già đặt ly rượu xuống bàn:

- Một ổ kiến ai có thể giết được hết không bỏ sót con kiến nào, ông cố nội tao sống sót như con kiến, trốn chui trốn nhủi ở vùng này, riết thành quê hương luôn.

Tôi gật đầu nói "có lý, có lý". Đêm khuya dần. Trăng sáng vàng vạc ngoài nghĩa địa. Những cây thập tự giá trắng toát dưới ánh trăng bạc. Tôi và lão đi nhau về. Trên con đường gập ghềnh lão lè nhè hát: Như chim liền cánh, như cây liền cành... Tới một khúc quanh bỗng nhiên lão hỏi tôi:

- Mày nghĩ sao lại mua nhà tuốt tận trong xóm này?

Tôi nhìn con đường gập ghềnh thấp thoáng bóng trăng:

- Tôi nghe nói ít lâu nữa chính phủ sẽ phóng một con đường qua xóm này, đâm ngang từ đường Chi Lăng sang Tân Định, căn nhà của tôi sẽ có giá trị vì ở ngay cạnh lộ.

- Thiệt vậy sao?

- Thiệt mà.

- Con đường chúng ta đang đi đây xưa là đường của voi chiến đi tắm, vùi đi riết thành đường cho người

Lão già đưa mắt nhìn khắp vùng:

- Đâu có ai ngờ xưa kia nơi đây từng là bãi chiến trường, sông máu núi xương, nơi đây vợ con tao đã chết, bao nhiêu người đã chết. Ngày xưa loạn quân Lê Văn Khôi... Hai chục năm trước là bưng biền của Việt Minh, ma quỷ đã hoành hành ở đây... Tao biết nhiều quá bao nhiêu là biến cố, bao nhiêu là thay đổi... Đọ, đọ tao lại nghe thấy tiếng loa rồi... Tao không muốn chúng trở lại đây, mà thấy đó, hết đất chôn rồi.. Tao cũng cần một nắm mồ...

Lão già lắc đầu liền liền, giọng lão trở nên hỏn hển và nét mặt kinh hoàng:

- Tao cứ uống rượu vào là nghe thấy tiếng loa, kỳ quái thiệt.

Lão già từ giã tôi, lão đi xuống con dốc, ở đó thừa thớt cây cối. Tôi nhìn theo, bóng lão mờ dần dưới ánh trăng bạc. Tiếng nói của lão vắng vắng từ miệt ruộng cạnh bờ sông vọng lên: "Tên Việt gian Nguyễn Văn Khôn là kẻ đại gian đại ác, để xây dựng cách mạng, nhân dân tuyên án chặt đầu kẻ phản bội". Từ hai mươi năm nay, tiếng loa cứ sống mãi trong đầu lão già hằng đêm.

Tôi chợt liên tưởng đến những nhát mã tấu chém xuống, những tiếng thét hãi hùng. Sáng ngày hôm sau người ta nhìn thấy những cái đầu chưa lìa khỏi cổ. Bất chợt tôi đưa tay sờ cổ và rung mình. Tóc gáy tôi dựng đứng. Con đường sáng bạc ánh trăng mù mù sương đêm. Bóng lão già kỳ quái đã mất tăm. Đêm chuyển mình trong tiếng đại bác từ phương xa vọng về. Rượu ngấm. Tôi hoa mắt ôm đầu chệnh choạng trở về Tôi nghe như có tiếng sắt thép khua động đầu đây, tiếng mã tấu xé gió vụt xuống. Tiếng thét hãi hùng. Tôi lao đao gục ngã dưới chân dốc. Tôi mơ hồ cảm thấy móng tay mình cào xuống đất lạnh.